VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

hai mươi năm văn học việt nam hải ngoại
thái tú hạp song thao ngụ thuyết
chính thống và phi chính thống
nguyễn thế việt
gresham trong sử học
tạ chí đại trường
từ hải có chết đứng hay không?
tạ quốc tuấn

dung nhan
mai kim ngọc
chị ấy, ở phía sau
trần doãn nho
truyện
nguyễn hữu trí hàn song tường hồ minh dũng
nguyễn quý đức duy khang
thơ
ngũ an hồ minh dũng trần minh hiền hải phương
luân hoán nguyên phong triều hoa đại trần hoài thu
tạp ghi
nguyễn quốc trụ nguyễn huy thạch

SỐ 125 • THÁNG 9 NĂM 1996

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Biên Tập: Nguyễn Mộng Giác
Nguyễn Xuân Hoàng
Mai Kim Ngọc
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper, Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris,
FRANCE
Phone: 45-831-912

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: 102435.3524@compuserve.com
Phone: **(714) 894-8535**
Xin lưu ý: Bắt đầu từ tháng 7.1996, zip code Văn Học là 92842,
thay thế zip code cũ 92642

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 125 ● tháng 9, 1996

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
NGUYỄN THẾ VIỆT	3	chính thống và phi chính thống
TẠ CHÍ ĐẠI TRƯỜNG	12	gresham trong sử học
NGỮ AN	20	bạn bè xưa
TẠ QUỐC TUẤN	22	từ hải có chết đứng không?
HỒ MINH DŨNG	29	*soi gương*
NGUYỄN MẠNH TRINH	30	phỏng vấn thái tú hạp
VĂN HỌC	47	tiểu sử, phỏng vấn
SONG THAO	48	âm vang ngàn sóng
VĂN HỌC	57	tiểu sử, phỏng vấn
NGỰ THUYẾT	58	câu chuyện của nó
TRẦN MINH HIỀN	67	*tự họa*
MAI KIM NGỌC	68	dung nhan
HẢI PHƯƠNG	87	*nghĩ về mẹ, em, biển...*
TRẦN DOÃN NHO	88	chị ấy, ở phía sau
LUÂN HOÁN	97	*vẫn thấy mẹ về trong giấc mơ*
NGUYỄN HỮU TRÍ	98	mưa đêm
HÀN SONG TƯỜNG	103	nắng đã tàn rồi
NGUYÊN PHONG	109	*ru em mùa hạ*
TRIỀU HOA ĐẠI	110	*mùa hạ ở biển daytona*
HỒ MINH DŨNG	112	nước non ngàn dặm
TRẦN HOÀI THƯ	121	*mai em về*
NGUYỄN QUÍ ĐỨC	122	lão thầy tây
DUY KHANG	125	vượt biển
THẠCH HÃN dịch		
NGUYỄN QUỐC TRỤ	141	tạp ghi bên lề thơ...
NGUYỄN HUY THẠCH	147	ghi chép
VĂN HỌC	154	tòa soạn và bạn đọc
VĂN HỌC	155	giới thiệu sách mới

Copyright by authors and Văn Học, 1996
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1996

Thư Tòa soạn

Trong thư tòa soạn số 74 tháng 6.1992, sau một thời gian trì trệ do ảnh hưởng của những biến chuyển chính trị trong nước và thế giới, Văn Học xác định trở lại vai trò của mình: "Một diễn đàn văn chương của người Việt hải ngoại, phản ảnh đời sống tinh thần của người Việt hải ngoại. Vì là diễn đàn của người Việt hải ngoại nên Văn Học đặt ưu tiên những vấn đề của đồng bào hải ngoại, đó là căn cước, là yếu tính, và nếu Văn Học có đóng góp được gì cho sinh hoạt văn hóa của dân tộc Việt Nam nói chung, thì phần đóng góp cũng phải từ chỗ đứng đó."

Hồi đó, lời xác định này có làm cho một số bạn văn và bạn đọc băn khoăn, xem chủ trương của Văn Học như một cách tự cô lập, không muốn dính dáng tới những sinh hoạt văn chương trong nước cũng như những cuộc tranh luận cam go về chính trị đương thời.

Bốn năm đã trôi qua từ bước ngoặt quan trọng ấy. Lòng từng người trầm tĩnh lại, những mơ ước lãng mạn nhường chỗ cho thực tế. Không nói ra, nhưng có một số bạn văn âm thầm công nhận vị trí của mình cuối cùng vẫn là vị trí một kẻ ở ngoài đất nước. Cho nên đặt ưu tiên cho mục tiêu văn chương là những vấn đề của chúng ta - những người Việt vì nhiều lý do đang sống xa quê hương - như chúng tôi đã đặt ra bốn năm trước đây càng ngày càng được nhiều bạn văn và bạn đọc đồng ý.

Điều đó hiện rõ ở phẩm chất và số lượng những bài vở xuất hiện trên Văn Học và các tạp chí văn chương khác. Những tranh luận chính trị hằn học và vô bổ hầu như thưa thớt hẳn đi, nếu có cũng không được mấy ai quan tâm. Người viết trở về lại với chính mình, đời sống của mình, đời sống những đồng bào đang sống tha hương như mình. Văn chương trầm lắng hơn, và một khi văn chương tách ra khỏi những tiếng la tiếng hét dung tục, nó sẽ làm được đúng công việc cố hữu của nó.

Văn Học tin rằng chúng ta đã tìm lại được chỗ đứng thích hợp cho mình.

Văn Học

Chính thống và Phi chính thống*

Nguyễn Thế Việt

Khái niệm phi chính thống và chính thống của tư tưởng thuộc phạm trù ý thức hệ. Trước khi xuất hiện mô hình xã hội dân chủ pháp trị, các khái niệm này nhằm phân biệt giữa một bên là tư tưởng thống trị xã hội, được tuyên truyền và bảo vệ bởi cơ chế thống trị hiện hành và một bên khác là tư tưởng đối kháng hoặc khác biệt xuất hiện một cách tự phát hoặc có tổ chức của nhân dân nằm ngoài tầm kiểm soát của cơ chế chính thống.

Mối quan hệ giữa hệ tư tưởng và cơ chế thích ứng trong lý do tồn tại khởi nguyên của chúng ta là mối quan hệ giữa mục đích và phương tiện. Hệ tư tưởng tự thân nó chỉ có tiềm năng làm bùng nổ những cuộc cách mạng xã hội nhằm hiện thực hóa những mục tiêu dự đoán. Tiềm năng này chỉ có cơ sở thực hiện khi nào có một tổ chức xã hội vì nó, nghĩa là phải có một cơ chế thích ứng như là phương tiện để giải quyết những vấn đề xã hội của hệ tư tưởng.

Nói cách khác, hệ tư tưởng tự thân nó sẽ không là gì cả, nếu không được một cơ chế thích ứng quảng bá, thuyết phục hoặc cưỡng bức sự chấp nhận của số đông. Tập hợp lực lượng nhằm giành quyền lực thống trị và chính thống hóa hệ tư tưởng là mục tiêu quan trọng nhất của cơ chế thích ứng trong giai đoạn chuyển tiếp. Để đạt được điều này việc độc tài hóa cơ chế thích ứng, tập trung quyền quyết định đối với số đông trong tay một thiểu số người đặc biệt đã trở thành thông lệ của lịch sử các giai đoạn chuyển tiếp. Khái niệm độc tài nếu chưa bị nhuốm sắc màu chính thống tha hóa thì cũng chỉ nhằm diễn đạt một trong những hình thức thống trị xã hội trong giai đoạn chuyển tiếp. Đó là hình thức tập trung quyền lực và đề cao trách nhiệm cá nhân trước lịch sử.

Tuy nhiên, cơ chế thích ứng khi đã được định hình thành một tổ chức có quyền lực, thành một thực thể sống thì nó tồn tại với những quy luật nội tại độc lập với ý đồ của các nhà tư tưởng đã sáng lập ra nó. Từ chỗ chỉ

là phương tiện của hệ tư tưởng, thực thể sống này tìm mọi cách thích nghi để kéo dài lý do tồn tại của chính nó. Quá trình chính thống hóa hệ tư tưởng theo hướng có lợi cho chế độ độc tài là dấu hiệu phản bội đầu tiên của cơ chế chính thống đối với hệ tư tưởng đã sản sinh ra nó. (1) (2) Những cá thể nhân danh đại diện cho cộng đồng và nắm được trong tay quyền lực vô biên không dễ gì sẵn sàng chấm dứt vị trí quyền lực hấp dẫn kia một khi kết thúc giai đoạn chuyển tiếp.

Và thế là họ tìm cách cắt nghĩa sao cho giai đoạn giao thời kéo dài ra vô tận để hợp pháp hóa lý do tồn tại của chế độ độc tài. Đó là lý do vì sao có sự cắt xén và xuyên tạc kinh điển xảy ra một cách khá phổ biến trong các thời đại lịch sử. Quá trình chính thống hóa Khổng Nho theo hướng ngu trung và sự đề cao một cách cực đoan quan hệ huyết thống của các triều đại phong kiến hậu kỳ là những ví dụ điển hình. Những đồ đệ phản bội của chủ nghĩa Mác còn tiến xa hơn là biến ông thủy tổ của mình thành lá chắn cho sự tồn tại phi lý của chế độ độc tài. Hệ tư tưởng và cơ chế thích ứng đến đây đã có sự hoán vị chức năng: chế độ độc tài như là một phương tiện của giai đoạn chuyển tiếp đã được hợp thức hóa thành mục đích và hệ tư tưởng từ chỗ là mục đích đã trở thành phương tiện thuần túy.

Các khuynh hướng phê phán chủ nghĩa Marx mấy thập niên gần đây ở Việt Nam dù khác nhau về phương pháp và trình độ tư duy, khác nhau về xuất phát điểm của "lập trường" và động cơ phê phán nhưng cùng giống nhau trong cách lựa chọn đối tượng phê phán. Ngoại trừ một số trường hợp đặc biệt (chúng tôi sẽ có ý kiến riêng), các khuynh hướng phê phán chủ nghĩa Mác thường lấy việc chỉ trích những sai lầm của cơ chế thích ứng làm dẫn chứng để phán quyết lý do cáo chung của hệ tư tưởng. Xét theo hình thức tư duy, dường như chẳng còn phải nghi ngờ gì nữa một khi cơ chế thích ứng đã không "kham" nổi hệ tư tưởng thì ắt hẳn là hệ tư tưởng sai. Thực ra, mối liên hệ giữa hệ tư tưởng và cơ chế thích ứng là mối liên hệ nhân quả nhưng không phải hiểu theo nghĩa giản đơn. Vạch ra được mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau và tính độc lập tương đối giữa hệ tư tưởng và cơ chế thích ứng sẽ là phương pháp tiếp cận khoa học để hiểu đúng quá trình, lý do nẩy sinh và diệt vong của chúng.

Trên thế giới đã và đang xuất hiện ngày càng nhiều những công trình khoa học chỉ ra được các mâu thuẫn nội tại trong cấu trúc của hệ tư tưởng Mácxít (3). Nhưng đó lại là một phạm vi khác của đề tài; vấn đề tác giả bài viết này quan tâm là cần phải tìm hiểu vì sao sự độc tôn trở thành một định mệnh không sao tránh khỏi đối với những dân tộc đã trót rơi vào quỹ đạo của hệ tư tưởng Mácxít; mặc dù ngay cả Marx, kẻ khai sinh ra học thuyết cũng từng khiêm tốn thừa nhận rằng học thuyết của ông cũng chỉ là

một trong những con đường tìm tòi chân lý và cũng có thể sai. Thực ra mầm mống độc tôn đã có lý do nẩy sinh từ bên trong cấu trúc khép kín và chối từ đối thoại của những nguyên lý vốn được coi là "hòn đá tảng" của chủ nghĩa Mác. Cắt nghĩa tiến bộ xã hội bằng đấu tranh giai cấp, cổ động bạo lực của "tầng lớp tận cùng của xã hội" đứng lên "đào mồ" chôn những kẻ giàu có; chưa hết, ông còn cân nhắc thiệt hơn hộ những kẻ "tận cùng": "Họ chẳng mất gì ngoài xiềng xích quanh mình. Đổi lại họ được cả thế giới" (4). Không còn nghi ngờ gì nữa đó là lý do để các thế hệ môn đồ hậu sinh Marx dựng lên bức màn sắt chính thống để đẩy bất kỳ ai muốn đối thoại nghiêm chỉnh sang hàng ngũ "kẻ thù" để dễ bề đàn áp. Từ chỗ độc tôn (hệ tư tưởng) sang độc tài (cơ chế thích ứng) là một mối liên hệ nhân quả không sao tránh khỏi.

Như trên đã nói, cơ chế thích ứng được sinh ra nhằm mục đích thực hiện những mục tiêu gần và xa của hệ tư tưởng. Mối liên hệ nhân quả nguyên thủy đó không cần phải bàn cãi. Tuy nhiên, khi đã được hoàn thiện như là một bộ máy, một thực thể sống thì vì lý do tồn tại của nó, những mối liên hệ nhân quả mới nẩy sinh: - Mối quan hệ chẳng hạn giữa mục đích xa và quyền lợi sát sườn, mối quan hệ giữa các cơ chế thích ứng trong cùng một hệ thống ý thức hệ chính thống. (Sự liên minh theo quan hệ phe phái thường thấy trước đây). Những mối liên hệ nhân quả "mẹ" này lại sinh ra tiếp những mối liên hệ nhân quả "con" để rồi từ đó bộ máy cai trị dần dần được hoàn thiện theo hướng xa dần chức năng nguyên thủy của nó như một quy luật tất yếu.

Nguyên nhân bao trùm nằm trong đặc thù cấu trúc của cơ chế độc tài, một loại cấu trúc không có đối lập. Trong cơ chế này những kẻ trực tiếp nắm quyền lực vừa có quá nhiều quyền vượt lên trên luật pháp, lại vừa bị giới hạn tối đa vào những quy định, những "niệm", "luật" của chính thống. Trong cơ chế đó, một vị tổng bí thư có thể quyết định những vấn đề liên quan đến quyền sinh sát đối với vận mệnh của cộng đồng với điều kiện là quyết định đó phải phù hợp với những thông lệ của chính thống hoặc nhân danh chính thống. Ngoài giới hạn này vị tổng bí thư cũng chỉ là một kẻ bất lực. Lâu nay ta vẫn quen nghe những lối lập luận xét đoán nhân cách cá nhân trong phương pháp phê phán những người lãnh đạo trong hệ thống cộng sản nhưng lại không thấy được rằng cá nhân trong cơ chế cộng sản chỉ được phép "vùng vẫy" trong "cái ao" chật hẹp của chính thống. Nếu ai muốn thoát ra khỏi "cái ao" tù hãm đó mà biểu hiện ra ngoài thì đó cũng đồng thời là sự cáo chung vị trí quyền lực của họ trong cơ chế chính thống.

Cũng như mọi thực thể sống khác, phản xạ tự vệ của cơ chế chính

thống rất nhạy cảm trước những "độc tố" độc hại đối với cơ chế. Bởi vì cơ chế đó đã hoàn thiện được bộ máy giám định để phân định ranh giới giữa chính thống và phi chính thống. Trong cơ chế đó, phụ họa với chính thống là "ta", khác biệt với chính thống là "địch." Một công thức giám định ngắn gọn và dễ hiểu.

Chức năng giám định về mặt lý thuyết của cơ chế cộng sản nằm trong tay các trường đảng Mac-Lenin các cấp (gần đây được đổi tên thành học viện...)

Ban văn hóa tư tưởng chuyên giám định những biểu hiện của chính thống và phi chính thống của tư tưởng trong nội bộ cũng như bên ngoài để hoạch định sách lược đối phó thích ứng. Ngoài ra có vô số những cơ quan chức năng nhằm chính thống hóa hệ tư tưởng trong công chúng như mọi người đã biết.

Dường như ai cũng dễ nhận ra một nghịch lý trớ trêu là những tiêu chí để phân định chính thống và phi chính thống thậm chí ngay cả hệ tư tưởng được coi là chính thống càng ổn định bao nhiêu thì càng tụt hậu xa với tiến bộ xã hội bấy nhiêu. Kinh điển Marx từ một trước tác khoa học được thần thánh hóa lên thành một loại tín ngưỡng của đám đông tai hại chẳng khác gì cái vòng kim cô trên đầu Tôn Hành Giả. Tâm lý nô lệ kinh điển, sợ đối thoại, tự dối mình và lừa người nẩy sinh một cách phổ biến. Các khoa học xã hội phải tồn tại lao đao trong bức màn sắt chính thống. Đó là lý do vì sao trong một cơ chế độc tôn hoàn thiện đến như thế lại thường xuyên phải đối phó vất vả với sự nẩy sinh ngày càng nhiều, càng mạnh của khuynh hương tư tưởng phi chính thống từ phía những người trung thực và dám có gan chịu trách nhiệm trước chính kiến của mình.

Tuy nhiên việc dị ứng với tiến bộ xã hội của cơ chế chính thống không nên cắt nghĩa giản đơn một chiều vì lý do trí tuệ mặc dù có không ít những sai lầm của cơ chế nẩy sinh từ sự dốt nát, ấu trĩ của những người cầm quyền. Nếu chỉ vì lý do trí tuệ thì cách khắc phục những sai lầm cũng thật đơn giản, nghĩa là chỉ cần tìm căn nguyên từ lý do nhận thức. Tiếc rằng trên thực tế những bài học lịch sử chua xót thường tái diễn trong hệ thống cộng sản lại không phải có căn nguyên từ lý do nhận thức. Chính vì vậy, sự phê phán hệ thống lý thuyết và cơ chế của hệ thống cộng sản từ phương diện trí tuệ là một cách tiếp cận đúng nhưng chưa đủ. Quả không ít những nhân vật lịch sử có tầm cỡ trong hệ thống cộng sản có đủ phẩm chất trí tuệ để phân định được tiến bộ và phản tiến bộ. Ngay cả những nhân vật đó vẫn cam chịu sự phản bội lại trí tuệ của mình vì sự ràng buộc của hàng loạt những mối liên hệ nhân quả phức tạp khác một khi chiếc ghế chức quyền của họ còn nhân danh chính thống.

Chính vì thế sự xuất hiện của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống với tư cách là đại diện cho trí tuệ, cho tiến bộ xã hội lại thường bị dập tắt vì lý do chính thống. Các cơ quan chức năng chuyên giám định tư tưởng từng nhân danh chính thống để trừng trị "bọn" gián điệp, tay sai trong nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm (5), trừng trị "bè lũ" xét lại chống Đảng đứng đầu là Hoàng Minh Chính (6), (7), (8)... Đó là những vụ án tày đình còn kéo dài dai dẳng đến nay như công luận đã biết. Nhẹ hơn nữa thường là những án quyết về tội lệch lạc tư tưởng hoặc bị bọn xấu lợi dụng thì khó mà kể hết. Những ai đã bị cơ quan chức năng ban cho cái giám định tư tưởng "đen tối" kể trên thì nếu không vào tù ra tội thì suốt đời cũng không bao giờ ngóc đầu lên được. Đó là tiếng sét giữa thanh thiên bạch nhật, giữa trời quang mây tạnh giáng vào đầu những kẻ "ngoan cố". Đó là cái án chung thân với những bức tường nhà tù hữu hình và vô hình đối với "bọn cặn bã của xã hội". Quả thật, những ai đã trót mang án "chống Đảng" thời đó thì chẳng khác gì kẻ mắc bệnh hủi giữa cõi người. Người ta lảng tránh bọn "Nhân Văn", bọn "Xét lại" đã đành, người ta còn "tởm lợm", từ chối quan hệ với cả đám con cháu, họ hàng ruột thịt của họ. Đó chính là "sức mạnh vô địch" của chính thống trong bức tranh xã hội đen tối của chế độ cộng sản trong những thập niên trước.

Trong bối cảnh đen tối đó, dường như là một nghịch lý, khuynh hướng tư tưởng phi chính thống không những không bị dập tắt vì bạo lực và quyền uy mà lại ngày càng sinh sôi nẩy nở. Bọn "ương bướng gàn dở" theo nhãn quan của chính thống cứ vẫn xuất hiện và "chọc gậy" vào "bánh xe lịch sử". Từ một Phùng Quán ngạo nghễ đòi "khắc văn trên đá"... đến một Việt Phương dám đối mặt với chính thống: Trăng Trung Quốc tròn hơn trăng nước Mỹ. Đồng hồ Liên Xô tốt hơn đồng hồ Thụy Sĩ... và sau này là hàng loạt văn nghệ sĩ phản kháng... chứng minh rằng lịch sử đã không lười biếng như những thói quen nô dịch tư tưởng. Những tiên đoán của các nhà nghiên cứu khoa học như Hà Sĩ Phu, Hoàng Ngọc Hiến, Trần Quốc Vượng, Nguyễn Kiến Giang, Lữ Phương... đã và đang trở thành hiện thực. Không còn nghi ngờ gì nữa, mặc dù thường xuyên bị cơ chế chính thống đàn áp, khủng bố, tư tưởng phi chính thống đang từng bước được chính thống hóa trong lòng xã hội Việt Nam ngoài ý muốn của những kẻ cầm quyền bảo thủ, ngoan cố.

Nếu như vào những thập niên 50, 60 việc nhân danh chính thống để đàn áp và thủ tiêu triệt để tư tưởng đối lập của cơ chế thống trị ở miền Bắc

Việt Nam diễn ra khá dễ dàng suôn sẻ thì sau năm 75 tình hình lại không còn xảy ra một cách đơn giản như thế nữa. Lẽ ra sau chiến thắng bằng bạo lực, cơ chế chính thống càng dễ dàng phô trương thanh thế của mình trong một đất nước không còn đối lập. Nhà cầm quyền đang thắng thế đã lặp lại phương pháp bạo lực trong việc chính thống hóa tư tưởng, nhưng lần này phương pháp bạo lực đã không giúp họ gặp may một lần nữa. Vô hiệu hóa sự tồn tại của hàng trăm ngàn tướng lãnh và công chức của chế độ cũ bằng lao động khổ sai và nhà tù là điều chẳng mấy khó khăn đối với kẻ thắng trận trang bị đầy đủ vũ khí với kẻ bại trận trắng tay sau năm 1975. Tuy nhiên, việc vô hiệu hóa những di sản văn hóa, những giá trị tinh thần của kẻ chiến bại lại không thể cũng đơn giản như thế. Trên lĩnh vực này phương pháp bạo lực thô lỗ đã không đạt được mấy hiệu quả khả quan. Sau những vụ truy cướp, thiêu hủy hàng trăm tấn sách vở, băng hình (trong đó có không ít những tuyệt tác nghệ thuật, những biên khảo khoa học có giá trị...) mà kẻ thắng trận kiêu ngạo đặt tên cho là sản phẩm văn hóa đồi trụy, cơ chế chính thống vẫn không thực hiện nổi chiến lược diệt trừ tận gốc tư tưởng đối lập. Sự tha hóa của đại bộ phận công chức, tướng lãnh thắng trận trước những cám dỗ của cái gọi là lối sống xa hoa trụy lạc ở các thành phố lớn sau năm 1975 là dấu hiệu của những bước lùi, những thất bại rõ rệt của lối sống khắc kỷ cộng sản. Chỉ sau một thời gian ngắn, những người dân miền Bắc không những chỉ quen xài tivi, tủ lạnh, xe máy, nhà lầu, mà còn thích nghi xài cả "nhạc ngụy", "phim Mỹ, Hồng Kông..." Sự thay đổi lối sống sớm hay muộn sẽ kéo theo sự chuyển hóa tâm lý xã hội và ý thức hệ.

Sau sự sụp đổ dây chuyền của hệ thống cộng sản ở Đông Âu và Liên Xô cũ, một mắt xích quan trọng trong những mối liên hệ nhân quả của cơ chế thích ứng đã bị phá vỡ. Đó là mối liên hệ phụ thuộc lẫn nhau trong các cơ chế chính thống cùng hệ thống cộng sản. Mối quan hệ Việt - Trung "môi hở răng lạnh" đã được kết liễu trước đó bằng một cuộc chiến tranh biên giới đẫm máu. Sự kết thúc vai trò chính thống của chế độ độc đảng ở Đông Âu và Liên Xô cũ đã chấm dứt thời kỳ được nuôi dưỡng bằng viện trợ để rồi lệ thuộc về chính trị trước đây của cơ chế thống trị hiện hành ở Việt Nam. Trong cái rủi, nhà cầm quyền đã tìm được cơ may: Từ nay họ không còn bị phụ thuộc vào chính thống với tư cách là một hệ thống cơ chế thích ứng và ràng buộc lẫn nhau như trước. Khó khăn mới của họ là sự lựa chọn giữa một bên là làm thế nào để tiếp tục giữ vai trò chính thống của cơ chế một khi lý do tồn tại của nó đã cáo chung và một bên là sự mạnh dạn đoạn tuyệt với chính thống để đứng hẳn về phía tiến bộ xã hội

như là một xu thế thế giới mới.

Trong bước ngoặt lịch sử đó sự lựa chọn con đường "leo dây" nước đôi của cơ chế hiện hành là một kiểu lựa chọn dễ hiểu. Một mặt họ vẫn tiếp tục phô trương nhân danh chính thống để dằn mặt khuynh hướng tư tưởng phi chính thống. Mặt khác họ âm thầm quay lưng lại với chính thống trên nhiều lĩnh vực, nhất là trên lĩnh vực kinh tế và ngoại giao nhằm bằng mọi giá thích ứng để tồn tại. Tuy nhiên đây là một kiểu thích ứng không sòng phẳng nên họ đã và đang bị những sự phản kháng chính đáng từ phía phi chính thống. Khác với mức độ của nhóm Nhân Văn - Giai Phẩm và các xu hướng phản kháng trước đây, khuynh hướng tư tưởng phi chính thống hiện nay không dừng lại ở mức độ phê phán những biểu hiện tiêu cực hoặc tha hóa của cơ chế mà là tấn công thẳng vào bản chất bất hợp hiến của chế độ độc tài và độc tôn. Về văn học nghệ thuật, những tác phẩm của nữ văn sĩ đảng viên cộng sản Dương Thu Hương đã vạch trần sự sụp đổ tất yếu của ý thức hệ và cơ chế độc tài cộng sản ("Những thiên đường mù", "Tiểu thuyết vô đề"), những nhà văn tài năng như Nguyễn Huy Thiệp, Bảo Ninh, Phạm Thị Hoài... mỗi người một cách khác nhau đã góp phần hạ bệ thần tượng chính thống. Nhà hoạt động chính trị, nhân vật giữ chức vụ cao trong đảng cộng sản Trần Xuân Bách đã chính thức công bố tham luận từ bỏ lề lối cai trị độc tài để tiến tới một xã hội dân chủ đa nguyên. Nhà nghiên cứu khoa học mang bút danh Hà Sĩ Phu đã công bố chuyền tay bài báo nổi tiếng: "Cùng dắt tay nhau đi dưới tấm biển chỉ đường của trí tuệ." Có thể coi bài báo này như là một sự tấn công triệt để về phương diện lý luận đối với chính thống. Trước tình hình đó các nhà lãnh đạo đã nhận ra một nguy cơ không dễ dập tắt bằng vũ lực kết hợp với vu khống như giai đoạn trước đây, đó là nguy cơ của quá trình chính thống hóa những tư tưởng phi chính thống đang diễn ra hàng ngày hàng giờ trên đất nước vốn có quan hệ thù địch về ý thức hệ từ khi Mỹ bỏ cấm vận.

So với những thập niên trước, những án quyết của cơ quan chức năng nhân danh chính thống để chụp mũ những ai khác chính kiến hiện nay đã không tìm được sự đồng thuận của công chúng và của ngay những đảng viên trung thực trong bộ máy lãnh đạo của đảng cộng sản. Sự xuất hiện của những Nguyễn Trung Thành (7), Đỗ Trung Hiếu (9), Lê Hồng Hà (8)... đã báo hiệu sự cần thiết phải chấm dứt lối chụp mũ với những ý đồ chính trị đen tối nhưng lại nhân danh công lý, nhân danh chính thống. Câu đồng thanh của các cháu thiếu niên: "Chúng cháu lạy bác Chính ạ" lúc ông Hoàng Minh Chính bị bắt gần đây là một cách tỏ thái độ của công chúng đối với những thủ đoạn bạo lực phi lý của cơ chế (10).

Dường như là một nghịch lý, khi chính quyền hiện hành quay lưng lại với chính thống, trên nhiều bình diện họ đã đồng hóa và thích nghi dần những quan điểm then chốt của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống. Từ chiến lược ngoại giao không phân biệt ranh giới ý thức hệ đến việc thừa nhận những quy luật của kinh tế thị trường, thừa nhận nhiều thành phần kinh tế trong đó có kinh tế cá thể và chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất thì rõ ràng là những nguyên tắc kinh điển chính thống đã bị vô hiệu hóa. Tuy nhiên, càng xích lại gần những quan điểm chính trị của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống, nhà cầm quyền hiện hành càng tìm mọi thủ đoạn đàn áp, chụp mũ những ai công khai thể hiện chính kiến ủng hộ phi chính thống (11), (8), (9). Đó là một nghịch lý dễ hiểu. Nếu chịu khó quan sát sự thể hiện có tính đồng bộ đó trên các phương tiện tuyên thông chính thống, ta sẽ thấy đi đôi với việc tưởng tượng ra kẻ thù đang dùng thủ đoạn diễn biến hòa bình là chiến dịch dần mặt khuynh hướng công khai dân chủ. Việc đẩy những đảng viên trung kiên của đảng cộng sản trước đây sang hàng ngũ "kẻ thù" vào những thập niên 50, 60 lại tiếp tục tái diễn. Trong đơn khiếu nại gần đây (18-7-1995) ông Lê Hồng Hà đã vạch trần sự gian manh "lừa dối Đảng" của những kẻ thủ phạm và đồng lõa nhân danh Đảng để trù dập một cách oan ức các đồng chí của mình trước đây cũng như hiện nay (8). Đến đây tác giả bài viết thấy cần nhắc lại một so sánh thú vị của ông Hà Sĩ Phu: "Tôi hình dung ra một cảnh tượng như sau: Cả đoàn người đang đi trên một con đường lớn gặp ghềnh thì một tốp người tách ra, đi quay trở lại, vào rừng tìm hướng đi mới, vì nghe nói phía ấy có "rừng mơ" bạt ngàn. Tốp này tuyên bố ly khai thành một phe riêng, thách thức "ai thắng ai", vì tin rằng mình có sứ mệnh phá con đường cũ để mọi người phải giác ngộ mà đi cả về phía "rừng mơ". Nhưng đường mới càng đi càng mờ mịt, càng đi về miền hoang vu. Biết mình lầm đường, những người "da trắng" trong tốp ly khai này bảo nhau làm động tác "Đằng sau quay" để trở lại đường cũ, và đương nhiên phải chấp nhận sự "xáo trộn" là người đi đầu trở thành người đi cuối. Nhóm "da vàng" của tốp "ly khai" không chấp nhận sự xáo trộn ấy, ban lãnh đạo nhóm nghĩ ra một kế: cứ coi như đường vẫn đúng, phải giữ hàng ngũ và tiếp tục đi "thẳng" nhưng mỗi ngày lượn cong thêm một chút, cuối cùng quỹ đạo vẫn thành vòng tròn, vẫn trở về đường cũ mà không cần "đằng sau quay" (12). Như thế là đã rõ. Con đường đi đến văn minh không thuần túy chỉ cần trí tuệ. Những lý do đối đầu về ý thức hệ được thổi phồng lên một cách muộn màn như đã thấy hiện nay của cơ chế chính thống không che giấu nổi thực chất bên trong của vấn đề. Điều đáng nói hơn là trong nhận thức của nhân dân và những thành phần cấp tiến trong bộ máy cầm quyền.

Điều đáng nói hơn là khuynh hướng tư tưởng phi chính thống đang thâm nhập dưới nhiều hình thức phong phú và đang dần dần được chính thống hóa về phương diện nhận thức cũng như thực tiễn. Nỗi sợ hãi và cam chịu của nhân dân sẽ mất đi khi nào họ có một chỗ dựa mới, một quan niệm mới về tiến bộ xã hội. Đó cũng đồng thời là thời cơ cho sự thay đổi triệt để, sự chuyển hóa toàn diện của tư duy mới từ vị trí phi chính thống trở thành "chính thống".

CHÚ THÍCH:

1- *"Tôi là bác sỹ của riêng Mao"* (Lý Thế Túy, Trung Quốc) - Thiện Chí từ số 26/3-1995)
2- *"Tờ trình bí mật của Krupsep về Stalin"* (Tủ sách nghiên cứu 1994, Paris)
3- Điều đáng chú ý là những công trình nghiên cứu về lý do cáo chung của chủ nghĩa cộng sản đáng quan tâm gần đây lại xuất hiện ở Đông Âu và Liên Xô cũ là nơi trước đây không lâu giới trí thức dường như câm lặng. Cắt nghĩa hiện tượng này nhà nghiên cứu Mihajlo Mihajlov có bài báo nổi tiếng "Tại sao chúng ta lại câm lặng?"
(Phan Tấn Hải chuyển ngữ, Hợp Lưu số 11 tháng 6&7-1993)
4- *"Tuyên ngôn đảng cộng sản"* (K. Marx - F. Engels)
5- *"Der Prozess Nhân Văn - Giai Phẩm"*... (Vietnam forum N2 und 3 Dezember 1994 - Februar 1995)
6- *"Vụ án xét lại chống đảng..."* (Trần Minh, Nguyễn Thị Xuân Hòa, Hoàng Trọng Nghĩa - Thiện Chí số 27-28-1995)
7- *"Cuộc gặp mặt giữa Nguyễn Trung Thành và Đỗ Mười"* (Thiện Chí số 32/9-1995)
8- Tài liệu về vụ "Xét lại chống Đảng: Đơn khiếu nại của ông Lê Hồng Hà" (Thông luận 86, Tháng 10-1995)
9- *"Thống nhất phật giáo Việt Nam"* - Đỗ Trung Hiếu (Quê Mẹ số 133, tháng 5&6-1995)
10- *"Vụ án Hoàng Minh Chính đi về đâu?"* - Thiện Tâm, kèm theo "Quyết định khởi tố bị can" - Đại tá Phạm Chuyên ký (Hy Vọng, 6 và 8/1995)
11- *"Tình yêu và cuộc sống"* - Nguyễn Hộ
12- "Đôi điều suy nghĩ của một công dân" - Hà Sỹ Phu

* Đăng lại theo bài "Vai trò của khuynh hướng tư tưởng phi chính thống & vấn đề dân chủ hóa xã hội VN trong giai đoạn hiện nay" đã in trong Tia Sáng (Đức) số 29/ 1996, với chấp thuận của tác giả.

Gresham trong sử học

Tạ Chí Đại Trường

Trong các bài viết rải rác, với tính cách một sử gia nội hóa, tôi có nhận định là trong thời đại khoa học vùn vụt tiến bước vậy mà các sử phẩm Việt Nam vẫn có dáng như của vương triều nay nối tiếp vương triều xưa, vẫn những lời tán rộng vài quyển sử căn bản xưa chen vào vài dòng bình phẩm kiểu Xuân Thu như *Việt Sử Tiêu Án* (thế kỷ 13), vẫn còn chịu áp lực nặng nề của những tư tưởng bình dân được chập chùng ghi lại trên sách báo đủ thành một thứ truyền thống ngoại-khoa-học lan ảnh hưởng qua vài sử gia Âu Mỹ - ít nhiều gì cũng choáng ngợp trước cuộc chiến ba mươi năm vừa qua nâng thêm lòng cả tin của họ và bớt đi tinh thần duy lý được đào tạo từ căn bản. Hiện tượng trên nổi bật lên dưới chế độ cộng sản với quan điểm sử viết là để phục vụ chế độ, Đảng (Văn Tạo, viện trưởng Viện Sử học VN) khiến các quan chức sử ngày nay còn thua cả các sử quan ngày xưa đã có gan ngăn không cho Lê Thánh Tông xem mình từng viết những gì về các diễn biến nối tiếp trong đó hẳn có phần về ông vua thông thái, đầy quyền lực này.

Thật ra thì người cộng sản chỉ dựa vào quyền uy mà khai thác cao độ khía cạnh phục vụ của cả một nền tảng quan niệm có sẵn, bình thường về vai trò của sử sách đối với chế độ đương quyền. Ai nắm quyền trong tay cũng thế thôi, chỉ có khác là quyền lớn hay nhỏ đã khiến cho áp lực đối với người viết sử, đối với nhà khoa học trở thành nặng nề, đe dọa hay chỉ phớt qua - mà vẫn có hiệu quả - khiến cho người phát biểu, ghi chép lẩn tránh, bảo toàn được thân xác, tư cách của mình. Ông Nguyễn Hiến Lê đã cho ta một bằng chứng về vài dòng trong quyển *Lịch Sử Thế Giới* của ông động chạm đến lịch sử Công giáo của giới lên chân thời ông Diệm, một thứ Công giáo bảo thủ có cội rễ xa tận đất Tây Ban Nha thời đuổi quân Maures Hồi giáo và đất Pháp thời kèn cựa với các phái Tin Lành, lại bắt rễ trên một vùng xưa cũ của nước Việt. Cũng vậy, trên một xứ nổi tiếng tự do như nước Mĩ vẫn có những ngăn cấm và áp lực cản trở việc giảng dạy

thuyết tiến hóa ở học đường dù rằng thuyết tiến hóa không phải chỉ là của Darwin (nói giản dị: ông tổ loài người là vượn chứ không phải ông Adam), dù rằng thành quả của các nhà cổ sinh vật học, cổ nhân học tuy còn nhiều lhoảng trống nhưng vẫn khó bài bác - và điều quan trọng là có mở hướng cho kiến thức mới chứ không phải chỉ đi vào ngõ cụt.

Sử gia là người, người của một nước, một khu vực, một thời đại với những nhận định về quá khứ ít nhiều phải khuôn nắn trong giới hạn của các yếu tố ràng buộc đó. J. Chesneaux khi bàn về phương pháp luận đã chú ý tới hiện tượng gọi là những nền sử học quốc gia phải được lưu tâm trong khảo sát. Tất nhiên đối với những quốc gia dung chứa những ý kiến khác nhau, nhất là với thời đại thông tin giao tiếp toàn cầu, ta gặp những sử gia khác nước nương tựa ý kiến của nhau - hãy nhìn các thư mục của sách - hay có khi đem cảm tình vào nước mình khảo sát, chọn quan điểm của sử gia nước đó, có lẽ do rơi rớt của một thứ mặc cảm tội lỗi vì làm dân nước thống trị trước kia. Tôi đã đọc một bài điểm báo - không thể nào làm khác hơn - về sách (?) của một giáo sư đại học Pháp cũng chê Gia Long tàn bạo, đã man khi tận diệt con cháu nhà Tây Sơn, đào mồ anh em họ, xiềng xương cốt trong nhà giam. Than ôi, ông đó đã quên vị trí sử gia của mình! Không đào mả mới là chuyện bất bình thường. Chuyện ông Tả Ao kể rằng khi bảo con cháu khiêng mình đến cái huyệt - chắc là sẽ phát vương tướng nên ông không chịu dặn trước - nhưng thấy không kịp bèn chỉ ngay một huyệt bên đường, tạm cho con cháu hưởng huyết thực trong làng, còn hơn là không có gì hết. Không đào mả anh em Tây Sơn, không tận diệt dòng đó, lỡ chúng nó trên nền đất phát đế vương lại nổi dậy làm vua đến muôn đời con cháu mai sau còn gì! Chê người xưa nhưng người nay là thế nào khi giận ghét ông giám mục đem Tây về nhà, đào mả ông ta phá mất cả một công trình tuy nhỏ bé nhưng là cuả người dân Việt đầu thế kỉ 19? - và ông quận ủy chỉ dấu vết viên đạn hồi Tết Mậu Thân trên cổng Phi Long bảo rằng "Di tích lịch sử là đây!" Di tích lịch sử của Đảng không chịu nổi với thời gian mưa nắng mươi mùa nhưng đây chính nghĩa nên hơn hẳn các công trình lăng tẩm của nhà Nguyễn đáng thù ghét.

Quốc gia của những cựu chế - hay tiếp nối rơi rớt dưới những hình thức mới - chứa đầy những lời xưng tụng các tầng lớp trên. Quốc gia của thời kì giao tiếp quốc tế thì đầy những giằng co cũng nguy hiểm cho người viết sử vì sức mạnh bảo thủ tuyệt vọng hoặc hung hãn, cùng với những bắt chước hời hợt được coi là khoa học, tiến bộ, ở đó tha hồ các tư tưởng dung tục chen vào tung hoành. Truyền thống ghi chép sử *có tổ chức* của vua quan xưa đã mất, nên mới có những quyển sử đã xuất hiện hay vẫn nằm trong bản thảo của các ông công chức già về hưu, của người

đương chức, có bằng cấp (ngoại sử học) hay của những người không là gì hết ngoài bộ áo veste đôi kính trắng... Những sản phẩm xuất phát từ đây lại củng cố quan niệm dung tục về lịch sử dân tộc, quốc gia vốn được dễ dàng chấp nhận bởi số đông, lâu dài thành ra truyền thống và ảnh hưởng tạo ra tính cách một nền sử học quốc gia như ta hiểu theo J. Chesneaux. Quần chúng kể về số là đông đúc nhưng kể về tầm mức thì chỉ có thể đặt vào số trung bình nếu không muốn hạ thấp xuống nữa. Người xuất sắc, sử gia xuất sắc là kẻ cựa quậy ngoi được lên khỏi sự trì níu có khi thực sự có khi ảnh hưởng trong vô thức của số đông mà trung bình đó. Nổi bật trong tình hình cuộc chiến giành độc lập vừa qua là một tinh thần dân tộc chủ nghĩa, dân tộc quá khích mơ ước Việt Nam thành một trung tâm thế giới của nhà chính trị bắt nguồn từ và ảnh hưởng đến những người bàn luận sử coi Việt Nam là một trung tâm của loài người, của khu vực rộng lớn hơn biên giới hiện tại sâu vào trong tít mù của thời gian.

Tinh thần ấy cũng ảnh hưởng đến những người Việt xa xứ, bên lề cơn bão mà cũng muốn nhảy vào cơn lốc. Không phải chỉ những học giả Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cố công đắp lại xương cốt, tạo dựng da thịt, mặc áo rộng đội mũ miện đi hia cho vua Hùng của nhân dân 4000 năm về trước mà không lưu ý rằng con số đó gần đúng với thời gian Ngô Sĩ Liên đẩy họ Hồng Bàng vào chính sử, còn với người thời nay thì phải sửa lại là gần 5000 năm (văn hiến). Không phải chỉ có "những sử gia bất chợt" Việt Nam Cộng hòa tán rộng công trình nghiên cứu của Miền Bắc mà còn có triết gia Kim Định bắt cây cầu ông gọi là "huyền sử" (ông hiểu rõ nghĩa chữ nà) nối cho người ta tin tưởng dấn bước trên đất bằng chặt chịa của quá khứ dân Việt trùm lấp một cõi Á Đông, chèn lấn dân Hán trên lục địa Trung Hoa, xô dân hải đảo rơi xuống biển. Hà đồ Lạc thư, Việt Nho, cái đình làng...biến Phục Hi, Khổng tử thành những tên ăn cắp soán đoạt, tất cả có vẻ như khai triển từ một vài luận điểm sơ sài của chàng lãnh tụ Lí Đông A Nguyễn Ngọc Thanh ngông nghênh có óc quân phiệt nay được bồi đắp bằng ngôn từ triết Tây dồi dào, triết Đông bí hiểm một cách dụng tâm, và một mớ kiến thức khoa học nhân văn chắp vá.

Người ở xa cũng tham gia vào cái vòng thiên la sử học quốc gia ấy một cách tự nguyện hồn nhiên hơn. Trong quyển *Histoire du Viet Nam des Origines à 1858* (Sudestasie 1981), tuy in ấn lôi thôi nhưng bề thế công phu hơn quyển cũ (1955),ông L2 Thành Khôi chia sẻ cái hào hứng "Hùng vương dựng nước, Bác cháu ta giữ nước (xã hội chủ nghĩa", ý tưởng trình bày không có vẻ quá quắt nhờ ngôn ngữ khác nhưng giá có ai dịch ra tiếng Việt thì không thể nào tránh được các từ "nhân dân', "quần chúng", "chiến tranh du kích", "bóc lột"...có trong đó. Từ sự chia sẻ tâm

thức về quá khứ oai hùng của dân tộc, ông không dám bỏ thành Cổ Loa ra khỏi bóng mát của ông An Dương vương Thục Phán để nghi ngờ đây là kiển thành (thành kén) của Mã Viện, mà lại còn chen vào niềm sĩ diện của Nho gia Việt chê tên Triệu ẩu (mụ già họ Triệu) đeầy tính miệt thị để lấy tên trung liệt Triệu thị Trinh, và cho Hai Bà Trưng nhảy xuống sông Hát tự tử chứ không để cho Mã Viện chặt đầu. Ông này còn dè dặt chấp nhận nhà nước Văn Lang bắt đầu vào khoảng thế kỷ thứ 9 trước Công nguyên trong *Việt Sử Lược*, nhưng ông Nguyên Phuc Long (in không có dấu chữ Việt) trong một bộ bách khoa toàn thư đồ sộ của Pháp lại nồng nhiệt yêu nước hơn khi nối kết nhà nước sơ khai đó với cỗi rễ của thời đá cũ đá giữa, còn trong thời kì có sử thì nhà Lí trong thế kỉ thứ 11 đã dựng một ngọn tháp đơn độc ở Ngô Xá cao đến 100 m (tính theo 30 trượng của sử cũ) mà không chịu so sánh với hệ thống Borobudur (Java) chỉ có hơn 50 m, không chịu nghĩ rằng tháp cao như thế hẳn còn mỏng manh dễ đổ hơn cây nhang cắm trên bụng ông Thổ địa ngồi ở góc hè! Ông còn bảo hoàng hơn vua vì trong lúc đó chính các nhà khảo cổ học VN cũng không dám nối kết vhủ nhân nền văn hóa đá mới Bắc Sơn với dân Lạc VIệt thần tử của các vua Hùng Văn Lang.

Người ta đã đem cả tinh thần khoa học tiếp thu trong bao nhiêu năm (hay đã không tiếp thu được bao nhiêu?) chôn vùi dưới tinh thần ái quốc cực đoan thành thử có thể không nghe lời nghiêm cấm của ông Phạm Huy Thông mà cũng bước vào tinh thần chống "chủ nghĩa khách quan" bằng tâm tình tự nguyện của mình. Bằng chứng khoa bảng thật từ các trường đại học Tây phương đem lại uy tín của các phát biểu của họ nhất là đối với những người trong nước chống Tây mà vẫn sợ Tây, sợ cái gì của Tây. Sai lầm hẳn không phải từ cố ý. Chuyển ngữ (Anh, Pháp) mà họ sử dụng càng giới hạn ảnh hưởng sai lầm, sự tranh luận nếu có hẳn cũng xảy ra trong vòng từ tốn, nếu có giận dỗi chắc chưa đến nỗi mày tao mi tớ...

Bằng cớ khoa bảng giả thì lại khác. Bằng cớ khoa bảng dùng giả cũng lại khác. Thời thế đã đẩy một mảng Việt Nam Cộng hòa ra ngoài biển khơi - "đi được thì con nuôi má, không được thì con nuôi cá hoặc má nuôi con" - tấp vào các lục địa khác có nền văn minh kĩ thuật cao cấp để người Việt di tản phát huy đến cao độ cái tốt cái xấu của mình. ít ra thì cũng có điểm nổi bật của di dân Việt trên đất Mĩ so sánh tương đối với các dân tộc đến trước hay đông thời. Dân Ý đem vào Mĩ từ mafia, dân Trung Hoa mang tiệm chạp phô theo và lẽ tất nhiên biến thành thương xá lớn kiểu Phước Lộc Thọ cho người kém thế kém tiền bạc thuê mướn lấy tiền, và nhường bảng hiệu cho kẻ tham bề nổi. Vì vậy. thêm một lẽ không có gì khác đưa ra, dân Việt nổi bật với báo chợ, thơ thẩn triết lý văn nghệ văn

gừng trong khi Đại Hàn khoe Huyndai, Samsung, củ nhân sâm. Hãy nghĩ nếu trước kia một nhà in nhỏ với khoảng ba phòng lớn chứa mươi lăm thợ sắp chữ, anh thầy cò, thợ in report, phơi bảng kẽm in ốpxét với máy móc so với thời đi tản có sẵn một bộ phận sắp chữ trong computer, cái hộp in với mấy dây điện lằng nhằng, tất cả để vừa trên bàn giấy mà đủ in khoảng 500 bản cho một đầu sách - số bản in sách khoa học xã hội cho 70 triệu dân trong nước - thì hẳn có tuyệt đối số người Việt lưu vong đi làm rồi chờ weekend, thấy tháng ngày đều đặn nhàm chán đến nỗi hai bà công nhân cùng line nhìn nhau riết đâm đố khùng làm náo loạn cả sở: "Nó nhếch mép chọc giận tui!" "Nó chửi thầm tui!" Vậy là có sách báo để ông bạn ham đọc ôm vào sở nghe các đồng sự ngoại quốc nhăn mặt: "Sao mày chịu khó đọc các quảng cáo vậy?"

Ngày xưa ông học giả văn-học-sử-Hai-Bà-Trưng chỉ đủ xuất hiện ở một phần trang tư báo Chính Luận, còn bản thảo vẫn nằm trong cặp và hình như gần đây ông lại la cà nơi các bàn đánh máy mướn bày ra thời đổi mới. Trên đất Mĩ nhờ sự thuận tiện in ấn đã nói và tiền oen-phe, các loại sử viết bằng cái tâm - nồng nhiệt tin tưởng có, ồn ào hung hăng cũng không thiếu - đã phô bày trên kệ sách. Tâm tình lưu vong vốn nhạy cảm vì tác động của những biến cố kinh hoàng hay thê thảm mới xảy ra ngay rong đời đương sự. Bởi vậy khi nghe nói "viết bằng cái tâm" thì không ai dám cãi. Phiền một nỗi cái tâm đáng khen của cá nhân ấy lại muốn trở thành chân lí và tích tụ lại thành chân lí thật.

Trong thời đại mới, quần chúng được đề cao đến tuyệt đối để các ông lãnh tụ xếp hàng người thành những tập hợp centurion, legion đóng khố cầm gươm ôm súng xốc tới chống kẻ thù bên ngoài - hay đặt thành bên ngoài như khi ông Mao lập Hồng vệ binh để giải quyết tranh chấp nội bộ. Niềm hãnh diện làm "quần chúng" ấy cũng được những người chống đối khai thác, tuy bất chợt, lạc lõng hơn nhưng cũng ồn ào đe dọa dễ sợ. Bởi vì quần chúng trước khi được sử dụng với tính cách giai cấp tranh đấu cũng đã từng được lưu tâm với ý nghĩa số đông bình dân làm nên lịch sử trong sự đóng góp ngầm ở nền tảng, mà với thời đại dân chủ đề cao, các học giả Việt Nam phải lưu ý tới. Từ các thế kỉ trước, không biết có tác động của mối giao tiếp với Tây phương hay không, mà các nho sĩ đã tập hợp các ca dao phong dao - hình như cũng có gợi ý từ Kinh Thi xưa cũ được học từ lâu nhưng không được "liên hệ thực tế" (VN). Cho nên Phạm Quỳnh viết bằng tiếng Pháp (Le Paysan Tonkinois et les Chansons populaires), Nguyễn Bách Khoa có *Kinh Thi Việt Nam*, Dương Quảng Hàm đưa cả một phần riêng biệt văn chương bình dân vào quyển sách giáo khoa của mình. Sai sót không có gì quan trọng nếu chỉ đứng về mặt

thể loại, chưa bàn đến khía cạnh lịch sử. Lầm lạc sẽ đi quá xa khi tinh thần dân tộc chủ nghĩa chen vào sự a dua của quần chúng. Người ta cứ lượm lặt những câu lục bát vô danh rồi bảo đấy là của bình dân sáng tác, không thấy rằng trong những buổi hát hò đối đáp ở lễ hội đã có những thợ "gà" thơ vốn là nho sĩ lạc đệ hay cả các ông quan trí sĩ còn xuân. Và có khi tác giả còn sống sờ sờ mà câu lục bát (cứ nghĩ là đặc điểm của văn chương bình dân) vẫn được gán là ca dao. Ông Bàng Bá Lân trong thời kì dạy chúng tôi (1955) đã kêu lên về câu "Hỡi cô tát nước bên đàng, Cớ sao múc ánh trăng vàng đổ đi" của ông bị đẩy vào tài sản chung để làm bằng cớ về tính giàu xúc cảm sáng tạo của quần chúng vô danh.

Rồi đến lượt các sử gia - nhiều người đã nổi tiếng. Họ đư anhững câu đại loại "Chồng cày vợ cấy con trâu đi bừa" như chứng dẫn về sự nhịp nhàng trong sinh hoạt văn hóa nông nghiệp cổ truyền của VN - có căn bản từ thời Hùng vương dựng nước. Không bằng cớ nàovững chãi hơn khi lấy chứng dẫn từ phát biểu của bình dân để nối kết với khía cạnh kinh tế xã hội của nền văn minh lúa nước khai thác đậm tinh thần dân tộc bắt đầu từ giả thuyết của P. Gourou (Les Pays Tropicaux, 1946), tiếp nối với M. Dufeil (giảng khóa Đại học Văn khoa Sài gòn 1957-1958) giải thích tại sao các vùng nhiệt đới thường không có một nền văn minh nổi bật hay có cũng không tồn tại lâu dài như trường hợp văn minh Maya ở Trung Mĩ: nắng nhiệt đới làm đất bị laterí-hóa khô bạc dần trong khi Việt Nam trồng lúa nước ngăn chặn được sự tác hại đó nên giữ được một nền văn minh kéo dài cả hai ngàn năm (1).

Chứng cứ về ca dao tục ngữ thường thiếu sự dè chừng về yếu tố lịch sử - đáng tiếc lại xuất hiện ở sử phẩm. Các học giả Pháp của trường Viễn Đông Bác Cổ đã làm công việc thu thập lớn về những sách vở chữ Hán cũ trong thời kì bỏ khoa cử, nho học tàn tạ khiến sách thành giấy bôi, lồng đèn, nan quạt...(kiểu ra vỉa hè Miền Nam sau 1975, lần này vì nọc độc văn hóa). ở đời chẳng có gì là toàn vẹn. Xin thì chẳng ai cho nhưng tìm mua thì người ta đua nhau làm đồ giả. Vì thế mới có quyển *Lĩnh Nam dật sự* cho là của đời Trần mà trước 1975, Phủ Quốc vụ khanh Sài gòn còn in lại, hẳn với niềm hãnh diện ta đã có truyện dài văn xuôi từ thế kỉ 13, quên rằng mãi đến 1719 mới có *Nam triều công nghiệp diễn chí* của Nguyễn Khoa Chiêm và cuối thế kỉ 18 là *Hoàng Lê nhất thống chí*, cả hai đều là lịch sử kí sự dài hơi, viết bằng văn xuôi bắt chước lịch sử tiểu thuyết của Minh Thanh.

Lầm lạc đó từng chuyển qua một cuốn sách khác: có thời người ta cho Gia huấn ca của thế kỉ 19 viết bằng lục bát suôn sẻ là của NGuyễn Trãi mà không chịu ngó ngàng gì đến các bài thơ Nôm với ngôn từ trúc

trắc của vị đại công thần này. Bình dân, theo ý thức nịnh bợ, được hiểu là lớp người giữ được truyền thống ngàn đời nên các câu lục bát hoàn chỉnh hay ho không còn tác giả nói về cuộc sống thôn dã như trích dẫn trên các sử phẩm phải được hiểu đã xuất hiện ví dụ ngay dưới thời Lí Trần, hay có thể là trước nữa...

Không ai chịu nhận mình nằm trong đám cừu Panurge của ông văn sĩ Rabelais kể làm ẩn dụ. Xã hội học của E. Durkheim nói đến một thứ fait social chỉ ra tính chất áp lực của nó trong việc khuôn nắn trí óc và tâm hồn cá nhân. Sách vở vốn là của cá nhân nhưng định hình ở thời công nghệ phát triển nhân lên hàng vạn lần đã làm tăng tác dụng đó. Đâu có trách lãnh tụ cộng sản canh chừng văn nghệ sĩ, học giả, sợ họ làm lệch hướng các nghị quyết trong cơn mơ của mình, và dùng quyền lực dẫn dụ sử dụng đám viết lách đó biến giấc mơ thành sự thật. Văn thơ có tính Đảng tuy chứa nhiều điều ngô nghê khuôn sáo...nhưng chính đó là những đặc tính vừa tầm mức nên thích ứng được với số đông (đã hay sắp được điều kiện hóa theo chủ thuyết), và chúng đã chứng minh bằng những chiến thắng trong đó "...tính Đảng" có góp phần công lớn.

Điều tiếng về giới hạn xuất hiện, xuất bản bên ngoài nước cũng từng được nói ra nhưng rõ ràng là vẫn dễ chịu hơn ở trong nước. Tinh thần hồi cố của người tha hương được khích động thêm với sự đe dọa mất tính Việt nếu nhìn về tương lai cộng đồng. Cộng với sự tiến bộ kĩ thuật in ấn như đã nói khiến cho nhiều người viết và in sách sử - hay như-là-sử - mà không quan tâm nhiều đến vấn đề tiêu thụ. Thật ra thì ngay cả ở các ngôn ngữ có tầm mức quốc tế, tác phẩm về khoa học nhân văn cũng khó tiêu thụ và các ông bà lãnh chật vật các bằng cấp loại này cũng khó tìm được việc làm, không như các ông bà kĩ sư, bác sĩ, dược sĩ (người Việt Nam thế hệ trước nhìn đúng đấy chứ!). Nhưng với tình trạng viết cho mình (mà có khi cứ tưởng viết cho người) trong lúc tác giả không được chuẩn bị về căn bản để dẫn đến chỗ gạt gẫm người. Điều này lớn dần khi thói quen thù tạc, xưng tụng của "truyền thống" mang qua biển cả đeo đẳng theo người lại xuất hiện mạnh hơn vì thu hẹp trong một cộng đồng nhỏ bé. Óc khoa bảng lấn át ý thức trách nhiệm về chuyên môn - ta không nói đến những người có bằng cấp, tận lực học hỏi về một chuyên môn khác. Hễ có bằng là thành bác học kiểu như thời kì mở cửa trong nước có anh đăng bảng dạy Anh văn khoe bằng tiến sĩ Việt với cái vốn tiếng Anh tiếng Pháp lam nham. Có thể thông cảm đó là vì sinh kế, nhưng ở đây tại hải ngoại cũng xuất hiện những "tác phẩm" về khoa học nhân văn của các ông bác sĩ y khoa Tây hoặc Đông.

Cuối thế kỉ trước có chàng đại tá Tây chắc biết nhai trầu, hút thuốc

lào, húp nước mắm viết quyển *L'Annamite, mère des langues* (dịch bồi: Tiếng An Nam, mẹ của thế giới), rồi theo đà hăng hái viết quyển thứ hai chứng minh thêm phát kiến mới của mình bằng những *chữ Việt không dấu* để đối chứng với các ngôn ngữ khác. Chúng tôi từng đọc sách và nghe thầy giảng: Tây chỉ có động từ *porter*, Việt có *khiêng, đội, vác, xách, mang*...tiếng Việt mình giàu quá! thay vì phải phân tích tính chất xã hội như thế nào khiến phát sinh tình trạng đó và nếu bi quan thì phải nói: Mình nghèo quá, đem thân làm tội làm tình bằng đủ mọi cách để di chuyển một vật trong khi người ta phát ra một hai tiếng nhẹ tênh.

Cái bề thế của những cuốn sách "khảo cứu" - cũng lại dựa vào đất dung thân có công nghiệp cao - dễ làm cho người ta choáng ngợp. Sách cũng có chương hồi, quy chiếu, thư mục Tây tà tràn ngập, hình ảnh thay lời (còn gì chính xác hơn!) nhưng chương hồi thì lộn xộn, thư mục rõ ràng có tính cách khoe chữ, còn mấy cái bản đồ VN như vẽ lại từ *Địa lí giáo khoa thư* của thời Bùi Kỷ, Trần Trọng Kim...Những thứ đó chỉ có dân chuyên môn mới biết, lại không chịu nói ra, hoặc bởi tinh thần dĩ hòa vi quý, hoặc sợ gây hại cho bản thân bởi "quần chúng" ồn ào la hét viết bài đăng báo chợ chửi bới om sòm.

Gresham trong khi phát biểu về "Tiền xấu đuổi tiền tốt" nhìn ở một khía cạnh là có ngầm ý công nhận vai trò của quần chúng. Người tự nhận làm việc khoa học cũng phải biết sợ, nên không dám động đến quần chúng, chỉ đẩy ông Greshamqua lãnh vực sử học, nhờ ông ấy nói giùm. Hãy hỏi tội ông ta! Mà ông ta đã chết từ năm 1579 rồi!❐

(1) P. Gourou phối hợp quan điểm địa lí học của mình với một cách giải thích về sự tàn tạ của văn minh Maya là do sự kiệt lực của đất đai với sự bùng nổ dân số. Mới đây, một phái đoàn liên ngành khảo cổ, sinh vật học, dinh dưỡng...gồm 45 khoa học gia đào bới trên 200 địa điểm ở Guatemala và mở hội thảo ở University of California cho thấy rằng lí do chính thật tầm thường: tầng lớp cầm quyền gây cghiến tranh giết hại dân chúng, phá hủy tài sản, mùa màng (US New & World Report số 17, 30-10-1995)

Bạn bè xưa

NGŨ AN

ta chỉ có một hai tên bạn
đáng nhớ trong một đám bạn bè
ta chỉ có một thời để sống
và một thời gợi nhớ âm u

bạn mười năm không gặp
ngõ thiên cổ rêu xanh
câu thơ khi chiều xuống
nhuộm tím bóng hoàng hôn

mười năm biệt vô âm tín
vẫn thường chạnh nhớ mênh mông
cuộc đời ngó đi ngó lại
dìu hiu mấy ngọn cỏ bồng

một thời ruổi rong chiến địa
một thời gõ đá mà chơi
gánh hư không mà trẩy mộng
chén trà xanh đắng môi cười

chiến binh nhiều khi cũng lạ
ném gươm đao nói chuyện thiền
chiến bại lòng khô như đá
múc bình nước giải oan khiên

mảnh trăng non treo đầu núi
nói lời gì với thiên thu
đời ta mây treo đầu núi
riết rồi quen chuyện phù hư

đốt ngọn đèn soi địa ngục
ta đi tìm ta giờ đây
những thiền sư không kinh tụng
hốt ánh trăng giải mộng này

mùa hạ vào rừng đốn củi
mùa đông đốt lửa pha trà
cái ảo hòa chung cái thực
khổ lụy nào không trổ hoa

cúi hôn cành hoa ngọn cỏ
ngẩng đầu tóc dạt biển đông
thế giới treo đầu gánh của
theo ta vào động đá xanh

bạn bè xưa giờ bỏ núi
xuống thành làm kẻ lưu vong
mây trời xưa thôi lồng lộng
áo cơm cuồng vó ngựa hồng

con người nhiều khi cũng lạ
xóa đi vãng nói chuyện thường
chuyện thường tình - danh và nghiệp
chuyện vô tình - núi với sông.

Từ Hải có chết đứng không?

Tạ-quốc-Tuấn

Nguyễn-Du trong Truyện Kiều đã thi hóa nhiều dữ kiện lịch sử khiến cho nhiều việc tầm thường, nhiều cảnh không đẹp trở nên thơ mộng hơn, thi vị hơn, bóng bẩy hơn, làm động lòng người đọc hay người nghe. Chúng ta hãy lấy cái chết của Từ-Hải làm thí dụ.

Truyện Kiều kể lại việc quân triều đình nhiều năm thất bại không sao trị nổi kẻ phiến loạn Từ-Hải và đồng bọn đánh phá, cướp bóc nhiều nơi. Sau có Tổng đốc Hô Tôn-hiến đã dùng mưu tặng Thúy-Kiều, người vợ yêu quí của Từ-Hải và thường được "dự quân trung luận bàn", một lễ phẩm gồm "Hai tên thể nữ, ngọc vàng nghìn cân" để nàng khuyên Từ-Hải bỏ vũ khí hàng phục triều đình mà hưởng vinh hoa phú quí, công hầu khanh tướng, còn hơn mãi mãi chỉ là một tên hải tặc, dù là hải tặc đã từng

Chọc trời quấy nước mặc dầu,
Dọc ngang nào biết trên đầu có ai?
và đã có cả
Triều đình riêng một góc trời,
Gồm hai văn võ, rạch đôi sơn hà.
cũng như đã từng
Nghênh ngang một cõi biên thùy,
Thiếu gì cô quả, thiếu gì bá vương.
Trước cờ ai dám tranh cường
Năm năm hùng cứ một phương hải tần.
Mới đầu Từ-Hải chưa có định kiến, vì nghĩ rằng
Một tay gây dựng cơ đồ,
Bấy lâu bể Sở, sông Ngô tung hoành.
Bó thân về với triều đình,
Hàng thần lơ láo, phận mình ra đâu?
Áo xiêm ràng buộc lấy nhau,

Vào luồn, ra cúi, công hầu mà chi!

Nói cách khác, tuy nếu thần phục triều đình thì sẽ được lợi nhiều thật đấy, nhưng đó chẳng qua chỉ là cái lợi vật chất, còn tự do thì sẽ mất đi.

Sao bằng riêng một biên thùy,
Sức này đã dễ làm gì được nhau.
Chọc trời, quấy nước mặc dầu,
Dọc ngang, nào biết trên đầu có ai?

Dù vậy, với tài miệng lưỡi Thúy-Kiều cuối cùng đã thuyết phục được Từ-Hải đồng ý đầu hàng.

Nghe lời nàng nói mặn mà,
Thế công Từ mới dở ra thế hàng.

Không những thế, Từ-Hải còn quá tin vào sự thành thực của triều đình nên đã lơ là việc phòng thủ.

Tin lời thành thực yêu mình,
Ngọn cờ ngơ ngác, trống canh trễ tràng.
Việc binh bỏ chẳng giữ giàng,
Vương sư dòm đã tỏ tường thực hư.

Hồ Tôn-hiến đã chụp ngay lấy cơ hội. Bề ngoài thì giả vờ phủ dụ nhưng bên trong trong lại cho chuẩn bị giết Từ Hải.

Hồ công quyết kế thừa cơ,
Lễ tiên binh hậu, khắc kỳ lập công.
Kéo cờ chiêu phủ tiên phong,
Lễ nghi giàn trước, bác đồng phục sau.

Trong khi đó

Từ công hờ hững biết đâu!
Đại quan lễ phục ra đầu cửa viên.
Cho nên khi Từ-Hải tới nơi thì
Hồ công ám hiệu trận tiền,
Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ.
Đương khi bất ý chẳng ngờ,
Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn.
Tử sinh liều giữa trận tiền,
Dạn dày cho biết gan liền tướng quân.

Tuy nhiên Từ-Hải thân cô thế cô không sao chống cự nổi nên đã phải bỏ mạng. Nguyễn-Du đã cho Từ-Hải chết một cách oai hùng: họ Từ đã chết đứng một cách hiên ngang.

Khí thiêng khi đã về thần,
Nhơn nhơn còn đứng chôn chân giữa vòng.
Trơ như đá, vững như đồng,

Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời.

Từ-Hải cứ ở nguyên tư thế ấy trong lúc chung quanh

Quan quân thừa thế đuổi dài,

ầm ầm sát khí ngất trời ai đương.

Trong hào, ngoài lũy, tan hoang,

và cũng là tư thế mà Thúy-Kiều trông thấy khi nàng được quân lính cứu ra Loạn quân vừa dắt tay nàng đến nơi.

Trong vòng tên, đạn bời bời,

Thấy Từ còn đứng giữa trời trơ trơ.

Xác Từ-Hải chỉ đổ xuống khi Thúy-Kiều phục xuống khóc và gieo đầu muốn tự tử.

Dòng thu như dội cơn sầu,

Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên.

Lạ thay! oan-khí tương triền,

Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra.

Thật là một cảnh đẹp, dù là thê lương, không gì sánh bằng!

Thúy-Kiều cũng nhận biết lỗi mình trong cái chết của Từ-Hải nên nàng đã xin Hồ Tôn-hiến cho phép lãnh nhận xác Từ-Hải để đem đi chôn và họ Hồ đã chấp thuận.

Xét mình công ít, tội nhiều,

Sống thừa, tôi đã nên liều mình tôi,

Xin cho thiển thổ một đôi,

Gọi là đắp điếm lấy người tử sinh.

Hồ công nghe cũng thương tình,

Truyền cho cải táng di hình bên sông.

Đọc tới đây chúng ta thắc mắc không biết cái chết của con người Từ-Hải thực trong lịch sử có như vậy không. Câu trả lời là không.

Trong lịch sử Trung-quốc, hải tặc Từ-Hải vốn là một tu sĩ Phật giáo mang pháp hiệu là Minh-sơn Hoà thượng. Nhà sư tu ở Hổ-bào Tự, một ngôi chùa cổ danh tiếng ở bên ngoài Hàng-châu tỉnh Chiết-giang. Không ai rõ nguyên nhân nào đã khiến hòa thượng rũ áo cà sa khoác áo hải tặc và việc này xảy ra lúc nào. Chỉ biết là vì có tài bói toán nên Từ-Hải rất được lòng các thủ hạ. Họ gọi Từ-Hải là Thiên Sai Bình Hải Đại Tướng Quân.

Trong hai thập niên 1540 và 1550, Từ-Hải đã hợp tác với một lãnh tụ hải tặc có ảnh hưởng nhất Trung-quốc là Vương-Trực, người được mệnh danh "nụy khấu vương" (vua cướp lùn), đóng dinh ở đảo Goto ngoài khơi Kyushu (Nhật-bản). Căn cứ của Từ-Hải đặt ở Satsuma ở cực nam Kyushu. Lực lượng chính của Từ-Hải là nhóm nụy khấu Nhật-bản ở Satsuma và

các vùng lân cận như Izumi, Hizen, v.v. Địa bàn hoạt động của các hải tặc Trung-hoa và nụy khấu Nhật-bản là miền Giang nam, nơi có các tỉnh duyên hải như Giang-tô, Chiết-giang, và Phúc-kiến. Có khi chúng còn đánh lên tới tận bắc ngạn sông Dương-tử cũng như vào cả trong nội địa tới tỉnh An-huy và ngoại ô kinh thành phụ Nam-kinh. Vùng này rất quan trọng vì có nhiều trung tâm thương mại quốc nội và quốc ngoại và vì là nơi gió thuận vào mùa xuân và mùa thu rất thuận tiện cho các thuyền bè của hải tặc nụy khấu từ bên Nhật-bản sang. Hơn nữa đây còn là một vùng đồng bằng có nhiều sông ngòi và vô số bến cho thuyền bè cập bến sâu trong đất liền rất dễ dàng. Đấy là chưa kể vùng này có đông dân cư, hầu hết hoạt động về canh nông và kỹ nghệ nên có nhiều gia đình giàu có. Sau hết, vào thời nhà Minh (1368-1644), vùng này là vựa thóc có thể cung cấp cho Bắc-kinh, lên tới tận biên giới Hoa-bắc.

Từ-Hải và các đồng minh đã nhiều lần dẫn quân tới bao vây và đánh phá cướp bóc nhiều thành phố, phá hoại thôn quê, đánh bại và khủng bố quân triều đình trong những trận giao phong, tập kích. Bọn này còn chiếm được nhiều chiến lợi phẩm và bắt giữ nhiều người. Tuy quân triều đình đã cố hết sức nhưng cũng không thể nào dẹp tan bọn này. Suốt năm 1555, quân triều đình chỉ thắng được một trận đáng kể ở Vương-giang-kinh, một trấn nhỏ ở cực bắc tỉnh Chiết-giang, khi bọn hải tặc nụy khấu xuất phát từ căn cứ Chá-lâm bị phục kích trong đó hơn 1900 tên bị chặt đầu.

Vì thế đầu năm 1556 triều đình phải cử tuần phủ Chiết-giang Hồ Tôn-hiến (người phủ Huy-châu, tỉnh An-huy, đậu tiến sĩ năm 1538) làm Tổng đốc Chiết-giang. Họ Hồ là một người khôn ngoan, đa mưu túc trí, nhưng cũng đầy tham vọng. Ông biết rằng nếu không dẹp nhanh được bọn này thì số phận của ông cũng sẽ giống số phận của ba vị tiền nhiệm: trong một năm ba tổng đốc đã bị cách chức là Trương-Kinh (sau còn bị xử tử), Châu-Doãn (làm được có một tháng) và Dương-Nghi (làm được vài tháng thôi). Hồ Tôn-hiến thấy là để tránh tai họa có thể rơi xuống đầu, ông không thể dùng vũ lực giải quyết được mà phải dùng mưu.

Do đó, năm 1555, khi còn là tuần phủ, Hồ Tôn-hiến đã cử một phái đoàn tới đảo Goto giả danh là để thám thính các căn cứ của bọn hải tặc nụy khấu ở Nhật-bản và tìm cách khiến nhà cầm quyền Nhật-bản chịu hợp tác trong việc diệt trừ bọn này, nhưng thực sự là để thương thuyết với Vương-Trực và dùng Vương-Trực làm con bài để điều đình với Từ-hải. Hồ Tôn-hiến khéo giữ không cho Vương-Trực hay ý định thực sự của triều đình và đồng thời cũng giữ không cho triều đình hay những gì họ Hồ đã hứa hẹn với họ Vương. Đầu năm 1556, phái đoàn về nước đã dẫn theo vài tên thủ lãnh hải tặc chịu qui hàng và cả nghĩa tử của Vương-Trực là

Vương-Ngạo (còn có một tên nữa là Mao Hải-phong). Vương-Ngạo đã cho Hồ Tôn-hiến hay là Từ-Hải và bọn thuộc hạ ở căn cứ Satsuma đang chuẩn bị sang đánh phá vùng Giang-nam một lần nữa. Quả thực tháng hai âm lịch năm đó Từ-Hải cùng các đồng minh như Trần-Đông, Diệp-Ma (còn gọi là Ma-Diệp hay Diệp-Minh), Shingoro, đã đổ quân lên vùng Sạ-phổ tỉnh Chiết-giang. Hơn nữa, khi lên tới bờ rồi, Từ-Hải cho đốt hết các thuyền bè của mình để tỏ ý cương quyết không chịu rút lui. Được sự hứa hẹn thần phục của Vương-Trực và sự giúp đỡ của Vương-Ngạo, từ đó cho đến tháng 8 âm lịch, Hồ Tôn-hiến chỉ bận tâm với việc diệt trừ bọn Từ-Hải thôi.

Trong ba tháng liền, bọn Từ-Hải đã đánh phá vùng Thượng-hải, bao vây Sạ-phổ, đánh bại quân triều đình ở hai huyện Hải-diêm và Hải-ninh, cướp bóc ở Hạp thạch và các vùng lân cận, rồi kéo quân lên mạn tây bắc đánh phá Tạo-lâm và Ô-trấn. Trong ba trận đánh ở gần Tạo-lâm, quân của Từ-Hải bị tổn thất nặng nề và chính Từ-Hải cũng bị thương, nhưng sau đó Từ-Hải lại đánh bại quân triều đình một lần nữa rồi xua quân đánh thành Đồng-hương vì được biết ở đây có trữ nhiều lương thực.

Trong khi chờ đợi quân tiếp viện, Hồ Tôn-hiến đã dùng chính sách gây sự nghi kỵ bất hòa trong bọn Từ-Hải. Họ Hồ phái người tới cho Từ-Hải hay là nghĩa tử của Vương-Trực đã đầu hàng ở Ninh-ba từ lâu rồi và đã giúp quân triều đình đánh bại quân nụy khấu ở vùng Từ-khê phía nam Vịnh Hàng-châu và chính Vương-Trực cũng sắp sửa đầu hàng. Vì vậy họ Hồ khuyên Từ-Hải nên sớm hợp tác với tổng đốc. Khi Từ-Hải cho hay là Từ-Hải không phải chỉ có một mình và không thể quyết định cho các đồng minh được thì người của họ Hồ bèn cho hay là Hồ Tôn-hiến cũng đã có thỏa hiệp riêng với Trần-Đông. Mặt khác, họ Hồ lại báo tin cho Trần-Đông hay là thấy có nhiều người của triều đình vẫn ra vào trại của Từ-Hải. Từ đó Từ-Hải và Trần-Đông nghi ngờ lẫn nhau, kình chống nhau.

Sau Từ-Hải thỏa thuận sẽ đầu hàng nhưng với hai điều kiện là Hồ Tôn-hiến phải cho Từ-Hải nhiều quà để Từ-Hải dùng mua chuộc bọn thủ hạ và phải dâng sớ xin triều đình miễn tội cho Từ-Hải. Hồ Tôn-hiến chấp thuận và cho người mang nhiều tiền bạc, tơ lụa tới trại của Từ-Hải. Để tỏ thiện chí của mình, trước khi rút quân Từ-Hải đã trả lại cho triều đình hơn 200 người bị bọn Từ-Hải bắt giữ và còn báo cho quân trấn thủ phải coi chừng bọn Trần-Đông. Thấy mình bị đồng minh bỏ rơi, Trần-Đông hết sức tức giận nên ra sức tấn công thành Đồng-hương hơn một ngày rồi cũng rút lui. Khi đi qua vùng Gia-hưng quân của Trần-Đông đã đụng độ với quân triều đình và bị mất hơn 20 chiếc thuyền; trái lại phe Từ-Hải đã đánh lui được đội quân triều đình trú đóng ở vùng Hải-diêm. Khi quân hai

phe gặp nhau ở Sạ-phố thì sự hiềm khích nghi kỵ của các thủ lãnh lại càng ngày càng trầm trọng hơn. Hai bên âm mưu diệt nhau dữ dội. Trong khi đó thì Vương-Ngạo vẫn tiếp tục giúp quân triều đình đánh chiếm các trại giặc ở vùng Ninh-ba. Còn về phần Hồ Tôn-hiến, ông tiếp tục phái người tới các trại giặc. Ông vẫn nhử Từ-Hải với nhiều hứa hẹn, kể cả việc chuyên chở thủ hạ của họ Từ (vì như đã nói bên trên, khi tới Sạ-phố đầu năm 1556, Từ-Hải đã cho đốt sạch thuyền bè của mình), ban cho chức tước trong quân đội, còn nếu ai muốn về Nhật sẽ được cấp tàu cho đi. Ngoài ra ông còn thúc giục Từ-Hải phải có hành động cụ thể cho việc muốn thần phục triều-đình bằng cách tấn công bọn Tùng-giang và còn hứa để mặc cho Từ-Hải chiếm các chiến lợi phẩm và cả thuyền bè của bọn này nữa. Tuy nhiên, khi đánh bọn Tùng-giang Từ-Hải mới thấy là bọn này đã tẩu tán hết thuyền bè và các vật chúng cướp được. Hơn nữa, Hồ Tôn-hiến còn ra mật lệnh cho Tổng binh Du Đại-du đốt hết thuyền bè của Từ-Hải và diệt luôn bọn Tùng-giang nào trốn chạy ra biển được.

Về đến sào huyệt ở Sạ-phố Từ-Hải biết là mình hoàn toàn bị Hồ Tôn-hiến thao túng và nghĩ rằng uy quyền của họ Hồ quá to lớn. Vì thế Từ-Hải cho người mang nhiều lễ vật tới dâng họ Hồ để tỏ lòng thần phục, và còn cho cả em trai là Hồ-Hồng tới làm con tin nữa.

Hồ Tôn-hiến bèn xúi Từ-Hải bắt Trần-Đông và Diệp-Ma nộp. Trước kia Từ-Hải và Diệp-Ma tranh giành với nhau về một người đàn bà đẹp Diệp-Ma đã bắt được trong một cuộc giao tranh và lấy làm thiếp. Sử sách chỉ ghi tên người đàn bà này là "Chúc-phụ" (người đàn bà họ Chúc). Hơn nữa, Từ-Hải còn tức là Diệp-Ma đã chiếm được nhiều chiến lợi phẩm nhất trong bọn thế mà khi hai bên chia tay nhau đã không chịu chia đều. Vì thế Từ-Hải đã dụ Diệp-Ma đi theo mình tới điều đình với người của triều đình. Họ Diệp vì nóng ruột muốn rời Trung-quốc nên nghe theo. Trong phiên gặp mặt lần thứ hai, vì Diệp-Ma say rượu nên bị bắt rất dễ. Từ-Hải còn bắt giữ luôn khoảng 100 tên thủ hạ của Diệp-Ma nộp cho triều đình. Sau vụ này, Hồ Tôn-hiến còn ép Từ-Hải phản bội luôn Trần-Đông. Tuy nhiên Từ-Hải ngần-ngừ vì sau vụ Đồng-hương và vụ Diệp-Ma Trần-Đông đã nghi ngờ Từ-Hải rất nhiều nên Từ-Hải không dễ gì gạt Trần-Đông. Hơn nữa, Trần-Đông lại là gia sư của em trai vị lãnh chúa Satsuma mà vị này lại là người đỡ đầu cho Từ-Hải. Hơn nữa, người em đó đang có mặt trong nhóm của Trần-Đông.

Hiểu rõ sự khó khăn của Từ-Hải, Hồ Tôn-hiến một mặt cho người mang nhiều quà cáp đến biếu hai người ái thiếp của Từ-Hải để nhờ họ khuyên Từ-Hải ra tay; mặt khác, lại bảo Diệp-Ma viết thư cho Trần-Đông tố cáo sự phản bội của Từ-Hải và khuyên họ Trần phải thủ tiêu Từ-Hải,

đoạn cho người đem thư đó trao cho Từ-Hải chứ không phải cho Trần-Đông. Họ Hồ còn dọa là nếu muốn thoát tội chết Từ-Hải phải hàng phục ngay và nộp Trần-Đông cùng với 1.000 đầu thủ hạ của họ Trần. Họ Từ không còn đường nào lựa chọn nên đã lấy hơn ngàn lạng vàng đem cho em trai vị lãnh chúa Satsuma và hỏi mượn Trần-Đông để giúp mình vài việc. Khi Trần-Đông tới, Từ-Hải đã lừa bắt lấy nộp cho Hồ Tôn-hiến.

Tới đây, Hồ Tôn-hiến chưa chịu thôi. Ông ta thư cho Từ-Hải hay là có mấy chục chiếc thuyền của triều đình đậu ở cảng Sạ-phổ. Từ-Hải phải dẫn thủ hạ của họ Trần chạy tới đó để có thể bắt chúng nộp cho triều đình, có như vậy mới có thể giữ được tính mệnh. Từ-Hải y lời, dẫn thủ hạ của Trần-Đông chạy tới đó, nhưng cố kìm thủ hạ của mình lại. Khi bọn thủ hạ Trần-Đông leo lên thuyền, Từ-Hải ra hiệu cho Đạo đài Lưu-Đảo, lúc đó đang chỉ huy một đạo quân nấp bên trong tường thành Sạ-phổ, xua quân ra giết. Những tên nào thoát được lên thuyền thì cũng bị hải quân rình ở gần đó vây bắt luôn.

Từ-Hải lẻn về sào huyệt mới ở Lương-trang. Sau đó dẫn lối 100 tên thuộc hạ tới huyện lỵ Bình-hồ đầu hàng và được Đề đốc Triệu Văn-hoa, Tổng đốc Hồ Tôn-hiến, Tuần phủ Nguyễn-Ngạc và Tuần án Triệu Khổng-chiêu tiếp đón lịch sự. Từ-Hải được cho tạm trú tại Trầm-gia trang gần đó.

Chẳng bao lâu Từ-Hải khám phá ra là mình hoàn toàn bị lừa gạt, nên cố thu nạp được 2, 300 thanh niên quanh vùng nhập bọn. Cảm thấy an tâm đôi chút, Từ-Hải đã bắt giữ rồi chặt đầu sứ giả của Hồ Tôn-hiến mà họ Hồ không hay. Trong khi đó Hồ Tôn-hiến nhận được 200 lượng vàng của Từ-Hải nhờ mua rượu nên đã cho bỏ thuốc độc vào rượu trước khi chở tới cho Từ-Hải. Mặt khác, họ Hồ còn bảo Trần-Đông viết thư cho thủ hạ của mình biết là Từ-Hải đang cấu kết với triều đình để diệt chúng, khiến cho thủ hạ hai bên đánh nhau và Từ-Hải bị thương. Lợi dụng cơ hội này, quân triều đình bốn bề tấn công và dẹp tan cả Trầm-gia trang lẫn sào huyệt Lương-Trang.

Từ-Hải biết không còn đường thoát nên đã nhảy xuống sông gần đó tự vẫn. Xác họ Từ được vớt lên và bị Hồ Tôn-hiến cho chặt đầu. Tất cả có khoảng 1200-1600 tên giặc cũng bị chặt đầu luôn. Sau đó, Hồ Tôn-hiến cho giải các tù nhân Diệp-Ma, Trần-Đông, Từ-Hồng và Shingoro, cùng đầu của Từ-Hải về kinh trình lên vua Minh Gia-tĩnh (1522-1567), đoạn chặt đầu cả bọn.

Như vậy, trong lịch sử, cái chết của Từ-Hải không oai hùng và không đẹp như Truyện Kiều mô tả. Họ Từ không bị ái thiếp xúi giục đầu hàng triều đình, không lơ là trong việc phòng thủ tự vệ, không bị giết tại trận và không chết đứng mà chỉ là tự vẫn thôi, sau đó mới bị chặt đầu. Hơn nữa,

Soi gương
HỒ MINH DŨNG

Soi, không phải mặt ta, không phải lòng ta
Không phải quỷ, cũng không phải người
Chẳng có ai quen, ai lạ
Cơn mưa cuối đời còn đeo theo
Cuộc tình ngàn thu lửng lẳng bên người.

Quảng Đô Vương hỏi ta: Làm thi sĩ có gì vui
Trên trần gian nhiều chuyện buồn cười?
Thật tâm, ta trả lời:
Nghiệt Kính Đài này không đủ bề cao
Chiếu những đường vòng vo
Của một đời ta lộn ngược đầu xuống đất.

Quỷ Vô Thường năn nỉ:
Kiếp sau làm người đừng làm nhà văn
Thà ôm tro mun rung đùi xó bếp
Nhìn thiên hạ trèo cầu bôi mỡ cũng có lúc vui.
Quỷ khỏi mất công xiên mũi người.

Soi,
không phải lòng ta, không phải mặt ta
Một kẻ ngu ngơ, một đời chập choạng
Lang thang không có một nơi để về
Mượn vỉa hè đời trọ chân vài bữa.
Vẽ bùa thiêng lên trên từng ngọn mây.

Không có quê nhà, không có ai quen
Muối xát ruột mềm, trăng đỏ quạch
Trái tim ngàn cân soi ở đâu?

Hồ Tôn-hiến không hề cấp đất cho ái thiếp của Từ-Hải chôn họ Từ; trái lại, ông ta đã mang đầu Từ-Hải về kinh trình lên vua rồi đem bêu đầu thị chúng. ❐

Phỏng vấn nhà thơ Thái Tú Hạp

Nguyễn Mạnh Trinh thực hiện

Nguyễn Mạnh Trinh: *Xin anh cho biết vài dòng về tiểu sử của mình?*
Thái Tú Hạp: Tôi sinh tháng 4.1940 tại thành phố Hội An tỉnh Quảng Nam. Trước năm 1975 đi học và nhập ngũ khóa 15 Thủ Đức. Ra trường thuyên chuyển về vùng I chiến thuật. Đã từng phụ trách chiến tranh chính trị ở cấp Đại đội, chi khu và báo chí, phát thanh ở phòng Tâm Lý Chiến Quân Đoàn cho đến khi tan hàng.

Sau tháng 4.1975 đi tù gần 4 năm ở Kỳ Sơn Quảng Nam, nhờ vợ là Ái Cầm người Việt gốc Hoa lúc đó đang xảy ra chiến dịch tống khứ người Hoa ra khỏi Việt Nam vì tư sản mại bản và có thể sợ họ làm nội tuyến cho Trung Quốc vì chiến tranh biên giới Hoa Việt đang đến hồi khốc liệt. Vợ tôi làm đơn bảo lãnh tôi về để làm thủ tục dâng hiến hết tài sản ra đi. Tôi thường gọi đùa là nhờ "kẽ hở lịch sử nên mới thoát nạn". Trong thời gian chờ đợi ở địa phương tôi đã đi xe thồ, làm công nhân Hợp tác xã quế ở Đà Nẵng. Sau đó vượt biển đến trại tỵ nạn Hong Kong và đến định cư ở California Hoa Kỳ năm 1980. Học ngành in hai năm ra trường không có việc làm, nên thử nhiều việc khác như phụ hồ thợ vịn, chở vợ giao quần áo trẻ em kiếm hoa hồng từ Los Angeles đến San Jose. Dành dụm được một số vốn ra mở nhà hàng Doanh Doanh ở gần khu Chinatown, một điểm hẹn và sinh hoạt giới thiệu sách mới của anh em văn nghệ sỹ ở vùng Los Angeles, nhưng sau một thời gian chiêm nghiệm thấy cuộc hôn phối giữa văn chương nghệ thuật với thương mãi không bền lâu nên đành phải "anh đi đường anh tôi đường tôi, tình nghĩa đôi ta chỉ thế thôi". Do bạn bè thúc đẩy và khuyến khích nên cả hai vợ chồng đứng ra làm báo *Saigon Times* cho tới nay đã gần 10 năm qua. Có hai cháu trai và một cháu gái, hiện cư ngụ tại vùng San Gabriel Valley, Los Angeles, California.

NMT*: Xin anh vui lòng cho biết thêm về những hoạt động văn học nghệ thuật mà anh đã đóng góp?*

TTH: Từ năm 1956 đến năm 1975, đã liên tục đăng thơ trên các tạp

chí văn học ở Saigon như Bách Khoa, Văn, Giữ Thơm Quê Mẹ, Văn Học, Khởi Hành, Gió Mới, Nghệ Thuật, Thời Nay, Mai...

Bản thảo đã hoàn tất: Người Đi Chiến Chinh (tạp bút 1968) Quê Hương và Người Tình (thơ 1969), Vành Khuyên (tập truyện 1972), Yêu Em Một Đời (thơ 1973), Dưới Cội Mai Vàng (thơ 1974).

Ngoài việc điều hành tuần báo Saigon Times, chúng tôi còn chủ trương nhà xuất bản Sông Thu.

- Tác phẩm đã xuất bản: *Tuyển Tập Sông Thu* (thơ 1962) với Thành Tôn và Hoàng Quy, *Thèm Về* (thơ 1970), *Chim Quyên Lạc Ngàn* (thơ 1982), *Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại* (tuyển tập 1 - 1985), *Miền Yêu Dấu Phương Đông* (Thơ 1987), *Thơ Văn Phật Giáo* (Tuyển Tập 1993), *Hạt Bụi Nào Bay Qua* (thơ 1995)

- Sẽ xuất bản nay mai:

Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại (Tập 2), *Bên Ngàn Lau Xanh* (Tùy bút) *Tuyển Tập Thơ Nhạc* (Thơ Thái Tú Hạp và nhiều nhạc sĩ), *Giở Trang Vô Tự Trắng Nhòa Sắc Không* (thơ).

NMT: *Trước 1975, anh sinh sống ở miền Trung nhưng lại hay xuất hiện ở những tạp chí xuất bản ở Saigon. Có phải anh là một trong những người cầm bút thường gọi là "nhà văn trẻ miền Trung" ?*

TTH: Thực sự chúng tôi không để ý tác giả câu nói "chúng tôi là những nhà văn trẻ miền Trung". Hầu như trên tất cả những tạp chí văn học ấn hành ở Saigon đều xuất hiện những sáng tác của anh em chúng tôi thời đó như Hà Nguyên Thạch, Luân Hoán, Đinh Hoàng Sa, Huy Giang, Vũ Hữu Định, Nguyễn Nho Nhượng, Hoàng Lộc, Tần Hoài Dạ Vũ, Trần Dạ Lữ, Nguyễn Đông Giang, Nguyễn Kim Phượng, Hồ Minh Dũng, Mường Mán, Trương Duy Hy, Nguyễn Văn Xuân, Hoàng Thị Bích Ni, Trần Quang Lộc, Hạ Quốc Huy, Vương Thanh, Nguyễn Nho Sa Mạc, Đinh Trầm Ca, Thành Tôn, Lê Vĩnh Thọ, Vĩnh Điện, Lâm Quang Phước, Đông Trình, Huy Giang, Lê Đình Phạm Phú, Hoàng Quy, Thái Tú Hạp...điều đó đủ thẩm định sự đóng góp tác phẩm của chúng tôi trong những sinh hoạt văn học nghệ thuật ở thủ đô. Thái độ những người làm văn hóa ở thủ đô muốn phát biểu thế nào tùy ý.

NMT: *Anh bắt đầu cầm bút lúc nào? Từ những dòng chữ viết đầu tay có kỷ niệm nào đáng nhớ?*

TTH: Thật sự tôi không nhớ mình bắt đầu làm thơ từ bao giờ, chỉ loáng thoáng ở tuổi học trò, khi biết ngẩn ngơ trước đôi mắt nai của người bạn gái học chung trường hồi đó. Một trong những bài thơ được đăng trên Thời Nay khoảng 56-57 gì đó, "Làm Chim Trong Thành Phố Nhỏ"...đại khái những câu: "Anh xin làm chim trong thành phố. Hót sớm mai cho

em dậy học bài. Ru giấc ngủ chiều trăng bên khung cửa. Lòng ta buồn thương nhớ vu vơ..." Và thêm một kỷ niệm đáng nhớ nữa. Những năm Trung học chúng tôi (Hoàng Quy, Thành Tôn hay làm thơ cho nhau xem và rủ nhau về quê Đại Bình Trung Phước, quê hương của Hoàng Quy, Tường Linh, Bùi Giáng...Tôi vô cùng thích thú trước cảnh đẹp thiên nhiên nơi núi rừng dấu yêu của bằng hữu, tôi viết bài thơ "Tình Quê" gởi cho mục Thơ trên nhật báo Tự Do năm 1957 phát hành tại Saigon, do Thi Sỹ Vũ Hoàng Chương phụ trách. Bài thơ dài có đến gần cả trăm giòng thế mà Thi sỹ họ Vũ chọn đăng nguyên tác không cắt xén đoạn nào lại thêm lời bàn vô cùng ưu ái và khuyến khích nhiệt tình. Đến cả mười năm sau vào đời, trưởng thành, có dịp vào Saigon đến thăm Thi Sỹ. Cụ vẫn nhớ bài thơ năm cũ làm cho tôi vô cùng xúc động những tình cảm Cụ đã dành cho kẻ yêu thơ hậu sinh ở miền Trung. Một kỷ niệm đáng nhớ khác trong thời gian ở tù về địa phương quản chế, tôi sáng tác nhiều thơ và văn chương nhưng khi vượt biển vì sợ chính quyền địa phương tịch thu nên vợ tôi và tôi cặm cụi viết thật nhỏ vào giấy mỏng may vào vành nón cho đứa con trai đội bình thường, chuyến vượt biển bị chìm tàu chết 13 người, may có tàu đánh cá HongKong ở gần đó đến vớt kịp, dĩ nhiên khi lên bờ mỗi người chỉ còn vỏn vẹn bộ đồ mặc trên người. Tất cả đồ đạc vốn liếng tinh thần cuối cùng mang theo đã trả về cho cát bụi.

NMT: *Hiện nay anh vừa làm báo vừa viết văn, làm thơ. Hai công việc ấy có gì bổ sung cho nhau hoặc có gì trở ngại cho nhau?*

TTH: Sống đời lưu vong mấy ai diễm phúc được trở lại nghề cũ của mình mà cưu mang được cuộc sống cơm áo. Tôi là một trong những người may mắn chăng? Ở Việt Nam thực sự chỉ làm báo thuần túy Văn Nghệ không lo cạnh tranh và không sống bằng ngòi bút của mình. Làm báo ở hải ngoại quá dễ mà cũng thật quá khó. Dễ là ai cũng có thể làm báo được, viết gì thì viết không bị cắt xén vì kiểm duyệt. Nhưng rất khó ở lương tâm người cầm bút. Con đường từ bạn đến thù quá ngắn. Viết văn, làm thơ, làm báo, thực sự những công việc nầy đều liên hệ mật thiết và bổ sung cho nhau. Tờ báo đúng nghĩa theo quan niệm của một người làm báo có lương tâm nhà nghề, tối thiểu phải cố gắng có nội dung phục vụ người đọc. Dĩ nhiên một, hai người không thể nào cáng đáng nổi, phải nhờ vào sức viết của nhiều nhà văn, nhà báo tiếng tăm cộng tác. Chúng tôi mong mỏi được đem đến mọi gia đình người Việt lưu vong món ăn tinh thần đúng nghĩa sau một tuần chạy đuổi theo đời sống quá mỏi mệt và nhiều căng thẳng.

NMT: *Nguyên nhân khiến anh cầm bút, và có mục đích gì? Để nổi danh? Để tâm sự với chính mình? Hay tâm sự với người khác? Hoặc làm*

công việc mình thích?

TTH: Xin anh cho được dông dài một tí, khi nhỏ tôi sống nhiều với ông bà ngoại ở làng Cẩm Phô ven thị xã Hội An (cùng quê bên nội của giòng họ cố nhà văn Nhất Linh Nguyễn Tường Tam), ngôi nhà ở dưới tàng cây đa sầm uất, chuyên buôn bán cau khô và những thổ sản của người miền Cao nguyên Trà Mi, Tiên Phước đem xuống bán ở Hội An. Phía sau nhà thoai thoải ngọn đồi nhỏ là ngôi chùa Viên Giác. Buổi chiều tôi hay ngồi một mình ở trước hiên nhìn nắng chiều xuyên qua vòm lá thẫm, đàn dơi rủ nhau về kêu những tiếng buồn não ruột, và tiếng chuông chùa khua động trong không gian chiều tịch lặng, bỗng dưng tôi cảm thấy...không hiểu vì sao tôi buồn...và lớn lên đôi chút, rung động bất thường đó có lẽ đã đưa tôi vào thế giới thơ lúc nào không biết. Và rồi tình yêu là yếu tố thúc đẩy tôi liều lĩnh đi vào cõi thơ như một hệ lụy hạnh phúc suốt cả một đời. Cho đến bây giờ gần bốn mươi năm qua làm thơ tôi vẫn cho là chuyện mình thích từ những xúc động ngoại cảnh bắt gặp.

NMT: *Theo anh, làm thơ có phải là thực hiện một sứ mệnh nào cao cả? Hay cũng chỉ là một công việc bình thường?*

TTH: Tôi vẫn cho chuyện làm thơ đâu có gì quan trọng, nhất là dân Việt Nam mỗi người là một nhà thơ. Qua kinh nghiệm lịch sử, một số thi sỹ thời tiền chiến đã tự hủy đứa con tinh thần để bắt thơ mang một sứ mệnh. Và chính những bài thơ sứ mệnh đó đã giết chết tên tuổi người sản sinh ra nó.

NMT: *Điều gì gây hứng cảm để anh làm thơ? Và điều gì hứng cảm để anh viết văn? Hai cảm hứng ấy có gì khác với nhau?*

TTH: Ngoại cảnh tạo cho mình cảm hứng. Tình yêu, bằng hữu, tình quê hương, cái vô thường của nhân sinh và sự đổi thay của đời sống. Cảm xúc đến nhanh và tan nhanh như giọt sương trên cành lá biếc. Hứng cảm của thơ thoáng chốc cô đọng. Hứng cảm viết văn nuôi dưỡng dài lâu như nhà thể thao chạy đường trường đòi hỏi sự kiên trì bền bỉ hơn, nên tôi không sở trường lắm, chỉ thỉnh thoảng viết được dăm bài tạp ghi, một số truyện ngắn. Những điều mình dàn trải tâm tư mà ở khuôn khổ thơ không cho phép thì hãy mở cửa, tha hồ bơi lội trong giòng sông mênh mông của Văn. Nhưng với tôi dành nhiều thời gian sáng tác thơ hơn. Lúc trẻ thì sôi nổi chạy đuổi theo dấu chân Apolinaire, Baudelaire, Chateaubriant, Lamartine... những Xuân Diệu, Huy Cận, Hồ ZDếnh, Thâm Tâm, Vũ Hoàng Chương...đây thơ mộng lãng mạn, đến lúc vào quân đội đi tác chiến đối diện với tử sinh vô lý thường nhật, rồi biến cố lịch sử đau thương xảy ra anh em vào tù, mỗi ngày nhìn thấy những cái chết phi lý chung quanh, những nghiệt ngã tận cùng phải chịu đựng, nỗi niềm xót xa thân

phận làm người. Như anh thấy tư duy này bàng bạc trong các tập "Chim Quyên Lạc Ngàn", "Miền Yêu Dấu Phương Đông" và "Hạt Bụi Nào Bay Qua". Đến lúc tuổi càng cao tôi càng thích thú và yêu mê cõi vào thế giới thanh thoát của đường thi.

NMT: *Anh làm thơ có dễ dàng không? Hoàn thành một bài thơ, thời gian có lâu không?*

TTH: Cũng có khi dễ, cũng có lúc khó khăn tùy theo cảm hứng. Thường thời gian lệ thuộc cảm hứng nhiều hơn.

NMT: *Anh có thường hay sửa chữa thơ khi hoàn tất không? Theo kinh nghiệm riêng anh, thơ sau khi sửa chữa sẽ hay hơn hoặc tệ hơn? Và nguyên bản lúc đầu khi sửa chữa có còn giữ được ý tưởng manh nha ban đầu hay sẽ khác đi?*

TTH: Tôi vừa trình bày, thơ phải sáng tác theo cảm hứng. Cảm hứng là linh hồn của bài thơ. Tôi sáng tác rất nhiều song giữ lại chẳng bao nhiêu. Nhiều khi cảm hứng bất chợt đến, tôi viết một mạch xong bài thơ đọc lại vài lần thấy không cần thiết sửa chữa xem như chấp nhận sự hoàn chỉnh, nhưng cũng có trường hợp phải sửa chữa vài ba lần tôi mới bằng lòng, dĩ nhiên phải đạt hơn chớ. Có nhiều đoạn trong một bài thơ gần cả hai chục năm sau, đọc lại vẫn còn cảm thấy thích thú.

NMT: *Theo anh, một bài thơ hay phải hội đủ yếu tố nào?*

TTH: Khó mà thẩm định một bài thơ hay theo nhận xét tuyệt đối chung của nhiều người, có thể có người cho rằng thơ của Cao Bá Quát, của Thanh Tâm Tuyền, Bà Huyện Thanh Quan hay, có nhiều người cho thơ của bà Hồ Xuân Hương, Tú Xương, Tản Đà, Đinh Hùng, Nguyễn Bính xuất sắc. Có nhiều người không thích đọc Truyện Kiều của Nguyễn Du, mà chỉ thích Gia Huấn Ca của Nguyễn Trãi. Nhưng ở đây, tôi muốn nêu lên trường hợp tương đối, một bài thơ hay phải chuyên chở hồn tính, có nhạc điệu dễ truyền đạt cảm xúc từ tác giả đến độc giả. Nhận xét và phát biểu một cách nhà quê: Một món ăn hợp khẩu vị được chấp nhận là món ăn ngon chứ không phải do cách thức trình bày món ăn đẹp đẽ màu sắc hấp dẫn trên những chén đĩa chạm trổ ngọc ngà sang trọng.

NMT: *Anh có để ý đến thể loại của bài thơ mình sẽ sáng tác lúc ban đầu?*

TTH: Khi cảm hứng chợt đến mình vội vã ghi lại thành thơ. Sự sáng tạo của thơ xảy ra một cách đột nhiên và không suy tính. Đôi khi có những trường hợp ngoại lệ, nguồn cảm hứng của thơ triền miên dẫn dắt nhà thơ cuốn hút vào sự mê đắm và cấu trúc nên thể điệu thơ có vần hoặc tự do tùy ý. Chỉ ghi lại cảm xúc rồi biến hóa thành thể loại sau.

NMT: *Thơ Tự Do và thơ có vần, anh thích làm thể loại nào? Và loại*

nào khó hơn?

TTH: Đa số bạn bè biểu lộ tình cảm đối với tôi nhiều hơn trong những bài thơ có vần điệu ở ngũ ngôn và lục bát. Trong những tập thơ đã ấn hành, số lượng những bài thơ có vần điệu thường chiếm đa số. Lúc tôi mới bắt đầu làm thơ chẳng khác nào người học lái xe, phải qua những quy luật, đến khi lái giỏi rồi tha hồ nhấn ga, thả tay, nghe nhạc...Tôi vẫn thích thơ có vần điệu dễ nghe hơn, cho dù chúng ta làm mới từ ngữ.

NMT: *Anh có suy nghĩ nào về công việc làm mới thi ca? Theo anh thế nào là làm mới thi ca?*

TTH: Tôi có theo dõi một số nhà thơ hiện nay họ đang cố gắng khai phá một hướng đi mới của thi ca Việt Nam. Không phải hơn hai mươi năm sau mới có hiện tượng "thực hiện cuộc cách mạng thi ca mà anh gọi làm mới thi ca". Trước đây đã có những quá trình tiến triển của thi ca Việt Nam để mong bắt kịp trào lưu tiến bộ của thi ca thế giới, như chúng ta đều biết, những khuynh hướng tả chân, lãng mạn, tượng trưng, hiện sinh, siêu thực...nhưng cuối cùng những bài thơ đích thực xúc động mang hồn tính tuyệt vời của nghệ thuật mới chính là nét đẹp giá trị của thi ca, cho dù sáng tạo dưới bất cứ một thể loại và khuynh hướng nào. Tất cả đều phải thử thách qua thời gian và sự thẩm định của nhân gian. Nhưng tôi vẫn nghi ngờ - có lẽ bảo thủ - những bài thơ lục bát ngắt câu ngắt đoạn sẽ trường thọ và được những người yêu thơ đón nhận dễ dàng!?

NMT: *Thơ mới và thơ hay có phải là một? Hoặc có nhiều phân biệt giữa hai danh từ này?*

TTH: Không nên có sự nhầm lẫn thơ mới và thơ hay là một. Thơ mới chưa hẳn là thơ hay và thơ cũ chưa hẳn là thơ dở. Ông Robert Payne đã sưu tầm vài trăm bài đường thi chuyển dịch ra Anh ngữ, ấn hành năm 1947 để cho người Mỹ đọc dưới nhan sách "The White Pony - An Anthology of Chinese Poetry". Chỉ một bài thơ Lộc Trại của Vương Duy đã có đến vài chục nhà thơ trên thế giới chuyển dịch ra nhiều ngôn ngữ. Về Anh ngữ, đại khái tôi đan cử một số tên tuổi mà tôi còn nhớ: W.J.B Fletcher, Gary Snyder, H.C Chang, William Mc Naughton, Chang Yin-nan và Lewis C. Walnisley, Michael Bullock... chuyển ra Pháp ngữ như Francoi Cheng, G. Margouliès, tiếng Tây Ban Nha của Octavio Paz...chưa kể đến các ông Tản Đà, Chi Điền, Đỗ Bằng Đoàn - Bùi Khánh Đản, Đào Hữu Dương, Trần Trọng Kim, Trần Trọng San, Ngô Tất Tố, Vũ Hoàng Chương, Đào Mộng Nam... Ở địa hạt thi ca Việt Nam thực sự một bài thơ hay tự nó đã hiển nhiên tạo một chỗ đứng rạng rỡ trên thi đàn và trong lòng người ngưỡng mộ. Đã gần trăm năm sau chúng ta đọc Đoạn Trường Tân Thanh thấy vẫn thích và mới lạ, trong khi có thể chúng ta không nhớ được một

bài thơ nào của một vài thi sĩ thời thượng sáng tác thơ mới đây bí hiểm hiện nay. Sự hiện hữu của trái đất đã có hơn 4.5 tỷ năm mà cây lá suối nguồn vẫn mới lạ. Thiên nhiên, tình yêu, quan niệm nhân sinh vẫn là đề tài bất tận. Ông cha ta đã dùng lúa gạo thổi thành cơm nuôi sống từ hơn bốn ngàn năm, cũng lúa gạo đó chúng ta chỉ nên thay đổi cách nấu hay phương tiện hiện đại hơn là dùng than củi. Tính chất nguyên ủy là hồn thơ không nên triệt hủy.

NMT: *Có phải cung cách bí hiểm, suy nghĩ phức tạp xử dụng nhiều kỹ thuật là những cung cách làm mới thơ?*

TTH: Khi làm thơ mà phải chú trọng quá nhiều đến kỹ thuật, tôi nghĩ bài thơ đó sẽ mất tự nhiên thiếu hồn tính. Tuy nhiên ít nhất bài thơ được yêu thích vẫn nên có nhạc tính, tôi muốn nhắc đến vần điệu. Ví dụ như cụ Phan Khôi được ca ngợi nhà thơ mới tiền phong của Văn Học Việt Nam, trong bài Tình Già, cụ vẫn giữ vần điệu đấy chứ. ...ôn chuyện cũ mà thôi Liếc đưa nhau đi rồi, con mắt còn có đuôi... Đến hai câu thơ dễ thương của Tự Đức: ...Đập cổ kính ra tìm thấy bóng Xếp tàn y lại để dành hơi... Những bài thơ của Nguyễn Bính, Nguyễn Nhược Pháp, Hàn Mặc Tử, Xuân Tâm, Vũ Đình Liên, Huy Cận, Vũ Hoàng Chương, Chu Mạnh Trinh ... Cần gì phải bí hiểm phức tạp, khó chuyển đạt sự xúc động của mình đến người khác.

NMT: *Anh có thấy khác nhau nhiều không giữa thơ để đọc bằng mắt và thơ để ngâm bằng miệng?*

TTH: Đôi khi thơ nên đọc bằng mắt để sự trầm lắng hòa nhập vào những tư duy sâu sắc của tác giả. Riêng tôi có cái khoái là khi làm xong một bài thơ ưng ý, đọc lên một mình để nghe cái âm hưởng vọng từ đáy hồn nguyên ủy. Đọc thơ hay hát thơ cũng thú vị lắm chứ. Ý anh muốn đề cập đến thơ tự do, thơ mới bây giờ và thơ ở trong khuôn khổ luật bằng trắc và nhạc tính trong thơ chứ gì? Tôi vẫn thích thơ có vần điệu hơn. Tôi thích đọc thơ hơn là ngâm, nếu hát thơ được thì quá tuyệt.

NMT: *Có người nhận xét ở thơ Thái Tú Hạp, cả ở những bài thơ tự do, vần điệu vẫn được tôn trọng. Do đó, chỉ tự do ở số chữ trong câu không giới hạn thôi. Còn, nguyên chất vẫn là thơ có vần, theo anh, điều ấy đúng không?*

TTH: Có lẽ ảnh hưởng từ thuở ấu thơ tôi nghe bà ngoại ru cháu bằng những câu ca dao đằm thắm êm ả giữa buổi trưa nắng hạ tĩnh lặng, những câu ca dao đó cho đến bây giờ tôi vẫn còn nhớ như in trong tiềm thức, đại khái như: Trên trời có đám mây xanh Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng Ước gì anh lấy được nàng Để anh mua gạch Bát tràng về xây Xây dọc rồi lại xây ngang Xây bờ bán nguyệt cho nàng rửa chân... ...Trèo lên

cây bưởi hái hoa Bước xuống vườn cà hái nụ tầm xuân... ...Chiều chiều ra đứng ngõ sau Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều... Trông về quê mẹ ruột đau chín chiều...bà tôi đã hát thơ từ dạo đó, lớn lên đi vào cõi thơ bằng những âm điệu vang vọng trong hồn từ thuở xa xưa, đủ mọi thể loại, nhưng cho dù, ở thơ tự do tôi cũng đều chú trọng đến vần điệu.

NMT: *Anh làm thơ nhiều bài có ý tưởng Phật Giáo và phong vị thiền. Có phải vì chán cuộc sống này hay tìm được một ý hướng nào hay từ đề tài nói trên?*

TTH: Thưa anh, tôi xin đưa vấn đề xa hơn một chút. Thời Trung học nhà tôi gần ngôi Chùa cổ Hội An. Gia đình đông anh em, tôi thích yên lặng, nên hay rủ bạn bè vào chùa ngủ những đêm trăng sáng. Tiếng chuông khua trong chiều tịch lặng, sân chùa thoảng mùi hương ngọc lan, mùi trầm hương từ chánh điện. Tôi cảm thấy tâm hồn an bình êm ả vô cùng, lòng yêu thương như giòng sông Thu tỏa rộng hòa nhập với đại dương. Nhờ thời gian lui tới nơi chốn thanh tịnh đó, tôi đã biết yêu thơ của các thiền sư Khuông Việt, Vạn Hạnh, Mãn Giác, Ngộ Ấn, Hương Hải, Không Lộ...biết những tên tuổi lừng lẫy của Đường Thi qua những tài danh lỗi lạc như Lý Bạch, Thôi Hiệu, Vương Duy, Lý Thương Ẩn, Đỗ Phủ...mới biết thế giới của André Gide, Hemingway, Kafka, Jean Paul Sartre, Nietzsche Heidegger...cho dù tôi chỉ mới đứng ở bờ mé của biển học mênh mông tuyệt vời đó...và đang chỉ là hạt cát ngu dốt trên bờ sông Hằng. Tôi đã vô hình chung thẩm thấu ít nhiều hơi thở của tư tưởng Phật Giáo thế là tôi cúi đầu thầm lắng đi vào cõi thơ lãng đãng những mùi trầm hương và những đóa hoa sen giữa nguyệt hồ. Càng trải qua những biển dâu tang điền, tuổi càng ngất ngưỡng ở cửa tri thiên mệnh, tôi càng chiêm nghiệm lẽ vô thường, mọi hiện hữu đều sinh diệt như những ảo ảnh không thật, như huyễn hóa, như bọt sóng, như sương trên cành. Và tôi hiểu chỉ có con đường trở vào cõi tâm mới là nơi chốn an bình. Đích thực là thế giới thanh tịnh của Chân Như.

NMT: *Thơ phải chân thành thì mới có xương máu cốt tủy thật. Khi anh làm thơ, có thái độ ấy không?*

TTH: Anh đề cập đến thơ xương máu cốt tủy, tôi chạnh nhớ thi sỹ Bích Khê và Hàn Mặc Tử: "Ta muốn hồn trào ra đầu ngọn bút Mỗi lời thơ đều dính não cân ta Bao nét chữ quay cuồng như máu vọt Như mê man chết điếng cả làn da..." (Hàn Mặc Tử) "Hồn tôi như đỉnh hương Bốc lên mình thánh giá Ý xuân mát đến xương Ngậm tuyết phun lã chã..." (Bích Khê) Đó là những áng thơ trác tuyệt của thế giới thơ tượng trưng của Hàn Mặc Tử và Bích Khê hai thi tài xuất chúng của nền thi ca Việt Nam tiền chiến. Chân thành đến như thế mới truyền đạt tinh túy của tác giả đến

người đọc. Riêng tôi, khi làm thơ dĩ nhiên cũng phải có sự chân thành cảm xúc mới sáng tác được chứ. Và sự chân thành đó chẳng khác nào xương máu cốt tủy để hình thành những đứa con tinh thần. Tôi rất khó với chính tôi. Vì có một số bài thơ sau một thời gian ngắn đọc lại tôi cảm thấy chán quá nên vứt bỏ luôn. Những bài còn lại ít nhất cũng cưu mang "chút" hồn, đó chính là những "sát na" chân thành nhất mà mình bắt gặp. Với tôi làm thơ là để giải tỏa những cảm hoài, nhớ nhung và cô đơn cùng tận.

NMT: *Có người đã ví von giữa hai danh từ thơ - triết học và triết học - thơ để nối liền hai phạm trù khác nhau. Riêng anh, anh thơ triết học hay triết học thơ? Xin giải thích để độc giả chia sẻ?*

TTH: Thơ chuyên chở tình cảm, tư tưởng suy diễn từ lý trí. Lớn lên trong thời điểm chiến tranh bùng vỡ ác liệt nhất từ 1960-1975, bị cuốn hút vào cuộc chiến như cơn lốc kinh hoàng. Nhiều nhà thơ Việt Nam - trong đó có tôi - đã đi tìm cho chính mình một lối thoát bằng đức tin tín ngưỡng, tình yêu, hay thái độ triết lý phản kháng đối thoại với hư vô, với sự bi thảm cô đơn không lối thoát. Làm thơ giải tỏa những tư duy với chính mình. Khác với Phạm Công Thiện, Bùi Giáng, Rabindranath Tagore muốn đưa triết học vào thi ca - triết học thơ - Hay những thiền sư Việt Nam từ trong cõi thơ đã ngẫu nhiên hàm chứa những tư tưởng sâu sắc của triết học - thơ triết học - Riêng với thế giới thơ nhỏ bé của tôi, diễn tả theo sự xúc động của mình trước ngưỡng cửa tình yêu, quan niệm về nhân sinh, về sự tỉnh thức trước thời cuộc, rất tự nhiên như hơi thở...Tôi không nghĩ trước những nhạy cảm bắt gặp, ẩn dụ những tư tưởng cao xa. Đó chỉ là những hạt bụi vô nghĩa của một người làm thơ tầm thường nhất.

NMT: *Làm thơ tình tự quê hương là một phần rõ ràng của thơ Thái Tú Hạp. Điều gì đã khiến anh xúc động để làm công việc ấy?*

TTH: Thời gian phục vụ trong quân ngũ tôi có cơ may đi qua nhiều địa danh quen thuộc tại vùng I Chiến Thuật từ Khe Sanh, Ái Tử, Phá Tam Giang...đến vùng A Shaut A Lưới, Thượng Đức, dãy núi Sơn Gà thuộc quận Đại Lộc, Trà Mi, Tiên Phước, Kỳ Sơn, Tiên Lãnh, An Điềm...tôi đã từng ngẩn ngơ trước cảnh hùng vĩ tuyệt đẹp của thiên nhiên, chưa kể những cảnh trí mộc mạc của đời sống thôn dã, hình ảnh giã gạo dưới ánh trăng vằng vặc, những cô thôn nữ tát nước bên đình làng, tiếng trẻ thơ chạy đùa trong sân trường tỏa nắng, tiếng chuông chùa hiu hắt ngân dài trên giòng sông êm đềm...Tất cả đã làm cho hồn tôi chùng xuống rung động...và tôi đã ghi lại.

NMT: *Những biến cố của quốc gia dân tộc đã ảnh hưởng thế nào trong thơ của anh?*

TTH: Tôi là nạn nhân và chứng nhân trước những cảnh tượng đau

lòng giờ thứ 25 khi những người CS Miền Bắc tiến vào thành phố trước sự hốt hoảng của mọi người dân miền Nam. Tôi không thích bạo lực nên tôi rất xúc động trước những bi cảnh con người đối xử với con người như một loài súc vật. Có lẽ tôi ảnh hưởng sâu đậm tư tưởng Phật Giáo nên cho rằng dân tộc Việt Nam trả nghiệp của tiền nhân nặng nề quá. Tôi liên tưởng đến dân tộc Chàm, Hời, đến những cung điện đền tháp một thời vang bóng đã chìm sâu dưới điêu tàn đổ nát. Làn sóng di tản kinh hoàng trước lửa đạn. Những nghiệt ngã đau thương trong các trại cải tạo. Những thảm cảnh khủng khiếp của thuyền nhân trên biển cả. Biến cố của thời điểm lịch sử khó mà phôi phai được trong hồn Dân Tộc. Tôi đã đưa vào thơ trung thực một số hình ảnh của bối cảnh lịch sử bi tráng đó.

NMT: *Là người lính, người tù, người vượt biển và người ly hương - Anh tâm đắc ở vai trò nào nhất trong đời sống thi ca?*

TTH: Hầu như ở mỗi hoàn cảnh, mỗi giai đoạn người lính, người tù, người vượt biển và người lưu vong tôi vẫn có những xúc cảm riêng biệt. Trong chiến tranh, tôi đã thường trực đối diện với những cảnh tượng khủng khiếp đầy chết chóc ở chiến trường. Chắc anh còn nhớ - Đại Lộ kinh hoàng tại Quảng Trị - hình ảnh đau lòng của cả Dân Tộc. Đến khi vào tù, chính những lớp người đã từng thể hiện tình người trong cuộc chiến dã man đó bây giờ là nạn nhân của cuộc thanh trừng tồi tệ nhất. Những đau thương nghiệt ngã trong trại tù là những hiện cảnh bi hùng xót xa. Chứng tích đen tối của trang sử sau cuộc chiến vẫn hồi trên quê hương Việt Nam. Vượt biển chẳng khác nào đi vào cõi chết để tìm lẽ sống "thập tử nhất sinh", theo tài liệu chính xác ghi nhận từ Cao Ủy Tỵ Nạn Liên Hiệp Quốc có đến 50% chết trên biển Đông. Cứ 1 triệu người có đến 500 ngàn thuyền nhân bỏ thây trên biển cả. Chính tôi đã nhìn thấy bốn chiếc thuyền, mỗi chiếc gần 200 người ra đi cùng thời điểm với chúng tôi ở Đà Nẵng. Khi mới ra khỏi hải phận Việt Nam đã chìm hết 2 chiếc và chiếc của tôi cũng bị gió bão đánh chìm chết 13 người, may có thuyền đánh cá HongKong ở gần đảo Hải Nam đến vớt kịp. Dĩ nhiên, những cảnh tượng đó làm cho tôi vô cùng xúc động. Đến cảnh sống lưu vong trăm ngàn đắng cay trong thân phận người tỵ nạn. Ở xứ người mà tâm tư cứ hướng về quê hương vì nơi chốn chứa chan bao kỷ niệm êm đềm. Qua những phân tích đó không những riêng tôi mà những người Việt Nam cùng cảnh ngộ - tôi nghĩ - đều đồng ý trước những bi thảm chung của dân tộc sao gọi là tâm đắc? Tôi không tâm đắc ở hoàn cảnh nào cả, mà tôi chỉ xúc động thực sự.

NMT: *Anh suy nghĩ về cuộc chiến vừa qua như thế nào? Và có thay đổi theo từng thời kỳ của cuộc sống mình không?*

TTH: Cuộc chiến vừa qua chẳng khác nào vết chém trong tim Mẹ Việt Nam. Với vai trò một người lính tham chiến trong bản năng tự vệ, sinh tồn nhiều hơn là mục tiêu hờn căm...uống máu quân thù...,tôi thường hay mang tâm trạng không thích chiến tranh quá độc ác, vì bom đạn nước ngoài không phân biệt anh em và đồng bào. Tôi không thích CS Miền Bắc đưa quân vào gây chiến ở miền Nam và tôi cũng không ưa gì những nhà hoạt đầu chính trị thường trực gây xáo trộn ở Thủ đô. Đã hơn 20 năm nhiều người cho rằng "lịch sử đã sang trang", thế hệ sinh trưởng thời điểm tháng 4.75 bây giờ đã trưởng thành đang vươn tới trào lưu tiến bộ chung của nhân loại, đôi khi họ không cần đếm xỉa đến ý thức hệ Cộng sản, Quốc Gia là gì? Nhưng với chúng ta thì khó mà xóa được vết thương in sâu trong tim óc. Nhất là công việc làm báo của tôi hàng ngày, tôi phải tiếp xúc thường trực với cộng đồng, tham dự những sinh hoạt về văn hóa, xã hội, chia xẻ những tư duy với anh em cựu tù nhân chính trị còn giữ được liêm sỷ và phẩm cách người lính trong QL. VNCH đang chịu ngàn đắng cay thiệt thòi nơi xứ sở vừa định cư. Lịch sử đang còn tiếp diễn dưới những hình thức tân tiến hơn bạo lực của vũ khí. Tôi chán ghét những người đầu cơ danh vọng quên cả nguồn cội Dân Tộc, và Tổ Quốc Việt Nam thân yêu. Sống kiếp lưu đầy tôi càng dị ứng chính trị vì bản chất thủ đoạn của nó.

NMT: *Anh nghĩ thế nào về lằn ranh quốc cộng. Tới bây giờ, nó còn hiện hữu hay dần dần bị triệt tiêu bởi tình hình thế giới và trong nước đã biến đổi?*

TTH: Theo thiển ý của tôi, chỗ đứng hiện tại mà mình đang chọn để tạm dung đã khẳng định thái độ chính trị. Nhà văn Nga Aleksandr Isayevick Solzhenitsyn đi loanh quanh rồi cũng trở về cố quốc. Tôi nhắc lại với anh tôi không thích chính trị vì tính chất thủ đoạn, ở gần với người bạn như lưỡi dao lam thì ghê quá. Tôi vẫn mong mỏi một ngày nào đó những người Việt Nam lưu vong trên khắp cùng thế giới sẽ đoàn tụ với quê hương trong cảnh sống thanh bình và tự do thực sự. Nơi đâu có ánh sáng của tình thương lan tràn thì bóng tối sẽ tiêu tan. Tôi hy vọng như thế. Vì bản chất người Việt Nam hiền hòa và đôn hậu.

NMT: *Thơ tình, theo anh có dễ làm không? Khi anh viết loại ấy, có nghĩ đến một đối tượng nào không? Chữ em có khi nào để chỉ người tình và có lúc không phải là người vợ?*

TTH: Trong những tập thơ đã ấn hành hầu như có đến phân nửa đề cập đến tình yêu. Trước khi gặp nhà tôi, thơ vương vấn tình yêu vu vơ, chợt đến chợt đi ở tuổi học trò...Đến khi cá đã cắn câu...thì y như thế giới chỉ còn lại một người. Vì nhà tôi đã theo tôi suốt cuộc tử sinh, đắng cay

em chịu mặn nồng em mang...Tôi đan cử bài thơ "Mùa Xuân Yêu Em" để chứng minh bất cứ thời gian, không gian nào cũng có "nhà tôi bên cạnh". Dĩ nhiên chữ em không ngoài là "người tình trăm năm" mà tôi đã ưu ái dành tặng...mùa xuân yêu em dành tặng Ái Cầm mùa xuân từ thuở yêu em núi non xứ Quảng cũng mềm bước đi hàng cây nẩy lộc thầm thì nghe như giòng suối từ bi cội nguồn mùa xuân từ độ bao dung tiếng chung thủy ở. Tiếng đường mật vui tiếng hờn ghen. Tiếng ngậm ngùi tiếng đau dao cắt. Tiếng mùi mẫn yêu lúc khuya sớm thuở quê nghèo lúc chinh chiến lửa phận treo tuổi mình lúc ngã ngựa. Khi tàn binh lúc non cao vẫn trọn tình thăm nuôi trùng dương u thảm phận người quẩn quanh hải đảo tiếng cười đắng cay xa rồi thác lũ trời tây đời hư ảo thoáng chim bay cuối ngàn đất trời thơm ngát lộc non cho ta xuân thắm vô vàn yêu em

NMT: *Anh đã thực hiện tuyển tập "Thơ Văn Hải Ngoại". Vậy, anh có nhận xét gì về văn học VN ở hải ngoại?*

TTH: Có ba giai đoạn được ghi nhận hiện tượng nở rộ Văn chương Việt Nam ở hải ngoại.

- *Giai đoạn sau 75:* Một số nhà thơ, văn thành danh trong nước, tiếp tục viết lách, khi đến miền đất mới định cư, thể hiện những bức xúc rã rời của tâm trạng người ly hương băn khoăn trước tương lai mờ mịt. Những tên tuổi như Vũ Khắc Khoan, Võ Phiến, Thanh Nam, Phan Lạc Tiếp, Phạm Công Thiện, Du Tử Lê, Hà Huyền Chi, Trùng Dương, Võ Đình, Viên Linh, Nghiêm Xuân Hồng, Vi Khuê, Linh Bảo, Minh Đức Hoài Trinh, Nhất Hạnh, Tuệ Nga, Nguyên Sa, Nguyên Vũ, Thi Vũ, Lê Tất Điều, Kiêm Thêm, Lôi Tam, Mặc Đỗ, Trang Châu, Cao Tiêu, Đỗ Quý Toàn, Hoàng Khởi Phong, Nhất Tuấn, Nguyễn Đạt Thịnh, Huy Lực...

- *Giai đoạn thuyền nhân:* Thời điểm gây xúc động lớn trên thế giới về thái độ quyết tâm rời quê hương tìm tự do bằng tất cả hình ảnh bi thảm nhất trong lịch sử hiện đại. Chúng ta ghi nhận có Mai Thảo, Nhật Tiến, Khánh Trường, Nguyễn Mộng Giác, Trần Hoài Thư, Thái Tú Hạp, Hồ Trường An, Đỗ Tiến Đức, Nguyễn Tất Nhiên, Lê Huy Oanh, Đặng Phùng Quân, Nguyễn Mạnh Trinh, Nguyễn Văn Sâm, Hà Thúc Sinh, Hoài Điệp Tử, Hoàng Anh Tuấn, Tuấn Huy, Hồ Thành Đức, Tường Năng Tiến, Nguyễn Ngọc Ngạn, Ngô Thế Vinh, Cung Vũ, Luân Hoán, Nguyễn Đức Bạt Ngàn, Huyền Không, Phạm Quốc Bảo, Nguyễn Đức Lập, Nguyễn Xuân Hoàng, Lâm Tường Dũ, Triều Hoa Đại, Cao Xuân Huy, Nghiêu Đề, Định Nguyên, Lâm Hảo Dũng, Thường Quán...

- *Giai đoạn cựu tù nhân chính trị:* Những chứng liệu xác thực, trở thành những bản cáo trạng bản chất và hiện tượng chế độ độc hiểm tại Việt Nam, qua những tên tuổi đáng tin cậy ghi nhận như Duy Lam, Hà

Thượng Nhân, Hồ Minh Dũng, Trần Doãn Nho, Cao Mỵ Nhân, Nguyễn Sỹ Tế, Thanh Tâm Tuyền, Lâm Chương, Đặng Trần Huân, Huy Trâm, Trần Dạ Từ - Nhã Ca, Tô Thùy Yên, Cung Trầm Tưởng, Phan Nhật Nam, Mai Trung Tĩnh, Hoàng Hải Thủy, Doãn Quốc Sỹ, Nguyễn Chí Kham, Hoàng Lộc, Tạ Tỵ, Thảo Trường, Duy Năng, Nguyễn Thạch Kiên, Nguyễn Chí Khả, Lê Mai Lĩnh, Huy Phương, Nguyễn Xuân Thiệp...

Ngoài ra từ sau 75 ở hải ngoại, một lực lượng sáng tạo, trẻ trung với nhiều khai phá mới mẻ khởi sắc lên đến hàng trăm tên tuổi, chúng ta ghi nhận như Nguyễn Hưng Quốc, Lê Bi, Lưu Nguyễn, Hoàng Xuân Sơn, Nguyễn Thị Thanh Bình, Phạm Việt Cường, Hoàng Mai Đạt, Phan Tấn Hải, Vĩnh Hảo, Trần Trung Đạo, Trần Diệu Hằng, Nghiêu Minh, Trần Long Hồ, Lê Thị Huệ, Trần Thị Lai Hồng, Lê Giang Trần, Nguyễn Thị Ngọc Nhung, Phan Trọng Tuyến, Trần Sa, Trịnh Y Thư, Huỳnh Liễu Ngạn, Nguyễn Thị Long An, Ngô Nguyên Dũng, Trần Vũ, Vũ Kiện, Võ Kỳ Điền, Ngô Tịnh Yên...và thực tình tôi không nhớ hết, tuy nhiên đáng ca ngợi hiện tượng trăm con sóng vỗ vào bờ tô điểm phong phú cho dòng văn học Việt Nam lưu vong. Điều đó chứng tỏ tinh thần yêu nước, yêu văn hóa của người Việt lưu vong trên khắp cùng thế giới rất mãnh liệt và đầy niềm tin vươn tới tương lai.

NMT: *Anh có bi quan hay lạc quan khi nghĩ đến tương lai của nền văn học ấy? Sẽ hội nhập vào dòng chính ở xứ sở tạm dụng, hội nhập với dòng văn học ở quê nhà hay vẫn là một dòng riêng với đầy đủ bản sắc?*

TTH: Tôi có dịp đọc một số tài liệu đề cập đến sự du nhập Phật Giáo vào xứ sở Hoa Kỳ từ hơn nửa thế kỷ trước do những nhà sư Trung Hoa, Thái Lan, Ấn Độ trong các thư viện ở Los Angeles. Lúc đầu cũng đầy dẫy sinh khí tôn giáo do thiện nam tín nữ Phật Giáo thuộc các cộng đồng Á Châu mang đến. Nhưng dần dà qua vài thế hệ chùa chiền cũng giảm thiểu và số tín đồ Phật Giáo cũng vơi đi phần nào. Ngay thế hệ con cháu chúng ta - đối tượng tiếp nhận và nuôi dưỡng - thực sự đau lòng là đã quên tiếng Việt thì làm sao đủ kiến thức đọc sách vở mang nội dung văn học Việt Nam? Khó có thể giữ bản sắc đặc thù của giòng văn học Việt Nam ở hải ngoại. Chỉ còn chút hy vọng cuối cùng chúng ta nên đầu tư tiếng Việt vào con cháu ở trong mỗi gia đình cũng như những trung tâm Việt ngữ. Cụ Phạm Quỳnh đã từng nói: "Chữ Quốc ngữ còn, nước Việt còn..." hãy cố gắng giữ nước Việt trong hồn lưu vong. Đó là chuyện nuôi dưỡng tiếng Việt. Vì nếu không biết tiếng Việt thì làm sao phát huy và bảo tồn văn hóa Việt Nam ở hải ngoại, mấu chốt của vấn đề bi quan hay lạc quan ở điểm đó. Còn chuyện hội nhập với dòng văn học ở quê nhà hay vẫn giữ một dòng riêng còn tùy thuộc ở kiến thức và nhận thức chỗ đứng trong phạm

trù ý thức hệ. Khó mà suy đoán tương lai, vì thế giới thay đổi từng giây từng phút theo quỹ đạo tiến bộ chung của nhân loại. Việt Nam cũng chỉ là một con ốc trong guồng máy lớn. Biết đâu một ngày nào đó Việt Nam không còn biên giới trong và ngoài nước.

NMT: *Khi chọn thơ để làm tuyển tập, anh yêu thơ của ai nhất?*

TTH: Khi tôi dự tính thực hiện tập 1 Tuyển Tập Thơ Văn Việt Nam Hải Ngoại, tôi hoàn toàn không vì định kiến, bỏ quên những tài thơ, những nhà văn xuất sắc. Cho đến nay tôi vẫn giữ nguyên thái độ độc lập về mọi phương diện, mọi lãnh vực. Tôi yêu quý tất cả mọi người đã đến rong chơi trong thế giới Văn chương tuyệt vời nầy. Tôi quan niệm chính chúng ta những người bạn tri âm tri kỷ đồng thuyền đồng hội cùng nghiệp dĩ mà không thương yêu lẫn nhau thì bảo ai thương chúng ta.

NMT: *Và trái lại, anh ghét loại thơ nào nhất, và thi sĩ nào bị anh khó chịu nhất?*

TTH: Tôi yêu những bông hoa xinh đẹp và tôi ghét những con sâu làm héo uá cánh hoa.

NMT: *Anh có đọc sách vở báo chí phát hành từ trong nước. Anh có thể có một vài nhận xét?*

TTH: Vài năm trước tôi có đọc "Thiên Đường Mù", "Bên Kia Bờ Ảo Vọng" của Dương Thu Hương, "Tướng Hồi Hưu" của Nguyễn Huy Thiệp, "Thiên Sứ" của Phạm Thị Hoài, "Nỗi Buồn Chiến Tranh" của Bảo Ninh, "Ly Thân" của Trần Mạnh Hảo...Thơ Bút Tre (những bài thơ đầy châm biếm chế độ), Nguyễn Duy (Tổ Quốc nhìn từ xa), Trần Vàng Sao (những bài thơ phản kháng), Bùi Minh Quốc "Đêm Chong Đèn Nhớ Lại"...Kịch có Lưu Quang Vũ "Hôn Trương Ba Da Hàng Thịt". Gần đây có "Marie Sến" của Phạm Thị Hoài. "Viết Cho Mẹ và Quốc Hội" của Nguyễn Văn Trấn. Tôi rất mến phục thái độ "uy vũ bất năng khuất" của những tác giả trong nước. Cũng như tôi đã từng quý mến những cây bút thép trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm do cụ Phan Khôi chủ xướng ở miền Bắc thời kỳ 1956-1957. "Dù sợi tóc còn cứa vào nhân phẩm. Tôi còn thét to, dù khản tiếng, tàn hơi..." "...Sét nổ, trên đầu không xô tôi ngã. Bút giấy tôi ai cướp giật đi. Tôi sẽ dùng dao viết văn trên đá..." Cho dù không đạt thành công nhưng đã tạo nên một không khí phản ứng đáng kể lôi cuốn những nhà trí thức uy tín nhập cuộc, ánh sáng loé lên cuối đường hầm nhưng đã khích động thêm nhiều phong trào phản kháng sau đó làm cho nhà nước CSVN phải suy nghĩ.

NMT: *Nếu phải so sánh hai nền thi ca, ở trong và ở ngoài, anh sẽ phân tích như thế nào để tổng hợp thành một kết luận chính xác?*

TTH: Muốn tổng hợp thành một kết luận chính xác, chúng ta phải

dựa trên tài liệu đầy đủ như thế mới tránh khỏi tình trạng hồ đồ kém giá trị và thiếu lương tâm của một người nhận định thuần túy văn học nói chung một cách khách quan. Muốn thực hiện được điều đó, chúng ta phải quan niệm Văn chương có một ngôi vị cao hơn, tuyệt đối không là phương tiện của chính trị. Chính trị chỉ có giai đoạn, Văn chương tự nó đã khai phóng bay bổng lên đỉnh cao trí tuệ của loài người. Theo tôi thơ chỉ nên mang những tuyên ngôn của tình yêu và hòa bình.

NMT: *Nhà văn Mai Thảo khi nhắc đến thơ bây giờ đã tỏ ra rất bi quan vì cho rằng bây giờ văn chương đã xuống giá với sự hàng quan không chú ý tới của độc giả. Anh có đồng ý với ý kiến trên không?*

TTH: Qua nhận xét của nhà văn Mai Thảo, chúng ta liên tưởng đến thi sỹ Tản Đà sinh năm Mậu Tý 1888 tại làng Khê Thượng, huyện Bất Bạt, Tỉnh Sơn Tây. Cách đây hơn một trăm năm mà nhà thơ Tản Đà đã tiên tri đến hoàn cảnh văn chương ở vào thời điểm bi quan thê thảm lúc đó không khác gì hiện tình sinh hoạt văn nghệ Việt Nam nơi hải ngoại bây giờ:...

Cuộc trần thế kiếm ăn chẳng dễ.
Rẻ rúng thay là nghệ làm văn!
...Văn chương hạ giới rẻ như bèo
Kiếm được đồng lãi thực rất khó ...
Cái nghiệp văn chương nghĩ thật phiền
Văn ế bao giờ cho bán hết
Phen này có nhẽ gánh lên tiên!...

Kiếm sống ở cái xứ sở nầy không phải dễ, nhất là bằng đồng tiền mồ hôi nước mắt và lương thiện. Tâm trạng chung của quần chúng lo chuyện toan tính kiếm sống đã hết thì giờ, hơi đâu theo dõi sinh hoạt văn học nghệ thuật. Tôi hoàn toàn đồng ý với nhận xét của anh Mai Thảo, đề cập đến sự thực phũ phàng đó. Mọi sinh hoạt đang như có vẻ đồng hương chúng ta đứng ngoài bàng quan một cách tàn nhẫn, nên chỉ co cụm quanh quẩn những khuôn mặt quen thuộc trong giới làng văn chúng ta thôi. Có cơ hội anh hỏi các nhà sách ở Orange County và các nhà phát hành thì biết về hiện tượng sách báo hiện nay. Có thể tôi quá chủ quan trong phát biểu của mình chăng?

NMT: *Anh có nghĩ đến sự giao lưu văn hóa giữa trong và ngoài nước ở bây giờ hoặc trong tương lai? Anh có nghĩ đến ngày sách của mình được phát hành ở trong nước không?*

TTH: Giao lưu thực sự phải là sự hòa hợp giữa hai chiều, như anh biết cho đến nay chỉ có sách báo trong nước xuất hiện lai rai ở hải ngoại và chúng ta thỉnh thoảng cũng dễ dãi đón nhận.... Trái lại trong nước chưa bao giờ chấp nhận một cuốn sách nào của các nhà văn lưu vong. Cuộc

chơi thực sự chưa công bằng. Tôi nghĩ đến một lúc nào đó, giữa chúng ta cũng nên phá chấp, cởi bỏ những thiên kiến chính trị, vượt lên cao với ý niệm tình tự dân tộc. Lịch sử đã chứng minh bao nhiêu lần dân tộc ta đánh thắng Bắc phương, âm mưu thôn tính cơ đô của ta, nhưng thắng rồi ta lại đem lễ vật sang cầu hòa để mưu cầu cho dân an lạc. Những trí tuệ đầy sáng tạo và tình cảm thiêng liêng của những người cầm bút trong và ngoài nước, hy vọng sẽ gặp nhau ở đỉnh thăng hoa của chân thiện mỹ. Tôi vẫn tin tác phẩm đích thực có giá trị về văn học nghệ thuật mang tư tưởng khai phóng, tự do và nhân bản cho dù trong nước hay hải ngoại chúng ta cũng nên khuyến khích như công trình bảo tồn và phát huy văn hóa dân tộc. Không cần sự tiếp tay bằng phương tiện quảng cáo, tự nó cũng đủ thẩm định giá trị văn học hữu xạ tự nhiên hương... Không ai có thể khống chế được tư tưởng.

NMT: *Anh có ước mơ nhiều không? Và ước mơ ấy thể hiện thế nào trong thơ anh?*

TTH: "Con người là cây sậy có tư tưởng" (Pascal). Có tư tưởng sinh ra vọng ngã, cho dù ước mơ lớn nhỏ nẩy sinh tùy từng thời kỳ theo tuổi đời trôi nổi. Khi mới biết yêu thì ước mơ có người yêu xinh đẹp và khi yêu thì ước mơ lấy người mình yêu. Trong thời kỳ chiến tranh khốc liệt nhất, thơ tôi đã ươm đầy những ước mơ cho Hòa Bình sớm đến với dân tộc Việt Nam, tôi sẽ đưa vợ con đến cư ngụ tại thành phố Đà Lạt vì sau thời gian về thụ huấn tại trường Đại Học Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt tôi đã yêu mê thành phố sương mù thơ mộng nầy. Khi đất nước vãn hồi hòa bình, tôi ước mơ sẽ đưa vợ con rong chơi từ Nam ra Bắc. Nhưng sau cơn biến động lịch sử 30-4-1975, tôi đã vào tù và sau đó vượt biển rời khỏi quê hương. Những ước mơ nhỏ bé đó thực tế không thực hiện được, nên tôi đưa vào thế giới thơ đầy tưởng nhớ trong tập "Miền Yêu Dấu Phương Đông". Một ước mơ khác ngoài thơ. Khi vượt biển tận mắt nhìn những thuyền nhân chết trên biển đông nên tôi ước mong một ngày nào đó đến xứ sở tự do tôi sẽ cố gắng lập Đàn Tràng Siêu Độ đến những thuyền nhân bất hạnh nầy, điều mơ ước đó tôi đã thực hiện vào năm 1995 khi tôi ra mắt thi phẩm Hạt Bụi Nào Bay Qua thu được một số tài chánh do bằng hữu nồng nhiệt yểm trợ, tôi dành nguyên số tiền tổ chức Đàn Tràng Siêu Độ Thuyền Nhân Và Những Chiến Sĩ Quốc Gia Hy Sinh Vì Lý Tưởng Tự Do tổ chức tại công viên Thành phố Monterey Park, California với sự tham dự đông đảo của các chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa, Đại Đức, Tăng Ni và đồng bào. Tôi còn nuôi ước mơ nếu có một số tiền tôi sẽ kêu gọi mọi người cùng nhau thực hiện Tượng Đài Thuyền Nhân tại California để con cháu chúng ta biết đến sự hy sinh đánh đổi tự do bằng giá quá đắt trong lịch sử hiện

đại. Và ước mơ sau cùng Quê hương Việt Nam sớm thanh bình, tự do dân chủ thực sự. Mọi người đều có cơm ăn áo mặc, đất nước phồn vinh.

NMT: *Anh là một người khá bận rộn, vậy anh thu xếp thời giờ thế nào để thực hiện những dự trù trong công việc sáng tác?*

TTH: Như tôi đã trình bày với anh, thơ đối với tôi bây giờ như hơi thở hay nồng nhiệt hơn như "nha phiến" đối với một người đã nghiện lâu năm. Bằng mọi cách tôi phải cố gắng sắp xếp một khoảng thời gian nào đó để sống riêng cho mình. Những giây phút đó, tôi mới cảm thấy mình thực sự hạnh phúc. Vì đã bỏ quên tất cả những dị hợm dối trá của đời sống, trở về cõi tĩnh lặng an bình nhất của tâm hồn.

NMT: *Một ngày của nhà thơ Thái Tú Hạp?*

TTH: Buổi sáng dậy lúc 6 giờ nấu nước pha trà, đọc qua vài trang sách mà mình thích. Chuẩn bị đưa con đi học và đến tòa báo ghi nhận một số tin tức mới nhất trên đài truyền hình, đài phát thanh. Chạy đi mua mấy tờ báo Mỹ như New York Times, Los Angeles Times, US Today...Về đón vợ đến mở cửa tòa báo. Cứ thế đều đặn từ thứ hai đến thứ sáu, đặc biệt thứ bảy ngủ trễ hơn một chút đến 9 giờ mới tà tà đến tòa báo. Chủ nhật có khi chương trình dành cho gia đình hoặc bằng hữu họp mặt. Nhưng vất vả nhất là từ thứ hai đến thứ tư báo lên khuôn đều phải ở lại đến thật khuya để theo dõi cập nhật tin tức thời sự. Cứ thế tôi và nhà tôi - Ái Cầm - điều hành tờ báo Saigon Times đã gần 10 năm nay đều đặn như con thoi trong khung cửi. Những tình cảm mới và cũ, đến và đi đã để lại ít nhiều giao động trong lòng chúng tôi.

NMT: *Anh có muốn nói gì thêm với độc giả?*

TTH: Hai mươi năm qua như một thoáng mây trôi vô thường như huyễn. Đã có nhiều nhà văn, nhà thơ, nhạc sỹ trong nước và hải ngoại đi vào cõi miên viễn không vướng bận hận thù. Hai mươi năm ta tưởng chừng như mới hôm qua rời xa quê hương yêu dấu. Thân xác như căn nhà cõi tạm sớm muộn rồi chúng ta cũng trả về đất nước gió lửa. Hãy theo con đường từ bi của Đức Phật: Chỉ có tình thương mới xóa bỏ hận thù. Khi chúng ta còn nhân duyên đi bên nhau giữa cuộc đời đầy buồn vui nầy, xin hãy cầu nguyện trong mỗi trái tim là một đóa Vô Ưu nở thắm tình người.

Los Angeles, tháng 6.1996

Song Thao

Tên thật: Tạ Trung Sơn
Nguyên quán: Hà nội, tuổi Dần
Theo học các trường Dũng Lạc (Hà nội), Chu văn An (Sài gòn), Đại học Văn khoa (Sài gòn)
Từ 1959 đến 1975, cộng tác với nhiều nhật báo, tuần báo, bán nguyệt san, nguyệt san tại Sài gòn
Định cư tại Montréal Canada từ 1985.
Khởi viết truyện ngắn năm 1991.
Đã có truyện đăng trên các tạp chí hải ngoại: Văn Học, Văn, Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, Nắng Mới, Làng Văn.

Đã góp truyện trong các tuyển tập:
* *Truyện ngắn Hai mươi năm Văn học Việt Nam Hải ngoại 1975-1995*, Văn Bút Việt Nam Hải ngoại xuất bản, Hoa Kỳ, 1995.
* *Hai mươi người viết tại Canada*, Nắng Mới xuất bản, Canada, 1995.
* *Hai mươi năm Văn học Việt Nam Hải ngoại 1975-1995*, Đại Nam xuất bản, Hoa Kỳ, 1995.

Đã xuất bản:
* *Bỏ chốn mù sương*, tập truyện, Kinh Đô, Hoa Kỳ xuất bản, 1993.
* *Đong đưa cuộc tình*, tập truyện, Ngày Nay, Hoa Kỳ xuất bản, 1996.

Trả lời phỏng vấn:

Tại sao viết? Tất cả những gì chui qua tai, qua mắt và bắt cái đầu nghĩ ngợi, không viết nó ra nó cứ bám cứng trong đầu chịu gì nổi.
Viết cho ai? Cứ coi tôi như một anh đầu bếp. Đi chợ mua thịt mua cá, lựa rau lựa dưa, bắt thêm củ hành củ tỏi mang về xào xào nấu nấu. Cứ coi người đọc như những thực khách vào một nhà hàng. Ông thích thế này, bà thích thế kia, bá nhân bá tính, mặn nhạt tùy người. Tôi dọn ra một món ăn, người khen người chê, người thích người không thích. Tôi cố nấu nướng sao cho mọi người đều hài lòng, càng nhiều càng tốt. Nhưng anh đầu bếp cũng có vấn đề của anh đầu bếp. Nấu nướng lâu ngày ngửi mãi mùi thức ăn mình nấu cũng đâm chán. Chán mà chẳng bỏ được!
Ví von cho vui vậy thôi chứ thực ra ở ngoài đời tôi là người nấu ăn rất dở. Dở tàn canh!

Âm vang ngàn sóng

Song Thao

Tôi xăm xoi nhìn những bậc thang bằng đá quấn quít nhau chạy lên cao theo đường vòng trôn ốc. Mỗi bậc đá đều bị vẹt mòn ở giữa thành dáng một chiếc đáy thuyền. Chiếc đáy thuyền của thời gian tạo nên bởi những bước chân con người. Ngọn đèn bóng tròn đỏ quạch treo lủng lẳng trên tường hắt xuống một thứ ánh sáng bệnh hoạn thoi thóp. Tôi lặng nghĩ tới những khoảng thời gian dài gấp chục lần kiếp người. Phải bao nhiêu bàn chân, bao nhiêu đế giầy theo năm tháng mới bào mòn được những khối đá như vậy. Ánh đèn hắt hiu làm tôi chìm đắm trong cái tôi bọt bèo. Dòng người túa lên đẩy tôi leo cao. Tôi nhìn xuống bước chân mình chếnh choáng theo từng bậc đá lồi lõm.

Đôi chân nuốt mấy trăm bậc thang mỏi nhừ mà chưa thấy quả chuông cổ kính nổi tiếng của Nhà Thờ Đức Bà đâu. Tôi bước ra ngoài hành lang đứng xếp hàng chờ vào tháp chuông. Hàng người dài ngoằng phát nản. Tôi nhìn quanh. Khung cảnh nhắc nhở tôi những thước phim của mấy chục năm trước với thằng gù Quasimodo lê tấm thân tàn phế tới lui. Những bức tượng nứt nẻ ôm rong rêu đứng mấp mé trên những bờ tường đen đúa được bao phủ bằng lưới sắt cho khỏi ngã nhào xuống. Tôi nhoài người nhìn xuống dưới sâu thăm thẳm. Trước cửa nhà thờ tấp nập lui tới những

hình người lúp súp nhỏ bé. Độ cao chỗ tôi đứng làm thốn chiếc bụng đã tiêu hết cặp bánh *croissant* với ly cà phê sữa điểm tâm buổi sáng.

Tôi phóng tầm mắt ra phía xa. Một vạt cỏ xanh nho nhỏ bao quanh bức tượng cổ. Chiếc ghế đá trước bức tượng vẫn chỉ có một người ngồi. Dì của Tụng. Trông bà như một con búp bê lười biếng bất động trong manh áo nâu đậm, chiếc quần đen rộng rãi và chiếc khăn choàng sậm màu trải trên vai. Thời gian đối với bà như đứng lại. Không phải thứ thời gian ngắn ngủi của một ngày mà là thứ thời gian thênh thang của từng thập niên. Bãi cỏ nào cũng đưa bà về những dải xanh ngút ngàn của Đà lạt. Được ngồi trên bãi cỏ mặc cho thân xác bồng bềnh trôi về những ngày cũ là bà cảm thấy được sống. Tôi nhìn sang bên cạnh. Tụng cũng đang ơ hờ nhìn chiếc ghế đá chỏng chơ một người ngồi. Vai tôi chạm vào vai Tụng. Tôi hích nhẹ, nói:

""Tao ít thấy có người chung tình như bà dì mày."

Tụng lặng thinh một chập mới ừ hử theo:

"Ờ, ít có người như bà ấy."

Một lúc sau, tôi vẫn nhìn về phía trước, tiếp:

"Thời gian đúng là một anh chàng bất lực chẳng lung lay gì được bà dì mày."

"Ờ, bà ấy sống chỉ một thời, sau đó chỉ là cái bóng kéo dài."

Cái bóng trước mắt tôi vẫn ngồi bất động. Như nhập thiền. Cuộc sống chung quanh chẳng có gì đáng bận tâm, chỉ có quá khứ vẫn tươi trong tim.

Trời xám xịt mọng nước. Paris đang đi vào mùa đông. Tụng vẫn bảo tôi qua điện thoại là có sang chơi thì cố gắng sang vào mùa hè trời đất phởn phơ mới thấy hết vẻ đẹp của kinh thành ánh sáng. Vậy mà tôi lại vác xác sang vào lúc lập đông. Chẳng tính toán được gì trong cuộc sống tất bật này. Cái lạnh nhè nhẹ mơn man da thịt tôi. Cây cối đã bắt đầu thu mình lại co ro. Sông Seine như một con lạch nhỏ bên cạnh nhà thờ đã uể oải biếng nhác. Những cơn gió dật dờ bắt đầu làm khổ những chàng họa sĩ nghèo bày tranh trên những chiếc cầu nhỏ ghếch qua dòng nước chật hẹp.

Ngay lần đầu gặp bà dì của Tụng, bà đã bảo tôi:

"Cháu qua chơi vào lúc này thật hay. Mùa này Paris mới lộ hết vẻ buồn. Thấm lắm cháu ạ!"

Tụng cười khẩy:

"Dì thật hay! Nó đi chơi để tìm vui mà dì lại bắt nó thấm buồn thật chán hết chỗ nói."

Cặp mắt bà dì lạnh lùng:

"Có anh nói mới hay! Cái vui thoáng qua lạt lẽo, cái buồn mới thấm thía đậm đà. Người ta nắm cái miên viễn chứ ai lại níu cái phù du. Phải không cậu Đồng?"

Tôi ậm ừ cho qua chuyện:

"Dạ! Cái buồn thường là những vết khắc sâu trong tâm hồn con người."

Bà dì như tìm được tri kỷ:

"Đúng thế! Cậu nói như vậy nghe thuận tai biết mấy. Ông cháu tôi rõ ra là một thứ giếng cạn, lòng giếng phơi cả lên mặt."

Bộ mặt của Tụng như vừa bị sát ớt. Hắn nhìn qua tôi nhún vai hệt như một ông tây chính hiệu. Hai dì cháu có vẻ khắc khẩu. Nhưng cả cái thành phố nhộn nhịp này chỉ có hai dì cháu là ruột thịt nên chẳng rời được nhau. Dì Út đã nuôi Tụng ăn học từ hồi còn ở Đà Lạt. Dì là người có khiếu buôn bán. Tay đặt tới đâu tiền vô tới đó. Thời lên nhất dì có một cửa hàng vàng khá lớn ở gần chợ. Khi cuộc chiến đã tàn dì nhìn thấy rõ con đường phải đi. Dì đã không do dự mang Tụng vượt biên. Lúc đầu hai dì cháu ở chung nhưng khi Tụng phải đi học xa, dì đã dọn vào sống trong một nhà dành cho người già. Trở về Paris làm việc, Tụng cũng thuê phòng riêng. Tuy không gần nhau, Tụng vẫn săn sóc dì Út từng ly từng chút. Dì hắn muốn gì là hắn chiều ngay. Thực ra dì Út cũng chẳng muốn gì nhiều. Mỗi cuối tuần tới đưa bà đi vãn cảnh là được rồi. Có điều cảnh phải là cảnh thiên nhiên khoáng khoát nên thường phải ra ngoại ô. Bà có thể ngồi hàng giờ mắt bất động trước thiên nhiên hồn thả về những ngày tháng cũ.

Giọng dì Út pha nhiều tiếc nuối:

"Này cậu Đồng, chẳng có nơi nào bằng Đà Lạt của mình cậu nhỉ? Tôi yêu những gốc thông già tỏa ra cái mùi đặc biệt Đà Lạt, những cụm hoa ngàn sắc xôn xao, những con đường dốc trườn mình dưới bóng cây. Nhưng thích nhất là những thảm cỏ xanh rì khoảng khoát. Ngồi trên Thung Lũng Tình Yêu phóng tầm mắt lên những vạt mầu xanh thênh thang sao mà thấy yêu cuộc sống lạ lùng."

Dì ngồi lặng người như đang nuốt những miếng kỷ niệm êm ả. Tụng đặt một ngón tay lên miệng nháy mắt với tôi. Tôi giơ hai tay làm điệu bộ không hiểu hắn nói gì. Hắn chỉ tay vào dì Út nhếch mép lắc đầu cười. Dì chậm rãi nói tiếp:

"Hồi đó vợ chồng dì thường hay lên ngồi trên Thung Lũng Tình Yêu. Dì dựa người vào gốc cây nghe chú đánh đàn. Chú có ngón tay tài hoa búng ra những âm thanh làm chết lòng người. Tiếng đàn chất ngất xôn xao nhưng vẫn nghe ra như thủ thỉ riêng tư. Dì không thể diễn tả tiếng đàn của chú bằng lời được. Phải chi cháu được nghe một lần."

Dĩ nhiên tôi chẳng thể nghe được tiếng đàn vàng ngọc đó dù cây đàn

vẫn còn nằm trước mắt tôi. Bàn thờ thật giản dị. Một bát nhang bằng đá đen, một khung hình gỗ mun lên nước bóng loáng, một gốc thông *bonsai* dáng cằn cỗi và một cây đàn kỷ niệm.

Tôi chăm chú vào tấm hình người đã khuất mà như vẫn còn quanh quất bên dì Út. Ông chú của Tụng khá đẹp. Cái đẹp tròn trịa mềm mại. Khuôn mặt thanh tú nhẹ nhàng như một bức tượng của ông thợ nắn khéo tay. Đôi mắt nhiều lòng đen dịu dàng. Chiếc miệng như có thể cười bất cứ lúc nào.

Dì Út đứng dậy lê dép tới bên tôi thầm thì:

"Chú người nho nhã hiền lành chẳng bao giờ hại tới con sâu cái kiến. Vậy mà trời không cho hưởng phúc. Dì chẳng dám nghĩ trời cao lại mượn tay thần chết để cưỡng đoạt cái tài của chú. Chú đi mà vẫn để lại tiếng đàn cho dì. Mỗi tối dì đứng thắp cho chú nén nhang, khi làn khói cuộn quanh cây đàn tai dì lại nghe văng vẳng những âm thanh mê muội một thời."

Cây đàn nằm ngửa bóng loáng không một chút bụi. Cần đàn vươn về phía khung hình. Những đầu dây quăn queo níu kéo. Tôi khẽ búng vào một sợi dây. Một nốt nhạc vang lên chính xác. Chút âm thanh xôn xao làm mặt dì nở ra ấm áp. Đôi mắt dì mềm oặt dán chặt vào đôi mắt trong hình. Giọng dì nhỏ nhẹ:

"Dì vừa xin phép chú để cháu đàn cho dì nghe. Đàn đi cháu. Dây đàn dì mới lên hồi hôm."

"Dì lên dây đàn?"

"Ờ! Bao nhiêu năm nay dì vẫn lên dây đàn cho chú. Mà lạ lắm cháu ạ. Đêm nào thắp nhang mà dì không nghe thấy tiếng đàn là y như rằng dây đàn bị lỗi."

Ngọn đèn vàng cạch hắt chút ánh sáng mỏi mệt lên mặt dì Út. Mặt dì ngơ ngẩn xa xôi. Như không hẳn là đang ở thế giới này. Tôi nhìn xéo qua góc phòng. Tụng chôn mặt vào tờ báo mở rộng như bức tượng người ngồi lặng thinh. Không khí thiếu vắng sự sống làm người tôi rờn rợn. Da thịt tôi rời rã bồn chồn. Người trong hình chưa hẳn đã bỏ cõi sống, người đứng bên tôi như đã đặt chân vào cõi chết. Bầu u minh vây chặt quanh tôi ngột ngạt. Tôi cố trườn mình ra khỏi đám mây đen:

"Chắc hẳn dì và chú có một cuộc sống lứa đôi hạnh phúc lắm?"

Mớ tóc bạc được vuốt gọn ra phía sau gật gù trước mắt tôi:

"No tròn hạnh phúc cháu ạ. Những tháng ngày đó như một kho tàng vô giá dì đã chắt chiu được để gặm nhấm sống dần từ ngày chú ra đi. Chú đi là đi đối với mọi người chứ đối với dì chú vẫn luôn luôn bên cạnh dì."

Sống lưng tôi nhột nhạt giá lạnh. Tôi mường tượng thấy ông chú của Tụng đứng chen chân giữa dì và tôi. Tôi vội cầm tay dì:

"Dì ra ghế ngồi kẻo mỏi chân."

Tờ báo vẫn che kín mặt Tụng. Tôi đá vào chân hắn:

"Ngồi xích vào một chút được không?"

Tụng lầu bầu trong miệng nhấc người lê vào một bên ghế. Mũi hắn vẫn dính vào trang báo rộng mở.Tôi mở to mắt nhìn hắn. Tiếng bà dì nửa trách móc nửa mỉa mai:

"Mặc kệ cái thằng cám hấp đó cháu!"

Mắt Tụng rời tờ báo quay sang liếc xéo dì hắn rồi thản nhiên đọc báo tiếp. Dì Út bĩu môi quay phắt người sang phía tôi. Tôi kéo dì ra khỏi cơn hờn giận:

"Thời của dì có những mối tình thật thơ mộng. Tình yêu, thế thôi, không cần gì khác. Tụi cháu bây giờ lúc nào cũng có cái máy tính ở trong đầu. Yêu nhau mà cứ lách ca lách cách với những con số. Lật bên này, lật bên kia cho vừa với cuộc sống phiền toái vây quanh."

"Thời này các cô các cậu toan tính đã đành, mà tình yêu cũng như chiếc áo của thiên thần đã bị lấm bùn. Lê lết trên mặt đất chứ chẳng cất cánh bay lên được."

Tôi đưa đẩy:

"Dạ, dì nói không sai chút nào. Bây giờ tụi cháu chú ý tới những cái có thể nắm được trong tay chứ không màng tới những thứ lơ lửng trên trời."

Dì Út chắc chẳng mấy khi vớ được người hầu chuyện vừa ý như tôi nên bằng lòng ra mặt. Dì đon đả chỉ đĩa bánh đậu xanh trên bàn:

"Cháu ăn bánh đi. Có người mới đi Việt Nam về cho dì đấy. Bánh Hải Dương chính cống ngon lắm. Nói thiệt với cháu, ngon thì có ngon, nhưng sao vẫn chẳng được như thứ bánh dì vẫn ăn hồi nhỏ. Có lần tham ăn quá, sợ mất phần, dì vun cả đống bánh vô miệng mắc nghẹn xuýt chết!"

Dì bưng miệng cười lớn tiếng, hai má đỏ nhừ, mắt đẫm nước. Dứt tiếng cười, dì lấy giấy chặm nước mắt, giọng vỡ ra:

"Nghĩ thấy hư thiệt. Cũng thế, dì thấy các cô các cậu bây giờ yêu nhau như muốn ham hố nuốt chửng nhau. Chẳng còn cái thanh tao của tiếng đàn câu ca. Dường như tình yêu đã di tản từ tim xuống bụng!"

Dì cười ngặt nghẽo thú vị vì hình ảnh ngộ nghĩnh dì vừa vẽ ra. Tiếng cười của dì làm rơi tờ báo ra khỏi mặt Tụng. Mặt hắn nặng chình chịch. Hắn nhoài người vớ chùm chìa khóa trên bàn bảo tôi:

"Thôi mình về cho dì đi nghỉ. Chuyện tình yêu thì nói tới bao giờ cho hết. Thời nào nó cũng loạng quạng như anh say rượu. Va chỗ này, vấp chỗ kia, có khi quay mòng mòng chẳng biết đâu mà lường!"Mặt dì Út xám lại lạnh tanh khi chúng tôi cáo từ ra về.

Gió chạy ào ào tạt những hạt nước li ti châm chích mặt mũi tôi. Mũi tầu vẫn nhẩn nha trườn lên mặt nước lăn tăn gợn sóng. Tiếng cô hướng dẫn viên được khuếch đại trên chiếc loa gắn cao trên boong tầu nghe loáng thoáng khi được khi mất. Sông Seine ở khúc này trông mới ra dáng một dòng sông tuy chỉ là khúc sông tội nghiệp nằm co quắp giữa những tòa nhà búng ra cái mầu xám đen của thời gian. Cứ cách ít chục thước dòng sông lại bị đè xuống bởi những chiếc cầu vắt vẻo nằm ngang làm chiếc *bateau mouche* phải khổ sở nép mình chui qua. Tôi đứng trước mũi tầu lặng lẽ chiêm ngưỡng những cây cầu đặc biệt Paris. Những thành cầu chạm trổ trân mình với qua hai bên bờ, những cây đèn chỏng trơ ngắm trời, những pho tượng trăm năm đứng không biết mỏi. Tôi chui dưới những cặp tình nhân đang lặng lẽ ôm hôn nhau dựa người vào thành cầu, những dòng xe cộ từ tốn băng ngang sông, những du khách đang nhoài mình ra mắt dán vào chiếc máy chụp hình. Tôi ngột ngạt dưới những gầm cầu rêu phong ôm cả sức nặng thời gian đè trên người tôi nhỏ nhít.

Tụng bên cạnh tôi biến mất từ lúc nào tôi chẳng hay. Rời khỏi chiếc lan can tầu bằng sắt sơn đỏ, tôi chập choạng len giữa những thân người chong mắt tìm Tụng. Tầu lắc lư làm khó tôi dữ. Thấy một chồng phao xếp ngay ngắn vào một chiếc cột trên boong tầu, tôi dựa người vào ngắm Tụng đang lom khom chụp hình cho một cô bé có khuôn mặt mũm mĩm đứng dựa vào thành tầu. Đôi mắt ti hí một mí kia đánh chết cũng phải là một em Nhật Bổn hay Đại Hàn. Ánh chớp lóe lên soi sáng nụ cười phô ra hàm răng trắng bóng đều đặn. Tụng chưa kịp vươn người đứng lên thì bàn tay trắng muốt từ xa đã giơ ra đè hắn xuống. Một ngón tay thon thon vẽ ra một khung vuông tưởng tượng chỉ về phía tháp Eiffel nằm ở phía sau. Tụng lại lom khom cục cựa chụp. Tầu cứ chạy, hắn cứ lom khom, khung cảnh ở phía sau cô bé cứ thay đổi. Cảnh nào cũng vừa ý cô bé. Chắc Tụng đã phải bấm nguyên một cuộn phim. Hắn giơ tay chỉ máy hình báo động hết phim. Cô bé cười nhận lại máy hình hì hục ngồi thay phim. Tôi lảng vảng phía trước cho Tụng nhìn thấy. Hắn là mặt tôi phải có chút uy nào đó mới khiến hắn vội vàng chạy lại bên tôi. Giọng tôi cố lấy vẻ thương hại:

"Có mỏi lưng lắm không?"

Tụng nghênh mặt:

"Sư mày, định dở trò ghen tuông đấy hả?"

Tôi cười xòa:

"Con bé trông khấu khỉnh đấy chứ. Sao không bỏ túi mang về trình diện bà dì mày? Mẹ kiếp, nhà mày vô phước mới sanh ra mày. Già đầu rồi

mà không biết làm sao cho có vợ. Sắp hai thứ tóc trên đầu rồi đó con ạ!"

Những lời xỉ vả của tôi như nước đổ đầu vịt. Chẳng ăn thua gì. Mặt Tụng trước sao sau vẫn vậy. Hắn lầm bầm:

"Không biết con nhỏ người gì?"

Tôi cười khẩy:

"Mày ngắm nó chán chê mà không biết người gì à? Sao không đè nó ra hôn thì ngửi thấy mùi gì ngay chứ khó khăn chi. Đánh chết con nhỏ này không có mùi kim chi thì cũng có mùi *sushi*. Mà chắc gì mày có cái mũi tinh đời. Cứ chịu khó cất tiếng hỏi nó một câu xem nó có ăn thịt mày không?"

Tụng bĩu môi nhìn tôi bằng con mắt khinh khi ra mặt:

"Mày tưởng mày hay lắm! Hỏi tiếng tây cũng lắc đầu, tiếng Anh cũng ngơ mặt ra. Chẳng biết một chữ nào cả. Chỉ nhe miệng cười. Khốn nỗi nụ cười nó đẹp mới chết cha tao chứ. Hay là cứ ôm đại em bé về. Cầm bằng như lấy một người vợ câm. Tình yêu cứ tay chân diễn tả cũng được."

Tôi làm bộ suy nghĩ:

"Vất vả nhỉ?"

Tụng cũng đăm chiêu:

"Ừ, kể cũng vất vả đấy. Chưa chi đã thấy mỏi lưng. Hay là thôi quách đi cho rồi. Chỉ sợ em bé thất tình nhảy xuống sông Seine thì cực lương tâm tao lắm."

Tôi lên giọng mắng mỏ:

"Còn lâu mới có đứa vì mày mà chơi trò Lý Bạch mò trăng. Đừng có tưởng bở con ạ! Mày tưởng thân mày ngàn vàng lắm đấy hả? Mang vứt vào thùng rác chắc chẳng có ma nào thèm lượm. Mày có trần xì một bà dì ở xứ lạ quê người mà coi bộ bà ấy cũng chẳng chịu nổi cái tính khật khùng của mày. Mà sao tao cũng không hiểu được mày. Bà ấy bảo bọc mày từ nhỏ, tốn tiền tốn của mang mày sang bên này rồi còn lo cho mày học hành nên người. Vậy mà mày nói năng với bà dì mày như gậy thọc bánh xe. Tao nghe mà thấy bất nhẫn. Sao vậy?"

Mặt Tụng nhăn lại khó chịu, giọng hắn giấm dẳn :

"Mày là bạn tao hay là bố tao vậy?"

Chơi với bạn lâu ngày biết tính bạn, tôi hiểu là Tụng đang giận. Hắn đã giận thì đừng nên chọc hắn. Tôi ngó lơ lên hai bên bờ sông. Thành phố đã lên đèn. Những ngọn đèn của kinh thành văn hóa này cũng có vẻ e dè nhỏ nhẹ. Từng vũng ánh sáng nằm co quắp như không muốn khuấy động bầu không khí cổ kính trang nghiêm. Tôi bắt được chất Paris mà tôi đã cảm thấy trong những bản nhạc một điệu lững thững mềm mại. Tôi thả hồn bềnh bồng theo những ngọn gió đêm đang khép nép thu mình lại

muốn ngủ.

Tới một khúc sông rộng tàu quay mũi trở về bến. Tiếng hướng dẫn viên không còn oang oang trên loa phóng thanh. Con tàu lủi thủi quay về chốn cũ. Du khách đã rút gần hết vào trong khoang tàu có những hàng ghế đã chật kín người. Những bộ mặt uể oải ơ thờ nhìn qua những bức tường kính trong vắt. Một hai người còn nán lại bên ngoài lặng lẽ kéo cao cổ áo đứng nhìn bâng quơ. Tụng rút bao thuốc chìa ra trước mặt tôi. Tia lửa nhảy lên trong bàn tay khum khum kéo hai cái đầu chụm xuống châm thuốc. Hơi thuốc như thấm vẻ tịch mịch trở nên đậm đà bất ngờ. Giọng Tụng nhừa nhựa trong màn đêm đang nhanh chóng buông xuống:

"Đôi lúc tao cảm thấy có lỗi với dì Út tao nhưng mỗi lần nghe dì nhắc tới chuyện xưa là tao thấy bực mình."

Tôi mở to mắt soi bói xem cái đầu của tên này có chỗ nào long mối hàn không, miệng tôi lên giọng:

"Sao khắt khe quá vậy? Mày thừa biết là người già thường sống với quá khứ. Dì mày có một mối tình bay bướm, bà ấy luôn luôn nghĩ về nó là chuyện dĩ nhiên. Chẳng lẽ mày táo bón ái tình rồi đâm ra ghen với dì mày à?"

Tụng vung tay vứt mẩu thuốc lá xuống mặt nước gằn giọng:

"Mày biết đếch gì mà nói!"

Tôi rít hơi thuốc chót, thong thả:

"Tao biết hai người có một mối tình thơ mộng, tao biết dì mày mê mẩn với tiếng đàn của ông chú mày, tao biết ông chú mày là một người nho nhã đáng yêu, tao biết dì mày vẫn còn sống với mối tình của đời bà, tao biết dì mày..."

Tụng nạt ngang:

"Mày câm cái miệng lại! Thế mà cũng đòi biết. Mày chỉ cần biết một điều: những gì dì tao nói ra là một bức màn mỏng che dấu những sự thật ở bên trong."

Chắc thằng này khật khùng thiệt. Dì Út nói không sai. Thoáng qua đầu tôi khuôn mặt thật thà hiền hậu của người đàn bà đã quá tuổi làm dáng. Có chút mắc mấu gì đâu sau vầng trán xếp nếp được ủ dưới mái tóc đã chịu thua thời gian. Tiếng Tụng vẫn chưa hết tức tối:

"Chẳng thà dì tao cứ im lặng thì đã đi một lẽ. Đằng này cứ lúc nào cũng mang ông chú tài hoa ra, lúc nào cũng lôi mối tình thanh cao ra. Không phải chỉ nói với mày. Gặp bất cứ ai, thân sơ gì không cần biết, dì tao cũng vẫn cái giọng như vậy. Tao nghe mãi phải bực mình chứ."

Tôi ngạc nhiên thực sự:

"Thì có gì đâu mà mày phải bực mình. Ai già mà chẳng vậy!"

Tụng quắc mắt nhìn tôi:

"Nhưng đó là những điều tao muốn quên đi."

Đôi mắt Tụng bất động nhìn về phía trước. Dòng sông đã bị nhuộm đen phản chiếu những ánh đèn loáng thoáng khi ẩn khi hiện. Tiếng máy tàu xộc xệch rã rời. Tiếng Tụng cũng rời rã vô hồn:

"Khi người gọi là ông chú tao chết, lúc khâm liệm người ta mới phát giác ra đó là một người đàn bà!"

Tôi lặng người nhìn xuống khoảng đen chấp chóa phía trước. Thân hình tôi như muốn đổ xuống dòng nước. Tụng như một bức tượng ngàn năm bên cạnh. Câm nín.❐

báo cũ

Trên mười một năm hiện diện trên diễn đàn văn chương hải ngoại, Văn Học đã trở thành một tài liệu quí giá để tìm hiểu tâm tình của tập thể người Việt sống lưu vong ở nước ngoài. Vì thế càng ngày càng có nhiều bạn đọc hoặc các thư viện, viện nghiên cứu viết thư về Tòa soạn tìm mua những số báo cũ để có Văn Học Toàn Bộ.

Văn Học xin trả lời chung những lá thư đó như sau:

Hiện Tòa soạn Văn Học còn lưu trữ những số báo cũ sau đây:

* **Giá 3 Mỹ kim**: Các số Văn Học Nghệ Thuật 6 và 7.

Các số Văn Học: 15, 19, 20, 27, 29, 31, 32, 33, 34, 38, 39, 42, 44, 53, 54, 59, 60.

* **Giá 3.50 Mỹ kim**: các số Văn Học 62, 63, 64, 65, 66, 67, 68, 69, 70 & 71, 72 & 73, 74, 75, 76, 77, 78, 79, 80 & 81, 82, 83. 84, 85, 86, 87, 88, 89, 90, 91, 92, 95, 96, 97, 98, 99, 100, 101, 102, 103, 104, 105, 106, 107.

* **Giá 4 Mỹ kim**: Các số Văn Học 108, 109, 110, 111, 112, 113, 114, 115, 116, 117 & 118, 119, 120, 121, 122, 123, 124

Tòa soạn sẽ chịu bưu phí gửi báo theo hạng bookrate và surface.

Ngự Thuyết

Sinh tại Huế. Học ở Đà Lạt, Huế, Sài Gòn.
Dạy học tại các trường Tư Thục, Sinh Ngữ Quân Đội,
Cao Đẳng Sư Phạm, Sài Gòn.
Làm việc một thời gian cho công ty dầu hỏa Esso.
Sau 1975, ba năm tù cải tạo.
Từ cuối năm 1990, định cư tại Hoa Kỳ, làm việc tại một cơ sở tìm việc cho người tị nạn. Cộng tác với tạp chí Văn Học, California, USA

Tại sao viết?

Câu hỏi mở ra nhiều cách trả lời khác nhau. Một trong những câu trả lời trung thực là viết để giải tỏa cái ám ảnh nào đó. Hay lại càng luẩn quẩn trong ám ảnh? Nhưng đó là ý muốn, còn làm được hay không lại là chuyện khác.

Viết cái gì?

Bất cứ cái gì đang ám ảnh.

Viết cho ai?

Cho bản thân trước tiên. Sau đó, nếu gặp được "tâm hồn đồng điệu," càng tốt.

Viết thế nào?

Xin né tránh câu hỏi này. Lý do: đang mò mẫm đi tìm cách viết.

Câu chuyện của nó

Ngự Thuyết

Chúng tôi thường gặp nhau nói chuyện gẩu vào ngày chủ nhật. Những ngày khác lao động liên miên từ sáng sớm đến chiều tối đâu có thì giờ rảnh rỗi để tụ tập. Càng tốt nếu buổi sáng đó có chút mưa, ngồi tụm năm tụm ba riêng một góc "hội trường" khỏi bị ai quấy rầy. Hội trường là một mái lá trống trải, khá rộng, không có vách bao quanh, nền đất lồi lõm, nóc nhà nhiều chỗ dột nát, và không có lấy một chiếc bàn hoặc chiếc ghế. Ngồi trệt giữa đất vậy. Tên nào nhanh chân được dựa cột khỏe lưng. Một nhóm khác kẻ đứng người ngồi vây quanh một bàn cờ tướng đặt trên cái soong làm bằng tôn lợp nhà chăm chú theo dõi hai đấu thủ quần nhau từ sáng sớm. Dăm ba tên dành giụm được thức ăn bày trò nấu nướng ở cuối hội trường kế với nhà bếp: luộc khoai lang, khoai mì, nướng khô cá, khô mực nhậu suông với lá ớt, đọt sắn. Có tên "vô sản" buồn tình nướng cào cào, châu chấu tỏa mùi thơm điếc con ráy.

Chút mưa nhỏ cố nhiên là gây được cái không khí xúm xít ấm cúng, nhưng trời không mưa không nắng mây xám âm u cũng xui chúng tôi đi thẩn thờ quẩn quanh cái sân bụi xủi dơ dáy để cuối cùng cũng tụ lại nơi hội trường tán nhảm với nhau. Chỉ trừ trời nắng. Nắng lên, túa ra cái giếng nước đỏ ngầu chen nhau lấy gàu múc nước dội vào những thân hình ốm tong teo. Đó là ban ngày. Còn ban đêm? Tối đến ngủ sớm như gà để lấy sức cho ngày mai. Ngay cả tối thứ bảy muốn thức khuya cũng không được. Mới sáu giờ đã vào chuồng, không đèn đóm, cửa bị khóa trái ở bên ngoài, leo lên chõng tre nằm im không được nói năng "linh tinh" . Giấc ngủ đến lúc nào không hay.

Nghĩa là ngày chủ nhật nếu không lao động khẩn trương thêm, không có lệnh đem "bày hàng" đồ đạc lỉnh kỉnh để cán bộ khám xét đột xuất, không học tập cho thông suốt đường lối chánh sách, không khai báo bổ sung bản trích dọc trích ngang, chúng tôi được sinh hoạt tự do như đã nói . Riêng nhóm chúng tôi là những tên ưa đấu láo, và đề tài hấp dẫn nhất vẫn là ăn nhậu. Nhưng hôm nay mọi người đồng ý không nhắc đến chuyện ăn uống. Nhắc hoài thèm rỏ dải thêm bực mình.

"Tao thì nhớ con mèo. Quấn quýt dưới chân meo meo, nhảy lên đùi, ngả ngớn trên tay, rù rù bên tai trong những giấc ngủ trưa. Đi ăn đâu tao

cũng để dành đem về cho nó một vài miếng thứ nó thích. Lấy miếng giấy nhỏ gói da vịt chiên, sụn gà hấp, đầu cá nướng...Meo meo, meo meo mừng rỡ. Có bầu rồi chuyển đẻ không nhảy lên nóc nhà tìm tác giả của nợ mà cứ quấn lấy tao. Tao lót cho cái ổ dưới giẻ rách trên giấy bồi khô ráo. Đẻ xong không ăn nhau, để dành cho tao lấy hên. Tao thương nó, có khi thương quá hành hạ nó một chút thử coi. Đánh, nó không chạy, cụp tai, cụp đuôi, co người nằm yên, chịu đòn. Tao về nhà mà không phải từ quán nhậu nó cũng biết, để tao yên. Nhưng nhậu nhẹt xong trở về quên phần nó, nó cự nự, meo meo , meo meo, quấn lấy chân tao, đeo như đỉa đói. Có khi tao nổi cáu. Này này, để xem ai thắng ai. Tao không đuổi, không đánh nó, cũng không tỏ vẻ khó chịu. Mình quên đem đồ ăn về là có lỗi mà. Phải công bằng với nó chứ. Cho nên tao đứng lại nhìn nó m ột cách dịu dàng. Rồi quay mặt bước. Đường tao tao đi không mắc mớ tới ai. Ai cản đường sẽ lãnh đủ. Nó quấn dưới chân bị những cú đá vô tình, ráng chịu. Những cú đá thoạt đầu nhẹ, nghĩa là chưa vô tình cho lắm, nó chưa đau. Vậy hãy đi nhanh hơn, chân khua mạnh hơn. Hự! Sạt! Con mèo văng vào góc nhà. Thấm đòn chưa! Không thèm nhìn cũng biết. Không thấy tiếng nó chạy theo. Tao đi vòng lại xem thử ra sao. Meo meo. Nó lại nhổm dậy quấn lấy chân tao. A! cái điệu này phải cho nó nếm mùi đau khổ. Vướng chân, tao lấy sức đá mạnh. Nó gào lên một tiếng. Sực nhớ nó lại có bầu. Chết cha! Hoảng hốt nhìn nó. Nó nằm im, thở gấp, lim dim cặp mắt ngạc nhiên nhìn lại. Ô, nó biết khóc. Nước mắt chảy xuống ướt vạt lông gần lỗ mũi. May quá, nó không chết. Tao ân hận quá. Tao vội xách xe chạy mua cho nó một hột vịt lộn, thứ nó thích nhất mà trước giờ chỉ được chia cái bao trứng. Ngâm vào nước lạnh cho mau nguội, lột ra cho nó, đưa đến tận miệng nó, nó không dám ăn. Tao phải ă n vậy, và chia cho nó cái bao trứng như mọi khi. Trời, tao nhớ nó quá! Tao ở đây hoài ở nhà ai cho nó ăn, ai săn sóc nó. Bốn năm tháng mới có một thư nhà mà chẳng thấy ai nhắc tới nó. Chắc nó cũng nhớ tao chờ mãi không được bỏ nhà đi rồi! Hay nó đã chết?"

Một người tò mò hỏi:

"Vậy mày chỉ nhớ con mèo thôi sao?"

"Hỏi gì khỉ vậy! Ờ, ờ... mà cũng có thể. Hai đứa em gái cà chớn cứ bắt bẻ tao hoài. Tao ở tù khuất mắt chắc chúng hài lòng lắm. Còn con bồ thì...Nhưng thôi..."

Một anh chàng xương xẩu, cao lỏng khỏng, vội vàng lên tiếng:

"Xong chưa mày? Bây giờ tới phiên tao."

"Chưa. Tao còn phải kể thêm đoạn chót. Một đêm cách đây không lâu, nó mò lên tìm tao. Tao muốn nói con mèo. Ô, ô, cái gì mà nhao nhao

vậy? Nghe cái đã nào! Đêm đó có trăng, tao nằm nhấm mắt đã lâu dỗ giấc ngủ mà không thế nào ngủ được. Trăng ngoài mép rừng lọt qua khe cửa thấy trắng bệnh bệch như da người bệnh . Trăng chiếu vào nền nhà bằng đất qua các lỗ hủng trên mái lá. Tao cứ trở người qua trở người lại làm cho thằng Cự nằm kề càu nhàu chửi thề. Còn tất cả những thằng khác ngủ mê mệt, mỗi thằng mỗi cách. Có thằng co quắp như cái xác chết, có thằng nói ú ớ trong cổ họng, có thằng cười rú như đồ điên, có thằng khò khè hơi không thoát ra khỏi miệng, nhưng lạ thật, tao không hề nghe tiếng ngáy. Bọn tù ốm đói chúng mình hình như không biết ngáy. Chán quá, tao mở mắt nhìn trần nhà. Những cái bị rách nát hơn bị ăn mày treo lòng thòng trên trần nhà ban ngày thấy cũng vậy vậy, thế mà ban đêm loang loáng dưới ánh trăng hiện thành những hình thù hết sức quái đản . Chúng nó là những con vật sống, đứa co ro, đứa phưỡn ngực, đứa khúm núm, đứa kề vai thích cánh vào nhau, hoặc châu mỏ thì thầm bàn tán, hoặc có lúc khoái chí gục gặc cái đầu to tướng, hoặc nổi hung nghiến răng trèo trẹo, đu đưa thân hình dị dạng theo từng cơn gió từ ngoài rừng lẻn vào. Nhìn mãi lại cũng chán, tao quay người nằm nghiêng xây lưng về phía thằng Cự định bụng lần này hạ quyết tâm ngủ. Bỗng tao thấy hai chấm sáng phản chiếu ánh trăng. Tao giật mình, nín thở, chú mục nhìn. Khi đã quen mắt , tao biết đó là hai con mắt mèo. Lạ thật, ở đây hơn một năm, có bao giờ tụi mình thấy mèo chó nào đâu. Con mèo hoang nào dám bén mảng đến nơi này. Dường như nó biết tao biết có nó ở đây, nó quay người lặng lẽ như chiếc bóng chuồn vào đêm tối. Từ đó những đêm không ngủ được, tao mở mắt nhìn quanh tìm con mèo. Đôi khi tao thấy được hai chấm sáng hướng về tao. Chắc là con mèo của tao quá, tao mong thế.

Một buổi trưa một mình cầm cây gỗ to bằng cổ tay dài khoảng nửa thước chuốc nhọn một đầu, tao đi đào hà thủ ô ở gần trảng tranh. Tao không có cuốc, nhưng nghe nói hà thủ ô kỵ sắt, dùng cây gỗ đào cũng tốt thôi. Khoét cái lỗ đã sâu hoắm đứng ngập tới háng lần theo mãi cái thân dây vẫn chưa thấy củ. Tao khoái quá. Thế là cái củ này phải to bằng trái chuối sứ, đáng đồng tiền bát gạo. Hai tay mỏi nhừ, tao bước khỏi lỗ, ngồi bệt xuống đất nghỉ mệt một lát rồi đào tiếp. Bỗng tao thấy nó, con mèo. Lẽ dĩ nhiên không phải con mèo của tao, mà là một con mèo mun lông đen tuyền, mắt vàng khè, hơi ốm, chắc vì thiếu ăn. Nó ngồi sau một bụi cây nhỏ nhìn tao trừng trừng. Tao nhìn lại nó, và bỗng thấy nhớ con mèo của tao và thương con mèo này quá chừng. Tao meo meo với nó. Nó từ từ đứng dậy, vươn vai, chổng cái đuôi dựng đứng, đi lui đi tới cọ đầu vào một bụi cây. À ra cô nàng này muốn làm quen với mình. Hẳn đây là con mèo đêm khuya thỉnh thoảng tìm đến thăm mình. Tao vốn hạp với mèo.

Tao vừa cười vừa meo meo rồi đưa tay vẩy nó lại. Nó dè dặt, đề phòng, tiến tới từng bước một, làm bộ đưa bàn tay khều cục đất, hất cục sỏi. Khi nó đến vừa tầm tay của tao, tao chợt nghĩ ra. Ô! Nguy quá! Chết mẹ mày rồi! Tao vồ lấy cây gỗ vụt vào lưng nó. Nó hoảng hồn phóng nhanh. Tao vùng đứng dậy, rượt theo, không kịp mang dép cao su vào. Nó chạy nhanh hơn tao, nhưng tao cứ cố đuổi theo, vừa đuổi vừa quát tháo vừa vung cây gỗ khua túi bụi. Cuối cùng tao vấp phải một gốc cây tế lăn cù. Con mèo biến mất dạng."

Cả bọn la lên:

"Uổng quá! Hoài của quá! Thế là đi đoong bữa tiệc thịt mèo!"

Một tên phản đối:

"Ăn con mèo nghèo ba năm. Đừng có ham!"

Một tên khác bẻ lại ngay:

"Khỏi lo. Bọn mình sáu thằng ăn một con mèo thì mỗi đứa chỉ nghèo sáu tháng thôi. Uổng quá!"

Tên kể chuyện tỏ vẻ bực dọc:

"Phần nào thôi mấy cha nội! Chỉ vì tụi mày mà tao muốn thương con mèo cũng không xong. Tao bỗng nhớ những lần cắt tranh, mỗi khi nghe những tiếng rú "thỏ! thỏ!" thế là cả bọn bỏ hết liềm hái vùng chạy đuổi theo con thỏ rừng bất kể vướng vào cây, vấp vào đá. Thỏ rừng chân dài, lông nâu xám, chạy nhanh như gió chớ đâu phải rù rờ như thỏ nhà, dễ gì bắt được nó. Họa hoằn có con nào chạy hoảng xui đụng vào một gốc cây nằm quay đơ, thì cả bọn mới vồ được nó, thằng nắm tai, thằng lôi chân, mặt mày hí hửng như bắt được vàng, đem về cho vào nồi hầm lên thật rục, chia nhau đớp mỗi đứa được một miếng to bằng lóng tay út không đủ xức răng. Ăn xong thòm thèm nhìn lại nhau, đứa thì sứt đầu u trán, đứa thì té loại giò, đứa thì tróc ngón chân cái. Thịt thỏ còn mê đến thế huống là thịt mèo. Cho nên tao làm hung làm dữ đuổi nó đi biệt cho nó biết thân. Từ đó tao không dám nhớ con mèo của tao nữa. Lỡ tao nhớ nó, nó mò tới, chúng mày thịt."

Anh chàng gầy đét tiếp lời:

"Mày đúng là thằng vô tích sự. Tao cứ tưởng...Nhưng thôi, tới phiên câu chuyện của tao. Tao không nhớ mèo như mày. Tao nhớ thứ khác. Nhớ da diết. Khi nào được về, dành dụm một ít tiền, một buổi sáng nào đó, tới một quán bún bò giò heo kêu một tô "hàng không mẫu hạm", gạ gẫm thêm thịt, thêm nước lèo, nhưng xin đừng bớt bún...Còn rau giá chanh ớt thì tha hồ..."

Có tiếng phản đối: "Ê, ê, phạm pháp rồi. Lần này không được nói chuyện nhậu! Nói chuyện khác đi, tía non."

"Ừ nhỉ. Quên mất. Nhưng các ông làm tôi cụt hứng . Chú em này, nói thay cho anh đi!" "Xin mấy chú tha cho. Tôi chưa chuẩn bị. Xin hứa lần sau tôi kể chuyện tếu. Tôi sẽ kể chuyện tiếu lâm. À mà đâu có được. Chuyện tiếu lâm phạm nội quy, phải không các chú? Thế thì tôi sẽ , tôi sẽ..."

Anh chàng ốm o vội tiếp lời:

"Sẽ cái gì mà sẽ ! Thôi được rồi, bây giờ tới phiên anh."

"Tôi hả? Tôi nhớ vợ tôi..."

Một tên coi bộ sốt ruột thúc giục:

"Rồi sao nữa."

"Có vậy thôi!"

"Không được! Bộ muốn ăn gian hả?"

"Cho tôi khất vậy. Hôm nay rầu quá, kể chuyện gì nổi."

Anh chàng lớn tuổi nhất và ồn ào nhất lại lên tiếng:

"Được, tao cho khất. Phiên tao vậy. Tao áp chót. Thằng nào cuối cùng lo chuẩn bị đi. Tao thì cái cảnh này ám ảnh tao mãi. Ghê quá tụi mày . Hồi đó tao làm việc ở phi trường quân sự Nha Trang phụ trách tiếp tế xăng cho máy bay nhà binh. Tao nói linh tinh chuyện cũ lại vi phạm nội quy quy định, đừng có hở miệng xì ra cho tụi khác biết nghe chưa. Chiều nào tao cũng muốn về sớm một chút để kịp ra Ninh Hòa thăm bồ. Thường buổi chiều ít có máy bay về lấy thêm xăng để bay tiếp. Muốn bay tiếp phải về sớm, khoảng hai ba giờ chiều là đã trễ. Những chiếc về trễ hơn đôi khi cũng lấy xăng, rồi đậu qua đêm, sáng ngày mai bay. Đối với những chiếc máy bay trễ đó, đôi khi tao có thể sắp đặt để sáng sớm hôm sau châm xăng cũng được. Khỏi chờ. Chờ máy bay về trễ sốt ruột lắm. Giờ này lẽ ra tao phải tắm rửa xong, lái xe Jeep phóng nhanh về hướng đèo Rù Rì. Vượt đèo, qua khỏi eo biển Lương Sơn, dông thêm mấy đoạn đường nữa là tới. Chỉ băm mấy cây số, mất chưa đầy một tiếng là cùng . Thế mà phải đứng đây ngóng ngóng mới khổ chớ. Nhìn đồng hồ mãi đâm sốt ruột, tao ngó mông qua bên kia sân bay, qua mấy dãy nhà ngói lụp xụp, qua đám nhà tranh tồi tàn, rồi phóng cái nhìn xa hơn, xa mãi, đến tận dãy núi ở chân trời. Đó là vùng Đồng Bò. Khói từng ụ bốc lên lờ vờ. Thế là có đánh lớn ở đó. Không nghe thấy tiếng bom đạn nổ. Xa quá hoặc vì ngược gió? Mãi vẫn chưa thấy một chiếc máy bay nào về. Buồn miệng muốn châm điếu thuốc sực nhớ thuốc lá, hộp quẹt, đã để lại ngoài cổng gác. Có một lần tao suýt bị đổi đi đơn vị chiến đấu vì cái tội hút thuốc lá trong kho xăng. Bỗng, kìa, một chấm đen xuất hiện trên không. Có thế chứ. Chiếc máy bay lao tới. Châm xong cho chiếc máy bay này nhất định mình về. Ô, sao nó không chịu giảm độ cao để đáp? Bánh xe chưa chịu nhú ra? Lại đang

kêu cứu kẹt bánh xe? Nhìn theo , tao hoảng hồn. Một cái dù vướng vào đuôi máy bay! Dù và người xoắn tít như chong chóng. Chiếc máy bay tiếp tục bay qua khỏi phi trường, mất dạng s au dãy núi chắn ngang ven bờ biển. Chỉ mươi phút sau chấm đen lại xuất hiện trên không, rõ dần. Chiếc máy bay đã quay lại, sau đuôi vẫn là cái dù và người xoắn tít. Viên phi công tính toán gì đây? Cầu cứu? Nhưng còn có cách nào để cứu viện trong hoàn cảnh này? Máy bay tiếp tục bay rồi lại quay lui. Làm nghề tiếp liệu xăng cho máy bay lâu ngày, tao biết những chiếc máy bay nào đã dự trù đáp ở một địa điểm nhất định sẽ không có nhiều xăng để bay lui bay tới nhiều lần. Hết xăng là ngũm cái cù đeo! Lẽ dĩ nhiên nếu chiếc máy bay đáp xuống phi đạo, anh chàng nhảy vướng dù đó sẽ bị nện xuống nền xi măng cốt sắt nát thây. Bị xoay tít như thế hắn đã tắt thở rồi cũng nên. Nhưng lỡ hắn còn sống? Tao cảm thấy cái đau đớn của anh phi công. Nếu các ông ở địa vị viên phi công , các ông tính sao? Hoặc ở địa vị tôi, các ông có ráng đứng lại chờ xem cái phần kết thúc?"

"Ông anh ơi, cuối cùng thế nào, kể phứt đi!"

"Cuối cùng một cảnh ghê rợn xảy ra, nó ám ảnh tôi mãi. Các ông có thể tưởng tượng ra được mà. Đừng bắt tớ nhắc lại chuyện đó!"

Nửa buổi sáng đã trôi qua. Bầu trời nhiều mây trắng. Rồi mây đen kéo tới. Mưa. Những người đi quanh quẩn ngoài sân một số chạy vào hội trường, số còn lại trở về lán. Mưa nặng hạt dần. Nhóm chúng tôi ngồi phải chỗ bị dột kéo nhau qua góc khác. Mấy tên nấu nướng củi lửa tắt ngấm mặt nhăn như khỉ. Chỉ có bọn chơi cờ tướng là bình chân như vại. Chúng nó có kinh nghiệm xí chỗ tốt tránh được mưa rò hoặc tạt vào. Không đầy năm phút sau, mưa tối trời tối đất. Cái cổng tre nóc lợp tranh, hai cây bút bút cổ thụ ở hai bên cổng, và tất cả những hàng rào tre bao quanh trại tù, nghĩa là những gì rất gần chúng tôi, đều đã lẫn trong mưa mù. Những ngọn đồi kế tiếp, trảng tranh, cánh rừng, đã biến mất từ bao giờ trong cơn thịnh nộ của trời đất. Tôi có cái cảm tưởng rằng sau cơn mưa dữ dội này vật sẽ đổi, sao sẽ dời, và tôi sẽ rời nơi đây. Rồi đi đâu?

Cũng may, tới phiên tôi kể chuyện thì cơn mưa đổ xuống ào ào. Thế là tôi có lý do chính đáng để khất lại. Vì thật ra tôi chẳng biết kể chuyện gì. Chuyện của nó có thể kể lại thành một câu chuyện không? Đã nhiều lần tôi muốn sắp đặt câu chuyện của nó. Tôi không biết bắt đầu ở đâu, chấm dứt nơi nào, thì thành một chuyện có đầu có đuôi như người ta thường nói. Tôi đã "gặp" nó mấy lần. Lại cũng có thể gặp dài dài. Thật ra chuyện này khá mơ hồ. Đó không phải là những chuyện bay vèo qua trí nhớ tôi như một câu nói của một người nào đó trong cơn mê sảng tôi tình

cờ nghe, như một tiếng cười lẻ khi không lọt vào tai tôi lúc tôi rảo bước trên đường khuya, như một chút bụi đỏ xủi lên dưới gót chân loắt choắt của một thằng bé chạy quanh một mình chơi trong sân trường một trưa chủ nhật tôi đi ngang qua đó thấy. Những chuyện không đâu vào đâu ấy thỉnh thoảng đến vội với tôi rồi đi nhanh có khi không để lại một vết tích gì. Còn cái chuyện này khác lắm, vẫn ở đó, vẫn nằm phục kích trong ký ức của tôi chờ có dịp là xuất hiện .

Một lần, hồi đó, đi nhảy đầm, ôm một vũ nữ trong tay, không có bồ ruột, những người đẹp ỏng ẹo có ai thèm đi chơi với tên cù lần là tôi, hôm đó đông quá, đêm giao thừa tây thì phải, tôi gặp nó. Trông hao hao quen trong bóng tối của một bản "slow". Tôi cười, nó cười lại. Tôi đưa bàn tay phải vuốt cái lưng trần của cô gái từ thắt lưng lên đến cổ, nó bắt chước. Ngộ quá! Đúng là thứ chịu chơi! Tôi thử làm thêm một cử chỉ nữa xem sao. Tôi gục gặc cái đầu như tỏ vẻ đồng lõa. Nó lại làm theo. A! phải kết bạn nhảy đầm với thằng này. Tôi dìu cô gái nhảy tiến đến gần nó . Sàn nhảy chật quá. Cứ đến điệu "slow" mọi người đổ xô ra sàn nhảy . Không phải để nhảy mà để ôm nhau. Chật như nêm. Đám người nhích lui nhích tới từng bước ngắn lùa tôi và cô gái trong tay đi hướng khác. Tôi lạc nó. Trở về bàn đảo mắt nhìn quanh không thấy nó đâu cả. Lo gì, cái ngữ này thế nào cũng mò tới các tiệm nhảy thường xuyên. Sẽ gặp nhau sau.

Đêm đó về nhà khi đã bớt hơi rượu, tôi bần thần suy nghĩ. Ngày mai, lúc còn ban ngày, mình tới đó vậy. Để xem thử ra sao. Tôi vẫn ngờ ngợ. Nó lạ quá, nó khác tất cả những người khác mà tôi đã gặp, nghĩa là nó có vẻ gần gũi với mình lắm chứ không như những tên mình từng gặp xưa nay. Chắc chắn nếu gặp lại nhau, nó và tôi sẽ trở thành bạn thân ngay, sẽ là một cặp ăn ý như đã biết nhau từ kiếp nào. Nhưng tôi vẫn ngờ ngợ. Đêm đó mình đâu có uống nhiều. Thật ra có bao giờ mình uống say túy lúy đâu. Nhưng sao trên đời này lại có một thằng "nó" như nó vậy? Tôi phải đến tiệm nhảy đó vào lúc ban ngày, tôi nhắc đi nhắc lại cái ý định ấy.

Bởi cái tính lần khần hẹn rày hẹn mai, tôi chưa thực hiện ý định nói trên thì đùng một cái, tôi biết là tôi không bao giờ có thể làm được điều ấy, nghĩa là "trở lại xem sao", vì chẳng bao lâu sau đó, cái ngày rả đám 30 tháng Tư đổ ập xuống trên đầu mọi người. Bây giờ trong tù, nghĩ đến chuyện cũ tôi vẫn thấy bần thần không biết múi mớ ở nơi nào. Không lẽ có một tấm gương lớn dựng ngay trên tường nơi hông sàn nhảy để mình thấy mình mà cứ tưởng là thấy "nó". Mình trong gương chắc? Thật không thể nào biết được! Nhưng từ đó về sau, "nó" trở nên có thanh thế đối với tôi, xui cho tôi dễ dàng thấy thằng "nó" khác, không phải trong các tiệm nhảy, mà ngay cả ở ngoài đường . Ngoài trời thì làm gì có tấm gương lớn

dựng sẵn để tôi hù tôi. Quả là tôi có gặp nó hôm đó cũng như sau này.

Như thường lệ, sau một cuối tuần lang bang tại Sài Gòn, tôi xuống Mỹ Tho dạy học vài ngày, rồi lại trở về Sài Gòn tạt qua mấy phân khoa Đại Học xem tụi bạn bè học hành ra sao, còn mình thì làm ra vẻ như cũng là một đứa chuyên cần chăm chỉ lắm. Trong thực tế, lười và chán đủ thứ. Lần đó chiếc xe đò về Sài Gòn đưa tôi tới Bình Chánh thì hỏng máy. Hành khách lục tục xuống xe tìm bóng mát đứng chờ xe sửa. Vài người có việc gấp tìm xe khác để đi nốt đoạn đường ngắn còn lại. Tôi không kẹt chuyện gì cả nhưng tôi cứ bương bương đi hỏi các xe xem có còn một chỗ trống nào về Sài Gòn hay không. Đói, mệt, và xuống tinh thần cho nên đã phản ứng một cách loạng quạng đó mà. Sau hai ngày ở Mỹ Tho, rồi chỉ vì một chuyện không đâu, đi gây gỗ nặng nề với tên hiệu trưởng cho đến chỗ hết đường rút lui. Không lẽ lại xin lỗi rồi lại xin dạy lại. Thế là tôi sẽ phải lang thang lếch thếch đi kiếm sống nơi khác vậy. Mình sẽ đổi hướng đi, tôi thầm nhủ, sẽ đi về miền Đông tới vùng Biên Hòa , Gia Kiệm kiếm một chân dạy học ở ngôi trường tư nào đó. Nhưng kinh nghiệm cho biết về miền Tây dễ kiếm chác hơn đến miền Đông nhiều. Nay mình lại bỏ miền Tây mà đi. Còn ở Sài Gòn? Một thầy dạy nhạc tay ngang bất đắc dĩ như mình làm sao chen chân cho lọt. Rồi còn biết bao nhiêu chuyện nhiêu khê khác, nào chỗ ăn, chỗ ngủ, nào nợ nần thúc hối. Ngoài ra đâu phải đi kiếm việc làm là có việc ngay. Kẹt quá đi lính chăng?

Đang lúc suy tính liên miên muốn quẩn trí, nó đột ngột xuất hiện. Tôi sửng sờ. Tôi nhận ra nó ngay. Nó ngồi sau tay lái của chiếc xe hơi màu trắng đậu quay đầu về phía Tân An bên cạnh một dọc cửa hàng bán thơm, bán dứa Bến Lức , tay trái cầm điếu thuốc lá đang cháy dở buông thõng ra ngoài cửa xe, tay phải để hờ trên cái vô-lăng, mắt lơ đãng nhìn người qua lại, nét mặt êm ái, thanh thản, vô tư. Ngồi bên cạnh nó, một cô gái đang quay đầu ra phía lề đường nói năng gì đó, có lẽ đang mặc cả mua thơm. Không thấy rõ mặt người con gái đó, nhưng tôi biết cô này đẹp. Đôi vai trần thon, tròn, mớ tóc cột hờ theo kiểu đuôi ngựa đu đưa theo cái đầu ngún nguẩy một cách duyên dáng, con mắt sáng long lanh, mấy sợi tóc mai tơ nõn chảy dài xuống một bên má thoáng hiện thoáng mất cái núm đồng tiền mơ hồ theo nhịp cử động của đôi môi xinh xinh và chiếc cằm thanh tú. Cô này đã hẳn không phải là bồ mình, nhưng nó đúng là nó. Tôi có cùng một cảm giác như khi gặp thằng nó kia trong tiệm nhả y, thân thiết, bồi hồi, và một chút xót xa. Như có thần giao cách cảm, nó quay nhìn tôi. Tôi nhìn lại. Chúng tôi nhìn nhau trong một khoảnh khắc rất ngắn mà đã tìm thấy trên mắt của nhau điều đó. Nó. Vâng, nó và tôi là "nó" của nhau; trong hai cặp mắt của chúng tôi đã có sự thỏa thuận ngầm

như thế. Có tiếng còi giục sau lưng, nó quay nhìn cô gái xinh đẹp xem thử đã mua xong mấy trái dứa hay chưa, sang số xe, nhìn lại tôi một lần chót, cười. Chiếc xe lăn bánh chạy mất hút cuối tầm mắt để lại tôi đứng khá lâu nơi đó cùng với cái ý nghĩ nửa vui nửa buồn rằng thế ra trên đời này tôi có thêm một thằng nó nữa vừa mới ra đi. Tôi tự nhủ trong cuộc đời còn lại của mình, có bao giờ mình gặp lại thằng "nó" này nữa không. Và tôi cảm thấy bơ vơ thêm một chút.

Nếu mưa tạnh mà ngày chưa hết, có thể chúng tôi còn muốn tụm nhau kể tiếp chuyện cho nhau nghe, hoặc cũng có thể chúng tôi mất hứng đổi ý đi quẩn quanh nhiều lần trên cái sân bùn nước ngập ngụa–tên nào "vô ý" láng cháng bước ra khỏi cái cổng tre hoặc lớp hàng rào bao quanh sẽ bị bắn bỏ liền tay– cốt làm sao cho hết ngày chủ nhật dài; hoặc đi lấy quần xà lỏn, áo cụt cánh may bằng vải bao cát đem ra vá chùm vá đụp cho đỡ lòi "da thịt', thì trước sau gì cũng đến phiên tôi kể chuyện. Cùng quá, nếu bí đề tài, tôi đem câu chuyện "nó" ra kể. Cố nhiên tôi sẽ thêm bớt một số chi tiết cho câu chuyện hấp dẫn hơn và nghe dễ lọt tai hơn. Dù vậy chăng nữa, tôi biết, nghe tôi kể xong, tụi đó sẽ nhao nhao chọc quê tôi. Xạo, vớ vẩn, bịa đặt, giả tạo, vô duyên, vô lý , lập dị, vân vân... Thằng nó trong tiệm nhảy là thằng mày trong gương chứ còn ai vào đấy. Có gì lạ đâu mà cứ "lải nhải cái luận điệu" đó hoài. Còn cái thằng trên xe hơi chẳng qua là giấc mơ của mày. "Thấy sang bắ t quàng làm họ" cũng là chuyện thường tình đáng được tha thứ. Tôi sẽ cãi lại không phải thế. Tụi mày biết không, sau này tao còn gặp mấy thằng nó khác nữa, mà toàn là những thằng khốn đốn hơn tao nhiều. Làm gì có chuyện mơ ước trong đó! Không lẽ tao mơ được làm cái thằng xoắn tít sau đuôi máy bay. Chúng sẽ ngẩn người không hiểu tôi muốn nói gì. Tôi sẽ nói chẳng hạn khi nghe ông anh đây kể chuyện xảy ra ở phi trường Nha Trang hồi đó, tôi cảm thấy rằng thằng phi công ấy chính là nó, mà cái thằng vướng dù cũng là nó luôn. Một tên sẽ bảo rằng tôi mất dây trầm trọng hoặc không thì cũng giở cái trò bựa nói cho trôi câu chuyện. Một thằng khác nữa sẽ nham nhở bảo cái con mèo bị đánh ẹo xương sống mới đích thị là thằng "nó". Tôi sẽ không thèm cãi cù cưa với tụi ấy, nhưng tôi vẫn nghĩ rằng một ngày nào đó không xa , chúng cũng sẽ thấy "nó" như tôi đã thấy.❐

Tự họa

TRẦN MINH HIỀN

Tặng Vân, Hoa

Anh như con chim tập hót
Anh như con chim tập bay
Con chim hót sẽ vang lừng thế giới
Con chim bay sẽ cao vút lên trời.

Nhưng anh chỉ là con chó nhỏ
Chạy lang thang vô định bên đời
Vào nhà người anh sợ người xua đuổi
Nhưng xa người anh lại sợ đơn côi.

Anh thương người hành khất mù lòa
Chẳng một người thân thích
Cuộc đời buồn như rơm rạ
Lê bước chân gầy đi xa.

Anh thương lũ biếng lười đi xin đến
Sống ký sinh và bọn hút máu người
Anh thương bọn rượu chè cờ bạc
Anh thương anh, anh thương cả cuộc đời.

Anh tập tành viết lách
Gửi khắp cả trần gian
Tốn tiền và giấy mực
Anh thương em cười thật đẹp, em ngoan.

Anh chẳng biết vẽ
Nhưng anh muốn tự họa cho mình
Bức tranh con chó nhỏ
Chạy muôn đời chạy khắp những hành tinh.

Dung nhan

Mai Kim Ngọc

Đẹp hay xấu không phải chuyện dung nhan. Có những người đàn bà thủa đi học là hoa khôi trường, hoa khôi lớp, có khi còn là hoa khôi tỉnh hoa khôi vùng, nhưng lớn lên trở thành vô duyên. Cũng mắt bồ câu ấy cũng mũi dọc dừa ấy, nhưng cái đẹp ngây thơ trong sáng của cô gái nhỏ không được nối tiếp bằng cái đẹp đậm đà của người đàn bà. Mà đàn bà không đậm đà thì không thể gọi là đẹp được."

"Ngược lại có những người dung nhan bình thường, khuôn mặt phân tích ra chẳng có gì trên trung bình, nhưng gặp một lần, nhìn một lần, nói chuyện một lần, ta không quên được... Tôi không muốn nói chuyện học vấn, hay chuyện kiến thức. Không, những cái ấy chung chung quá, phổ thông quá, không làm cho người đàn bà trở thành đặc thù được..."

Vừa gọt soài với Mai Liên, tôi vừa lắng nghe câu chuyện của người khách lạ vọng lại từ phía đàn ông. Nhưng ông ta đã ngưng nói, và tôi chỉ còn nghe thấy cái yên lặng chờ đợi của cử tọa. "Mai Liên à, người ta đang bàn về chị em phụ nữ chúng mình," tôi nói khẽ với cô bạn. Tôi ngạc nhiên khi Mai Liên tỏ ra lúng túng. Lại sốt ruột nữa. Nhăn cái mũi xinh xắn, cô nàng ngưng tay nhìn nhanh về phía phòng khách rồi nói gọn lỏn, "Đàn ông ba hoa, nghe làm gì." Tôi mất hứng lại hơi ngạc nhiên, ít khi Mai Liên ăn nói nhát gừng với tôi như vậy. Ngoài xa-lông, khách lại tiếp tục đề tài:

"Người đàn bà đã sống mang trên mặt mình kinh nghiệm sống đã trải qua, và trong kinh nghiệm sống ấy, quan trọng nhất là kinh nghiệm sống với đàn ông... Đúng ra, tôi muốn nói quan trọng nhất là cách người đàn bà được đàn ông đối xử... Ông hoàng tử khi lấy cung cách vương giả đãi ngộ cô Lọ Lem, chẳng cần phép lạ của chiếc đũa thần nào, đã đem lại cho Lọ Lem một vẻ cao sang vương giả. Ngược lại, dù lá ngọc cành vàng mà lấy phải người chồng phàm phu tục tử thì sớm muộn sẽ thô lỗ như chồng..."

Bây giờ thì tôi tò mò. Tất nhiên là tôi không biết ông. Ngay cả chủ nhà tôi cũng không quen. Vợ chồng tôi được mời hôm nay là do Mai Liên

xắp đặt, bảo đảm là bà chủ nhà rất dễ thương, rất muốn gặp vợ chồng tôi khi nghe nói chúng tôi mới từ Hawaii dọn về. Để tôi cảm thấy thoải mái, Mai Liên đã yêu cầu bà gọi điện thoại đích thân mời chúng tôi. Nhưng trái đất thật là nhỏ, chồng tôi khám phá ra ông chủ nhà là bạn học trung học cũ ba mươi năm trước, bây giờ mới gặp lại.

Mai Liên rất tế nhị. Biết tôi không quen ai trong buổi họp bạn này, Mai Liên tới sẵn trước để khi tôi vừa bước vào nhà thì dẫn thẳng vào gặp bà chủ. Rồi như tránh cho tôi phải đột ngột nhập vào đảng các bà đang xúm xít trong bếp, cô bé xí phần cho hai chị em tôi việc gọt thùng soài vĩ đại để làm món tráng miệng.

*

Để tôi giới thiệu Mai Liên. Cô là bạn cùng phòng với tôi tại sở Xã Hội tiểu bang Cali, nơi tôi may mắn kiếm được việc tương tự với việc cũ của tôi bên Hawaii. Tôi rất hợp với Mai Liên, hợp như hai chị em. Thật ra khó mà không thích Mai Liên. Cô nhỏ hơn tôi khoảng năm sáu tuổi, nhưng trông như trên bốn mươi là cùng. Mai Liên cao dong dỏng, da trắng, tóc đen và mượt. Cô ăn mặc rất sang, cái sang kín đáo, đàn ông mới trông không nghĩ Mai Liên đã tiêu rất nhiều cho cho việc may mặc. Nhưng lầm về giá cả thì lầm, không ai có thể lầm cái nét thanh tú và lịch sự toát ra từ quần áo của Mai Liên và cách Mai Liên mặc những quần áo ấy.

À tôi quên chưa nói về dung nhan của bạn tôi. Mai Liên lưỡng quyền cao, mắt lá dăm đen và sáng, mày đậm tự nhiên, miệng hơi rộng nhưng có duyên. Vẻ đẹp của Mai Liên rất đặc thù, sắc sảo mà lại dịu hiền, hai nét thường khó đi đôi với nhau nơi người nữ.

Tất nhiên là như mọi người, Mai Liên có cái chướng của Mai Liên. Phải nói ngay là những cái chướng ấy cũng nhẹ thôi. Có lúc Mai Liên đành hanh, nhưng chỉ đành hanh vừa đủ, không làm mất đi cái dễ thương của người đàn bà trẻ. Ngoài ra, Mai Liên mềm mỏng trong công việc, với đồng nghiệp cũng như thân chủ. Đặc biệt với những phụ nữ thua thiệt, Mai Liên thường ân cần giúp đỡ, nhiều khi quá bổn phận mình.

Tóm lại, hầu hết thân chủ đều quý Mai Liên. Trường hợp người thân chủ sáng nay là một ngoại lệ kể như không bao có cơ hội tái diễn. Anh ta nguyên họa sĩ, bị Mai Liên ép vào nghề minh họa đồ gốm rẻ tiền của một hãng Mễ, đã cự nự lại. Lời qua tiếng lại, sự bất bình leo thang đến chỗ anh ta đã hành hung Mai Liên nếu trật tự viên không tới kịp. Sự việc thật ra phức tạp, có dịp tôi sẽ trở lại...

*

Người đàn ông ngoài xa-lông nói tiếp câu chuyện bỏ dở lúc nãy:

"Tôi nghĩ dung nhan phụ nữ nó là như thế này..."

Tôi lắng tai nghe, nhưng trong bếp có bà chạy máy xay thịt nên tôi đành chịu thua. Tôi nhìn quanh căn nhà sang trọng của chủ nhân, thấy Việt kiều ở đây cũng giống như bên Hawaii. Trong những cuộc họp mặt như thế này, đàn ông ngồi riêng đàn bà ngồi riêng. Các ông thì quây quần ngoài phòng khách, còn đàn bà thì tụ họp trong bếp, hoặc xúm nhau sửa soạn bữa ăn hoặc chạo chuyện, thường thường thì làm cả hai việc một lúc. Tôi mừng là nhờ Mai Liên mà tôi khỏi phải ngồi nghe chuyện thị phi của một đám phụ nữ chưa quen, liên hệ đến những đối tượng không quen.

Máy xay thịt đã ngưng. Ngoài phòng khách có người phát biểu:

"Tôi đồng ý mà cũng không đồng ý với anh Hùng về ảnh hưởng của phái nam trên dung nhan phụ nữ. Vấn đề là anh giới hạn đề tài trong lãnh vực vợ chồng... Ngoài ra, tôi nghĩ anh Hùng nên ghi nhận diện sinh lý của câu chuyện. Gái trinh đẹp theo gái trinh, đàn bà có chồng đẹp theo đàn bà có chồng. Có chồng rồi, lại còn chuyện gái một con trông mòn con mắt. Một chút hormone của nam giới làm ba vòng cơ thể của người nữ nở hoa..."

Đám đàn ông cười dòn dã, cái cười vừa vô tư lự vừa vô ý thức khi đàn ông tụ họp nhau nói về đàn bà. Một người giới thiệu đĩa dê sào lăn ông ta đã đích thân mang tới, ồn ào quảng cáo cho món nhậu mà khả năng bồi dưỡng nam tính còn mạnh hơn nhân sâm. "Ông khen ngon, bà khen sướng..." ông ta nham nhở pha trò, và cả bọn lại cười lớn...

Tôi cau mặt. Những chuyện sàm sỡ đàn ông mỗi khi tụ họp kể với nhau về đàn bà bao giờ cũng làm tôi khó chịu. Tôi chỉ mừng là chồng tôi không hưởng ứng những câu chuyện như vậy, ít nhất là khi có tôi quanh quẩn bên cạnh. Mà dù vắng mặt tôi, Công cũng vậy thôi. Nói năng sàm sỡ không phải là bản tính của Công. Anh rất nghiêm túc, thật ra hơi quá nghiêm túc. Nghĩ đến sự nghiêm túc của chồng, lòng tôi se lại khi liên tưởng tới thằng Thành con trai của chúng tôi, và sự thất bại của thằng bé mặc dù nó đã ráng hết sức để vừa lòng bố...

Ngoài xa-lông có người lại đòi nợ ông Hùng:

"Anh Hùng chưa trả lời câu hỏi của anh Xuân đấy nhé. Chuyện gì ấy ư? Chuyện yếu tố sinh lý trong ảnh hưởng của nam nhi trên nhan sắc phụ nữ."

Cử tọa yên lặng, chờ đợi. Tôi bắt chợt mình cũng chờ đợi, tay dao gọt soài của tôi ngưng lại giữa chừng. Trong khóe mắt, tôi thấy Mai Liên nhìn trộm tôi, và vừng trán trong sáng của người đàn bà đẹp cau lại một cách khó hiểu. Còn tôi, tôi cảm thấy hồi hộp. Tôi sợ phải nghe câu chuyện sắp tới của đám đàn ông. Tôi lo ông Hùng sẽ theo đà mà phát biểu một câu gì dung tục ngang với băng tần của bè bạn. Tôi lo ông sẽ khai triển thêm về ba vòng thân thể phụ nữ, về hormone của đàn ông... Thậm chí có thể ông

ta sẽ không ngần ngại gọi tên cúng cơm của từng bộ phận cơ thể phụ nữ ra... Và mọi chuyện sẽ hỏng hết, vì tôi mơ hồ tin ông là người tế nhị và tôi không muốn thấy ông rơi vào thô bạo chung của đàn ông... Ông Hùng hắng giọng, tôi co mình lại, chờ đợi, chịu trận. Ông nói:

"Ông bạn chí lý lắm... Câu chuyện nó là như thế này..." và ông khai triển câu chuyện của ông.

Tôi đã lầm. Ông không thô tục chút nào. Ông bảo ông xin dành chuyện hormone cho y giới. Còn chuyện nam giới và nhan sắc phụ nữ thì đúng, người chồng không phải là người đàn ông độc nhất trong đời người đàn bà... Còn những người đàn ông khác cũng vô cùng quan trọng. Họ là cha là anh trai là em trai... Cư xử đúng, họ tạo ra cho người đàn bà một vẻ đẹp lành mạnh trong sáng... Còn ngược lại, người cha nghiện ngập bạt tai con gái vì cô bé đánh đổ cút rượu của bố, người anh trai ăn cắp vàng xuyến của em gái để cờ bạc, người em trai nói dối chị để xin tiền ăn tiêu nhảm nhí... tất cả những thê thảm ấy sẽ để lại dấu ấn nơi dung nhan người đàn bà bất hạnh...

Tôi thở phào. Đang căng thẳng tôi trở lại an bình, và bầu không khí trở lại lành mạnh sạch sẽ như mấy lát soài gọn ghẽ thứ tự trong chiếc đĩa lớn men trắng minh họa hai con gà trống màu xanh dương...

Nhưng mà tôi lại thấy có gì trống trải. Câu nói phải đạo của người đàn ông nhạt nhẽo như trích đoạn từ Lục Vân Tiên, không sắc sảo như phần đầu câu chuyện. Và tôi bỗng suy đoán ra tại sao. Người đàn ông lạ đã tự kiềm chế mình, đã nhịn lời phát biểu tuy thông minh nhưng suồng sã... Có lẽ tế nhị, ông đã nghĩ đến những người đàn bà bảo thủ như tôi trong buổi họp mặt này...

"Bà ơi, tay dao bà nguy hiểm quá."

Tiếng Mai Liên đưa tôi trở về thực tại. Quả thật, mải nghe lóm chuyện bên đàn ông, tay dao tôi lưng chừng trong không khí trở thành nguy hiểm cho bạn.

*

Tôi nghĩ về người đàn ông. Ông không vung vít hay khinh bạc, mặc dầu để tài ông đang nói có khả năng làm cho diễn giả dễ vấp phải những lỗi đó. Câu chuyện của ông về phái đẹp, đậm có nhạt có, nhưng đậm hay nhạt cũng không suồng sã, lại có duyên nữa. Không nhịn được, tôi hỏi Mai Liên:

"Ai vậy Bồ tèo?"

Thấy Mai Liên không trả lời, tôi quay sang nhìn bạn. Mai Liên như không hiểu câu tôi hỏi. Nét mặt cau cau, Liên như hoàn toàn chăm chú vào việc đang làm, đôi mắt lá dăm sắc như lưỡi dao inox mỏng đang lẹ

làng lóc thịt quả soài.

Ngoài xa-lông câu chuyện lông bông một lát rồi lại xoay về ông Hùng.

"Tôi nghe anh vừa khám phá được một tài năng đặc biệt lắm về nhiếp ảnh phải không?" có người hỏi.

"Không phải một mà hai, anh ạ. Trong kỳ thi của tuần báo Trở Về, tôi chọn được hai tấm tuyệt vời. Hai chân dung phụ nữ. Thật là đúng với đề tài chúng mình vừa bàn. Tôi có mang theo để các anh xem."

Có tiếng khóa của chiếc cặp hồ sơ bung ra, rồi tiếng ông Hùng nói:

"Đây là giải nhì.. Thật ra về kỹ thuật ánh sáng và bối cảnh thì tấm ảnh chỉ trên trung bình. Nhưng xuất sắc là cái thần trên gương mặt người đàn bà..."

Tất nhiên là tôi không thấy tấm ảnh, chỉ nghe mọi người trầm trồ khen và tiếng ông Hùng giải thích:

"Ảnh chụp trong một tiệc cưới, như các anh thấy. Bối cảnh là một tiệm ăn Tàu, chạm trổ rồng phượng sơn son thiếp vàng. Cô dâu chú rể và tứ thân phụ mẫu đứng góc này, trên khán đài, và vị chủ lễ đang nói ở máy vi-âm. Phần này rất mờ vì nằm ngoài tiêu điểm. Thật ra tất cả đều nằm ngoài tiêu điểm, chỉ trừ đối tượng.

"Gương mặt nàng hiện ra như một bông hồng xinh tươi đặt trên một đống rơm cũ, trong khoảng trống giữa mái tóc hoa râm của một ông già đeo kính trắng to gọng và chiếc khăn nhung của một bà già khác cùng bàn. Nụ cười tươi tắn làm khuôn mặt rạng rỡ lên như buổi sáng mùa xuân, như niềm vui bất ngờ được gặp người thân yêu...

"Tấm ảnh của một người, mà rõ ràng là câu chuyện của hai người. Ai cầm máy ảnh? Liên hệ thế nào với người được chụp? Ai gặp lại ai trong tấm ảnh này? Cố nhân gặp lại nhau? Chị gặp lại em? em gặp lại chị? Vợ gặp lại chồng? học trò gặp lại thày? Các anh có thể đoán khác nhau về liên hệ giữa người chụp và người được chụp, nhưng tấm ảnh nhất định không thể do một người thợ ảnh chuyên nghiệp chụp một cách vô hồn khi được thuê chụp đám cưới...

"Trở lại liên hệ của hai người... Chuyện này cũng dễ thôi, chỉ tinh ý một chút ta phải ghi nhận đây là tình yêu. Vì về hình thể, người đàn bà này không đẹp, từ cái mắt cái mũi, cái trán cái tóc... Nhưng nàng đẹp một cách không chối cãi được, đẹp một cách rạng rỡ bởi nụ cười ánh mắt của người yêu gặp người yêu... Nhưng chưa hết... Niềm vui trên mặt người đàn bà thanh thoát quá nên chi tình yêu ở đây phải là tình yêu không trọng lượng, không nhục dục. Nói một cách khác, đó là 'Amour platonique'... Là tình yêu của những người 'yêu nhau mà không phải là nhân tình của nhau', nếu tôi được phép mượn lời của ông Võ Phiến...

"Còn nữa, nhìn tấm ảnh ta còn thấy cái rộng lượng của thượng đế. Các anh hãy coi toàn bộ bức ảnh. Cả một chợ người dự tiệc cưới hôm ấy, tuy lờ mờ ngoài tiêu điểm nhưng cái náo nhiệt chen chúc vẫn lộ ra, ông nói bà cười, ông ăn bà uống... Và xuyên qua cái đám đông không liên hệ ấy, chỉ có một hành lang không gian hẹp và độc nhất còn trống để nối liền đối tượng với ống kính, để người yêu thấy được người yêu... Chỉ một bàn tay giơ lên, chỉ một thực khách đứng dậy là cái hành lang này sẽ đóng lại, và cái nhiệm màu của một giây ngắn ngủi cho hai người tìm được nhau đã không xảy ra, và tấm ảnh đã không được sáng tạo... Ta phải cảm ơn Thượng đế đã ban cho loài người ân sủng này, nhỏ nhoi nhưng dư khả năng làm cho cuộc sống dễ thương hơn..."

Ông Hùng dứt lời, và trong nhiều giây cử tọa không ai nói một lời. Tôi nghĩ họ đang tiêu hóa những kiến thức nghệ thuật rất cao ông Hùng vừa mới giảng cho họ. Mà có lẽ họ đang xúc động vì nhờ ông Hùng mà bắt được những cái gì quá đẹp từ tấm ảnh tưởng như tầm thường. Tôi cũng lặng đi trong một thú vị bất ngờ.

Tôi nhìn quanh phòng ăn phòng khách rộng thênh thang của chủ nhân, sang trọng một cách vật chất tiện nghi với đồ đạc bằng da, bằng nhom, bằng kính, rồi ngạc nhiên thấy một câu chuyện như câu chuyện của ông Hùng đã không lạc điệu ở đây. Nhất là kể cho một cử tọa đàn ông. Tình yêu *phi trọng lực*, Tình yêu *platonique*, tôi nhẩm trong đầu... Tôi đoán ông Hùng phải là một nhân vật khả kính trong cộng đồng, hay có rất nhiều tự tin, mới có thể hồn nhiên nhắc đến những từ ủy mị mà không cần kèm theo giọng riễu cợt bông đùa...

Tôi bỗng có cảm tình với người đàn ông chưa quen, và thán phục cái bản lĩnh của ông đã cho phép ông tạo được không khí đúng cho câu chuyện của ông, giữa môi trường không đúng của đồ da, đồ nhom, đồ kính của chủ nhân...

*

Tôi muốn chia sẻ với bạn tôi lòng thán phục của tôi với ông Hùng:

"Mai Liên à, ông nào mà nói chuyện hay quá Mai Liên nhỉ."

"Bà nghe mấy ông nghệ sĩ thì đổ thóc giống ra mà ăn."

Mai Liên dằn giọng xuống hai chữ *nghệ sĩ*. Bây giờ thì tôi hiểu vấn đề của Mai Liên. Vậy ngược của Mai Liên là đàn ông nghệ sĩ. Quả thật, người thân chủ Mai Liên gây gổ sáng nay là một họa sĩ. Quang cảnh sáng nay tại sở làm trở lại rõ ràng trong đầu tôi. Mai Liên đã tấn công ngay khi người họa sĩ mới bước vào văn phòng:

"Xin ông đừng hút thuốc. Bên Mỹ này, công sở là tối kỵ chuyện này. Mà họ cấm là đúng ông ạ. Hại cho mình đã đành, nhưng cái hại cho người

phải hít khói thuốc ô nhiễm của mình là chuyện không chấp nhận được."

Người đàn ông trung niên lúng túng tìm chiếc gạt tàn thuốc nhưng không thấy. Anh ta lại lúng túng xin lỗi, trở ra ngoài đường để vứt điếu thuốc cháy dở. Khi anh ta tạm thời vắng mặt, Mai Liên bảo tôi, "Thằng cha này là họa sĩ, việc gì cũng chê là lao động tay chân không thích hợp. Việc cuối cùng, em gửi hắn đi vẽ đồ gốm cho một hãng Mễ... Chị chờ em xử lý thằng cha..."

Khi anh ta trở vào than phiền về công việc đương làm, Mai Liên nghiêm giọng cắt ngang:

"Đây là sở thứ ba họ sa thải ông. Tái tam ba bận phải không ông? Tôi nghĩ ông phải cố gắng một chút, may rủi ở đời là một chuyện, nhưng mình phải cố gắng trước rồi chúa hay xã hội mới cố gắng giúp mình."

Co mình lại trên chiếc ghế sắt nệm nhựa màu vàng nhạt, người đàn ông nói rất nhỏ:

"Thưa bà tôi là họa sĩ chân chính, mà vẽ đồ gốm Mễ thì... Bà cho phép tôi dài dòng. Người nghệ sĩ đáng tên nghệ sĩ phải có cái tôi của mình, cái tôi ấy đòi hỏi sự trân trọng cái nghề... "

Mai Liên mất bình tĩnh, đột ngột ngắt lời người đàn ông. Bằng một giọng cửa quyền hiếm thấy nơi bạn, Liên nói:

"Tôi nghĩ quan trọng nhất cho cái *tôi*, của nghệ sĩ cũng như của thường dân là tự trọng trong tự lực tự cường. Còn đây, việc gọi là nặng ông chê, nhưng việc này ông vẫn còn chê thì thú thật tôi không hiểu được ông nữa. Vừa nhẹ nhàng, vừa đúng tài cũ của ông. Cái *tôi* hay cái *anh* gì cũng vậy, nghệ sĩ hay thường dân cũng như nhau thôi... Vấn đề là nếu đủ tay đủ chân mà không chịu làm việc để ngồi tiếp tục hưởng trợ cấp thì không đúng. Tiền trợ cấp chẳng phải trên giời rơi xuống, mà là từ đồng thuế của những người chịu khó làm việc gom lại..."

Tôi không ngờ mấy câu triết lý vụn của người họa sĩ về *nghệ thuật*, về cái *tôi* của nghệ nhân lại chọc tức Mai Liên đến như vậy. Người đàn ông cúi mặt, như chịu đựng cơn thịnh nộ để nó rồi cũng tự qua đi. Như đọc được ý nghĩ của nạn nhân, Mai Liên đổi giọng dịu dàng:

"Bà nhà làm gì?"

"Nhà tôi làm hãng điện tử, tối về may vá thêm. Nhưng đã thưa với bà, tuy ở chung một căn hộ nhưng chúng tôi đã ly dị..."

"Sao lại ly dị bà Tú Xương? Ly dị hành chánh phải không? À, tôi muốn nói ly dị để tiện việc hành chánh, để ông đủ lý do hưởng trợ cấp."

"Không phải," người đàn ông ngắt lời Mai Liên. "Bà không nên vu khống tôi gian lận quỹ an sinh..."

Cuộc cãi cọ bắt đầu, nhanh chóng leo thang xem xém đến chỗ xô xát

nếu nhân viên trật tự không bước vào kịp. Thân chủ về rồi, Mai Liên ngồi viết biên bản. Viết xong, Liên thản nhiên bảo tôi:

"Hắn ta chắc sẽ đi kiện. Nhưng chị đừng lo cho em. Em có một quá trình ân cần với thân chủ, không ai tin hắn đâu...." Rồi chặc lưỡi, Mai Liên nói tiếp, "Thứ đàn ông này làm như chỉ vì họ đã có lần nặn được bức tượng đẹp, viết được cuốn truyện hay, vẽ được bức tranh lạ, là cuộc đời mắc nợ họ đủ mọi thứ. Thứ đàn ông này, từ sáng đến khuya ngồi than thân trách phận, mặc cho vợ may thuê ngày mười lăm mười sáu tiếng cho các hãng thời trang với đồng lương bóc lột... Ở văn phòng mình mà họ còn như vậy, tưởng tượng về nhà họ còn khó chịu với vợ con đến đâu. Em thương những người đàn bà vô phúc phải làm vợ họ."

*

Bây giờ nghĩ lại sự việc ban sáng tại sở, tôi tò mò về kinh nghiệm cũ của Mai Liên với nghệ nhân. Nghệ sĩ nào trong quá khứ đã tạo cho Mai Liên chừng ấy ác cảm. Thật là uổng, chỉ vì một kinh nghiệm không may lại đi khước từ liên hệ với cả một lớp người mà mục đích bình sinh là làm cho cuộc sống đẹp hơn. Tôi nghĩ trong tương lai, nếu Công và tôi có cơ duyên được thân với ông Hùng, tôi sẽ nhờ ông gỡ cho Mai Liên cái thành kiến sai lầm của cô bé.

Ngoài xa-lông, ông Hùng đang đưa tấm ảnh thứ hai cho mọi người xem. Ông nói:

"Giải nhất là tấm này. Cũng như giải nhì, tấm ảnh thành công ở chỗ đã ghi được chân dung người mẫu lại còn nói lên được những nét đặc thù của người chụp, và liên hệ giữa hai người... Đẹp là ở chỗ ấy...

"Nụ cười của người đàn bà trẻ này là nụ cười của tình yêu đã nảy nở toàn vẹn... Nó đẹp như một bông hoa đến độ, thiếu một chút thì mới còn hàm tiếu, thừa một chút thì thành mãn khai... Nó chấp nhận tục lụy trong tình yêu, và tục lụy thăng hoa... Tất nhiên là có giao thoa thân xác, nhưng tấm hình hài chỉ còn là món quà xinh đẹp và trân trọng mà sự giao thoa tâm hồn đem tặng cho tình yêu... Thân mật đến tột cùng, nhưng suồng sã thì không... Người đàn bà phải được người yêu đối xử như một bà hoàng mới có được cái ánh mắt nụ cười này...

"Như đã nói, một người thợ ảnh không liên hệ dù tài giỏi đến đâu, dù trang bị bằng máy móc tân kỳ đến đâu cũng không thể chụp được như vậy. Đây phải là tấm ảnh chồng chụp vợ, của một cặp vợ chồng hòa thuận trong tình yêu thành công..."

Có người ngắt ngang câu chuyện, chơi chữ:

"Thế còn những cặp vợ chồng không hòa thuận trong tình yêu thất bại?"

Ông Hùng trả lời, giọng thấp xuống một cung:

"Tôi không nghĩ những cặp vợ chồng bất hòa thích chụp ảnh cho nhau... Nhưng nếu có chụp thì vẫn định luật cũ áp dụng, áp dụng theo âm bản. Tôi đã thấy những tấm ảnh như vậy. Chưa bao giờ giá lạnh có thể đạt đến được mức ấy trên mặt người đàn bà khi tình yêu đã chết... Đó là những chân dung phụ nữ thờ ơ đến chán chường, hay mất kiên nhẫn đến cau có, hay u uẩn đến lạnh xương sống... Ấy là chưa kể đến nét miệt thị khinh khi, khi cái oai, cái nam tính, cái khả năng kiếm sống cho gia đình của người chồng đã thành chuyện quá khứ... Chỉ người chồng cầm máy ảnh mới phát hiện được những nét tiêu cực đến thế trên mặt người đàn bà."

*

Người đàn ông đã ngưng mà lời ông nói còn văng vẳng bên tai tôi. Tôi chợt nghĩ đến những tấm ảnh của chính tôi. Tôi chưa bao giờ bằng lòng với những tấm ảnh của chính bản thân... Tôi nghĩ mắt tôi to và trong, mũi tôi thẳng, và da tôi mịn, và khuôn mặt tôi trái soan... Tôi không nghĩ mặt tôi vô hồn, nhưng trong ảnh, sao bao giờ tôi cũng có chút gì sượng sùng, thiếu hồn nhiên...

Rồi tôi lại chợt nghĩ là tất cả những tấm ảnh tôi còn giữ đều là do nhà tôi chụp, và phải chăng như ông Hùng nói, sự sượng sùng này phản ánh liên hệ vợ chồng của tôi với Công.

Tôi chột dạ... Chồng tôi đối đãi tôi như thế nào nhỉ... Tôi vội vã trả lời cho câu hỏi của chính mình. Liên hệ vợ chồng tôi hoàn toàn tốt lành. Công cao ráo, gương mặt trí thức, có công việc tốt, không cờ bạc rượu chè, không lẳng lơ trắc nết... Anh không bần tiện mà cũng không xa hoa... Anh biết lo cho con cái cho gia đình... Anh là một người đàn ông nghiêm túc...

Quá nghiêm túc... Đúng, Công nghiêm túc quá. Công đặt tiêu chuẩn cao cho bản thân cho người thân, và ít khi tôi thấy anh hoàn toàn thỏa mãn... Tôi tìm ra chân lý: gương mặt tôi không sượng sùng. Nó chỉ không thư giãn, tựa hồ như tôi không bao giờ yên chí, bao giờ cũng nơm nớp lo sợ mình có sơ sót gì trong công việc vừa làm xong...

Nghĩ lại, tôi cũng có chụp ảnh ở sở trong những buổi liên hoan cuối năm với bạn và xếp. Tuy không mang về cất trong album gia đình, nhưng tôi khẳng định là tôi không có gương mặt bất an trong những tấm ảnh ấy. Tôi cũng không nghĩ tôi có gương mặt ấy khi giao tế với chị em bạn gái. Tôi biết ngoài gia đình, sự hiện diện của tôi đem lại an vui thoải mái cho người xung quanh...

Phải chăng chỉ khi đối diện với chồng tôi mới có cái khuôn mặt hồi hộp lo âu gần như vất vả của những tấm ảnh Công chụp cho tôi... Tôi xua

đuổi ý nghĩ không vui, tự nhủ câu chuyện trà dư tửu hậu chẳng đâu vào đâu của một người đàn ông không quen, tôi lại đem vận vào mình. Rồi tôi giật mình, tôi đang tự trấn an, và tôi cần sự trấn an này.

*

Nhưng dù sao tôi cũng thấy ông Hùng là người đàn ông có phẩm chất, có đầu óc. Tôi nghĩ một khi nhà cửa ổn định xong, đồ đạc đâu vào đấy, nhà tôi và tôi sẽ mời đám bạn mới về nhà một bữa. Và tôi mong nhà tôi sẽ mời tất cả mọi người có mặt hôm nay, trong đó tất nhiên có ông ta. Một người đàn ông như ông Hùng sẽ đem lại ý vị cho những buổi họp bạn. Ông ta không những có nội dung mà còn lịch lãm có duyên.

Tôi quay sang Mai Liên, định nhắc lại câu hỏi về lai lịch người đàn ông lạ. Mai Liên không bắt mắt tôi, vẫn cặm cụi gọt soài, nét mặt còn căng hơn lúc trước. Thật ra mặt Mai Liên khó đăm đăm. Tôi nhớ đến chuyện bực mình sớm nay của bạn tôi ở sở. Người thân chủ khó tính, nhưng Liên cũng quả có ác với ông ta. Mai kia, chắc tôi phải khuyên bảo Mai Liên. Dại nhất là xử lý công việc sở với quá nhiều cảm tính, để chuyện người vận vào và trở thành phiền não cho bản thân mình...

*

Ngoài xa-lông câu chuyện vẫn xoay quanh đề tài nhiếp ảnh.

"Bữa nào anh Hùng cho xem những tấm ảnh mới chụp năm nay của anh đi. Em chưa được xem lại ảnh của anh, trừ mấy bức trúng giải trước 75 mà người ta cứ in đi in lại..." một người đàn ông đề nghị. Giọng nói nghe khoảng trung niên, lễ phép lịch sự, phản ánh sự thán phục lâu ngày dành cho nhà nhiếp ảnh nổi tiếng.

"Năm nay, tôi không có ảnh mới..."

"Vậy thì năm ngoái vậy."

"Năm ngoái cũng không có... Tôi không chụp gần ba năm nay rồi..."

"Tại sao? Anh không chụp ảnh nữa thì uổng lắm..."

Ông Hùng không trả lời. Người khách nài nỉ:

"Tại sao hở anh? Anh có biết quần chúng ngưỡng mộ anh đến thế nào không? Anh tha lỗi cho sự đường đột, cho em thú nhận một chuyện. Thế hệ đàn em như em mê ảnh anh chụp lắm. Bản thân em hồi còn sinh viên trường luật tất nhiên là không có tiền mua nguyên bản, đã nhịn xi-nê cả tháng để mua cuốn catalogue chụp lại tác phẩm của anh. Mà không cứ thế hệ em, con em cũng mê ảnh anh chụp. Gái út em, cái Lan ấy, tấm hình '*Nắng Chiều Trên Bãi Sa Huỳnh*' chiếm một chỗ trang trọng trong phòng riêng của nó... Anh ơi, anh sáng tác nữa đi anh."

Ông Hùng miễn cưỡng trả lời:

"Cảm ơn cậu. Nhưng mà chuyện này dài dòng lắm..."

Rồi như thấy câu trả lời ngắn gọn phụ lòng kẻ tri âm, ông Hùng nói tiếp:

"Lý do cụ thể nhất là sang đây, ảnh tôi không bán được... Không có khách mộ điệu ở cái xứ không đồng văn hóa với mình này. Tấm ảnh treo trong phòng cháu, người chủ trương in lại không trả cho tôi một xu tác quyền, không phải vì tham, mà vì chính anh ta lỗ vốn trong thương vụ này...

"Trường hợp cháu Lan là trường hợp hiếm có. Có lẽ cháu bị ảnh hưởng của cậu. Cậu quý tôi, và cái quý của cậu lây sang cháu... Mà có lẽ cậu quý bãi Sa Huỳnh, và đã tả bãi Sa Huỳnh cho cháu, đã kể những chuyện liên quan đến bãi Sa Huỳnh cho cháu, nên cháu nhập tâm, và *'Nắng Chiều Trên Bãi Sa Huỳnh'* tìm được đồng vọng nơi cháu...

"Cậu hỏi tôi thiếu gì bãi biển khác cũng đẹp như thế, thiếu gì cảnh thiên nhiên hùng vĩ khác ở Mỹ Quốc này, sao tôi không chụp? Đúng, chỉ riêng bang Cali này, cảnh đẹp đếm không hết... Chỉ từ đây lên bắc Cali thôi, bao nhiêu bãi biển đẹp, từ Laguna cho đến Big Sur, cho đến Carmel Monterey... Hồi mới sang tôi có chụp những cảnh đó... Nhưng bán không được...

"Mới đầu tôi than thân trách phận, cho là người ta kỳ thị... Nhưng bây giờ nghĩ lại, Mỹ nó không mua cũng phải... Cậu biết không, bãi biển nào tôi chụp, xem ra lại cũng giống như bãi Sa Huỳnh của thời tôi được huy chương vàng... Thậm chí sa-mạc tôi chụp cũng giống *Bãi Sa Huỳnh* nữa... Ngắm Big Sur, ngắm Laguna, Mỹ mong đợi cái Big Sur cái Laguna của nó, và nó không mong thấy bãi Sa Huỳnh của tôi trong một khung cảnh hoàn toàn lạc điệu..."

Tiếng mấy bà chạo chuyện trong bếp vọng ra làm tôi thoáng bực mình. Bây giờ thì họ ồn quá, và tôi không nghe được đoạn sau của ông Hùng. Tôi cáu nhàu trong đầu, tại sao câu chuyện của phụ nữ Việt Nam tại hải ngoại lại cứ phải quanh quẩn trong thế giới của thị phi hay chủi cùn rế rách? Ở đây chỉ có Mai Liên là hợp với tôi. Tôi quay sang bạn:

"Ông nhiếp ảnh gia ngoài kia thật là có tâm hồn, Mai Liên nhỉ. Mà có tài và nhũn nhặn nữa. Nhưng nếu mình không làm thì những nghệ sĩ thành công nhất bao giờ cũng nghiêm khắc với bản thân."

"Gọt cho xong thùng soài đi bà, cứ ngồi đấy mà nói vớ vẩn."

*

Câu trả lời xẵng giọng của Mai Liên làm tôi ngẩng lên nhìn bạn. Mặt Mai Liên đanh lại, và môi dưới chìa ra, kiêu bạc. Có thể gọi là dữ dằn nữa. Tôi nghĩ cô nàng lại nghĩ đến chuyện bực mình sáng ngày ở sở, và tôi tức cười. Mai Liên không biết là Mai Liên đẹp bao nhiêu nếu đừng cau có.

Mà cau có vì chuyện không đâu. Tôi tinh nghịch nghĩ giá có sẵn máy ảnh tôi sẽ chụp Mai Liên liên tục nhiều tấm, bây giờ cũng như sáng nay,

rồi đưa cho ông Hùng coi. Ông sẽ lầm tác giả xấp ảnh là một người chồng bất hạnh, mà sự kiến diện với vợ chỉ tạo ra đủ mọi nét xấu trên dung nhan bình thường xinh đẹp của vợ... Nào thờ ơ đến chán chường, nào mất kiên nhẫn đến cau có, nào u uẩn đến lạnh xương sống... Ấy là chưa kể đến nét miệt thị khinh khi...

Ông Hùng ơi, ông lầm rồi. Qua Mai Liên, tôi sẽ chứng minh rằng ông sai. Cô bé người mẫu này của tôi trong lúc bực mình, dung nhan có thể có tất cả những cái xấu ông kể, nhưng thật ra tâm địa vẫn tốt, và nói chung vẫn là một người đàn bà đẹp và hạnh phúc... Hơn nữa, sự xấu xí tạm thời của họ không ăn nhằm gì đến liên hệ với đàn ông... Tôi đoan chắc là Mai Liên có hạnh phúc gia đình, vì tuy chưa được gặp, nhưng bạn trong sở đồn chồng Mai Liên tài hoa và bảnh trai lắm...

Nhưng mặc Mai Liên, chướng tính như vậy thì phải chịu lấy một mình thôi. Ngày mai, sau một đêm ngủ ngon, Mai Liên sẽ xinh đẹp như bình thường khi trở lại sở... Rồi mọi việc sẽ qua đi, kể cả chuyện Mai Liên sẽ bị xếp rầy nhẹ vì sự việc sáng ngày...

Còn bây giờ tốt nhất là tôi cứ mặc Mai Liên với nỗi bực mình vô lý của cô nàng. Tôi phải nghe cho hết câu chuyện nghệ thuật nhiếp ảnh của nhà nhiếp ảnh tài hoa này...

*

Ông ta đang bàn chung chung về sự thích nghi của người nghệ sĩ bị cách ly với môi trường bẩm sinh của mình. Ông nói, nghệ sĩ sanh ra là để làm nghệ thuật. Nhưng khúc quanh lớn nhất trong đời người nghệ sĩ là lúc lực bất tòng tâm... Là lúc nhìn vào sự vật, nhìn vào đối tượng, người nghệ sĩ khám phá được một cái nhìn mới, cơ sở cho một nghệ thuật mới để đạt tới những chân trời mới của mỹ học... Vậy mà anh ta lại bị ám ảnh rằng dù có cố gắng đến đâu cũng không tạo được những tác phẩm anh ta đã thấy rất rõ ràng trong tim trong óc, thấy rõ từng đường nét cho đến cả chữ ký của mình ở dưới tác phẩm...

Trầm giọng xuống, ông như tâm sự:

"Bây giờ, tất nhiên là tôi có thể tạo lại dễ dàng những tác phẩm cùng trình độ mỹ học như '*Nắng Chiều Trên Bãi Sa Huỳnh*'. Nhưng nếu làm vậy thì tôi không phải là tôi nữa, mà là cái tôi của thời gian chụp tấm ảnh đó. Tất nhiên là đề tài có thể chọn khác đi để sự giống nhau không lộ liễu, nhưng cái tôi của tác phẩm sẽ dứt khoát không phải là cái tôi bây giờ. Người thưởng lãm tinh ý sẽ thấy ngay sự giả mạo, là tôi sáng tác với cái tôi không phải là tôi...

"Còn nữa, nếu tôi bằng lòng với cái tôi hồi ấy thì hệ luận thê thảm là cả cuộc sống mấy chục năm nay từ ngày '*Bãi Sa Huỳnh*...' cho đến bây

giờ kể như là chưa bao giờ xảy ra... Và tôi đã không sống suốt bấy lâu, đi qua cuộc đời như một thây ma biết đi.

"Sự thật là nếu có về lại bãi Sa Huỳnh bây giờ, tôi sẽ thấy một bãi Sa Huỳnh khác, một bãi Sa Huỳnh đã theo sự trưởng thành cảm quan cũng như nội tâm của tôi mà vạn phần đẹp hơn... Nhưng bãi Sa Huỳnh ấy, tôi chưa tìm được một ống kính, một mắt lọc, một thứ giấy in, một loại phim đúng hạt, một góc cạnh, hay trung thực hơn, một nghệ thuật đủ cao độ để chụp... Tôi đang ở một khúc quanh hãi hùng nhất của người nghệ sĩ..."

"Thối như c." Mai Liên lẫm nhẩm. Tôi giật mình rồi bực mình với bạn. Mặt Liên bây giờ rất khó thương, cau có nhìn vào lưỡi dao sắc đang cắt sâu vào quả soài.

Mai Liên quá đáng, cãi nhau với thân chủ đã là bậy, chuyện đã qua rồi mà còn để tâm và hung hãn như vậy thì còn con nít nữa. Lại vô phép. *'Thối như c.'*, tôi không ngờ một người đàn bà ăn học lịch sự như Mai Liên lại ăn nói thô tục và rẻ tiền như vậy. Nhất định ngày mai khi ăn trưa, tôi phải chỉnh con bé mới được.

*

Tôi quay lại nghe đám bạn ông Hùng trầm trồ tán thưởng lối phân tích sâu sắc của người nghệ sĩ. Họ như không nghĩ ông Hùng thực sự tự phê bình sự nghiệp mình, mà chỉ dụng tâm nhũn nhặn giả thử rằng mình thất bại để khai triển những cảm nghĩ sâu sắc về đời sống của một tay nghề lỗi lạc... Không, họ cũng như tôi, không tin rằng ông đang thật tình tâm sự với họ về cái thất bại của ông. Chẳng qua là ông dùng bản thân để tiện bàn về một đề tài lý thú, là cái đau của người nghệ sĩ di tản trăn trở với đời sống không hội nhập...

Vậy mà tôi nghe thấm thía cái đau ông nói. Tôi nhớ đến thằng Thành, con trai đầu của tôi. Hồi 75 khi chúng tôi sang đây, nó mới 9 tuổi. Nó là đứa con ngoan, học hành chăm chỉ, vâng lời bố mẹ. Nuôi nó chỉ có một vấn đề. Là nó thờ ơ với mọi chuyện. Nó học chăm, học giỏi, được phần thưởng mỗi năm, nhưng tất cả chuyện tốt ấy nó làm chẳng qua là làm cho cha mẹ. Bản thân nó, nó thờ ơ với những phần thưởng lớn nhỏ thu lượm được. Chỉ có nhạc là nó thích. Có lúc tôi hối hận là sinh nhật thứ sáu của con, tôi đã cho nó cây vĩ cầm và đã ghi tên cho nó học nhạc...

Tôi nhớ có hôm đang đi chơi với bố mẹ bên bờ suối Trị An, nó thẫn thờ như người mất hồn. Chồng tôi hỏi, nó bảo nó đang nghe nhạc. Nhạc gì, làm gì có nhạc hả con? Nhạc mấy con ve sầu, nhạc suối, nhạc gió, nhạc con chuồn chuồn bay không có tiếng động trên mặt nước, bố ạ... Con thích nhất là nhạc của mấy bông hoa tim tím trôi trên nước kia kìa... Hoa ấy là hoa gì hả bố? Tôi biết con tôi bấy giờ chưa biết gì về nhạc lý, lại chưa

trưởng thành để phát biểu rành mạch những điều trừu tượng, và tôi nghĩ chính lúc ấy nó đã bắt được một mặc khải gì lớn lắm... "Bèo lộc bình đấy mà, thứ này băm ra cho lợn ăn tốt lắm," chồng tôi trả lời cộc lốc. Trong mắt anh, tôi thấy nỗi bất an. Chồng tôi bao giờ cũng để lộ một nỗi bất an khó hiểu khi nghe ai nói về những cái đẹp nhân văn hay nghệ thuật mà anh không liên hệ được. Về lại Sài gòn, những cơn thẫn thờ của con tôi thường xuyên hơn. Cả những khi không có suối, không có gió, không có ve sầu, mà ngay giữa bữa ăn gia đình, nó cũng thẫn thờ như đang lắng nghe một bản nhạc mà cả nhà không ai nghe thấy...

Công lo, anh rủ nó chơi tennis, hy vọng thể thao sẽ đánh lạc hướng sự ham mê nhạc nơi con. Nhưng Công thất bại. Sang đây, Công muốn hướng nó vào khoa học, nhất là y khoa, nhưng nó cương quyết chống lại. Công dọa sẽ cắt trợ cấp. Thành cũng bướng như bố, nhất định học nhạc bằng cách vay tiền trợ cấp của chính phủ và bán Hamburger. Ba tháng sau, Công nhượng bộ và trợ cấp trở lại cho con.

Nhưng chồng tôi trợ cấp con với điều kiện. Là Thành phải thành công. Cái điều kiện bố đặt cho con không có gì là ràng buộc về thực chất, nhưng nó tạo cho thằng Thành một gánh nặng tâm lý. Công không bao giờ nghĩ rằng chính cái gánh nặng tâm lý này đã nghiền nát đứa con trai độc nhất của chúng tôi. Biết bao lần, Thành về tỉnh nhà, lén lên sở thăm tôi vào giờ ăn trưa, tâm sự với mẹ về cái lo âu, về cái mất tự tin tạm thời ban đầu, về cái mất tự tin mãn tính về sau... Nó là cái đau mà tôi đã đau chung với con... Cái đau ấy bây giờ vẫn gặm nhấm tôi, mỗi khi tôi nghĩ đến sự thất bại cuối cùng của nó...

Có lúc tôi mong được như chồng tôi, thương con, nhưng yên ổn với bản thân là bất hạnh của con hoàn toàn do những lỗi lầm của nó. Công không nói ra, nhưng tôi biết anh nghĩ gì. Cá không ăn muối cá ươn, không có tài mà có tham vọng, câu chuyện chỉ giản dị như vậy... Mặc dầu hai đứa con nhỏ của tôi thành công theo nghĩa thông thường về học vấn và nghề nghiệp, nhưng chuyện thằng Thành là vết thương lớn không bao giờ lành hẳn giữa hai vợ chồng tôi.

*

Ngoài xa-lông, người khách mộ điệu lại hỏi ông Hùng :

"Sao anh không lấy chị làm người mẫu mà sáng tác. Về người phụ nữ Việt Nam, nhất là về một phụ nữ đặc biệt như chị, nghệ thuật nào khai thác cho hết?"

Đề tài đột ngột, cả đến Mai Liên cũng phải chú ý nghe. Ông Hùng không trả lời ngay, và tôi nghe có tiếng lon bia từ mặt kính bàn được nhấc lên. Lát sau, tôi lại nghe tiếng lon bia đặt lại xuống bàn. Ông Hùng nói

như cho có nói:

"Kể như chuyện họa sĩ vẽ vợ, phải không?"

Ông Hùng né câu hỏi. Tôi không trách ông, đời tư của mình không phải là chuyện dễ nói. Nhưng người đối thoại với ông không chịu bỏ cuộc:

"Em nói thật đấy. Em vẫn phục tài anh. Và em vẫn phục chị là một người đàn bà thành công và đa diện... Em nghĩ ảnh anh chụp chị chắc phải thành những kiệt tác... Trở lại những điều anh vừa giảng cho em về chân dung đàn bà, em tưởng tượng những nét anh bắt được nơi chị chắc phải đẹp lắm..."

Ông Hùng cười lớn, cái cười không hẳn vui vẻ, nhưng lịch duyệt của người biết cách duyên dáng khi cần phải tránh chuyện riêng tư.

Nhưng bất ngờ ông đổi ý, chậm rãi nói với giọng nửa đùa nửa thật:

"Cậu chắc không nào? Cậu nghĩ chị phục tài anh như vậy sao? Cậu không sợ chuyện bụt chùa nhà không thiêng à? Nguy hiểm nhất là cậu có thể sẽ thất vọng, vì những nét tâm lý anh bắt được lại là ... xem nào... những nét tiêu cực của một tấm ảnh chồng chụp vợ không thành công... Biết đâu cậu sẽ thấy..."

Ông Hùng chưa hết câu thì mọi người đã cười tán thưởng. Mà tán thưởng là phải, tôi nghĩ. Bao nhiêu người nổi danh nơi cố quốc sang đây có thể hồn nhiên và dễ thương như vậy khi ưu thế cũ không còn. Chỉ có người thành công, người tự tại, mới dám bông đùa về bản thân như vậy.

Tôi bỗng tò mò nghĩ trong đám mấy bà đang lao xao trong bếp, ai là phu nhân của người đàn ông này. Tất nhiên phải là một người đàn bà đặc biệt và may mắn. Liên hệ vợ chồng của bà chắc phải đẹp lắm. Không đẹp sao được, khi tục lụy của tình nam nữ đã thăng hoa, và tấm thân xác đã trở thành món quà xinh đẹp mỹ miều của giao thoa tâm hồn đem tặng cho tình yêu, như ông Hùng nói lúc nãy... Hình ảnh quá đẹp làm tôi xao xuyến ruột gan. Tôi bỗng tha thiết muốn làm quen với bà ta. Không đừng được, tôi ghé sát tai Mai Liên hỏi khẽ, "Bà Hùng là bà nào hở Mai Liên?"

Mai Liên không trả lời, tách xa khỏi tôi và nhìn tôi ngơ ngác. Trên mặt Mai Liên, tái xuất hiện rất nhanh những nét đanh ác mà tôi thấy sáng ngày khi Mai Liên tiếp người thân chủ khó tính... Tôi không hiểu phản ứng của bạn... Tôi lập lại câu hỏi:

"Ông Hùng là chồng ai vậy hả Mai Liên?"

Mặt Mai Liên bây giờ xấu và cứng như một bức tượng ác phụ, xấu và cứng đến nỗi tôi phải vội vã quay đi. Vừa lúc ấy, tiếng ông Hùng từ xa-lông vang lại, vô tình mà như đang tả dung nhan bất thường một cách kỳ quặc của Mai Liên tôi vừa thoáng trông thấy:

"Đúng, biết đâu cậu sẽ thất vọng. Biết đâu cậu sẽ thấy nét chịu đựng, nét chán chường, nét cay đắng, thậm chí cả nét cay nghiệt khinh khi nữa..."

Mai Liên kêu lên thất thanh làm tôi giật mình. Tiếng kêu tuy có kìm hãm nhưng rõ ràng biểu lộ đau đớn. Tôi quay lại. Mai Liên đang ôm ngón tay vừa đứt lên miệng mút. Miếng soài mới cắt lăn lóc trên mặt bàn, mặt soài vàng mịn như lụa hoen đỏ vệt máu tươi... Những nét khó thương đã biến đâu hết, và Mai Liên bây giờ là bức chân dung của đau thương. Không, đúng ra dung nhan của Mai Liên là hiện thân của khốn khổ đã mãn tính cất giấu bấy lâu bây giờ mới hiện nguyên hình. Toàn thân run rẩy, đôi mắt hốt hoảng nhìn tôi qua làn nước mắt, Mai Liên nói:

"Không, không phải chồng em..."

*

Biến cố nhỏ trong kíp gọt xoài của tôi làm mọi người quay lại. Lần đầu tiên tôi thấy mặt ông Hùng. Một vừng trán rộng thanh thoát như trán tượng Hy Lạp, một cặp lông mày hình lưỡi mác, và đôi mắt... Chao ôi, đôi mắt nghệ sĩ, hiền lành mà thông minh, sắc sảo mà đằm thắm, vừa phản chiếu lại những cảnh đẹp vô vàn từ ngoại giới mà ông đã thấy đã chụp, vừa mở cửa phô bày thế giới nội tâm của một tâm hồn nhậy cảm đã từng đau những cái đau lớn cũng như đã từng hưởng những niềm hoan lạc bao la... Ông Hùng đứng lên, cao lớn và thanh lịch như ông hoàng tử của truyện cổ tích, bước những bước dài lại phía chúng tôi. Chủ nhà là y sĩ đã nhanh nhẹn với hộp đồ nghề chạy tới băng vết thương cho Mai Liên.

Ông Hùng tới sát bên Mai Liên. Một tay đỡ cánh tay có ngón tay vừa đứt, ông đặt nhẹ bàn tay kia lên lưng Mai Liên, âu yếm nói:

"Miêng, Miêng ơi... Đau không em..."

Mai Liên cho đến bây giờ thẫn thờ như người mộng du, dãy nảy như bị điện giật khi bàn tay ông Hùng vuốt nhẹ lưng nàng. Giựt mạnh nốt cánh tay ông Hùng còn đang cầm, Mai Liên xô mạnh ông sang bên, hét lớn:

"Có buông người ta ra không."

Rồi toàn thân nàng co giựt trong một cơn kinh phong cấp tính. Tôi giúp mấy người đàn bà chuyển Mai Liên lên đệm sofa bên phòng khách, trong khi chủ nhà lanh lẹn bắt mạch rồi chích thuốc cho người bệnh. Mấy giây sau, Liên thôi giựt, nằm thiêm thiếp như người ngủ.

Tôi lấy chiếc mền mỏng đắp cho Mai Liên rồi quay lại nhìn ông Hùng. Tôi không nhận ra ông. Ông đứng thẫn thờ vô dụng, hai tay thừa thãi buông xuôi hai bên hông. Ông như thấp đi, lùn đi so với lúc ông vừa đứng dậy. Vừng trán ông bây giờ đầy vết nhăn, và tôi không ngờ trán đàn ông lại có thể nặng nề u uẩn đến thế. Đôi mắt ông không điều tiết và đầy

phiền não, niềm vui và sự sống như đi vắng đã lâu. Chỉ có thất vọng, đau đớn, mỏi mòn... Tôi tự giới thiệu và đưa tay ra cho ông bắt:

"Tôi là bạn cùng sở với Mai Liên."

Như nhờ thói quen lâu đời, ông lịch thiệp nắm tay tôi. Bàn tay ông dài và những ngón tay ông ám vàng nicotine. Ông vụng về nói:

"Miêng có kể... Tôi muốn nói Mai Liên có kể bà từ Hawaii mới đổi qua. Mai Liên cũng kể là bà quý em lắm."

Lát sau, xe hồng thập tự tới, và nhân viên cứu thương mang băng ca vào chở Mai Liên đi. Trước khi theo vợ lên nhà thương, ông Hùng từ giã tôi:

"Bà yên chí, nhà tôi sẽ bình phục... Chứng kinh phong là vậy, hễ có gì bực mình là bệnh dễ phát hiện... May là đau như thập tử nhất sinh đấy, rồi lại bình thường đấy..."

*

Khi xe hồng thập tự đã khuất, các bà bắt đầu chạo chuyện. Một bà nói:

"Tội nghiệp Mai Liên, nó làm gì có máu kinh phong. Chẳng qua uất quá mà thành bệnh."

Bà khác kết án ông Hùng rành mạch hơn:

"Mai Liên nó khổ vì chồng. Sang từ 75 mà không trụ một việc gì. Lúc nào cũng mơ tưởng hão huyền. Lúc nào cũng phim với ảnh. Lại thuốc sái."

Tôi giật mình :

"Xì ke?"

"Không, thuốc lá ba con năm. Nhưng ngày ba bao, hại kém gì xì-ke?"

"Ông Hùng bây giờ làm gì?"

"Tôi cũng không biết rõ. Việc nghệ thuật, việc cộng đồng thì nhiều, nhưng việc có lương có tiền ổn định thì không... Tháng trước thấy quảng cáo nhận chụp ảnh đám cưới, không biết bây giờ còn chụp nữa không. Ông này chẳng có việc gì là trụ..."

Rồi chặc lưỡi bà ta nói tiếp:

"Đã không giúp ích được gì, lại khó tính... Liên nó bảo, có khi ổng cả tuần lủi vào phòng riêng, ủ rũ như con gà cúm, cậy răng cũng không nói một tiếng với vợ..."

"?"

"Bà mới dọn về đây nên không biết. Hôm nay ba hoa như vậy là rượu nói đấy..."

*

Bữa tiệc liên hoan chậm mất gần một tiếng vì cơn bệnh cấp kỳ của Mai Liên. Khi ngồi vào bàn, mọi người đều đói, và người ta không còn bàn về vợ chồng ông Hùng nữa. Rượu ngon đồ ăn ngon, câu chuyện bàn ăn nở như pháo rang. Chồng tôi ngồi bên tôi vui vẻ ăn uống như thường lệ.

Nhưng tôi ăn cho lấy lệ, miếng cơm nghe bã trong miệng như rơm như rạ. Tôi nghĩ đến bệnh tình của Mai Liên. Chứng kinh phong chắc có thật, nhưng sự khinh rẻ ruồng rẫy chồng lúc trước cơn kinh phong cũng thật không kém.

Tôi nhớ lại gương mặt của ông Hùng sau khi bị Mai Liên hất hủi. Và tôi chợt nhớ trong câu chuyện nghe trộm tối nay từ đám đàn ông về dung nhan và liên hệ vợ chồng, không ai nói lên cái ảnh hưởng của sự dằn vặt đay nghiến thậm chí khinh khi của người đàn bà trên gương mặt đàn ông... Chắc không ai biết người đàn bà có thể tạo nên chừng ấy tàn phá trên dung nhan một người đàn ông tốt và tài hoa thế ấy... Cái u uẩn của vừng trán ấy, cái thê lương chết chóc của đôi mắt ấy, không phải một ngày mà có, mà Miêng của ông phải năm này qua năm khác nỗ lực mới tạo ra nổi...

Tôi nghĩ đến sự độc ác của hất hủi, nhất là khi hất hủi tới từ người thân yêu. Chồng tôi đã hất hủi thằng Thành, không phải bằng những lời lẽ nặng nề, mà bằng thái độ, yên lặng khẳng định rằng con tôi mặc dầu đam mê mặc dầu thiết tha với nghệ thuật, chỉ là một nhạc sĩ tầm thường. Và sự tầm thường ấy, Công đã biết từ lâu như một sự thật không lay chuyển nổi.

Chỉ có Công và sở cảnh sát và hãng bảo hiểm là tin rằng tai nạn của con tôi một đêm về sáng trên xa lộ New Jersey Turnpike là tai nạn xe cộ thuần túy. Họ không biết tâm trạng con tôi, họ không thấy sắc diện nó ba tháng trước khi chết, khi nó chấp nhận là tài vĩ cầm của nó chỉ đủ kiếm cho nó một chức nhạc công hạng trung trong một dàn hòa tấu hạng trung tại một đô thị hạng trung bên miền Đông. Nó chấp nhận bản án ấy ba năm sau lễ tốt nghiệp trường nhạc và một thứ bảy sau buổi tâm sự với bố trong một tiệm nước ngoài Laguna.

Bữa ăn đã dọn đến món tráng miệng. Tôi nhìn những lát soài Mai Liên và tôi gọt, tất nhiên là thiếu miếng soài thấm máu đứt tay của bạn tôi. Những miếng soài trông bình thường và ngon lành, không còn dấu vết gì những tư lự của tôi khi tôi gọt chúng. Cũng không còn dấu vết gì của sự bực bội của Mai Liên khi nghe lỏm câu chuyện chồng kể với đám bạn đàn ông, sự bực bội mỗi lúc một tăng để sau cùng nổ tung thành cơn kinh phong cấp tính. Tôi sót sa nghĩ, những câu chuyện duyên dáng và thâm trầm của ông Hùng đã chinh phục cô sinh viên năm nào trong một buổi triển lãm trưng bầy tác phẩm của huy chương vàng quốc gia, bây giờ vì thiếu khả năng gây lợi nhuận thực tế mà cũng vì bị nghe quá nhiều trong sự mòn mỏi vợ chồng, thâm trầm ấy duyên dáng ấy chỉ còn được đón nhận bằng chán chường, dày vò, và thậm chí cả khinh khi...

Tôi nhìn quanh đám thực khách. Mọi người, kể cả chồng tôi, hoàn

toàn bình thường, ăn uống nói cười vui vẻ. Bệnh nhân đã được chở đi khuất mắt, xe hồng thập tự với đèn nháy với còi hụ chỉ còn là chuyện đã qua, miếng soài dính máu đã nằm yên nơi đáy sọt rác... Tôi cảm như lạc vào một thế giới khác, thế giới của những người bình thường, những người mà hệ thống cảm quan không bén nhậy đã che chở cho khỏi những chuyện họ cho là phù phiếm. Thế giới này, con tôi và ông Hùng và một phần nào cả chính tôi nữa không có hộ chiếu để vào cửa hay hộ khẩu vững chắc để ở lại thoải mái...

Từ chối miếng soài bà chủ nhà tiếp cho, tôi ăn miếng bánh ngọt. Đậu xanh nhân bánh nghẹn nơi ngực làm tôi nhớ lại cảm giác nặng nặng khi tôi ôm đầu con tôi vào lòng trong nhà đòn một thị trấn nhỏ bên xa lộ New Jersey Turnpike, sau một chuyến bay ròng rã từ Hawaii về. Tôi nhớ đến khuôn mặt thông minh của con, cái thanh thoát thường lệ của nó mà sự phê bình không thành lời của Công có thể xoá đi dễ dàng để thay thế bằng ưu tư dằn vặt. Tôi tự an ủi là vẻ thanh thoát cuối cùng thấy hôm ở nhà đòn sẽ vĩnh viễn là của con tôi, và không sự phụ bạc nào, dù sự phụ bạc của tình phụ tử có thể lấy đi được.

Tôi liên tưởng đến vẻ thanh thoát của ông Hùng trước khi thấy Mai Liên đứt tay. Có lẽ bây giờ ông Hùng đang ngồi bên Mai Liên trong bệnh viện. Có lẽ ông đang cầm tay Mai Liên, *Miêng* của ông. Có lẽ ông đang vuốt ve lưng vợ. Tôi cầu mong Mai Liên còn thiếp đi trong cơn mê hậu kinh phong sẽ không hắt hủi ông. Tôi nghĩ đến ông với ba bao thuốc lá một ngày, với những chai bia uống để quên sầu muộn... và tôi tự hỏi bao giờ ông sẽ khám phá ra một cách tự hủy hữu hiệu hơn, như cách của con trai tôi.

Lòng tôi se thắt lại, tôi nghe ngực tôi nặng nặng như đầu con tôi còn đè nơi ấy. Không, đúng ra ngực tôi không nặng, mà thao thức như đói tình mẫu tử, như muốn ôm lại con tôi, như tôi đã ôm nó trong căn nhà đòn nơi thành phố xa lạ ấy...

Tôi lại nghĩ đến Hùng. Bất giác tôi nhìn trộm chồng tôi, người chồng tôi đã chung thủy suốt đời. Công vừa nhấp xong ngụm cà phê Ban Mê Thuột mà chủ nhà đã cầu kỳ gửi mua từ quốc nội, đang cười nói vui vẻ với vị thực khách đối diện.

Anh vẫn sinh hoạt bình thường trong thế giới bình thường của anh... Còn tôi, tôi cảm thấy vô cùng cô đơn, và thâm sâu nơi đáy lòng, tôi nghe sót xa lẫn với ngậm ngùi... Và êm đềm lẫn với sợ hãi, tôi nghe sự bất lực của tôi với ý miệm tội lỗi...❐

Nghĩ về mẹ, em, thơ, biển, và hạnh phúc

HẢI PHƯƠNG

Trăng hôn mê dưới lá
ướt dầm vùng trí nhớ ta mê lộ xanh xao tiền kiếp
đồi ngực em đài hoa thanh quí thời con gái
no tròn giòng sữa lạ
mà vũ trụ ấy bát ngát hơi hướm người
Mẹ.

Còn miếng môi thì câm
khi chiếc hôn cắn lại
ngọc trong răng ứa mật tồn sinh
như một lần ta rong chơi đến đây
giữa cuộc đời này
ngày ngày truy lùng hạnh phúc
Em.

Dẫu một đời chỉ dành dụm vốn liếng để thương yêu
nhưng chưa bao giờ có đủ
bởi hạnh phúc thì chảy tan ra
như thứ mật đen đặc quắn nguy nga
dắng.

Mẹ-Em-Thi-sĩ-chết-trong-Thời-gian
còn Thơ thì ở lại
còn Hạnh phúc thì tan nhanh
như những nhánh sông mùa thu chở đầy lá vàng
dong buồm ra khơi
cùng với rác rưởi và giọt lệ trầm tích nhát chém hư vô
Biển.

Chị ấy, ở phía sau

Trần Doãn Nho

Cỡ vào đầu tháng tám là chị bắt đầu thấy trong người hơi khác. Bụng dạ chị khi nào cũng thấp thỏm, bồn chồn. Chị hơi biếng ăn. Ngủ ít khi được ngon giấc. Chị hay chú ý đến từng tiếng động, nhất là những tiếng động từ xa. Thỉnh thoảng chị bước ra sau vườn hay khoảng sân hẹp trước nhà, ngó mông lung, mắt như muốn xuyên thủng những lùm cây trước mặt để được nhìn thấy một vùng trời khác. Một vùng trời khác không hẳn chỉ có ý nghĩa về không gian. Nó trộn lẫn nhiều thứ, chẳng có cái gì rõ nét. Đó có thể là một thành phố, một nơi nào xa hơn, một người nào đứng đợi hay một cái gì đó khác hơn hiện tại.

Tháng tám đến. Chị đợi. Mùa này là mùa mưa bão. Những cơn mưa bất chợt thường làm chị lo lắng vu vơ. Biết đâu mưa sẽ kéo dài ngày này qua ngày khác. Nước lũ tràn về gây lụt. Và người ta sẽ hủy bỏ chuyến đi. Sẽ không ai đến thăm chị. Chị lại phải dài cổ đợi đến tết hoặc đến dịp lễ sang năm. Đợi đến sang năm là cái chắc. Tết, bận bịu, thường Tỉnh ủy chỉ cử đại diện về thăm. Chỉ có Quốc khánh, mấy anh mới chịu khó rủ nhau cùng về. Anh ấy cũng thế, anh chỉ về thăm chị vào dịp Quốc khánh. Lễ mà trôi qua rồi là coi như xong. Cùng lắm, chị sẽ nhận được một phần quà, cái giấy báo công như để chứng minh rằng công lao chị vẫn còn được nhớ tới. Điều này lúc nào cũng quý giá đối với chị, nhưng chị muốn được gặp mặt bạn bè, muốn được trò chuyện, hỏi han, góp ý. Nhất là muốn được gặp anh ấy. Anh về đây, ở lại một buổi, trò chuyện, ăn một bữa cơm với chị rồi đi. Đây là lần duy nhất trong năm chị chịu khó trang điểm. Chị gội đầu, thoa phấn và mặc bộ áo quần đẹp nhất mà chị có.

Càng đến cuối tháng tám, chị càng bồn chồn, nao nức. Chị dậy sớm hơn và đi ngủ muộn hơn. Chị nghe đài báo thời tiết, canh chừng những cơn mưa. Những đám mây đen vơ vẩn trên bầu trời làm chị đau thắt ruột. Một đôi khi quá bối rối hay quá tuyệt vọng vì những suy luận của mình, chị đâm ra mê tín. Nhiều lần, không kềm chế được, chị bỗng buột miệng

lâm râm khấn nguyện trời phật. Chị cầu trời đừng mưa, đừng bão cho đến ngày Quốc khánh. Rồi sau đó, như sực tỉnh, chị nhìn ảnh Bác và cảm thấy hổ thẹn. Hóa ra, lúc yếu lòng, người ta lại đâm ra mê tín dị đoan. Nhưng ai mà biết, chị nghĩ. Vả lại, thời kỳ chiến tranh cách mạng đã qua lâu rồi, thỉnh thoảng có duy tâm một chút cũng đâu có sao.

Gần cuối tháng tám, mưa bão gây nên một cơn lụt. Chị gần như tuyệt vọng. Ban đêm, ngồi co ro bên cửa sổ, nhìn ra ngoài thấy nước mênh mông trắng xóa, chị cảm thấy mình hoàn toàn bất lực. Chị lẩm bẩm than thân trách phận, rồi trách ông trời vô tình. Nửa đêm, chị bưng đèn lên nhà trên, thắp nhang trước bàn thờ, lâm râm khấn nguyện. May mà sáng hôm sau nước rút.

Trưa hôm đó, ba mươi mốt tháng tám, Bí thư đảng ủy xã đến báo cho chị biết phái đoàn Tỉnh ủy sẽ về thăm xã và đến ủy lạo chị nhân ngày Quốc khánh. Có thế chứ, chị nghĩ. Chị loay hoay, chạy từ nhà trên xuống nhà dưới dọn dẹp, hối thúc bà mẹ chuẩn bị trà nước, lau chùi bàn ghế, lau chùi mười mấy tấm huy chương, bằng khen treo ngang dọc khắp phòng. Chị năn nỉ mẹ tạm thời cất bức tranh Phật Bà Quan Âm lồng kính treo ngay lối cửa ra vào. Thay vào đó, chị treo tấm ảnh Bác Hồ lên. Chị kê chiếc xe đạp phượng hoàng trên hai tấm gỗ, đồng thời cột tấm giấy khen vào ghi đông. Chiếc xe này, chị được Trung ương Đảng tặng nhân dịp kỷ niệm tám năm giải phóng miền Nam. Chị sắp mấy chiếc ghế đẩu, ghế dài thành một vòng. Chị lẩm bẩm:

"Cái này dành cho anh Mười Sao, Bí thư Tỉnh ủy. Nếu không thì để cho thằng Út Sơn, Phó bí thư. Cái này, con Lài Thương nghiệp. cái này, thằng Trần Đại Đẽo, Trưởng ban Văn hóa Thông tin. Cái này, thằng Long, Mặt trận Tổ quốc. Cái này, anh Hai Hùng, Trưởng Công An Tỉnh. Cái này, thằng... à... Cái này dành cho anh ấy..."

Anh ấy, tức là Nghĩa, người bạn tình của chị. Hai người quen nhau ở trong tù. Trong những ngày tranh đấu vật vã, Nghĩa luôn luôn có mặt bên chị, săn sóc, động viên, nhường cơm xẻ áo, giúp chị giữ vững tinh thần chiến đấu, nhất là khi chị khám phá ra rằng chị không còn có thể có con được nữa. Hai người, tuy chưa chính thức tỏ tình với nhau, nhưng trong thâm tâm, tự xem nhau như người tình. Sau tháng tư 1975, gặp lại nhau, anh đề nghị làm đám cưới, nhưng chị không thể nhận lời. Chị khuyên anh nên lấy vợ và xem chị như một người bạn. Lần lữa đến mấy năm sau, anh mới lấy vợ. Nhưng giữ lời hứa với chị, tuy bận bịu gia đình và công tác, từ trong nam, anh vẫn ghé về thăm chị, ít ra là một năm một lần, vào dịp Quốc khánh.

Dọn dẹp đâu đó xong xuôi, chị đi gội đầu, chải tóc, thay quần áo mới. Mỗi năm chị may một bộ quần áo mới, chỉ mặc khi đón phái đoàn và đón anh. Với chị, đây mới thực sự là ngày Tết. Chị được gặp lại đồng chí, bạn bè. Chị được ôn lại những kỷ niệm cũ, những ngày chiến đấu hào hùng. Với chị, đó là tất cả cuộc đời. Phần còn lại, kể từ ngày chị được nghỉ hưu non, hưởng lương theo tiêu chuẩn thương binh, chị xem như không có. Chị sống cho có sống. Mọi điều cứ dần dần xa lạ hẳn với chị. Mọi điều thay đổi đến kỳ quặc. Cảnh đổi, người đổi. Lúc đầu, khi mới về hưu, được mời làm cố vấn Đảng ủy xã, mỗi lần họp, chị còn phát biểu, phê bình này nọ. Nhưng nhìn ánh mắt mọi người mỗi ngày một dửng dưng, chị đâm ra sượng sùng. Và rồi, vì tự ái, chị xin nghỉ hẳn. Chị trở về, sống một mình, cố quên hết chuyện thời sự. Chị xa lánh mọi người. Mọi người hình như cũng tìm cách xa lánh chị. Cử chỉ họ khác. Ngôn ngữ họ cũng khác. Ngày trước họ kính trọng chị. Họ lắng nghe chị nói. Họ nhìn chị, ngưỡng mộ. Bây giờ khác hẳn. Chị cố sống với những tháng ngày hào hùng cũ. Họ lại cố quên. Họ học đòi những thứ mà trước đây họ hết sức lên án, thù ghét. Họ cúng quảy. Họ nhậu nhẹt. Họ xây nhà cao cửa lớn. Họ bàn chuyện đi Hồng Kông, đi Sing-ga-po, thậm chí đi Mỹ... Mỗi ngày mỗi tháng qua đi, thế giới chung quanh chị hừng hực thay đổi. Người cũ thay lòng đổi dạ. Lũ trẻ lớn lên nghênh ngang. Đám viên chức ác ôn chế độ cũ ở tù về cứ phây phây ra đấy, y như chẳng hề có tội lỗi gì cả. Đã thế, một số cán bộ, đảng viên lại bóng gió ca ngợi chế độ cũ nữa mới lạ. Chị không hiểu, không thể hiểu nổi.

Phái đoàn đến lúc hai giờ.

Ba xe hơi dừng lại trước ngõ. Chị bước ra sân đón. Phái đoàn chừng mười người, lạ có quen có. Không thấy có Bí thư Tỉnh ủy. Chỉ có Phó Bí thư Út Sơn, Trần Đại Đẽo, Hai Hùng. Không thấy con Lài Thương nghiệp, thằng Phương Hải sản. Mọi người vào nhà hết trong lúc chị còn đứng ở bậc thềm nhìn ra cửa ngõ chờ đợi. Không có anh Nghĩa. Chị cảm thấy ngực mình nhói lên. Anh ấy không đến. Không đến. Mắt chị nhòe đi. Chị phải vịn cột nhà để bước lên bậc thềm. Trong nhà, mọi người đứng ngồi, chỉ trỏ, cười nói. Chị vào, đến bên Hai Hùng, Trưởng Công an, hỏi nhỏ:

"Anh Nghĩa lần này không ra à?"

"Ờ... à... giờ tôi mới để ý. Chẳng biết năm nay sao hắn ta không ra nhỉ!"

Chị bất chợt rùng mình. Cảm giác lạnh lẽo loang ra khắp cơ thể. Chị bần thần nhìn mọi người, quên cả mời ngồi. Nhưng chừng như đã quen với sự tùy tiện ở những nơi như thế này, các quan chức cũng xem là chuyện bình thường. Phó bí thư tỉnh ủy, mặc vét, không đeo cà vạt, đầu

đội chiếc mũ bê rê lệch qua một bên. Ông đang giới thiệu chiếc xe đạp và những bằng khen, huy chương của người nữ đồng chí một thời được tuyên dương là anh hùng với những người trẻ. Một số người khác nhìn ngắm, chỉ trỏ lấy lệ. Họ quá quen với khung cảnh này. Vì hàng năm, họ vẫn thường đi thăm viếng những đồng chí cũ, mỗi nơi một chút, cho đúng chính sách. Vả lại, cuộc đời và thành tích của người nữ đồng chí kiên cường này, hầu như ai cũng biết. Thậm chí có người thuộc lòng.

Chị vào, cố trấn tĩnh, nhìn quanh, giọng run run:

"Cám ơn các đồng chí đã đến. Sao không thấy đồng chí Bí thư?"

Phó bí thư cười:

"Đồng chí ấy bận tiếp phái đoàn Trung ương, không về được. Xin cáo lỗi cùng chị."

Giọng chị hơi rắn lại:

"Ông ấy tệ thì thôi. Mời các vị ngồi."

Không ai ngồi. Ghế không đủ. Nhìn thấy một số người lạ mặt chỉ trỏ, bàn tán về những tấm huy chương, ảnh..., chị bước lại:

"Chào mấy chú. Toàn cũ cả thôi. Đây là tấm hình chị chụp với Bác hồi ra tham quan miền Bắc. Còn đây..., à, đây là bài thơ của đồng chí Xuân Thủy, còn kia là mấy câu của đồng chí Tố Hữu. Mấy chú chắc không biết chứ nhà này tuy thế mà đã từng đón tiếp không biết bao nhiêu đồng chí Trung ương vào thăm. Nhưng hồi trước kìa. Giờ này thì..."

Chị bỏ lửng câu nói, nhìn sang Phó bí thư:

"Mấy chú này mới hả anh? Trước tôi đâu có thấy."

"Đúng thế. Chú Tuấn thay Lài thương nghiệp, chú Phòng giờ là giám đốc hải sản."

Chị trợn tròn con mắt:

"Thế Phương đi đâu? Lại hạ tầng nữa sao?"

Phó bí thư xuống giọng:

"Đợi ra tòa."

"Còn Lài?"

"Chuyển công tác."

Chị buông một tiếng thở dài:

"Lại tham ô chứ gì? Cán bộ lãnh đạo cứ thay xoèn xoẹt như thay áo. Ôi, tôi như ếch nằm đáy giếng, chẳng còn hiểu trời đất gì nữa."

Chị định tuôn ra một tràng phê bình, nhưng thấy mọi người trò chuyện ồn ào, nên thôi. Chị lại nghe loáng thoáng có tiếng ai hối Phó bí thư "mình còn đến mười chỗ nữa phải đi, thủ trưởng à." Chị nghe lạnh lòng. Một cán bộ lão thành có lần gặp chị, chua chát: "Bọn mình giờ chỉ như những thứ đồ cổ. Người ta cần để trưng bày hơn là sử dụng." Trong chiến

đấu, người ta cần thành tích để động viên người khác. Bây giờ, thành tích lại biến thành trở ngại. Nhiều cơ quan không nhận các cán bộ có thành tích vì thành tích nhiều sẽ làm cấn cái hoạt động của các thủ trưởng. Có cơ quan chỉ tuyển con cái của các nhân viên chế độ cũ, vì họ lanh và dễ sai bảo.

Phó bí thư lên tiếng:

"Các đồng chí im lặng..."

Nhìn về phía chị, ông nói:

"Hôm nay, thay mặt Trung ương Đảng và Tỉnh ủy, tôi cùng phái đoàn đến thăm đồng chí. Công lao to lớn của đồng chí trong sự nghiệp chống Mỹ cứu nước, Đảng và nhân dân không bao giờ quên..."

Và cũng như mọi năm, ông nhắc lại một số chiến tích của chị trong thời kỳ chiến tranh và sự bất khuất của chị trong lao tù. Dù biết rõ đồng chí Phó bí thư chỉ nhắc nhở lấy lệ, chị vẫn cảm động. Ông đồng chí với tay lấy gói quà từ anh cận vệ, trao cho chị. Chị ôm đặt trên bàn, nói lời cảm ơn. Mọi người trao đổi vài ý kiến vu vơ về thời tiết, về đời sống..., rồi lục tục ra về.

Còn lại một mình, chị lẩm bẩm:

"Anh ấy không về... anh ấy không về."

Chị ngẩn ngơ nhìn những người đồng chí cũ ra xe, không buồn đưa tiễn. Ai nấy đều hồng hào, mập mạp, hạnh phúc. Những bộ đồ vét, những chiếc cà vạt xanh, đỏ, hồng, giày ngoại, cặp da, thuốc đót, những tiếng cười lảnh lót, rộn rã... Tất cả khuất dần sau những cánh cửa xe bóng loáng. Đoàn xe nối đuôi nhau, xa dần, xa dần.

Chị trở vào, cô đơn thấm thía. Không còn ai. Chị nhìn quanh. Tường vách mối mọt. Bằng khen vàng ố. Những tấm huân chương cũ kỹ, buồn bã. Chị nhìn bóng mình trong tấm gương vỡ dựng ở góc bàn. Thân hình gầy gò, mòn mỏi. Bộ quần áo mới trông vô duyên hết sức. Anh ấy đã không về. Cái hạnh phúc nhỏ nhoi chị có thể có trong cuộc đời, cái hạnh phúc đơn giản đó đã vuột mất khỏi tầm tay. Năm ngoái, năm kia, năm trước..., anh ấy về. Anh ấy ngồi đây, trên chiếc ghế này. Hai người nhắc nhở những ngày tháng cũ đầy chiến tích. Hăm hở, liều lĩnh, hào khí. Anh ấy vẫn như ngày nào, chân thành, giản dị. Trong tất cả mọi người, có lẽ chỉ còn anh nhớ đến chị và trân trọng những kỷ niệm.

Chị nhìn gói quà, không buồn mở. Một xấp vải ngoại, một lá thư của Thủ tướng, một cái ngân phiếu. Có lẽ thế, chị nghĩ. Như mọi lần, mọi năm. Có lẽ người ta nhớ đến mình như nhớ đến một người đã chết trong ngày giỗ. Cứ đúng ngày, đúng tháng, người ta giở sổ ra, chấm tên, mua quà, rồi kéo nhau đi một vòng. Hoàn thành xong công tác, về lại cơ quan,

bia bọt bày sẵn, ngồi xuống, hể hả uống và chẳng nhớ gì đến ai. Có thể người ta nhắc đến chị trong một đôi bài diễn văn, giọng rất hùng hồn, nhưng không hề nghĩ đến chị như chị hiện đang ngồi đây bằng xương bằng thịt. Đúng ra, người ta nhắc một cái tên. Trước đây, người ta còn mời chị đi dự lễ, còn giới thiệu chị trước đám đông. Nhưng về sau, nhân một lần chị than đau vì vết thương cũ hành hạ, người ta làm lơ luôn. Hơn nữa, chị cũng chán chê cái việc phải ngồi làm tượng gỗ để các vị có chức có quyền đọc diễn văn.

Mẹ chị từ nhà bếp, xô cánh cửa gỗ, bước vào hỏi:

"Họ về hết rồi hả con?"

"Dạ."

"Cái tượng Quan Âm mô rồi, đưa mạ treo lại."

Chị gắt gỏng:

"Mạ làm gì mà vội thế! Trước sau gì con cũng treo lại cho mạ mà." Bà cụ tần ngần nhìn gói quà. Chị lại gắt:

"Cũng như mọi năm. Tượng trưng thôi. Biết bao anh hùng liệt sĩ, đâu chỉ có một mình con."

Bà dịu dàng:

"Thì mạ có nói chi mô."

Nói xong, bà vội vàng khép nhẹ cánh cửa, bước xuống.

Trong đêm, chị tỉnh giấc, kinh hoàng vì một ý tưởng hoàn toàn mới lạ xuất hiện trong đầu: cuối cùng, đến anh ấy cũng rời xa chị. Kiểm điểm lại những lần anh ấy đến đây, chị chợt nhận ra một điều là anh đến vì thương hại chị hơn là vì tình yêu. Mỗi năm, anh ăn nói hoa mỹ hơn, chứa chan tình cảm hơn, nhưng chỉ toàn là những lời động viên sáo rỗng. Anh hôn chị hờ hững. Anh cầm tay chị lơ là. Anh than phiền công tác bề bộn, than phiền vợ dại con thơ. Phải rồi, tất cả chỉ để chuẩn bị cho ngày hôm nay: rời xa chị. Phải rồi, anh có vợ con phải lo. Chưa kể đến chuyện anh phải vun bồi cho sự nghiệp của mình. Chẳng thế, mà có lần anh bảo: "Anh đến thăm em như thế này cũng liều lắm, nếu có ai muốn phá hoại hạnh phúc gia đình hay con đường thăng tiến của anh, họ rất dễ có cớ." Chị bước ra mở cửa. Trời cao mù mịt. Chị chợt thấy mình nhỏ bé quá, yếu đuối quá. Chả bù với ngày nào! Hồi đó, chị luôn luôn cảm thấy mạnh như thiên thần. Trước mắt là kẻ thù, sau lưng là nhân dân. Chị sẵn sàng xốc tới. Như lời thơ của Tố Hữu, chị đứng trên đỉnh cao muôn trượng. Chị là Thánh Gióng, là thành đồng. Thế giới hướng về chị. Nhân dân hướng về chị. Còn nhớ, sau ngày ba mươi tháng tư năm bảy lăm, được vinh dự đứng trên lễ đài cao ngất, dù những vết đau hành hạ, chị ngẩng cao đầu, hưởng

cái thú vinh quang giữa rừng người và cờ. Khi trở về nhà, xem lại cuộn phim quay buổi lễ, chị càng cảm thấy hứng khởi hơn với cái nhân dáng anh hùng đặc biệt của chị: thân hình ốm nhom, khuôn mặt thon nhọn, tiết ra một vẻ gan lì đặc biệt, chiếc quần lãnh đen, ống rộng cao lên khỏi mắt cá, áo sơ mi bó sát người cụt ngủn, chân mang đôi dép bình trị thiên, đầu đội mũ tai bèo, tóc đánh con rít vắt ngang qua vai, thòng xuống trước ngực. Ôi, được làm anh hùng, xiết bao hạnh phúc! Nhưng đã qua rồi, ngày ấy. Giờ đây, kẻ thù không còn nữa. Nhân dân thì mải bận bịu với việc của nhân dân. Mỗi ngày qua đi, chị thấy mình nhỏ lại. Chất anh hùng trong chị phai lần, phai lần. "Anh hùng xưa" xem như đã "biệt dấu sương mù" (*).

Chị bước vào nhà bếp. Trong ánh sáng mờ mờ của ngọn đèn dầu leo lét ở góc nhà, chị nhìn thấy bà cụ đang ngủ, thân hình gầy gò thu tóm đàng sau chiếc mùng vá chằng vá đụp. Chị thở dài. Bà mẹ chiến sĩ khét tiếng của một thời, bây giờ nằm yên phận như thế! Tính bà vậy mà khỏe, chị nghĩ. Bà ít quan tâm đến vinh quang. Bà khác chị. Sau chiến tranh, bà âm thầm lui về sống với vườn rau gốc mía, an phận thủ thường. Bà không đòi hỏi, dù rằng bà đã có chồng và hai con hy sinh trên chiến trường. Hai mẹ con, hai cái bóng. Bà ngậm ngùi chịu đựng. Chị bứt rứt, xót xa. Làm anh hùng khó. Anh hùng rồi, muốn trở về làm người bình thường cũng không dễ. Chị về lại phòng, mở mắt thao láo nhìn lên. Trong bóng tối, chị thấy những tấm huân chương trắng nhờ nhờ, chập chờn, như có như không. Và đột nhiên, chị cảm thấy tất cả đều vô nghĩa. Không có gì. Không còn gì. Hết thảy chỉ là một trò đùa dai dẳng trên định mệnh con người, trên định mệnh mỗi người.

Chị mê mẩn thiếp vào giấc ngủ cho đến lúc chị nghe có tiếng nói chuyện lào xào, rì rào đâu đó. Chị nhổm dậy, lắng nghe. Họ đã đến? Anh ấy đã đến? Chị tung mình lao xuống giường, định mở cửa thì sực nhớ ra là họ đã đến rồi và không hề có anh ấy. Họ đã đến và họ đã đi mất. Chị bần thần đứng nhìn qua khuôn cửa. Trời đã sáng tự khi nào.

Cửa hé mở, bà cụ thò đầu vào nói nhỏ:

"Con Hải nó đến tìm con."

Chị ngạc nhiên:

"Con Hải?"

"Ừ."

Bà cụ vội vàng khép cửa đi ra. Con Hải. Con Hải nào? Chị thay áo quần, rửa mặt, súc miệng.

Bà cụ lại thò đầu vào:

"Có để cho hắn lên không?"

"Mà Hải nào, con không nhớ. Đến có chuyện gì?"

"Ai mà biết."

Chị mở cửa, nhìn xuống. Cô gái đứng bên chiếc xe đạp, thấy chị, cúi đầu chào, rồi nhìn lãng ra phía khác. Bà cụ nói thêm, giọng nhỏ xuống:

"Con của Tùy, cháu dì Tuất ấy."

Chị khựng lại, đứng sững người. Chị vịn tay vào song cửa sổ kế đó, người hơi lảo đảo. Mãi một lúc sau, chị mới nhìn cô gái, nói: "Vào đây, cháu."

Cô gái dựng xe đạp, bước vào, tay ôm cặp giấy. Đến trước mặt chị, cô hơi ngẩng đầu lên nhìn chị, rồi cúi đầu xuống, giọng lí nhí: "Thưa dì."

Chị cố giữ giọng cho thật dịu dàng:

"Cháu lớn thật. Lại đẹp nữa. Cháu đến thăm hay có việc gì?"

Cô gái tần ngần. Chị mở cửa:

"Cháu vào chỗ dì, rồi ta nói chuyện."

Cô gái bước lên bậc thềm, định vào. Nhưng vừa nhìn quanh gian phòng, cô bỗng dừng lại. Chị giục:

"Vào đi cháu."

Cô gái dậm dự bước đi. Chị hỏi:

"Cháu không muốn vào phòng dì à? Cháu sợ gì?"

Cô gái liếc nhìn chị:

"Cháu sợ... sợ mấy tấm huy chương."

Chị cảm thấy cổ nghèn nghẹn và chợt hiểu. Chị cố giữ giọng mình đừng run:

"Thôi được. Nếu cháu không thích vào phòng dì thì ta xuống nhà dưới vậy."

Cô gái bước đi. Đến gần bà cụ, cô ngập ngừng:

"Thôi bà à, chắc cháu về."

Bà cụ hốt hoảng:

"Sao vậy? Có gì cần con cứ cho dì Đọt biết, sao lại về vội. Hay nếu cháu ngại, thì để bà nói vậy."

Cô gái xua tay, định cản, nhưng bà cụ đã lên tiếng:

"Cháu nó định xin vào làm thương nghiệp, nhưng họ đòi phải có cán bộ có thành tích bảo lãnh."

Chị nhìn cô cháu gái, giọng tha thiết:

"Dì sẵn sàng ký bất cứ giấy tờ gì để bảo lãnh cho cháu."

Cô gái vẫn đứng lặng yên, tần ngần. Chị nhìn chăm cô gái. Trông nghiêng, cô giống hệt nét của mẹ cô, người em họ của chị. Cả một vùng ký ức động đậy, kéo tuốt chị về một thời tuổi nhỏ xa xưa: chị và Tùy tắm sông, đánh thẻ, nhảy dây, chơi buôn bán... rồi lớn lên, lớn lên. Đến đây,

chị cảm thấy ngột thở. Giòng ký ức bỗng nhập nhòa như một đoạn phim bị rối, hình ảnh nhảy múa lung tung, không hình dáng rõ nét.

Cô gái đến bên chiếc xe đạp. Chị bước theo. Cô gái nói:

"Cám ơn dì. Nhưng cháu... cháu..., thôi... Người ta bảo cha mẹ cháu bị cách mạng xử lý. Thực ra..."

Chị chợt bối rối, nhưng trấn tĩnh lại, dịu dàng nhìn đứa cháu:

"Có những lỗi lầm không thể nào sửa chữa được. Bao năm rồi, dì biết, cháu đã không đến với dì. Hôm nay cháu đến, dì sẵn sàng làm bất cứ chuyện gì, miễn giúp được cháu."

Chị ôm vai đứa cháu, lòng chợt muốn gục đầu vào đó, khóc vùi. Cô gái đẩy nhẹ người dì ra, nói:

"Cháu cám ơn dì. Nhưng... thôi, cháu sẽ đi tìm việc khác."

Cô dắt xe, cương quyết ra đi. Chị đứng nhìn theo, lòng bàng hoàng, ngơ ngẩn. Hai mắt chị nhòe đi.

Chị Bùi Thị Đọt trở vào phòng, trong một tâm trạng hụt hẫng, mênh mang khó tả. Chị ngẫm nghĩ về những cái giá mà mỗi người phải trả trong cuộc đời. Vụ nổ plastic ngoạn mục tại một khách sạn năm nào, giết chết viên cố vấn Mỹ và một người Quận trưởng, đã đưa chị lên đài vinh quang: chị trở thành anh hùng. Nhưng đồng thời chị lại nhận lấy một vết thương không bao giờ lành nổi: giết luôn vợ chồng người em họ trong số cả chục người khác.

Nhìn thấy bức tượng Quan Âm dựng ở một góc tường, chị lên tiếng gọi mẹ:

"Mạ ơi, lên treo tượng Quan Âm lại đi mạ."

Nghe có tiếng động đâu đó, chị giật mình quay lại. Không có ai. Không có gì cả. ❐

(*) Thơ của HPNT

Nhớ đất thương trời
Nửa khuya giấy trắng
Hai thi tập đầy chất trí tuệ và lãng mạn của nhà thơ
Trần Hồng Châu
Mỗi tập giá 10 Mỹ kim.
Xin liên lạc Nhà xuất bản và phát hành Văn Nghệ
P O Box 2301 Westminster CA 92683
Phone: (714) 527-5761

Vẫn thấy mẹ về trong giấc mơ

LUÂN HOÁN

mang tro cốt mẹ lên sườn núi
cải táng, dựng bia gửi đời sau
lớ ngớ bên mồ, lòng bình thản
cái buồn đã tạm ổn từ lâu

đồi nghiêng bóng nắng mây theo gió
lảng vảng rúc vào nách lá xanh
bỗng dưng chợt muốn làm thi sĩ
nhúng lòng vào cái nhớ loanh quanh

chiều bịn rịn qua, đêm chồm tới
vắt vai áo gió xuống đồi hoang
vấp chân đứt dép tươm giọt máu
bứt lá chùi qua, thở nhẹ nhàng

ngó trục lại đồi, ngọn khói hương
coi kìa, lòng dạ sắp se buồn
mẹ nằm trong đất hay trong khói?
đất, khói gì không biệt tích luôn!

vuốt mặt, quay lưng bương xuống núi
đi hoài, đi miết, đi thật xa
nửa vòng trái đất đâu là mấy
đêm đêm ngoái lại vẫn như là

hiu hắt đồi hoang nắng tiếp mưa
chữ đề bia rũ nét hay chưa?
mười năm quờ quạng đi dựng nghiệp
thao thức từng đêm gió đổi mùa

may vẫn còn thơ, vẫn níu thơ
thong dong giữ được những giấc mơ
chiều dài cuộc sống dùn da thịt
vẫn thấy mẹ về trong giấc mơ.

Mưa đêm

Nguyễn Hữu Trí

Tôi đến nơi đúng giờ ghi trong trang thư mời đăng trên các báo biếu. Người và cảnh chung quanh cho tôi thấy rõ buổi họp mặt chưa bắt đầu ngay. "Giờ cao su" hay "giờ dây thun" không biết từ lúc nào đã đương nhiên trở thành một truyền thống khó dứt bỏ của dân tộc tôi. Đây là lần đầu tiên tôi đến dự cuộc họp tôn vinh một nhà văn danh tiếng. Dĩ nhiên tôi có lý do đặc biệt. Quanh tôi chắc chắn không ai biết động lực nào đẩy tôi đến đây. Tôi suy nghĩ ngu ngơ thật! Làm sao những kẻ lạ hoắc này hiểu được tâm tình thầm kín của riêng tôi? Gương mặt tôi còn không quen đối với họ nữa là. Còn sự hiện diện của họ? Chắc cũng bình thường thôi vì dù sao thì cũng là "một niềm khích lệ lớn lao" đối với ban tổ chức.

Tôi ngồi xuống chiếc ghế trong góc nơi dãy cuối cùng. Lát nữa ai sẽ ngồi xuống bên cạnh tôi? Lại một kẻ hoàn toàn xa lạ nào đó. Thắc mắc làm gì vô ích. Sân khấu là một cái bục thấp, khá rộng, kê sát hai bức tường trong góc giảng đường. Sân khấu được chưng bày đơn giản, trang nghiêm. Nổi bật trên tường đối diện với tôi là giòng chữ trên tấm vải lớn. Chắc chắn những nét chữ đã được một người nào đó cẩn trọng nắn nót: "Họp mặt vinh danh nhà văn Trần Sa." Một cái tên rất gần gũi nhưng cũng lạ lẫm đến nghẹn ngào! Một cái tên ngày nay có mặt cùng khắp nhưng hai mươi mốt năm về trước chẳng ai nghe nói đến. Một cái tên vô cùng trân quý đối với tôi từ dạo ấy mãi tới ngày hôm nay. Đó là cái tên gắn liền với con người tôi sẽ còn yêu không biết đến bao giờ. Hình như trong đời có những người đàn bà chỉ chọn cho mình một tình yêu duy nhất. Trong số những người-có-thể-là-đại-dột ấy chắc chắn có tôi.

Tôi mơ màng nhìn xuống tấm chương trình buổi họp mặt đang yên vị trong tay. Ở trang đầu, phía trên là hình ảnh của nhà văn qua nét vẽ của một họa sĩ nổi tiếng. Nơi giữa trang là ba chữ màu cam nhạt đơn sơ "Đêm Trần Sa".

...Đó là một đêm mưa gào gió thét chuẩn bị cho một trận cuồng phong đang trên đường thổi tới thành phố chúng tôi cư ngụ. Đó là đêm "thoát ly"

của chàng, với ý nghĩa là chàng vuột khỏi đời tôi. Nhưng đó là cơn ác mộng của riêng tôi, một thuyền con quờ quạng dưới màn đêm không trăng sao. Hai mươi mốt năm trời, và mãi mãi về sau, câu nói của chàng đêm hôm ấy vẫn rạch ròi. "Tôi đã chán ngấy cảnh sống này rồi!" Lúc nào cũng nhận lỗi về phần mình nên tôi dịu giọng với chàng; nhưng ngoài ý muốn, giọng diễu cợt đã vô tình xen vào lời nói. "Nhưng... đáng lý đêm nay mình phải làm lễ kỷ niệm mới đúng chứ. Đám cưới của mình cách nay vừa tròn một tháng chứ bao nhiêu!" Chàng mỉa mai hơn tôi một bậc: "Cô nói quá đúng. Trí nhớ của cô thật tuyệt vời! Nhưng cô quên rằng cưới nhau một tháng mà cãi nhau như mổ bò hết hai mươi chín ngày rồi. Trên đời này có cuộc tình nào đẹp hơn không hả cô?" Cái tài tình của giống người là biết đặt ra những câu hỏi lắt léo không có lời giải đáp thỏa đáng. Tôi thấy một vật gì cồm cộm chận ngang cổ họng. Qua khung cửa sổ, tôi thẫn thờ trông theo chiếc Porsche cha mẹ chàng tặng trong ngày cưới khuất nhanh như chớp sau làn mưa đêm.

Chàng có trở lại giáp mặt tôi một lần duy nhất. "Anh xin em ký vào tờ ly hôn này. Sống với nhau không có hạnh phúc thì tốt hơn hết là nên xa nhau. Anh cũng mong rằng em đừng hỏi lý do hành động của anh. Nếu còn yêu anh thì em hãy ký vào đây." Tôi sững sờ nhưng không buồn hạch hỏi dẫu rằng câu nói cuối cùng của chàng là một nghịch lý ngàn lần trơ trẽn. Tôi đặt bút ký vào mảnh giấy kia với tâm trạng của một chiếc robot hiện đại!

Một thời gian sau đó, chàng đã bỏ nơi này sang miền Tây "lập nghiệp" như chàng đã nói với tôi trong lần gặp cuối cùng. Tình yêu mãnh liệt tôi dành cho chàng đã cuốn hút tôi vào những tháng ngày thất điên bát đảo. Tôi hoàn toàn không còn chỗ bám như một cây non bị giật trốc gốc. Nhưng kỳ diệu thay liều thuốc thời gian và câu ngạn ngữ "xa mặt cách lòng." Hai năm sau, tôi tục huyền, theo chồng giã từ thủ đô tráng lệ. Chồng tôi là bác sĩ và anh ấy thích sống ở một thị trấn xa. Tôi thầm cám ơn Trời Phật đã thương xót ban cho tôi một cơ hội để khỏi thấy lại những nơi chốn tràn đầy kỷ niệm. Chồng tôi đinh ninh rằng tôi vẫn khắc ghi trong tâm khảm một mối hận tình. Chồng tôi không ngờ trong nỗi oán hờn ngùn ngụt kia vẫn âm ỉ mối tình đầu đời và muôn kiếp tôi dành trọn cho Trần Sa. Vì lẽ đó, mặc cảm tội lỗi vẫn thường đeo đuổi tôi trong cuộc sống lặng lẽ của mình. Bất hạnh thay, chung quanh không thấy có một kẻ thâm tình nào để tôi có thể san sẻ tâm sự kín đáo này. Tiếng người hoạt náo viên khẩn khoản mời quý khách an tọa đã đưa tôi trở về thực tế. Tôi đưa mắt nhìn một vòng chung quanh. Vẫn chưa thấy một người quen nào. Hoặc giả nếu có thì chắc tôi cũng không nhận ra họ. Tôi bỏ nơi này ra đi

gần hai mươi năm rồi còn gì nữa.

Buổi họp mặt vinh danh nhà văn diễn tiến gần đúng với các tiết mục ghi trong chương trình. Thân thế và cuộc đời riêng tư của nhà văn thì do một người bạn thân đem ra chia sẻ với bàn dân thiên hạ. Dĩ nhiên là những tình tiết được nêu ra vẫn còn nhiều thiếu sót vì cố ý nhiều hơn vô tình. Một diễn giả khác có phận sự phân tích vài tác phẩm điển hình của chàng. Lại một lần nữa có nhiều điều thiếu sót và sai lầm. Tôi trộm nghĩ rằng đương sự thấy rõ những khiếm khuyết ấy nhưng làm sao có thể lên tiếng cải chánh cho được. Đến lượt tác giả lên máy vi âm cám ơn quan khách. Chàng xin cử tọa được phép làm một chuyện khác thường. Chàng đọc cho mọi người nghe một đoạn trong một truyện dài chàng đang viết và sắp ra mắt bạn đọc nay mai. Đoạn này cho thấy tâm trạng ray rứt của nhân vật chính. Sau khi hắt hủi và ly dị người vợ thứ nhất ngót hai mươi năm về trước, nhân vật này bỗng dưng bị mặc cảm tội lỗi dày vò. Hắn muốn tìm lại người mà lúc này hắn yêu thương nhất đời nhưng lúc nào con Tạo lại chẳng trớ trêu! Sau bao nhiêu cố gắng dọ hỏi, hình bóng người xưa vẫn mịt mờ...

Chàng vừa dứt lời đã có một thính giả nóng lòng muốn biết kết cuộc nhân vật kia có tìm được người vợ cũ hay không. Chàng cười buồn, trả lời ỡm ờ. Chàng lễ phép dùng một câu sáo khiến mọi người bật cười: "Thưa bà... xin cứ coi tiếp hồi sau sẽ rõ..." Bỗng dưng tôi nhớ lại óc khôi hài hiếm có của chàng mà ngày xưa vẫn thường mang lại những trận cười thoải mái cho tôi và bạn bè. Buổi họp mặt vinh danh tiếp nối bằng một chương trình văn nghệ giúp vui. Đã từ lâu lắm rồi tôi chưa có dịp đi xem văn nghệ dù là tài tử hay chuyên nghiệp. Vậy mà hôm nay tôi cũng chẳng tha thiết mấy. Tôi nhận thấy những màn trình diễn này chẳng có gì mới lạ rõ nét nếu đem so với trước kia. Tôi không chú ý đến các tiết mục nghệ thuật này một phần bởi vì mục đích chính của tôi tìm đến nơi đây là chỉ để nhìn lại mặt chàng sau một thời gian dài xa cách. Đó là mục đích ban đầu. Nhưng sau khi nghe chàng "trình diễn" tôi đã đổi ý. Tôi tự hỏi nếu nhân vật "người vợ ly dị" trong đoạn trích chàng vừa đọc kia đích thực là tôi thì tại sao tôi lại không tìm gặp chàng? Không lý do gì tôi chỉ đến đây để nhìn chàng từ xa mà thôi?

Chương trình văn nghệ vừa dứt, một số đông người đã tiến đến xếp hàng gần chiếc bàn đặt nơi cửa ra vào để mua sách và lấy chữ ký của tác giả. Tôi ngồi ở góc phòng đằng xa mơ màng chờ đợi. Đầu óc trống không nhưng hoàn toàn thanh thản. Tôi biết rõ mình muốn làm gì. Tôi là người cuối cùng đưa cuốn sách cho chàng ký tên. Chàng ngẩng đầu tính hỏi tên tôi nhưng ngay lúc ấy tôi nghe chàng thốt lên nho nhỏ hai tiếng "Trời ơi!".

Tôi đưa vội miếng giấy nhỏ tôi viết sẵn cho chàng trong lúc ngồi chờ: "Em ở khách sạn Hilton - downtown. Anh cứ yên tâm đi chơi với bạn bè. Em chờ anh tối mai nếu anh muốn gặp." Chàng chưa đọc xong mẩu giấy tôi đã nhanh chân bước đi để tránh sự chú ý của mọi người.

Chàng không chờ đến tối mai mà đã đến tìm tôi ngay đêm hôm ấy. Vừa bước vào phòng, chàng đã ôm hôn tôi không vội vã mà cũng không thờ ơ. Tôi bật khóc thành tiếng không vì một xúc cảm rõ rệt nào. Chàng vỗ về an ủi và trong một thoáng chàng đã bế tôi lên giường. Tôi không cưỡng lại những đòi hỏi của chàng. Hóa ra trong bao nhiêu năm trời, mối tình đầu của tôi vẫn chưa phai mờ. Chúng tôi yêu nhau say đắm như những ngày đầu của tuần trăng mật hai mươi mấy năm về trước. Tôi chợt nhận ra nơi tôi một cảm tính bất biến dù thời gian có dài bao nhiêu chăng nữa. Vòng tay ấp ủ của chàng bao giờ cũng đem lại cho tôi cái cảm giác an toàn tuyệt đối.

Chúng tôi nằm thiêm thiếp hồi lâu đến khi chàng cất tiếng:

"Em tha tội cho anh chứ?"

Tôi nghĩ thật nhanh: "Nhà văn có khác." Tại sao lại là câu hỏi mà không phải là một câu cầu khiến, đại khái như "Xin em tha lỗi cho anh?" Tôi quyết định trêu cợt chàng:

"Chuyện đó... hạ hồi phân giải."

"Em còn hận anh?"

Tôi không trả lời trực tiếp. Tôi nói hơi ác miệng một chút.

"Nhà văn các anh thật là "vô duyên" mà cũng rất vô tình! Các anh dùng quyền "sinh sát" tạo ra không biết bao nhiêu nhân vật xong rồi ngoảnh mặt bước đi chẳng khác nào "đem con bỏ chợ." Chẳng lẽ anh không nhớ các nhân vật phụ nữ trong nhiều tiểu thuyết của anh vừa uất hận vừa bi lụy vì tình như thế nào hay sao?"

Nghe nói đến các tác phẩm của chàng, chàng quên mất mối hận tình của tôi.

"Em có đọc sách của anh?"

"Em mua và đọc không sót một quyển nào."

Chàng tỏ vẻ vui thích. Sau một giây im lặng, tôi bất chợt đổi đề tài.

"Con Hằng bây giờ ở đâu rồi?"

Ông Trời lúc nào cũng thích nghịch. Ông bắt đàn bà sinh ra phải luôn luôn kèm theo cái tính ghen tuông! Và hiển nhiên tôi đâu tránh nổi sự tinh nghịch có phần quái ác này. Vì ghen tức cho nên tôi thiếu lịch sự khi gọi người tình địch kia là con này con nọ. Hằng là bạn thân của tôi từ ngày kẹp tóc nhưng chính nàng cũng là người quyến rũ chàng và giẫm nát hạnh phúc của tôi ngay sau ngày cưới của chúng tôi. Hằng đã làm vợ nhà

văn Trần Sa trong bao nhiêu lâu tôi không rõ. Chàng đáp tơ lơ mơ:

"Anh cũng không biết nữa."

Đến lúc này chắc hẳn chàng đã hiểu ra rằng tôi vẫn dành trọn tình yêu cho chàng. Suốt hai mươi năm trời tôi đã tìm đọc tất cả tác phẩm của chàng. Bên cạnh đó, sự căm tức đối với Hằng vẫn chưa nguôi. Đó không phải là những chứng tích của tình yêu hay sao? Trong ánh sáng lờ mờ, tôi nhìn thấy tim chàng rung động. Chàng rút nhẹ chiếc gối dưới đầu tôi vứt xuống sàn. Chàng đưa tay trìu mến vuốt tóc tôi. Rồi môi chàng áp lên môi tôi và thân thể chàng ôm trùm thân người tôi. Chúng tôi yêu nhau suốt đêm dài hội ngộ như để đền bù cho nhau mọi nỗi thiệt thòi.

Sáng hôm sau, tôi tiễn chàng về miền Tây trong lòng phơi phới. Chàng hứa chắc chắn sẽ trở lại tìm tôi. Lời hứa hẹn như đinh đóng cột vì có kèm theo cụm từ "với bất cứ giá nào." Lúc sắp chia tay chàng mới sực nhớ và hỏi han về tình cảnh gia đình tôi. Tôi kể nhanh cho chàng nghe là chúng tôi lấy nhau đã lâu nhưng tôi không sinh được mụn con nào. Chồng tôi hiện còn ngồi tù mười mấy năm nữa vì tội gian lận nhiều thứ trong lúc hành nghề. Chàng hơi sững sờ và đã lựa lời an ủi tôi. Chúng tôi chia tay nhau bằng những ánh mắt chứa chan hy vọng. Tôi nghe văng vẳng trong hồn những lời ca êm đềm "Em có nghe... khi mùa thu tới... hai chúng ta..."

Chiều hôm nay lòng tôi trống vắng vô bờ. Tôi ngồi cạnh cửa sổ lơ ngơ nhìn ra đường. Thấm thoát đã hơn bốn tháng kể từ giây phút chia ly; nhưng tuyệt nhiên không một tin tức nào của chàng đến tay tôi. Tôi đưa tay sờ bụng và thủ thỉ với con gái mình: "Con cưng của mẹ, mai kia lớn lên hãy nối gót cha làm nhà văn nghe con." Ngoài kia, tự dưng trời vần vũ. Một cơn gió đột ngột luồn qua cửa và tiếp theo là tiếng mưa lộp độp trên mái nhà. Tôi thầm nghĩ đêm nay chắc Trời không tạnh nổi.❐

Để duy trì và phát triển một tạp chí văn chương đứng đắn có mặt trong sinh hoạt văn hóa cộng đồng Việt Nam Hải ngoại suốt mười hai năm qua, xin quí bạn đọc ủng hộ Văn Học bằng cách:
1. Mua báo Văn Học dài hạn (xem giá biểu ở trang cuối)
2. Giới thiệu tờ báo đến thân nhân và bạn bè.
3. Đóng góp bài vở để nội dung tờ báo ngày càng phong phú.

Xin liên lạc về địa chỉ **Văn Học**
PO Box 1359, Garden Grove, CA 92842-1359, USA
Phone: **(714) 894-8535**

Nắng đã tàn rồi

Hàn Song Tường

Tôi ngập ngừng mãi rồi cũng cho Đông biết, tôi có một đứa con gái sau khi chàng bỏ đi, Đông nghe im lặng, tôi tránh mắt Đông, nhìn sang khóm cây bên đường đang vật nghiêng bởi cơn gió mạnh, cơn gió nào đã thổi chàng về đây, có điều tôi muốn Đông khác kìa không phải nhìn thấy Đông vững chãi thế này, tôi hỏi - Anh có lạ lùng - hay thật - Chàng nắm tay tôi kéo mạnh vào hàng hiên - Con người ta em nuôi, con anh em giết. Câu nói như một gáo cường toan đổ xối lên người tôi xính vính. Tôi lặng người khi nghe bước chân Đông chạy hối về phía trước. Một khoảng khắc bỗng trầm thống và lo sợ bủa vây lấy tôi như hằng trăm mũi nhọn đang đâm vào da thịt - tôi vụt chạy theo Đông, gọi chàng ầm ĩ nhưng không nhìn thấy Đông nữa... Chẳng hiểu sao tôi lại cho chàng hay những biến đổi quá rõ về quãng thời gian Đông đi biệt mà chi - Sự trở lại của chàng không làm ấm lại những ngày tháng nhớ nhung cùng vơi đi hết niềm thù hận hay sao... (người đàn bà có quyền chọn lựa một đứa con) người nữ bác sĩ nói với tôi, sau khi tôi đã làm xong một việc, việc từ chối một đứa bé, bà ta nói, chuyện qua rồi, cô còn khóc mà chi, ở đời thiếu gì cảnh như cô, cô là đàn bà, cô sẽ có một đứa con khác, cô có biết, đàn bà mình hơn đàn ông ở chỗ, chắc chắn nó là con mình, nó nằm trong người mình mà, còn đàn ông hả. Có khi họ nhận vơ đó... Tôi gặp bà bác sĩ này, sau khi tôi nổi cơn tảo trí, bất thường khi Đông đi được nửa năm, ngày tháng đó tôi như con thú nhỏ đầy thương tích, khốn cùng, chị Anh bỗng xuất hiện trong đời sống tôi, người nữ bác sĩ tâm lý, độc nhất.

Mở phòng mạch trong cộng đồng người Việt, ế khách quanh năm, nhưng chị có vẻ thích hoạt động trong lãnh vực xã hội, tôi gặp chị qua sự giới thiệu của chương trình y tế địa phương, ngày đầu tiên khi Mỹ Lan cô bạn gái đem tôi đến phòng mạch, tôi đã dẫy nẩy không chịu vào, tôi nói với Mỹ Lan tôi sợ bị bà ta lầm tống tôi vào nhà thương điên, nhưng khi chị Anh ra đem tôi vào ghế, tôi đã nhìn thấy nét tin cẩn trong đôi mắt chị.

Ngày đó, tôi nhớ, chị nhìn tôi dò xét rồi chê bai cả con người tôi, nhìn kìa, quần áo cô luộm thuộm, áo đỏ mà cô mặc quần xanh, cô có điên không, tôi lắc đầu - không điên - Chỉ nhức đầu, không ngủ. Không nhớ gì mấy. Mỹ Lan thì kể lể thêm ngọn ngành, nó thêm bớt là tôi nói lộn xộn dữ lắm. À cô ấy biết mình nói lầm mà cứ nói chứ gì. Như cái mũi mà gọi là con mắt, cái tay cô gọi cái chân, ai chả vậy, có khi tôi cũng bị lầm lẫn như thế, bây giờ cô phải tập lại, tập nói cho đúng... Sau những ngày tập nhớ lại, tập không nhức đầu, tập đi ngủ, phòng mạch chị tôi đã bớt dần đi lại, tuy vậy hình ảnh Đông vẫn đâu đó, chập chờn trong lòng tôi từng đêm về như cơn mưa hoặc rơi lộp độp trên mái nhà, xa hơn nữa là tiếng cười nói của chàng còn y như ly rượu vang du hoặc. Bệnh nhức đầu, mặc cảm, tự khổ đã không còn trong tôi nữa, tôi chắc chắn với chị Anh vậy, có chăng tôi bỗng thèm muốn một đứa con. Sau hai năm Đông đi khỏi, để giảm đi lòng hối hận, dày vò, tôi muốn làm một việc, kể ra cũng hơi khó nhưng mà vào tháng tám năm đó, chị Anh giúp tôi hoàn tất, chị bảo chị chẳng làm cho ai, chỉ vì tôi. Buổi sáng chị bơm cho tôi đầy một ống nhỏ, Mỹ Lan thì đứng cạnh chị dặn dò - Cẩn thận nghe không con Mỹ là bỏ mẹ nó, tôi nói - tôi muốn đứa con nguyên chất Á Đông, giống như Đông vậy. Chị Anh bực bội khi nghe tôi nhắc đến tên Đông, còn Mỹ Lan thì che mặt cười, chị Anh bảo đảm khi xong việc, mọi sự sẽ hơn là điều mong ước nữa kìa. Quả đúng như lời chị nói, khi bé Hạ ra đời nó xinh đẹp lắm. Chị Anh mê nó hơn tôi, chị không nói ra nhưng nhìn chị, tôi hiểu chị đã coi mình như người sáng tạo ra nó, giờ tôi không còn là bệnh nhân mà thành người thân thuộc của chị, chị nhận bé Hạ làm con nuôi, chị săn sóc, cấp dưỡng cho nó, có lần tôi hỏi, chị đào đâu ra ống lăng quăng đó, con bé có vẻ giống Nhật hơn Việt Nam. Chị bảo không, nó giống tôi, rồi chị đẩy tôi đứng trước gương chỉ chỏ. Nhìn kỹ nhé, mỗi thứ nó đẹp hơn cô một ít, nên nó thành đẹp hơn chứ nó giống y hệt cô, chẳng có gã chết tiệt nào làm ra nó được, chỉ có cô, một mình cô thôi, hiểu chưa - dạ hiểu - tôi trầm mình vào lời dậy dỗ của chị, chị nói gì tôi cũng thấy đúng cả. Bé Hạ ra đời bằng sự nhiệt tâm của người nữ, bác sĩ tâm lý và tôi, bé hoàn toàn không dính líu vào một người cha.

...

Thời gian không phải mãi nhốt kín nỗi u hoài, mà để lướt qua bao sóng gió, cho tôi còn tồn tại với tình thương nỗi nhớ - bên cạnh tôi bé Hạ vươn lên tươi trẻ, mỗi tuần tôi đến chị Anh đón con về một ngày, hai mẹ con dẫn nhau ra vườn, chỉ cho nó xem từng chiếc lá mới mọc và dậy nó nói, mới hai tuổi bé Hạ đã biết nói khá sõi... Cho đến một ngày, có trời mà hiểu khi Đông ở đâu lại hăm hở trở về tìm tôi, sau khi chàng kiếm cớ và vu

cho tôi bao chuyện oan nghiệt để ra đi, khi thấy Đông ở phòng khách, tôi đã giật mình kẻ mà tôi thù hận, đang đứng mỉm cười, tôi nhớ rõ mấy năm về trước, Mỹ Lan còn treo ảnh Đông lên tường rồi bảo tôi phóng những mũi tên lên người cho nát bấy. Ai dè Đông vẫn còn sống hiên ngang ghê chưa, thế mà chị Anh và Mỹ Lan quả quyết Đông đã không còn, "này nhé mày cứ băm nó, nguyền rủa nó cả năm trời, nó sống sao nổi." Một mối tình có đoạn kết đau thương đến thế, người đàn ông bạc bẽo, bị cô nhân tình phóng hàng trăm mũi tên lên người, mũi nào đã trúng tim anh - tôi nghĩ đến hằng đêm rồi buồn day dứt. Bình minh đã chiếu sáng khắp nơi, vài tia nắng rọi và chỗ Đông nằm, tôi bước thật nhẹ về phía phòng khách, Đông ngủ ở đó đêm hôm qua, tôi cúi xuống, cầm tay Đông áp vào mặt, hơn bốn năm dài còn gì, trong tôi vẫn còn lưu luyến vô cùng. Khi Đông tỉnh dậy, chàng hỏi - Mấy giờ rồi em. Tôi không nói, Đông đưa tay vò rối làn tóc tôi vừa rũ lên mắt, hình như Đông đang suy nghĩ điều gì, ý nghĩ này khiến tôi lo ngại, lý do nào chàng lại tìm về, niềm hối hận, bị kẻ khác ruồng bỏ, đang bị thất nghiệp, những câu hỏi kể ra toàn là điều đáng thương xót phải không...

Cơn mưa dai dẳng cả buổi sáng, cũng may khi cùng Đông ra phố thì mưa cũng vừa dứt hẳn, chàng cầm tay tôi hôn - anh rất nhớ em. Câu nói tỏ ra âu yếm nhất của chàng khi cuộc gặp gỡ trở lại và trước vài giờ khi tôi kể cho Đông nghe về bé Hạ, đứa con gái ra đời bằng cách chọn lựa của tôi. Chàng nói thẳng không tin và tôi trở về nhà nằm vùi hai ngày trời, xung quanh phòng đầy những câu hỏi, tôi học ở đâu những thắc mắc về thân phận con người, của nợ nần, của trả kiếp, ai nhồi vào đầu tôi bao câu hỏi to tát như vậy. Tôi lẩm bẩm đọc lại bài thơ Mỹ Lan làm, bài thơ có câu kiếp xưa, người ta có kiếp hay sao, và bao nhiêu kiếp thì lạc nhau vĩnh viễn, không, tôi đã lạc chàng ngay từ kiếp này... tôi lại mò đến phòng mạch chị Anh xin thuốc ngủ, rồi đi lang thang trong công viên, nhìn bầu trời cao vời vợi, lơ lửng đám mây xanh vờn nhau lặng lẽ và đám hoa tường vi đang nở rộ một mầu hồng, một vài người da đen ngồi im lìm nơi ghế đá, không khí tĩnh mịch, dễ chịu, tôi thơ thẩn trong công viên cho đến chiều tàn. Khi bước vào nhà trời đã sâm sẩm tối, mùi thuốc lá Đông hút như còn đâu đó, cả cái gạt tàn còn bừa bộn chưa đổ, tôi ngồi thừ người cố gắng tập không nghĩ gì cả, dù cây sầu đông, cây cau, cây chuối bỗng mọc um tùm trong óc tôi, quái quỉ mỗi lần tôi tập trung để quên điều gì thì lại thấy mấy loại cây mọc đầy sau sân nhà bà ngoại hồi thuở bé... Tôi ngủ thiếp đi rồi choàng dậy sau một cơn mê quá hãi hùng, thằng bé con ai chạy quấn theo tôi gọi là mẹ, mắt nó xưng tím như quả cà, tôi đẩy nó văng tuốt xuống đất, vậy mà một hồi nó lại nằm bên tôi dang hai tay, mắt sáng

như lần tinh, tôi hét lớn rồi chạy ra khỏi phòng. Lại thức cho đến sáng (mẹ đừng khóc) bé Hạ nói rồi xoa lên mắt tôi, tôi bật cười ôm chặt nó vào người. Anh tôi dẫn nó đi chơi mới về, nó còn nhỏ vậy mà cũng hay để ý, chắc nó thấy tôi buồn, anh tôi la, tôi với Đông vớ vẩn làm phiền sang mọi người, đã vậy tôi lười biếng không chịu giúp đỡ anh trông nom cửa hàng, anh than công việc chỉ có một mình anh, bố mẹ giờ già cả, tôi cúi mặt xin lỗi. Rồi lấy quyển sách thiếu nhi, đọc cho bé Hạ một đoạn, nó lặng nghe thích thú...

Bây giờ trời đã cuối xuân, bầu trời như trong hơn và nắng nhiều hơn thêm, hai bên đường của khu Briar Forest những cây hoa dogwood trổ một mầu trắng hoang tàn là lạ, hàng hoa dài suốt cả dọc đường, đã bao năm qua, tôi vẫn lái xe đi ngang đây để biết hôm hoa nở rộ, để nhớ các cành hoa cao thấp và để lòng ủ ê nỗi khao khát vì đâu, mỗi tuần giờ tôi làm bốn ngày ở tiệm bán vải của bố mẹ, khi bước vào tiệm thân thể còn váng vất với thuốc ngủ. Cô bé phụ việc cằn nhằn tôi đến trễ, tôi cười trừ rồi ngồi vào bàn tính toán cộng sổ tiền thu nhập, ngoài đường chợt ầm ĩ tiếng động, ai biết động đất nơi nào mà bọn Lesbian đang khùng điên xuống đường đòi được lập hôn thú, họ ăn mặc lạ kỳ, có vài kẻ tôi không nhận rõ ra đàn bà hay đàn ông, họ đứng chắn ngang giữa đường tay cầm cái bảng viết lằng nhằng những chữ, nhóm nhà báo cầm máy ảnh, chạy qua lại như đánh giặc, khi nhóm phụ nữ thứ hai đòi tự do phá thai đi từ bên đường, xiêm áo luộm thuộm, gào to với chiếc loa "xin đừng đạo đức giả, chết đi bọn giả hình" cái khung cảnh bất ngờ làm tôi hoa mắt, cho dù nhóm chống phá thai mặc toàn mầu trắng đứng lặng lẽ ở một góc, tôi đứng thừ người nơi cửa kính, thiên đường, địa ngục, nơi đâu, một phụ nữ trong nhóm áo trắng chạy xồ ra đứng vẫy tôi rối rít, trời đất ai xui khiến Mỹ Lan cũng tham dự cuộc xuống đất vậy kìa, tôi nhắm mắt, ngồi bệt xuống, chiều vội tàn, một góc phố như chìm lắng vào cõi khác, tiếng chân người thưa thớt, lẫn tiếng xe uể oải xa dần, tôi mở cửa tìm Mỹ Lan đi theo họ về con phố khác, đàn bà coi vậy mà muôn mặt, họ có kém gì đâu. Có một lần tôi hỏi Mỹ Lan sao không đi theo - nàng cười - không được, tao muốn lập một giáo phái nữ thánh mà con cái phải theo họ mẹ - hay chưa, đàn bà mỗi ngày một khôn hơn, và xã hội đang cần tạo ra vài điều khác mới mẻ để nếp sống đỡ nhàm chán, thật không? Tôi vẫn đồng ý với bạn, riêng tôi thì cứ ù lì, Mỹ Lan bảo tôi lười biếng, ỷ y, thây kệ tôi là lớp hoa lục bình mặc nước cứ đẩy đi xa tắp, xa tắp, ai hay...

Tôi lại tìm Đông vào cuối tháng Chạp trong năm. Con đường đến nhà chàng ở, hàng cây bên đường vẫn còn vàng úa mầu lá, Đông đứng đợi tôi ở đầu ngõ, khuôn mặt đẹp đẽ, tôi che mắt cười.

"Thôi. Em đừng cười nữa."

"Sao?"

"Anh biết rồi."

Tôi mỉa mai "Đừng lo, chúng ta còn cả chục năm để kiếm chuyện."

Đông cầm tay tôi, bàn tay chàng lạnh ngắt, anh dẫn tôi đi dưới các mái hiên thẫm tối. Cả một buổi bên nhau, anh nói tôi thay đổi nhiều, và khó tính, không giống hồi xưa. Hồi xưa để anh ăn hiếp hay sao - thôi - bỏ qua đi em - tôi cúi mặt cắn môi, cảm giác đau đớn, thú vị, làm sao ai hiểu, tôi muốn nhìn anh buồn phiền và cô quạnh như thế này, căn apt nhỏ xíu, để vừa cái giường, bàn viết và tủ sách, những quyển sách ngổn ngang trên bàn và nằm đầy dưới đất, cái tựa lạ lẫm với tôi, tác giả ở mãi đâu đâu và tập giấy chàng viết dở dang, ừ Đông cứ chết dấp trong cõi sách vở của chàng, những quyển sách làm đau đớn con người thì nhiều, khốn thay Đông cứ ngụp lặn với nó, tôi lấy chân đá chồng sách tuốt vào gầm bàn, em ghét nó - đừng em - Nó lấy hết thì giờ, mấy năm qua cũng chỉ vì đống giấy này đây, thôi em - em cứ đổ thừa, chàng cúi xuống ôm lấy chân tôi năn nỉ - đâu có gì là quá đáng. Có phải vậy không?

...Khi Đông dẫn tôi ra khỏi rạp hát, phố đã lên đèn, nhân vật trong phim làm rộn lòng tôi, người đàn ông chết vì một lưỡi gươm của thằng con nít, người đàn bà chết vì người đàn ông, rốt cuộc người ta chết vì nhau mà ai có ngờ, tôi ôm tay chàng nói nhỏ - em rất buồn, chàng vỗ về, thật ra chàng chưa hiểu trong tâm hồn tôi đã quá nhiều uẩn khúc dù tôi đã cố gắng, kể cả tìm ra một đứa con để xếp đặt lại tất cả, khi chia tay ở trước cửa, Đông im lặng hôn lên môi tôi bỏ về, có tiếng chim kêu thảng thốt trong bóng tối, con chim gọi bạn hay vừa lẻ bạn, điều nào cũng day dứt lòng người, quanh tôi giờ vẫn là ngày ngày lẻ bạn, đi làm và nhớ Đông tìm kiếm và xa lánh... Vào giữa năm Đông phải đi làm ở một tỉnh xa, tôi nghe tin bỗng đau nhói, linh tính cho biết, tôi sẽ mất chàng, khi đứng nhìn xe Đông chạy khuất khỏi quãng đường, tôi bật khóc cho dù tôi biết tôi muốn thế, có những chuyện người ta đau khổ vì nhau nhưng không thể sống bên nhau người ta thương nhớ nhau, người ta mãi mãi tiếc nhau mà người ta vẫn cứ xa nhau, tôi đã chọn con đường mất anh, để mãi ôm ấp trong tim nỗi day dứt bí mật, thà như vậy... Mỹ Lan hỏi có phải mày lỡ xem Đông như một kẻ thù, có phải mày không thể sống với kẻ thù hay là mày trả thù, tôi không nói, nước mắt tuôn xuống tay bạn, một năm như thế, cho đến ngày tôi đi lấy chồng, Kiên người đàn ông giản dị, anh chẳng cần tìm hiểu mấy về tôi, anh chỉ biết tôi là của anh im lặng và chịu đựng, yên vui và đồng tình, khi về ở với Kiên, sống đầy đủ đến nỗi Mỹ Lan bảo nàng ghen tị, tôi đề nghị - Vậy mà ở lại đây, mày có thể chia sẻ tất cả, kể

cả ông chồng - Mỹ Lan cười lên ôm chầm lấy tôi - mày đùa dai quá, tao là bà thánh mày quên sao... Khi tôi sanh đứa con trai, bé Hạ đã 8 tuổi, chị em vẫn có nét giống nhau, Kiên đổi khai sinh cho bé Hạ để chị em có cùng một họ. Kiên tốt lắm, anh biết tôi có một mối tình và người ấy đi biệt, mỗi ngày tôi tìm cách tĩnh lặng một mình, cho niềm riêng tư được sống còn, khi tôi lặng lẽ đứng ở căn phòng trên lầu cao nhìn theo ánh mặt trời về chiều vàng vọt chiếu hắt lên mặt kính cửa sổ, cho đến khi biến mất, giây phút thầm lặng ấy là của tôi nhớ Đông, cho dù tôi không bao giờ mong mỏi gặp Đông nữa, cả đời này và kiếp sau "Còn gì nữa đâu mà phải khóc nhau," lời ai hát viết loen trên giấy học trò, còn nhớ, rùng mình như vệt máu, thỉnh thoảng Mỹ Lan lại chơi hai đứa kéo lên cái phòng riêng trên lầu này... Vừa rồi Mỹ Lan đem đến hai quyển truyện Đông vừa xuất bản, có vài câu chàng ghi (đoạn này cho Th) tôi hiểu tôi là một đoạn của chàng, một đoạn chông gai, những quyển sách được Mỹ Lan xếp bên cạnh lọ hoa ở góc bàn, tôi sẽ không đọc lại nữa đâu...

...Hơn chín năm qua nữa, hai đứa con tôi đã lớn, bé Hạ vừa bước vào đại học, tháng trước tôi và Kiên có dẫn con đi xem trường, con gái tôi xinh đẹp, thông minh, chị Anh, tôi và cả nhà đều thương nó. Bấy lâu nay tôi ít đi đâu nghe nói cơn bão nhỏ tháng trước làm tơi tả dãy hoa Dogwood trên đường Briar Forest, những cành hoa gẫy rụng làm trắng suốt mặt đường... Và Mỹ Lan giờ đã về ở hẳn với Đông. Nàng bảo Đông không muốn viết lách, tốt thôi. Tôi cười dò xét, tôi muốn kiếm ra điều gì bất ổn ở Mỹ Lan vì đâu nàng làm được điều ấy, Mỹ Lan có thể sống bên Đông ư - còn tôi - nàng không nhớ đến sao -, khi tôi cầm chặt tay Mỹ Lan chạy lên lầu, hậm hực. Nàng dằng co, nói rên rỉ - mày đừng ghen với tao, chúng mình già cả rồi, tất cả chẳng còn gì để mà giận hờn, để mà phóng đãng - tôi ngồi xụp xuống bậc thang ôm mặt, Mỹ Lan thì thầm - tao thương yêu cả hai. Cả mày và Đông - Không - Tôi không muốn nghe Mỹ Lan nói nữa, tôi chạy về phía cửa sổ, dang tay ôm lấy vạt nắng, ánh mặt trời vẫn còn đó, còn đó chưa tàn, nhưng Mỹ Lan đã chiếm đoạt mất của tôi kỷ niệm còn đâu...

...Tôi lại một mình lên căn lầu cao nhìn về phía mặt trời, thời gian đến rồi đi vùn vụt, chìm theo những cơn mưa và gió lạnh, thỉnh thoảng mặt trời trốn tránh về mãi nơi xa, ánh nắng yếu ớt rọi chẳng thấu lòng đời, tôi vẫn chờ đợi cơn nắng chói ngất ngây trên mặt cửa sổ cho mồ hôi ẩm trên mặt tôi thấm lên cửa kính, ôi - những cơn nắng Houston cháy bỏng trên da người, tôi say nắng như tôi say quá khứ, cho dù Mỹ Lan cố tình làm mờ đi dấu tích đời tôi, hôm qua Mỹ Lan giữ thật chặt không cho tôi nhẩy xuống lầu này, trên má tôi còn hằn dấu tay nàng, nàng khóc - tao làm vậy cho mày tỉnh, mày ích kỷ, mày thù dai quá. Cả chục năm, mày chẳng nghĩ đến

Ru em mùa hạ
NGUYÊN PHONG

Mùa hạ có làm chói mắt em
Những buổi sáng em thức dậy muộn
Ô cửa trống trơn
Ngoài sân bầy chim bay về tắm nắng
Tay anh đây
Hãy gối lên với những mơ ước đầu ngày
Anh sẽ che bớt khung cửa đời ẩn trắc
Kể em nghe những tình sử
Trong những cảo thơm mà người đời giấu kín
Ru em chuyện tình
Ru em chuyện mình
Hãy ngủ ngon, ngoan hiền của anh
Như con mèo ngủ say nắng ấm
Trong vòng tay ẩn mật mỗi sớm mai
Tóc rối nồng nàn
Trên môi nụ cười hiển hiện
Anh và em.

ai, không tôi đang nhớ đến mọi người đây, nhất là Mỹ Lan, bà thánh dẫn Đông ra khỏi nỗi cô đơn, nàng nói thế cho dù tôi có nhốt Đông bằng chục lần cửa khóa, nàng vẫn tìm cách mở cho Đông ra, Mỹ Lan thì thầm chẳng có bóng nắng nào cứu được con người, câu nói nằm ngất trong lòng tôi xúc cảm... còn có ai, nào có ai tìm thấy những tia nắng hắt vỡ vụn trên hiên cửa cùng tôi ngoài Mỹ Lan. Nhưng nàng đã lấy tất cả đi rồi, tôi bàng hoàng chạy vội xuống nhà, Kiên đã về từ lúc nào, đang chờ tôi ở dưới chân thang, tôi ôm chặt lấy anh sợ hãi, bàn tay Kiên vuốt trên mắt tôi ứa lệ, cơn say nắng như dừng lại, chập chờn ẩn miết vào tâm trí, mặt trời vừa lặn mất từ lâu, có điều tôi muốn nhắn với Mỹ Lan những tia nắng cũ giờ nàng đã đem nó về đâu.

...(những dòng cuối gởi đến My)❐

Mùa hạ ở biển Daytona

TRIỀU HOA ĐẠI

sáng hôm nay trời trong như mắt ai
màu biển sẫm, lơ thơ hơi thở gió
anh hít thở em một ngày rất lạ
một chút nhớ nhung. Một chút chia lìa

những con còng ở tận xa kia
ghen tóc rối lung tung trên trán ướt
đời mơ ước. Ước mơ bỗng trở thành lãng xẹc
anh ngắm em đùa cát trắng như mơ

môi mọng đỏ viền đường biển không ngờ
cánh chim bỏ lửng về nơi vô tận
căng lồng ngực thở hơi nồng hạ ấm
anh căng phồng hít thở em đây.

em ạ. Biển hôm nay thì thào bao nỗi nhớ
lồng trái tim xanh. Mướt những không ngờ
cỏ có mềm. Và, đôi mắt của ước mơ
biển vẫn mặn như tình anh ở đó
nâng trái tim một ngày rộn rã
ta nâng nhau mùa hạ chín hoa vàng

không là gì sao gió mãi lang thang
cũng chẳng là gì mà sao tình luống cuống
con ong kia bay hoài như chờ đón
nhụy mật nào mơn trớn những môi ngon

biển hôm nay tràn ngập nắng vô ngôn
những hạnh phúc tự nhau đang làm tổ
em ạ. Ngày, đêm kia rất lạ
ta quấn ta hít thở nắng hanh vàng
ta của nhau từng chút nắng đi hoang
để được mãi là tình yêu của biển

em ạ. Hạnh phúc chẳng tự nơi đâu tìm đến
đêm sáng sao, tình lấp lánh phương nào
con sóng dật dờ vỗ ở nơi đâu
anh yêu em vỗ dạt dào như sóng lượn

mùi tóc ấm nuôi tình nhau khôn lớn
anh say em. Chín, rụng trái hanh vàng
tóc em bay, hạnh phúc của thơm ngon
ngày tháng cũ chú ong tìm hút mật

anh là chú ong kia. Một đời say đắm
chín hạ rồi mắt ướt ở đâu đây.

Nước Non Ngàn Dặm...

Hồ Minh Dũng

Của hồi môn trải ra trên tấm thảm màu hồng ngọc trong điện Thiên An để kiểm soát lần cuối: Bảy hòm lớn bằng gỗ hoàng tâm cẩn xà cừ đựng đầy xiêm áo, đủ thứ tơ lụa, giày dép da hổ, rái cá, những chiếc mũ chạm đủ hình hoa lá, chim muông. Hai hòm nhỏ bằng gỗ cẩm lai chứa chuỗi mã não, hổ phách, ngọc trai, vòng xuyến ngọc bích, hoa tai. Năm hòm khác chứa những hộp vàng đựng trầu, bình vôi đồng đen, chùa Một Cột khắc gọt từ một khối trầm hương lâu năm, chiếc ngà voi khổng lồ phù điêu cả truyền thuyết "kéo trâu vàng", tháp Báo Thiên đúc bằng vàng khối cao hơn năm gang tay. Tượng Phật vàng ròng nghìn mắt, nghìn tay chạm nổi tinh vi. Những cảnh kéo co, đánh vật, bơi trải, chọi gà, đánh đu, đi keo đều được khảm ngọc trai lóng lánh trên những khung gỗ qúy như trắc, mun, gụ, lim, đốn về từ những khu rừng thiêng. Các đồ nhạc khí đúc thu nhỏ như chuông, khánh, trống, chiêng, đàn nguyệt, đàn tranh, kèn, sáo, nhị, hồ cùng với các loại vũ khí như cung, nỏ, kiếm, kích, mác, đao, búa, hết thảy đều điêu khắc cầu kỳ, nạm bạc, khảm vàng nằm bên cạnh các loài cầm thú như công, phụng, họa mi, trĩ, yến, oanh, hổ, báo, voi, rùa, hươu, cá sấu, gà rừng, thiên nga, đều đúc bằng vàng ròng với kích thước xinh xắn khác nhau nhưng vừa tầm tay của nàng công chúa, chỉ có ba chiếc trống đồng, chín chiếc cồng, bảy chiếc mõ là quá khổ...

Nhìn đống của nằm bất động, bất giác Huyền Trân thở dài, quay lại hỏi Trạng Nguyên Mạc Đĩnh Chi:

"Trong báu vật theo ta về Chiêm Quốc có gì ngày xưa lấy trong kho nhà Lý không?"

Mạc Đĩnh Chi ngửng mặt lên trời:

Nhổ cỏ tận gốc rồi,
Dù trăm cơn mưa xuân vẫn không cất đầu nổi
Nàng ra đi chuyến nầy mang theo núi non
Mảng sông lớn, chảy theo vòng vèo

Vạt nắng lẻ loi còn ở lại
Giang sơn ngàn năm đâu phải riêng ai
Vai hạc gánh, rơi rớt dọc đường
Sẽ có chim khuyên nhặt...

Nhập Nội Đại Hành Khiển Trần Khắc Chung chờ trong lúc mọi người sửng sốt nhìn vật lạ, dí vào tay Huyền Trân một gói nhỏ bọc lụa điều, thì thầm: "Nơi ngàn dặm ra đi, xin giữ vật nầy bên mình, dù vật đổi sao dời, lòng ta cùng với vật nầy, không xa nàng." Huyền Trân cố dấu dòng lệ nhòa: "Tối nay, giờ Tý, xin gặp chàng ở sau vườn Lan Đoản Kiếm. Buổi gặp nhau cuối cùng, mong chàng đừng quên." Hoàng Giáp Nguyễn Trung Ngạn nói nhỏ với Tri Khu Mật Viện Sự Đoàn Nhữ Hài:

"Người đàn bà khởi sắc tột cùng, chính là lúc linh tính báo sắp lâm nguy. Nay tôi thấy công chúa nhan sắc khởi lộ như thế, sợ chuyến nầy đi lành ít dữ nhiều chăng?"

Nhữ Hài khẽ gật đầu.

Lát sau, Trung Ngạn lại ấy náy:

"Công Chúa ta mình hạc xương mai, sợ không kham nổi với một con người hiếu sắc hung hãn, rồi đây duyên Tấn Tần sợ không bền chăng?"

Nhữ Hài lại gật đầu, không nói gì.

Cả hoàng cung chìm trong màn đêm. Một vầng trăng ló lên bên kia sông Trường Lô. Vầng trăng hắt xuống bãi cát vàng những tia sáng mờ mờ. Hai người ngồi bên nhau, giữa những chùm lan đoản kiếm vừa mới đơm hoa. Khắc Chung cầm tay nàng:

"Chia ly là chuyện thường tình trên đời, cho dù núi có mòn nhỏ hơn hạt nút, sông có cạn còn bằng dải áo, ta không quên nàng."

"Thân thiếp đây biết lấy gì đền đáp ơn tri ngộ trời biển. Chàng ơi, thiếp làm sao bứt gót ra đi, kẻ lữ hành lộ đồ dao viễn còn có trăng gió theo, thiếp thì đi đơn lẻ một mình. Xưa, Trang Tử nói, ngọc châu quý tất nằm dưới hàm con rồng đen trong chín tầng vực thẳm. Vậy thì thiếp đây, sao đem ra phơi trải giữa chiếu đời ô trọc?"

"Đó là vì vận nước, nàng không nên ôm mối buồn phiền. Lòng ta cũng là chín tầng vực thẳm, hạt châu nầy xin ấp ủ tận cõi đan đài."

"Cũng chỉ chừng ấy thôi ư?"

"Biết làm sao hơn?"

Huyền Trân gục đầu vào vai chàng. Mái tóc mượt mà, óng ả và lênh láng ấy bỗng từng sợi tan nhanh vào mạch máu của chàng. Đêm, bóng tối và lá hoa cọ vào nhau phát ra một thứ âm thanh như mạch đất chuyển mùa. Tiếng nguyệt cầm năm xưa đã chìm đáy chén, sao bây giờ còn văng

vắng bên tai. Hai bàn tay ngọc ngà đã quấn chặt lấy chàng. Cả thân thể cường tráng một thời rong ruổi trên yên cương bỗng chốc tan mòn theo nhịp thở của người tình sắp xa. Trong nhịp thở, tiếng nàng lại vang ra:

"Chàng có biết, chỉ còn một khoảnh khắc phù du nầy thôi, rồi xa nhau không?"

"Biết rồi!"

"Chàng có biết thiếp đau khổ đến chừng nào không?"

"Đau khổ nầy không lấy gì đong đếm được. Lòng ta cũng như nàng."

"Trong dân gian đã có kẻ hát câu 'tiếc thay cây quế giữa rừng, để cho thằng Mán, thằng Mường nó leo', phải không?"

"Phải, nhưng không phải ám chỉ nàng. Miệng thế gian bộc phát theo hứng, như chim cuống, ác là thấy mây tụ bên trời là hót, nàng để tâm làm chi."

"Bia miệng còn sâu hơn bia đá, sao chàng không hết lòng vì thiếp mà giải bày tâm can. Vừa mới hôm kia, thiếp nghe ngoài kẻ chợ có người nghêu ngao 'hoài công mà gả chồng xa, trước là mất giỗ, sau là mất con.' Rồi đây, năm tháng đằng đẵng, còn bao nhiêu câu văn thơ chua chát nhắm vào thiếp, liệu đám bọt bên ghềnh tối còn thấy bóng mặt trời được bao lâu?"

"Mất giỗ, mất con, không bằng mất cả giải non sông từ đèo Ải Vân đến đèo Ngang. Sử xanh vạn đại còn ghi ơn nàng. Lư đỉnh từ đây thiên hạ rửa sạch để chờ đốt lên tưởng nhớ nàng. Đất Châu Phong, hương khói còn quyện trên bàn thờ Hai Bà Trưng. Bên dòng sông Hát, lau sậy còn vu vi khúc nợ nước thù nhà. Còn nàng, hai châu Ô Lý, trời rộng chim bay mỏi cánh, sông dài cá lội mòn vây. Ta, cũng vì đại nghĩa mà quên chuyện riêng tư, ngọn tình còn non tơ bứt ra, ai không xót?"

"Thiếp đây, mang ơn chàng, như mang núi non nặng nề ra đi. Sợ khi nhớ về, còn hối tiếc, là không hết tình vì chàng chăng? Cành liễu Chương Đài nầy sắp đến lúc bị tay người vò dập, biết còn giữ xanh trong lòng chàng đến bao lâu?"

"Đủ rồi. Chỉ một lời nàng nói ra thôi, ta đã thỏa nguyện. Mai nàng đi, nhớ bảo trọng tấm thân. Đất trời ngàn dặm nhưng tình trong gang tấc. Ngày nào còn nhìn thấy hoa cỏ trong vườn, ta còn nhớ nàng. Gà đã giục giã canh sương. Chia tay nhau thôi."

Khắc Chung vội đứng lên, nhưng Huyền Trân níu lại:

"Khoan đã chàng ơi, cho thiếp được khóc một lần trước mặt chàng. Nước mắt nầy khởi từ tấm thân trinh bạch của thiếp. Chàng nên uống lấy vài giọt để thay chén ly bôi tiễn đưa nhau. Đây, nước mắt thiếp đã tuôn, chàng cúi xuống, cúi xuống đi, đừng để một giọt nào rơi trên mặt đất,

đừng cho một giọt nào tan bay theo gió khuya. Thiếp có tất cả trên đời, bỗng chốc không còn gì, ngoài những giọt lệ nầy. Từ đây, không bao giờ thiếp khóc nữa. Cám ơn chàng, đủ rồi, đủ rồi... Chia tay thôi."

Cuộc tiễn đưa Huyền Trân Công Chúa lên đường về Chiêm Quốc diễn ra long trọng chưa từng có. Từ kinh đô Thăng Long đến bến Đông Bộ Đầu người đứng đông nghịt hai bên đường. Những lá cờ Đại Hùng Tinh, Nhật Nguyệt, Ngũ Hành lý dịch phất phới cùng với tàn lọng kiệu xe rực rỡ đầy trời.

Dẫn đầu là sứ đoàn Chiêm Thành, kế đó là kiệu Công Chúa. Đi bên tả là Văn Túc Vương Trần Đạo Tái, bên hữu Nhập Nội Đại Hành Khiển Trần Khắc Chung, theo sau Tri Khu Mật Viện Sự Đoàn Nhữ Hài, rồi đến Trạng Nguyên Mạc Đĩnh Chi, Hoàng Giáp Nguyễn Trung Ngạn. Đoàn tùy tùng quan lại cùng người trong hoàng tộc tiễn đưa hơn ngàn người. Dân chúng trong thành ngoài quận nô nức, vừa tiễn đưa vừa chiêm ngưỡng nàng Công Chúa vô cùng diễm lệ, đông không sao kể xiết. Có nàng con gái đất ngàn năm văn vật không cầm lòng khóc thút thít bên đường, có nàng thôn nữ nhặt vội cành hoa dâm bụt ven đậu liệng vào kiệu hoa như một biểu hiện của sự thương yêu. Những công chúa nhà Trần, hết đời nầy qua đời khác, cột chặt tình duyên lẩn quẩn trong vòng bà con ruột thịt, có ai được vinh diệu như nàng...

Trong đám đông, dưới lũy tre, có ai đó cất lên tiếng hát, buồn như tiếng dơi động hoàng hôn:

Nàng ra đi chuyến nầy mang theo núi non
Mảng sông lớn chảy theo vòng vèo
Hai châu Ô, Lý cỏ mật mọc đầy, chỉ để trâu bò ăn
Đêm khuya linh hồn người chết trận khóc thảm thiết
Gươm giáo trong kho chưa phủ bụi mờ
Cần chi phải đem con đổi đất.
Người ơi, giang sơn nhà Lý rùa núp đầy chuông
Khánh ngọc khua kinh còn treo đầu suối
Nhổ gốc đã trăm năm
Mầm vẫn chưa héo
Cỏ ơi, ngửng đầu cùng ta
Nhìn rùa bò lên ruộng lúa...

Tiếng hát bị chiêng trống, phèn la và nhạc cung đình Chiêm-Việt tấu khúc sắt cầm hòa hợp che lấp. Chẳng còn ai nghe bài đồng dao ấy ngoài Trạng Nguyên họ Mạc. Không phải chỉ lúc nầy, mà ông đã nghe nhiều lần rồi. Là thi nhân, ông cho đó là lời phát ra từ cỏ cây, từ cõi nào, thuở

nào, trên con đường xa xôi khi đi sứ về, hay là sương đêm tích tụ bao ngày, bao đời rơi rụng?

Lần nầy thì Nguyễn Trung Ngạn quay lại hỏi nhỏ Mạc Đĩnh Chi, giọng gấp gáp như có biến:

"Ngài Trạng Nguyên, khi đi sứ xứ người, ngài xé những con chim sẻ đậu trên cành trúc có sướng tay không?"

Đĩnh Chi cười vô tư như trẻ con:

"Không phải sướng tay mà sướng lòng. Tiểu nhân không thể trú ngụ lâu dài trong những gì không phải là tiểu nhân được".

"Vậy thì ngài có biết là..."

Đĩnh Chi cắt ngang:

"Tôi biết rồi! Không nên nói thêm một điều gì nữa, lúc nầy."

Dường như có ai lại khóc nức trong đám hoàng gia. Văn Túc Vương phải đưa cao lưỡi gươm bảo quốc cho ánh trời chiếu chiếu vào để ngăn đe và truyền lệnh cho vị Hoàng Giáp đọc lại lời tiễn đưa con của Hoàng Đế đương triều:

"Mọi việc đã hoàn tất. Ta chỉ thương con thân gái xông pha ngàn dặm quan san. Con cứ ra đi vì nước, thường năm có sứ thần hai nước qua lại, ta sẽ có tin cho con. Đừng khóc con, đừng khóc, nếu có giọt nước mắt nào ứa ra, thì con hãy cho chiếu dọi vào đó cả cơ đồ nhà Trần..."

Một phát pháo hiệu nổ vang, theo sau là hàng trăm ngọn pháo bông chiếu tỏa muôn hồng ngàn tía trên bầu trời. Đoàn thuyền nhổ neo từ từ rời bến. Khi thuyền hoa vừa ra khỏi cửa biển Đại Hoàng là bóng hoàng hôn đã nhuộm tím biển cả. Công Chúa ngồi một mình trong khoang thuyền kết cờ hoa lộng lẫy, đưa đôi mắt thăm thẳm nhìn lên bờ bãi xa dần. Cung nữ Hồng theo hầu nỉ non:

"Lúc bước xuống thuyền, em có nghe một đứa mục đồng ngồi trên lưng trâu gõ phách hát, mấy câu thôi mà nghe thấm thía, Công Chúa có muốn nghe lại không?"

"Phải, lúc nầy ta cũng muốn nghe em hát nữa, đọc đi rồi hát cho ta nghe, em phải hát to để át tiếng sóng gầm bên ngoài, từ nhỏ đến lớn ở trong cung cấm, ta có ngờ đâu tiếng sóng dữ dằn uy hiếp thế nầy."

Cung nữ tuân lệnh, đọc:

Biết đến bao giờ lan đoản kiếm nở hoa
Xuân qua hạ về, lòng ta mùa đông
Thử hỏi con sáo sậu già trên ngọn cây khô
Tiếng hót làm sao qua cửa ải
Bên sông Lô Giang, có vầng trăng, đi lại về.
Riêng cồn bãi ta, trơ trọi

Mới hay tình nặng như chì
Mới hay tình nặng như chì...

Huyền Trân nghe xong, khẽ nói:

"Bài hát nầy ta đã biết người làm ra để đưa tiễn ta, có lẽ kẻ mục đồng đã đổi hai câu sau đó thôi, tình nhẹ như tơ chứ không phải nặng như chì. Hay là chì với tơ, nặng với nhẹ cũng có nghĩa như nhau khi tình yêu chia lìa? Cám ơn em, em hãy hát tiếp cho ta nghe, càng về khuya, sóng càng gầm thét, thế em biết biển có bờ bến không, ở đâu?"

"Thưa, trên đời nầy, chẳng có cái gì vô bờ. Biển cũng vậy thôi. Còn ở đâu thì em không biết, có thể nay mai chúng ta sẽ đến đó mà không hay. Công Chúa cho em hát lại khúc "Vỏ ốc Cửu Khổng" mà ngày xưa em thường hát cho Công Chúa nghe những lúc mưa phùn gió bấc từ Bắc phương đổ về...

Bốn bức tường cao không che được gió
Chim én làm tổ dưới mái chợ chiều
Hò ơi, trong vỏ ốc còn ấm hơn mền nhung
Chín lỗ bỏ ngỏ gió không lùa vào được
Thế sự phù bào bày ra trước mắt
Vưu vật trên đời tọa hưởng kỳ thành
Tàu lá chuối góc vườn đựng được giọt sương
Lá ngô đồng còn biết báo năm nhuận (*)
Nữ nhi trói thân ngộ biến tòng quyền...

Thôi, đêm đã khuya, Công Chúa ngủ đi, để lấy lại sức, còn biết bao việc đang chờ." Huyền Trân mỉm cười:

"Em thật là tâm phúc của ta, cũng vì lòng em đối với ta mà bài hát nầy không còn nguyên văn như trước. Ráng theo ta nơi tha phương, vài năm nữa, về quê lấy chồng. Ta không muốn em vì ta mà hiu quạnh suốt đời."

Cung nữ Hồng khẳng khái:

"Em nhất quyết không bao giờ chịu xa Công Chúa nửa bước. Có thế lực nào ép, thì em xin nhờ lòng biển sâu nầy chứng giám!"

Vầng thái dương như quả cầu lửa nổi trên biển cả. Sau những ngày lênh đênh, sáng sớm hôm nay, Huyền Trân Công Chúa thấy mình tỉnh táo lại đôi chút. Bỗng nghe từ xa, một tiếng nổ rầm trời, mọi người dáo dác nhìn quanh, thì ra có một đoàn thuyền rồng trắng toát với những cánh buồm đỏ thắm, no gió, lướt sóng tiến đến, đi trước là thuyền cắm cờ hiệu chói nắng, trong đó có thêu tên hiệu của vua Chiêm Thành. Đến gần, đoàn thuyền Chiêm nổi kèn, trống, đàn, sáo vang rền. Dứt nhạc, đoàn

thuyền Đại Việt đốt pháo đáp lễ, xác pháo tung bay đỏ rực cả một vùng biển rộng lớn. Hòa Thượng Du Già, đại diện vua Chiêm trong bộ cà sa màu vàng, đội mũ hoa sen đứng trước mũi thuyền chắp tay chào mừng đoàn người đưa dâu. Hoà Thượng Minh Thái, đại diện Đại Việt đáp lễ. Thi lễ xong, hai đoàn thuyền song song tiến vào bờ, nơi đất liền biên giới giữa hai nước.

Công Chúa vạch hoa ló đầu ra khỏi khoang thuyền thì tiếng người và tiếng nhạc bỗng nhiên ngưng bặt, không gian trở lại im phăng phắc. Từ phương Nam, một chiếc kiệu vàng che bằng bốn chiếc lọng tua vàng từ từ tiến lại. Một người cao lớn, da ngăm đen, từ trong kiệu đĩnh đạc bước ra, mình vận áo bào trắng, quần chẽn thêu kim tuyến, ngoài khoác áo giáp đan bằng sợi vàng ròng, chân đi hia đen thêu hình chim thần Garuda, ngang bụng thắt chiếc đai ngọc lấp lánh một dãy hình tháp cổ phù điêu, bên hông đeo thanh kiếm báu khắc hình thần Ganesa đầu voi, mình người tượng trưng cho sự hùng mạnh chế ngự trời đất, đầu đội chiếc mũ trụ vàng, chóp nhọn, đỉnh chóp treo lủng lẳng một viên kim cương to bằng trứng chim sâu, luôn tỏa sáng bảy sắc cầu vồng. Đó là Chế Mân. Nhà vua còn trẻ, đôi mắt nâu sáng, vóc dáng dạn dày sương gió.

Huyền Trân hơi ngước mắt nhìn vua rồi e ấp cúi xuống, chấp hai tay:

"Thần thiếp xin bái tạ bệ hạ, chúc bệ hạ trị vì muôn năm trên non sông tươi đẹp của ngài." Chế Mân sững sờ trước nhan sắc quá đỗi kỳ diệu của nàng Công Chúa đất Việt, lại nói tiếng Chàm trôi chảy lịch thiệp(**). Chế Mân không tin ở mắt mình, làm sao trên đời nầy lại có một nàng tiên tuyệt vời như thế. Hoàng Hậu Tapasi của mình không sao sánh nổi với đám thiếu nữ phụ dâu, đừng nói chi Công Chúa.

Sau vài giây định thần, vua Chiêm bình tĩnh tiến lại, khẽ nghiêng mình, trân trọng:

"Hải trình xa xôi, sóng gió bất thường, chẳng hay ngọc thể Công Chúa thế nào?"

"Tâu bệ hạ, nhờ hồng phúc hai nước, thần thiếp và mọi người được bình an vô sự. Làm nhọc công bệ hạ đến miền biên viễn xa xôi đón tiếp, thần thiếp thật đắc tội."

"Nhọc công ư, không phải đâu. Đó là ân sủng đầu tiên nàng ban cho ta. Cảm tạ nàng. Chiêm Quốc muôn năm! Đại Việt muôn năm!"

Đám tùy tùng ngơ ngáo sau lưng Chế Mân nắm tay đưa lên trời hô giòn giã:

"Muôn năm, muôn năm!"

Đoàn tùy tùng của ta cũng đưa tay lên hô, nhưng chỉ hô "Đại Việt muôn năm" mà thôi.

Chế Mân cùng Huyền Trân Công Chúa sánh bước về dịch đình. Dịch đình làm bằng gỗ qúy, mái lợp lá kè khô nhuộm phẩm màu chàm, dựng trên miền đất heo hút chỉ cách giang sơn nước Việt có nửa ngày đường. Nơi đây đã đặt sẵn hai ngai vàng, một cho Công Chúa, một cho vua. Khi an tọa rồi, Chế Mân dõng dạc tuyên bố:

"Kể từ giờ khắc nầy, Công Chúa Huyền Trân chính thức là phu nhân của ta, tước vị của nàng là Hoàng Hậu, tên hiệu là Paramecvari, sẽ cùng cựu Hoàng Hậu Tapasi làm mẫu nghi thiên hạ. Bản đồ hai châu Ô, Lý ta đã bỏ vào ống sừng tê giác, chờ ngày giao nộp."

Rồi với lấy bình rượu, ngụm một búng, vươn dài cổ, phun ra giữa khoảng không phía trước, cao giọng:

"Hỡi trời đất, thánh linh, cây cỏ, sỏi đá, muôn loài cầm thú và thần dân hai châu, hãy vì ta, vì tân Hoàng Hậu mà ca khúc khải hoàn, an cư lập nghiệp. Ô Lý còn, tình ta còn, tình ta còn, giang sơn ta còn..."

Phụ họa với vua, trên những mỏm đất cao, từng bầy chim được phóng đăng vút bay rợp trời. Tiếng tù và, chiêng, trống, cồng, phèn la, sáo, tiêu trong núi cũng bắt đầu râm ran. Thời vàng son tưởng như không bao giờ tận.

Xong, tân Hoàng Hậu được mời vào hậu cung tạm nghỉ để chờ bày yến tiệc. Vừa đặt mông xuống giường thất bảo, Chế Mân đã nhanh chóng quỳ xuống trước mặt, nâng hai gót chân nàng lên hôn một hồi say sưa, rồi thuận đà ôm chùm lấy nàng. Huyền Trân rùng mình nhớ lại lời căn dặn của Thái Sư và gói "bửu bối" của tình nhân gửi theo, bèn đưa hai tay ra khẽ ngăn lại, tìm lời trì hoãn cơn dục tình đang ngùn ngụt:

"Cá đã nằm gọn trên thớt rồi, xin bệ hạ từ từ, để cho thần thiếp làm tròn nghi lễ, trước khi phó thác đường tơ kẻ tóc cho bệ hạ."

Đôi mắt đục ngầu của Chế Mân nhìn vào cơ thể nàng như muốn ăn tươi nuốt sống:

"Trẫm không thể chờ đợi được nữa. Giờ khắc trôi qua, đối với trẫm, lúc nầy, còn nặng hơn trăm gông đá đeo cổ."

Huyền Trân giả vờ sụt sùi:

"Đường sá xa xôi vừa mới trải qua, xin bệ hạ rộng tình cho thần thiếp được tắm gội. Cho dù thân quế trầm mà bùn đất bám vào thì có hơn gì cây đước, cây đót trong chốn bụi bờ."

"Chẳng cần tắm gội làm chi, con gái Đại Việt ví như tiên nga giáng trần. Những gì nàng đeo trên thân thể ta đều tôn qúy, không cần phải tẩy xóa, tất cả đều thuộc về ta. Ta muốn đắm mình trên dòng lạc thú, ngay lúc

nầy, phải ngay lúc nầy thôi."

Biết không còn cách nào làm cho cơn dục vọng vua lắng xuống. Công Chúa liền mở yếm ngực của mình ra. Vua chồm tới, hồng hộc hôn lên đó và bắt đầu hành vi của loài thú đói mồi, nhưng chỉ được một lát, bất ngờ ngừng lại, thảng thốt hỏi:

"Nàng đeo bùa ở giữa hai vú để trừ ma quỷ hay hộ mạng?"

"Bẩm, cả hai"

"Ta nghe con gái qúy quốc cũng sinh long hoạt hổ, có người võ nghệ cao, có kẻ lại xông pha ngoài trận mạc, sao nàng yếu bóng vía thế nầy?"

"Cũng vì thần thiếp muốn giữ tấm thân ngà ngọc được trọn vẹn để hiến trọn cho ngài đó thôi."

Chế Mân đắc chí:

"Vậy thì nay ta đã ngự trị rồi, cả rừng gươm đao và cơ đồ ta, không phải là bùa hộ mạng cho nàng sao? Nàng hãy liệng ngay cái bùa cũ càng ấy đi, ta không muốn có bất cứ một cái gì làm vật cản trên đường chinh phục của ta."

Nói chưa dứt câu, Chế Mân đã buông thân thể nàng ra, ngã lăn xuống, diu díu đôi mắt, chỉ mấy phút sau đã ngáy pho pho.

Bùa gọi là trừ tà ma và hộ mạng đây, chỉ là gói bột nghiền nát từ một loài thảo mộc, làm cho người khi ngửi vào là buồn ngủ của quan Nhập Nội Đại Hành Khiển nhà Trần trao nàng lúc chia tay.

Lợi dụng lúc vua ngủ say, Công Chúa liền điều động phái đoàn thiết lập hương án giữa trời để nàng đích thân bái vọng về Cố Quốc. Công Chúa quay đầu lên hướng Bắc, ngữa mặt lên trời cao vái ba vái, rồi cúi đầu lâm râm khấn nguyện trong khói trầm hương nghi ngút.

Hòa thượng Minh Thái đọc bài cầu cho non sông Đại Việt trường tồn, và tụng kinh siêu độ cho những vong hồn chiến sĩ vị quốc vong thân hơn hai trăm năm trước, khi đoàn quân Lý Thường Kiệt vào bình Chiêm.

Bọn quan quân Chiêm láo liên, không ai biết tiếng Việt, nên bài cầu siêu có nhiều đoạn nhắc đến mối cừu hận ngày xưa cần phải trả, nợ xương máu còn đằng đẵng không phải một ngày, họ cũng không hiểu gì.

Mối tình gán ghép giữa Huyền Trân Công Chúa và Chế Mân kết cuộc ra sao, người đời sau, vì Chiêm Quốc bị diệt vong, nên không cần biết đến nữa.❐

Midway, 1996

(*) Người xưa cho rằng năm thường cành ngô đồng chỉ có 12 lá, năm nhuận có 13 lá.
(**) Trước đó, Huyền Trân có nuôi thầy người Chiêm dạy học trong cung.

Mai em về
TRẦN HOÀI THU

Mai em về trở lại quê hương
Buồn để lại trong những phòng những lớp
Đã quá tuổi của tâm hồn mới lớn
sao tôi còn xa vắng những rưng rưng
Gặp một lần thì nhớ mãi trăm năm
Tôi đã có cả trăm ngàn lần để nhớ
Giờ học muộn, buồn lên con tính khó
Trang sách nào bận ngủ ở bờ vai
Mái tóc nào, mun, và óng mượt dài
vầng trán mịn thơm tho mùi tuổi trẻ
Em không biết, một thời, tôi sách vở
Một thời tôi, tội nghiệp, chuyến xe Lam
Một thời tôi, có áo trắng quần xanh
ngu ngơ lắm mà si tình cũng lắm
Khi Quốc Học còn tương tư Đồng Khánh
Khi em còn mục tím với pelure
Giấy phải hồng, hồng yêu dấu tình yêu
Tôi đã cất, vì ngày mai, chẳng biết
Em qua sông, tôi qua cầu, thảm thiết
Con sáo nội thành gọi mãi mùa đông
Thôi thì dành để hết chiến tranh
Làm tuổi trẻ tôi già hơn quả đất
Mai em về, dòng Hudson phải khóc
Chiều rụng rời, đèn Nữu Ước chờ ai
Cầu Skyway hay là chiếc cầu Trời
Chim Ô thuớc biết đưa người trở lại?

Lão thầy Tây

Nguyễn Quí Đức

Đầu năm nay, có một đám tang xảy ra ở bên Pháp. Không ai mời tôi đi dự đám tang đó cả. Mà có mời, tôi cũng không có tiền mà đi. Nhưng tôi ước gì mình có mặt được trong buổi lễ chôn cất đó, tiễn đưa một thầy giáo quá cố.

Trong hơn mười năm, ông Francois Parmentier dạy tiếng Pháp tại trường chúng tôi, một trong những trường trung học Pháp còn lại tại Việt Nam vào những năm cuối 60, đầu 70. Tôi ghét ông Parmentier với tất cả sự thù ghét của một thiếu niên mười mấy tuổi.

Lão ấy là một nhà giáo xuất sắc, nhưng miệng mồm thì luôn luôn sẵn sàng những câu chửi bới kỳ thị, xúc óc mà đám học sinh da vàng chúng tôi không dám trách cứ cãi cọ gì được với ông. Giữa những lúc giảng về các thi sĩ Pháp, hay là về văn phạm, lão lại xụt xịt hỉ mũi, và đột ngột phán một câu về cách dùng khăn hỉ mũi. Hoặc là về cái thú ăn phó mát, patê, mà chắc chắn là đám học sinh ngu dốt thiếu văn hóa như chúng tôi chẳng thể nào thưởng thức được. Lão hay nói, tụi bây lớn lên sẽ không làm được chuyện gì ra trò. Con trai cầm súng bắn nhau, con gái giỏi lắm thì làm thư ký.

Thuở đó tôi là học sinh thuộc hạng khá. Lão Parmentier thường đem những câu hỏi hóc búa thách đố tôi. Lão để ý bắt bẻ tôi luôn. Và lão không bao giờ để lỡ một cơ hội nói với tôi rằng chị tôi là một học sinh giỏi, mà tôi thì lại là một thằng ngu si dốt nát. Tôi thì ngược lại, hả mồm ra là khen trời khen bọng cái văn hóa Tây. Nhưng lão Parmentier thừa biết tôi chả thành thật gì. Tôi càng mỉa mai, mặt mày thẳng thừng nói những câu văn hoa về xứ Pháp, thì lão càng hành hạ tôi.

Mỗi sáng thầy với trò lườm nhau như hai con bò trống tranh nhau làm le trước một thị bò cái. Thầy trò không làm bộ, không giấu diếm gì cái lòng ghét nhau. Tôi thì nhất quyết lúc nào cũng có câu trả lời đích đáng bất cứ lúc nào ông đặt cho tôi một câu hỏi hóc búa. Không bao giờ tôi lơ là bài tập. Sáng vào lớp là sẵn có bài mà nộp. Tôi trở nên một học sinh không thể nào khiển trách được: đấy là cách trả thù đối với một ông thầy Tây cứ khoác lác rằng chúng tôi là những thứ ngu dốt, cần phải được dạy dỗ cho nên người có văn hóa. Lão Parmentier là một người thực dân thứ

thiệt. Tôi biết thế, nhưng có lẽ, hồi đó tôi ghét lão nhất là vì cứ bị ông chiếu cố hoài. Chuyện tôi giữa tôi với lão, tưởng rằng phải chờ đến lúc tôi rời trường thì mới xong.

Cho đến một hôm, sau ba năm ngồi học với lão, tôi bị lão Parmentier tống cổ vào đứng phạt trong góc lớp vì tội phân phát một bức hình các cô gái cởi trần tôi lấy được của một ông chú. Năm đó tôi chừng mười bốn, mười lăm tuổi. Tôi giận dỗi tủi nhục. Học đến đệ tứ, đệ tam mà còn bị tống vào đứng trong góc phòng. Ô nhục vô cùng.

Đứng trong góc, tôi loay hoay với mấy cái bản đồ dựng bên tường. Một lát tôi thấy cái bản đồ nước Pháp. Tôi nhẹ nhàng kéo nó ra, đặt vào phía trước. Rồi tôi vạch quần, tè ngay vào đó một cách sung sướng. Từ Calais tè xuống tuốt Marseilles. Tôi tè tuốt luốt từ Bordeaux đến Lyon, từ Brest tới Dijon. Hôm đó kể như thời tiết xấu, toàn thể lãnh thổ Pháp bị ướt nhẹp.

Mấy đứa bạn ngồi phía sau nghe mùi hôi khai, bắt đầu cười. Chúng thì thầm, bàn tán, quay lại nhìn. Một lát sau, mấy đám con gái ngồi ở mấy dãy bàn đầu cũng biết chuyện, bụm miệng cười. Lão Parmentier ngừng giảng.

Tôi chờ lão đi xuống góc phòng xét xử tôi. Nhưng lão khoát tay, bắt tôi lên đứng trên bục bên cạnh cái bàn của lão. Tôi leo lên đấy, đứng cúi đầu có vẻ nghiêm nghị, nhưng lúc đó liếc nhìn ánh mắt thằng bạn láu lỉnh, tôi không cầm mình được. Tôi phun ra mấy tiếng cười khúc khích.

Lão Parmentier ném cuốn sổ ghi điểm vào đầu tôi. Cút đi, lão hét lên. Cút ra khỏi lớp ngay. Lão gầm gừ như con báo đứng trước người thợ săn. Đồ mất dạy. Đồ ngu dốt. Đi đi, đi đi!

Tôi bỏ đi ra khỏi lớp. Lão Parmentier ném thêm cây thước vào sau lưng tôi. Mày tưởng mày sẽ ra cái giống gì? Mày là thằng... thằng khốn nạn... thằng...

Tôi lang thang một hồi trong sân trường, xong rồi đi ra tận ngoài cổng. Tôi lục túi, móc mấy đồng mua một ly nước đá chanh, ngồi bệt xuống vệ cỏ. Lúc đầu tôi nghĩ thế nào cũng phải lắm đứa bạn phục tôi chơi thâm, tè lên bản đồ. Nhưng sau đó, tôi nghĩ tới hình phạt và hậu quả hành động của mình. Nghĩ lung tung một lát rồi chỉ đành chờ. Chờ cái gì thì không biết. Lúc ấy tôi chỉ biết rằng điều tôi trông chờ sẽ kinh khiếp lắm. Tôi ngồi như thế được nửa tiếng, rồi quyết định đi về nhà luôn cho xong. Đúng lúc tôi vừa đứng dậy thì thấy mẹ tôi lái xe cái vèo, vượt cổng trường, vào tận phía văn phòng hiệu trưởng. Tôi cuống quýt không biết nên bỏ trốn hay vào nhận chịu hậu quả.

Từ ngày xảy ra cái chuyện đó đến nay cũng đã gần ba chục năm. Nhờ có học bạ tốt, và nhờ mẹ tôi, năm đó tôi không bị đuổi học. Nhưng cái vẻ

giận dữ trên khuôn mặt của mẹ tôi thì nó in sâu vào tâm trí cho đến bây giờ. Mẹ tôi giận tôi cả tháng, không phải vì chuyện tè bậy, mà vì bà bị Tây nó kêu, phải đến trường nghe nó giảng về thằng con trời đánh của mình. Bố tôi lúc ấy đi công tác xa, sau này ông về, cứ cùng mấy chú, mấy cậu tôi nhắc lại câu chuyện bản đồ Pháp hôi khai mùi nước tiểu Việt Nam mà cười.

Ông Parmentier thì không thay đổi lối dạy. Vẫn hăng say giảng về những nhà thơ, nhà Pháp, hay về bố cục, văn phạm tiếng Pháp. Nhưng chẳng bao giờ ông đặt cho tôi một câu hỏi hóc búa nào nữa. Ông cũng thôi, không gọi tôi là thằng mọi rợ ngu dốt nữa. Tôi tè vào bản đồ nước ông. Ông cho gọi mẹ tôi đến trường. Thầy trò chọc nhau như thế là huề, làm nhục nhau như thế đã đủ.

Dần dà, tôi đâm ra lơ là, không tha thiết gì môn Pháp văn. Và ông thầy giáo cũng không làm cho tôi bận tâm thêm nữa. Lâu lâu lại lườm nhau, nhưng thầy trò không nói gì với nhau.

Tháng rồi, khi được thư mấy đứa bạn cũ bây giờ sống ở Paris báo tin thầy đã chết, tôi chợt nhớ ra rằng mình đã hết ghét ông thầy đó tự lúc nào. Tôi chỉ nhớ là năm mười tám tuổi, tôi đi ngoài đường phố, trông thấy ông thì tôi có cúi đầu chào. Thế thôi. Thầy đi đường thầy, trò đi đường trò. Đó là lần cuối cùng tôi thấy ông.

Lúc nhận được tin, tôi ước gì mình có dịp đi dự đám tang ông thầy cũ. Có thể tôi còn nhớ được chút ít tiếng Pháp để mà nói với ông một vài lời cuối cùng. Nếu không được dịp tiểu tiện vào cái bản đồ nước Pháp thời tuổi nhỏ, có lẽ tôi vẫn đã tiếp tục ghét ông thầy. Biết đâu tôi lại còn giỏi Pháp văn hơn nữa.

Tôi đoán rằng một lúc nào đó, ông Parmentier đã tha thứ cho tôi. Đã quên cái điều xúc phạm của tôi.

Và tôi nghĩ tôi cũng đã tha thứ cho ông. Tha thứ cho con người đầy dẫy lòng kỳ thị đó. Bây giờ lâu lâu đọc một bài thơ Tây thấy thích thú, và tôi thích ăn phó mát, uống rượu chát. Nhưng những thứ ấy thì cũng chẳng phải là chuyện gì đáng nói. Cái cậu thiếu niên ba mươi năm về trước thật ra phải mang ơn người thầy giáo về cái niềm tức giận và ô nhục lúc bị tống khứ vào góc phòng. Không bị đuổi vào góc thì cậu chẳng bao giờ học được một trong những bài học quan trọng nhất đời mình. Chính mấy phút đứng giận dỗi, uất ức trong góc lớp học, chính mấy phút ấy là lúc cậu thiếu niên nhận biết được cái nhu cầu chống lại sự chèn ép, kỳ thị. Cái chuyện ấy nó có niềm vui của nó, nó gây thỏa mãn riêng, và nó cũng có những hậu quả mệt nhọc của nó. Nhưng mà cậu thiếu niên ấy biết: cái chuyện tranh đấu ấy, nó bắt buộc, nó cần thiết, nó tất yếu.❐

Vượt Biển

Duy Khang

Duy Khang là bút hiệu của Lưu Trường Khôi, đến với độc giả Văn Học bằng một truyện ngắn, nguyên tác bằng Anh ngữ "The White Dress" được dịch đăng trong Văn Học Số Xuân Bính Tý, 117&118, tháng 1 & 2 năm 1996.

"Vượt Biển" là chương ba, có nhan "Boats" trích trong một truyện dài tác giả tạm thời đặt tên là Fragments,*(Những mảnh rời), dùng làm luận án tốt nghiệp Cao Học (MA) tại Boston University.*

Văn Học hân hạnh giới thiệu sáng tác mới nhất này của nhà văn Mỹ gốc Việt trẻ tuổi qua bản dịch Việt ngữ của Thạch Hãn.

Nhiều năm về sau, trong một ngôi làng có tên là Oak Park, ở một nơi người Việt Nam gọi là Mỹ quốc, "Xứ đẹp" - đẹp bởi vì mảnh đất dành cho những người yêu tự do hùng vĩ, đẹp bởi vì tinh thần của người dân ở đó thuận lòng với chế độ cũng rất đẹp cai trị họ - và sau khi thắng được cuộc thi đánh vần toàn quốc, ghiền *hamburger* và khoai rán, thân hình uốn éo thành thạo theo điệu nhạc *American Bandstand*, rồi còn mang lên người một cái tên Mỹ, Vinh chỉ nhắc đến chuyến vượt biển độc nhất có một lần. Chỉ vì bị cô giáo lớp tám ép nói. Cô bảo với cả lớp là hắn có một "sự thấu hiểu đặc biệt" về lịch sử hiện đại của Hoa Kỳ. Hắn có một "quá trình sống độc đáo." Hắn đã "vượt qua được những trở ngại thật lớn lao." Vì vậy, nếu không có gì trở ngại, hắn nên thuật lại chuyện đời cho cả lớp nghe! Sáng hôm đó, hắn còn được phần thưởng về học lực và hạnh kiểm do hội American Legion ban cho, do một cựu chiến binh tàn phế phải ngồi xe lăn - tình cờ lại là người hàng xóm của hắn ở đường Old Neversink - trao bằng khen trong một buổi sinh hoạt toàn trường. Ở trong lớp, đứng dưới lá cờ sao sọc treo trên tường, hai tay thọc vào túi quần *jean* xanh, Vinh mở miệng định nói một điều gì, nhưng giọng của hắn bỗng khàn đi như từ lâu không uống nước. Hắn đằng hắng lấy giọng, hai tay

thọc sâu hơn vào túi quần, nuốt nghẹn. Rồi sau đó, bằng một giọng nói lơ lớ và rời rạc, hắn bảo rằng những chuyện về thời thơ ấu của hắn như chỉ là một giấc mơ.

"Em nhớ được gì về giấc mơ đó?" Cô giáo hỏi.

"Em không nhớ gì cả. Mọi chuyện rất lờ mờ."

"Cố gắng nhớ đi. Em nhớ được không?" Giọng cô giáo vang lên như những đợt sóng xô đẩy người hắn. "Nhắm mắt lại, cố nhớ đi. Chị em đã kể cho cô nghe nhiều chuyện."

"Em không còn nhớ được gì cả," hắn trả lời, lắc đầu nguầy nguậy. "Em chỉ còn nhớ được ngày đầu tiên nhìn thấy tuyết ở Chicago. Lúc đó em nghĩ tuyết là một chất độc, nên không dám sờ. Khi thấy chị thè lưỡi liếm tuyết, em quỳ xuống khóc. Em nghĩ là chị em sẽ chết. Cô thấy có buồn cười không?"

Một nửa lớp khúc khích cười.

"Vậy còn chuyến vượt biển?"

"Em không nhớ gì cả."

"Không nhớ gì sao?"

"Chỉ nhớ rằng đến được Phi luật tân. Nghe mẹ em nói vậy."

"Em có nghĩ là bạn đồng trang lứa của em cho việc sống ở đất Mỹ này là một việc thường tình không? Chúng nên hiểu rằng đã có rất nhiều người từ các nơi rất xa phải khổ nhọc lắm mới đến được đây.

"Hai năm nữa," hắn lẩm bẩm, "em sẽ thành công dân Mỹ."

"Trước khi đến đây, em nghĩ gì về nước Mỹ?"

"Em không nghĩ gì cả. Em không còn nhớ gì về thời gian đó. Em không còn nhớ được gì xảy ra trước hôm em nhìn thấy tuyết."

Suốt thời thơ ấu sống trến đất Mỹ, trước sự ngạc nhiên của bạn bè và của cả chính hắn, hắn chưa bao giờ phải hỏi mượn áo *T-shirt* của ai. Hắn chưa bao giờ có đồ chơi là những chiếc thuyền nhỏ. Đến ngày Halloween, hắn cũng chưa bao giờ giả trang làm một tên hải tặc, một bộ xương người biết đi, hay làm một cái xác ướp. Nhưng hắn cũng đã bắt mùi được một cách khá thành thạo miếng bánh mì ăn dở của ai đó, hay miếng táo còn sót nơi lõi, hay mùi sốt cà chua còn dính mép. Lúc nào hắn cũng vội vàng nuốt nhanh phần ăn trưa, mặc cho thức ăn nghẹn ngang cổ khiến hắn phải há mồm ra thở. Có một lần, không hiểu vì lý do gì, hắn nôn mửa thốc tháo trong giờ học Vệ Sinh, lúc cả lớp đang xem nửa chừng cuốn phim *Tình Yêu và Tình Dục: Thử thách và Chọn lựa*. Hàng năm cứ vào tháng sáu hắn lại bị cúm hành cho đôi ba ngày, trước ngày cả lớp đi du khảo, nên phải nằm nhà trong khi bạn bè của hắn đang bơi ca nô trên hồ McArthur, hay pic nic bên bờ hồ Michigan, hoặc bơi lội ở Ridgeland Commons. Không

ai hiểu tại sao, còn hắn thì phải mất thêm mấy năm nữa mới hiểu ra...Hắn hiểu ra được tại sao mỗi khi có người đàn ông mon men đến gần mẹ, trên người mặc áo quần đầy đủ, da dẻ trắng trẻo, ăn nói nhỏ nhẹ, thì hắn lại gườm lên như một con chó dữ, có khi còn muốn nhảy sầm vào đấm đá nữa là khác. Hắn hiểu ra được, tại sao mỗi khi bạn bè hắn đưa ngón tay hay bút chì, thước kẻ trỏ vào thái dương, hắn vội vàng co người lại, hất đầu tránh né, mặc dù hắn biết những thứ đó không làm bằng kim loại. Hắn hiểu được tại sao ngón tay đeo nhẫn trên bàn tay phải của hắn là phần quý giá nhất trên thân thể hắn. Tại sao: vì mỗi lần thấy mẹ nằm úp mặt, chẳng hạn như lúc bà nằm trên chiếc ghế dài ngủ gà ngủ gật đôi chút trước khi đi làm ca ba ở nhà thương, hắn lại cảm thấy như bị ai thôi thúc phải đến gần mẹ, lật người mẹ lại rồi đặt ngón tay vuốt ve những gân máu xanh lè chằng chịt như những dòng sông nơi cổ tay bà. Và tại sao: âm thanh của tiếng la của hắn - ngay cả tiếng la mừng khi hắn thấy Ryne Sandburg làm bàn, hay Walter Payton *touch down*, hay lúc người chủ nhà bằng lòng nhận cho thuê trả bằng tiền trợ cấp gia cư của chính phủ, ngay cả lúc mà tiếng la đó không còn là tiếng la của một đứa con nít nữa, mà đã là tiếng la của một người đàn ông, theo lời mẹ thì nghe y như tiếng ba nó, nghe giống như giọng của Hà, những tiếng la đó vẫn làm cho người hắn tê cóng đi một lát. Tim hắn như bị tê đi cả ngàn chỗ. Hắn cũng không tìm cách ráp nối những mảnh vụn đó lại để làm một chuyến đi đầy sóng gió trở lại "nơi đó," cho đến lúc hắn vào đại học. Hắn nhận ra mình muốn làm một nhà văn, và lúc những cái "không có gì để nhớ" hắn đã tìm cách nhận chìm bỗng nhiên trồi lên, quất vào mặt hắn, đẩy người hắn qua mạn thuyền rơi xuống biển sâu, nhận chìm đầu hắn xuống nước. Khiến hắn phải nhoi lên thở.

Buổi chiều ngày thứ hai sau khi đến Palawan, trong khi những gia đình khác đang tận hưởng không khí mới mẻ nơi đây, không khí có mùi khác lạ, mùi tự do – à không, đó chỉ là mùi biển mặn, à mà không đâu cưng, hãy hít thở không khí đó đi, không khí chan hòa sự sống, sự sống của một cuộc đời mới - thì Sương, Hồng và Vinh, tay mỗi người cầm một chiếc xên đứng trên bãi biển. Chung quanh họ có bốn người điều dưỡng thuộc hội Hồng thập tự, một số viên chức coi trại, một vị linh mục công giáo, có bà bán hủ tiếu ở Cần thơ và ông chồng. Ông này cũng là chủ thuyền và đã gom những mảnh ván còn lại nơi chiếc thuyền bị vỡ, đóng thành một cái hòm nhỏ đang đặt nằm trên cát, bên trong đựng xác một đứa bé, trên người vẫn mang chiếc áo còn vương mùi hôi của em, ngoài cuộn một lớp vải trắng mấy bà thợ may người Phi cho, thế mà vẫn không

giấu kín được mấy chiếc xương sườn nhô hẳn ra. Trên một gò đất màu nâu, những tấm bia trắng nhô lên. Từ khi đặt chân lên trại tạm cư, ông chủ tàu đã phải đóng 12 cái hòm gỗ như thế, cho 12 buổi chôn cất như thế, và vì hôm nay là buổi cuối cùng nên lòng ông cảm thấy nhẹ nhõm, bớt mặc cảm tội lỗi vì dù sao ông cũng là người chủ chốt của cuộc vượt biển. Ông không muốn công khai thú nhận, nhưng lòng ông cảm thấy thơ thới hơn khi không còn nhìn thấy xác con thuyền của mình bị dập vùi trong sóng nước, các mảnh ván bật tung ra khỏi thuyền, máy bị vỡ, chiếc thuyền ông đã dùng trong bốn năm liền để sinh sống bằng nghề buôn cá, di tích của nó chỉ nhắc nhở ông những năm sống đời bán cá ở Cần thơ sau khi đã mang lên người ngần ấy huy chương hải quân.

Vừa tỉnh lại được sau một cơn ngất, bà mẹ của đứa bé đang nằm trong hòm đứng hai chân trần trên cát đào đào xới xới. Bà không để cho bất cứ ai khác làm công việc đó. Không. "Nó là con tôi," Sương nói. "Con trai đầu lòng của tôi. Tôi là mẹ nó." Trên đầu bà đội một vành khăn bằng vải trắng, chiếc khăn của những bà mẹ để tang con. Chung quanh bà là hai đứa con trai và con gái còn sống sót, vội vàng xúc cát, thứ cát khô một cách khác thường, cứng và sệt lại thành cục gần như đất sét, nơi khu đất mà sau mười tiếng đồng hồ thương lượng, dân bản xứ ở Palawan mới bằng lòng cho chôn. Họ đòi ba lượng vàng, hoặc phải quét dọn nhà thờ trong năm mươi tiếng đồng hồ họ mới chịu nhận thêm một "hồn ma người lạ." Nhờ ông linh mục nói hộ họ mới chịu nhượng bộ sau khi gia đình thuận chôn cất theo lễ nghi công giáo.

Cả Hồng lẫn Vinh đua nhau đào đất. Chúng không ngẩng mặt lên nhìn. "Từ từ đi con," Sương nói, và hai đứa bé làm theo lời mẹ. Cả hai cùng ngừng lại, đổi xên qua tay kia, đưa lòng bàn tay phải lên trán gạt mồ hôi, nhịp nhàng ăn khớp với nhau. Đào huyệt xong, đến giờ đóng nắp hòm, Sương để cho hai con từ biệt anh chúng trước. Hồng cắm chiếc xên lên cát, đến bên chiếc hòm gỗ vẫy tay rồi oà lên khóc. Hai chân con bé run lên. Hồng sắp quỳ xuống thì mới sực nhớ ra là không được quỳ. Đến lượt Vinh, hắn cũng bắt chước chị, nhưng khi vừa đến gần chiếc hòm thì hắn lại ngửi thấy một mùi hôi khó chịu khiến hắn ho sặc sụa. Hắn nhìn Hà lần cuối. Khuôn mặt anh hắn tím ngắt, da nổi gân như tàu lá chuối. Vinh đảo mắt nhìn rồi bước lùi lại mấy bước.

Mọi người chăm nhìn Sương khi người đàn bà quỳ xuống hôn lên mặt đứa bé. Không ngần ngại, bà cầm lấy bàn tay phải của con - bọc trong vải trắng nhưng bây giờ đã lốm đốm vài chấm máu đỏ - rồi hôn lên từng ngón tay. Bà ngần ngại khi hôn đến lần thứ tư và cũng là lần cuối. Hai hàm như khoá lại, bà nhấc nắp hòm ghép bằng hai mảnh ván đặt lên trên chiếc hòm

rồi đậy lại. Lúc đứng dậy, bà suýt ngã chúi nhưng cũng kịp chống tay lên mặt cát rồi đứng thẳng người lên. Cát dính lên người, lên cằm, một ít dính lên tay khi bà ngã xuống, lấp lánh như những vết sẹo, như những hải đảo, trên khắp da thịt bà. Lúc bốn người đàn ông tiến lại gần dang tay giúp hạ huyệt, bà lại xua họ đi. Bà gật đầu ra hiệu cho vị linh mục tiến gần chiếc hòm. Bà đưa tay lên sửa lại mấy sợi tóc nằm bên thái dương, và quỳ xuống lạy đứa con trai ba lạy theo nghi lễ Phật giáo mặc dù có vị linh mục đang đứng cạnh đó.

"Hồng, Vinh," bà gọi hai con trong lúc vẫn quỳ bên cạnh chiếc hòm. "Tới giờ chôn rồi." Hai đứa nhỏ đứng quanh chiếc hòm gỗ rồi mỗi đứa nắm lấy một góc hòm, và vì nhấc vội nên mỗi đứa đều cảm thấy tay như bị gỗ xước. Mắt Hồng nhòa đi. Vinh thì chỉ muốn mọi chuyện mau xong vì hắn đang phải nín thở. Chỉ có ba người khiêng nên khi hạ huyệt chiếc hòm nghiêng hẳn về một phía, như dáng một chiếc thuyền đang chìm nghiêng xuống biển. Có tiếng ho của ai đó làm Vinh giật mình nên hắn lơi tay. Chiếc hòm chòng chành. Nắng chiều dội gắt lên những mái đầu cúi thấp. Chỉ có một khuôn mặt duy nhất ngửng lên nhìn trời - khuôn mặt của bà mẹ - lạnh cứng như một tấm mộ bia.

Sau đó, trong lúc dọn chỗ ngủ bên trong căn nhà - gọi là nhà chứ thực ra chỉ là một căn lều căng bằng ni-lông - ở chung với hai gia đình khác, Sương mới bắt đầu khóc. Bà hồi tưởng lại những sự việc xảy ra chiều hôm đó và hối tiếc những gì đã xảy ra: lẽ ra bà phải khóc than rền rĩ, phải ném những tia nhìn âu sầu vào thân xác của đứa con, phải gọi hai con còn lại đến gần quỳ xuống lạy anh chúng. Bà nên quẳng hết xuống biển sâu cái quan niệm của mình về bản lĩnh của một người mẹ. Lẽ ra bà phải để cho mấy người đàn ông làm hết việc, mình chỉ việc ngồi khóc than như một người đàn bà điên, nhào người lên chiếc hòm gỗ, tay bíu chặt vào góc hòm cho đúng phong tục. Trong mấy tiếng đồng hồ tối hôm đó, khi nghe thiên hạ xôn xao bàn tán rằng khi thằng bé chết, nó đã gục lên trên mái tóc dài của bà, nên bà vuốt ve mái tóc của mình một cách âu yếm. Bà đưa tóc lên môi hôn. Bà ậm ừ một bài ru con. Sau đó bà cứ lẩm bẩm mãi, "Con chết không có cha bên cạnh để từ biệt. Không hoa. Không áo quần. Cái gì cũng không. Con trai đầu lòng chết mà chẳng có gì cho nó."

Cho dù mẹ hắn có im lặng đi nữa thì Vinh cũng vẫn không ngủ được. Người hắn trần trùng trục, lạnh nhưng không kêu ca, nhắm mắt, hai cánh tay nổi da gà vòng trước ngực. Lưng hắn dính đầy cát, và càng tìm cách phủi cho sạch cát chừng nào hắn lại cảm thấy cát càng dính vào lưng, càng thêm ngứa ngáy. Giấc ngủ không bao giờ đến.

Mọi người nằm yên cho đến trưa. Lúc đó Vinh và Hồng mới dậy đi

kiếm thức ăn, chỉ còn lại người mẹ nằm trên chiếu. Đằng trước căn lều, một nhóm người tụ tập bàn tán, trong số đó có những người đã chứng kiến tận mắt cái chết của Hà hôm qua, vì lúc đó họ đang tụ tập trước cổng, hy vọng trong đám người sống sót mới đặt chân lên đất liền kia biết đâu lại có người thân của họ

"Cô cho tôi hỏi, có ai ở Nha Trang đi không, nói cho chúng tôi biết đi, hình như tôi quen với người bà con của cô phải không, có ai ở Huế, Quảng Nam không? Bộ mấy người câm hết rồi sao?

"Mấy người đứng đây làm gì?"

Hồng la lớn lúc con bé từ trong lều nắm tay em bước ra.

"Mấy người đứng nhìn chúng tôi làm gì?"

Tay kéo em, con bé rẽ đám đông bước đi, một tay hắn chống nạnh nên vướng phải một đứa bé khiến nó ngã xuống đất. "Xin lỗi," hắn nói, nhưng giọng chẳng chút gì ra vẻ ăn năn.

Cử chỉ của Hồng khiến Vinh phải ngạc nhiên. Trên đường đến nhà ăn - cũng là một chiếc lều ni lông nơi người ta phân phát thức ăn hàng ngày - tay thằng bé nhói đau vì bị chị cầm chặt, nhưng hắn vẫn để yên. Cho đến khi không có ai ở bên cạnh, con bé mới thả tay em ra. Sau đó, không nhìn thẳng vào mặt em, con bé thì thào hỏi: "Tối qua ngủ được không?"

"Được."

"Trời, Vinh, sao giọng em nói giống giọng anh Hà thế."

Con bé đứng yên. Hắn dang hai tay ra ôm lấy em, rồi nói tiếp: "Em nói nữa đi."

Thằng bé dang ra khỏi người chị, đưa mắt nhìn lảng ra chỗ khác. Cả hai đứa lại bước đi, lần này thằng nhỏ bước nhanh hơn trước.

"Vinh."

"Cái gì?"

"Đừng đi nhanh vậy."

"Được." Thằng bé đi chậm lại. "Trời nóng quá," nó nói.

Cả hai cùng im lặng trong một lúc lâu, thỉnh thoảng có tiếng chân chạm vào sỏi trên mặt đường, sau đó Hồng hỏi. "Em có thấy thiếu anh Hà không Vinh?"

Thằng bé đưa mắt nhìn xuống đôi chân trần, lớp da ở ngay mắt cá của hắn bị chai cứng. Ngực hắn nổi da gà. Một lát sau, hắn gật đầu.

"Thấy thiếu phải không?"

Hắn gật đầu thêm một lần nữa.

"Thế sao chị không thấy em khóc?" Giọng con bé chưa có vẻ gì trách móc, nhưng khi thấy em không trả lời mà vẫn đưa mắt nhìn xuống mấy ngón chân, con bé nói gắt. "Hôm qua không khóc, rồi tối qua cũng không?

Tại sao?"

"Em đói." Hấn lấy tay vỗ lên bụng.

"Em có nghe chị nói gì không? Bộ em không thương anh Hà sao?" Con bé quay lại nhìn thẳng vào mặt em, đôi mắt nó húp lên, mí mắt trĩu xuống. "Trả lời chị đi."

Thằng bé nhíu đôi chân mày. Hấn nhìn xuống mảnh vải đen ghim nơi chiếc quần cộc, mảnh vải lẽ ra phải được ghim vào ve áo nhưng bây giờ nằm lơ lửng trên chiếc quần cộc, ngay bên trên một vết chàm đen trên đùi hấn. Hấn đưa tay vuốt mảnh vải, trán hấn nhíu lại. Hấn bậm môi, hít một hơi không khí biển mặn và chớp nhanh đôi mắt. Nhưng có làm gì đi nữa thì khuôn mặt của hấn vẫn ráo hoảnh. Khi hấn nhớ lại có lần Hà cầm chặt tay hấn đi dạo phố ở Cần Thơ, nhớ lại giọng nói của Hà - *Em đừng sợ, sông ở đây không có ma rà đâu. Này, em lấy áo của anh mặc vào đi* - hấn vụt chạy như lẩn tránh tầm tay và ánh mắt trách móc của Hông. Hấn chạy nhanh ra bãi biển, hai mắt khép hờ - *Vinh, nhìn kìa kìa, không chừng thấy được cá heo đùa giỡn ngoài kia* - , hấn cảm thấy cát nóng đến bỏng chân - *Em đừng khóc nữa. Ăn phần cơm của anh đi*!" Gió mang hơi nóng phả vào mặt, luồn vào hai lỗ mũi. Cũng có thể chân hấn dẫm phải những vật sắc cạnh, một cành cây khô, vài vỏ sò, nhưng hấn vẫn không cảm thấy được gì.

Đến bờ nước, hấn dúi mấy ngón chân xuống cát rồi rõi mắt nhìn ra xa. Khi nghe có tiếng chị gọi từ đàng sau, hấn phóng người xuống nước. Hấn cố tình uống vài ngụm nước biển. Hấn nghe có tiếng ai gọi, nhưng không phải giọng của Hông. Hấn lại trồi đầu lên khỏi mặt nước, mấy sợi rong biển dính vào tóc, không biết bơi mà hấn vẫn sãi tay vụng về bơi ra vùng nước sâu như một con chó trong cơn cuống cuồng, hai tay đập lên mặt nước, mắt nhắm nghiền, miệng há hốc ra thở. Nhưng khi thấy hỏng chân, hấn vội quay đầu trở vào. Đến chỗ nước cạn, hấn đứng lại, một đám sứa biển bập bềnh quanh người, lưng vẫn quay về phía chị. Đợi chừng năm phút không nghe em trả lời, Hông bỏ đi. Hấn đứng đó suốt trong mấy tiếng đồng hồ, mặt hướng ra biển, hấn không thấy gì ngoài một khoảng trời lác đác mây. Khoảng trời đó gợi lại cho hấn một vài chuyện mà hấn không rõ, không biết chắc. Khoảng ba mươi thước ở đằng sau, từ chỗ hấn đứng hàng tiếng đồng hồ suốt buổi chiều hôm đó, và khoảng độ bốn mươi thước lệch về phía tay trái của nó là một khoảng đất đánh dấu bằng những lá cờ vàng và các tấm biển bằng giấy bìa viết bằng tiếng Việt và thổ ngữ Tagalog "Xin Chúa ban phúc lành cho mảnh đất khốn khó này." Mãi cho đến khi mặt trời chìm dần xuống mặt biển, phần sợ mẹ lo, phần những cơ bắp chân của hấn co thắt đến khó chịu, gan bàn chân nhăn

nheo như da mặt người già và bụng không thể chịu đói thêm được nữa, hắn mới chịu về.

Trời đã chiều mà mặt cát vẫn còn nóng bỏng một cách khác thường.

Bên trong căn lều mùi cá hộp xông lên phả vào mặt hắn. Hồng ngồi xếp bằng trên sàn nhà, đang đút cơm và cá mòi dầm trong nước sốt đỏ cho mẹ ăn. Sương vẫn nằm dài trên chiếu trải trên sàn ba mẹ con dùng làm chỗ ngủ, đầu nghiêng về một phía, chốc chốc lại há miệng thật to, to một cách quá đáng như cửa hang chờ chiếc thìa cơm của đứa con gái. Vinh cố gắng hết sức để khỏi đưa tay lên bóp mũi chận mùi tanh. Hắn nhìn chị gượng cười, và khi nghe chị nói, "Thôi đừng giận chị" thì hắn lại gật đầu. Hắn thấy mẹ hé mắt nhìn, miệng nhai cơm như một hài nhi, thỉnh thoảng lại để vương chút cơm trộn cá rơi lên áo. Trong thứ ánh sáng lờ mờ bên trong căn lều, hắn thấy dường như mẹ vừa cắn vừa phun ra những mảnh thịt nhỏ của môi mình. Biết không phải thế, nhưng hắn vẫn muốn tung chạy trở lại biển để làm lại những gì hắn đã làm suốt chiều hôm đó.

Giọng Hồng lên tiếng, "Đến giúp chị đi Vinh. Me chịu nóng không nổi"

Hắn đưa mắt tìm một miếng giấy, nhưng thấy không thể nào tìm ra giấy, hắn lại thở dài. Hắn bước lại gần mẹ rồi ngồi sát xuống. Hắn dùng lòng bàn tay phe phẩy lên mặt mẹ. Mắt người đàn bà vẫn không hề nhấp nháy.

Ngày hai bữa, nhân viên điều hành trại phát cơm và cá hộp, thức ăn mà dân tị nạn vừa yêu vừa ghét, như họ vừa yêu vừa ghét khu trại tạm cư, vừa yêu vừa ghét chính số phận của họ. Dần dà, các bà mẹ ở trong trại gom góp các hộp cá mòi lại, cố vét cho đến giọt nước cá cuối cùng còn sót lại trong hộp dùng cho bữa ăn tới, nên chung quanh chỗ ngủ hộp cá nằm vương vãi, nắp hộp dựng thẳng lên như những cánh buồm. Trưa cá mòi, tối cá mòi, cá mòi luồn vào mũi và đi vào giấc mơ của họ, da thịt họ vừa đẫm mùi dầu, vừa nổi vảy như cá.

Bên trong căn lều, không khí hết sức ngột ngạt, ngoài mùi cá còn thêm mùi mồ hôi và mùi chân thối. Lại còn có thêm mùi thuốc lá, và mãi cho đến khi hắn lớn lên, quen với đời sống Mỹ, rồi cũng phì phèo thuốc lá, Vinh mới nhận ra rằng người ta hút thuốc không phải chỉ vì tuổi trẻ ưa nghịch ngợm, mà là vì tinh thần bị sa sút, vì cô đơn, vì quá mệt mỏi với đời sống. Đó là những lý do xưa nay bất cứ một người ghiền thuốc lá nào cũng đưa ra để biện minh cho việc làm của mình. Kể cả người Mỹ. Thế nhưng, một phần cũng vì đã từng sống sáu tháng ở Palawan, hắn nhận ra rằng người ta còn có những lý do khác để biện hộ cho việc làm của mình, khác hẳn với những lý do của người Mỹ. Có khi nào một người Mỹ bình

thường phì phèo thuốc lá vì hắn mong được trở lại quê hương, và khi đang hít một hơi thuốc vào phổi, hắn lại lãng đi không dám quay mặt nhìn về hướng quê nhà của hắn chưa? Người Mỹ có bao giờ hút thuốc lá để dằn cơn đói không? Hay hút để tìm một vị giác nào khác trên lưỡi ngoài mùi cá tanh? Hay để khỏa lấp đi cái mùi hôi nơi miệng vợ cho khỏi chùn chân mỗi lần muốn ân ái?

Mỗi đêm, sau khi xem trên người hai con có chỗ nào bị muỗi đốt làm độc hay không, người đàn bà và hai con nằm kề bên nhau trên một chiếc chiếu đẫm mùi cá, đắp một tấm vải mỏng nặc mùi thuốc lá, Sương cầu nguyện ông bà, giọng vững chải nghe đến sột soạt như cát ở Palawan. "Lạy Cố, con đã mất một đứa con. Xin giúp con cứu được chồng. Phù hộ cho con được đi Mỹ sớm để còn kiếm tiền gởi về Hà nội đút lót cho Huy ra tù. Lạy Cố, xin phù hộ cho lòng thành của con." Những lời cầu nguyện Hồng và Vinh nghe hằng đêm, lập đi lập lại nhiều lần, trước sau như một. Đối với hai đứa trẻ, lời cầu nguyện đó thay lời ru, cũng như bụng và ngực của mẹ chúng thay cho những chiếc gối kê đầu. Đêm thứ tư sau khi chôn Hà, Sương khấn quá lớn khiến cho chủ hộ gia đình bên cạnh người Phước tỉnh lớn tiếng càu nhàu, "Im đi. Ba đêm trước tôi đã tử tế không nói gì, nhưng mụ im bớt đi cho người ta ngủ chớ!"

Dưới tấm chăn, Sương đưa tay nắm lấy tay hai con.

Đêm hôm sau, Sương khấn nhỏ hơn, nhưng người đàn ông đánh cá kia vẫn lớn tiếng. "Mụ kia! Hôm qua tôi đã nói rồi. Câm miệng đi." Khi thấy Sương vẫn lâm râm khấn vái, hắn đưa chân đạp vào người Sương hai cái.

Sương co rúm người lại. Đứa con gái la to, "Không được đá mẹ tôi. Ồn thì bịt tai lại mà ngủ" nhưng Hồng chưa kịp nói hết thì Sương đã bụm miệng con.

Vinh không hiểu tại sao chỉ trong có mấy hôm mà chị mình lại trở nên quá dạn dĩ như thế. Hắn ao ước bạo dạn như chị, nhưng cố mấy đi nữa hắn cũng chỉ làm được một việc là đưa môi hôn lên đùi mẹ, chỗ mà hắn nghĩ là đau nhất mà thôi. Cũng cái hôn nhẹ đó hắn đã đặt lên vai anh lần anh nó đi quá giờ giới nghiêm chỉ có hai mươi tám giây đồng hồ mà bị một tên cán bộ quất vào vai. Hôn mẹ xong, hắn trờ người lên gần tim mẹ, rồi lập lại y nguyên lời mẹ nó từng nói hồi năm 1976, "Để sáng mai rồi xem có bị bầm không."

Từ đó trở đi, hàng đêm Sương chỉ khấn nguyện thì thầm, giọng nàng không át được tiếng ngáy khò khò của người bên cạnh, hay những tiếng động mà một cặp vợ chồng tha hương đang ân ái với nhau, nghe như tiếng cọc nện xuống đất cứng. "Lạy Cố, con đã mất một đứa con. Xin

giúp con cứu được chồng." Lúc Sương khấn nguyện trong cái bóng đêm hôi hám đó, do tính tò mò trẻ con thôi thúc, Vinh có lần đưa tay sờ lên đôi môi đang mấp máy của mẹ, cố tìm ở đó chút cảm giác của làn hơi ấm ấp lòng tin, hay an ủi cho lòng mẹ dịu lại. Những lúc khác hắn còn khấn theo mẹ. Tiếng Sương phát ra nhịp nhàng theo nhịp ngực, hoà với tiếng sóng vỗ ở bên ngoài nghe đến thê lương.

Đối với bọn trẻ, ban ngày dễ chịu hơn ban đêm. Không như mấy người lớn suốt ngày tốn nước bọt than vãn nhớ nhà, buồn chán hay kêu van đau bụng đi chảy, mỗi giờ trôi qua làm tăng nỗi sợ hãi không được nước nào nhận, thì bọn trẻ lại náo nức vui chơi. Đặc biệt là những buổi chiều cả Hồng lẫn Vinh để quên miếng băng tang hay không được mẹ dẫn ra thăm mộ Hà, hai đứa nhập bọn với mấy đứa trẻ khác nô đùa trên bãi biển. Chúng vớt rong biển rồi làm thành vòng đeo tay. Chúng nhặt vỏ sò, trắng có, hồng có, rồi đem bán cho mấy đứa khác ngốc hơn, cứ mười vỏ sò đổi một quả dừa. Chúng nằm dài dưới nắng, tưởng tượng mỗi hạt cát dưới lưng hay dính vào vai vào chân là một đồng tiền vàng nho nhỏ, như những đồng tiền vàng mà chúng tưởng đang nằm sâu dưới lòng cát Palawan. Và nếu ở đó không có thì nhất định vàng sẽ vương vãi đầy bên Mỹ.

"Em biết không?" Hồng hỏi em khi hai chị em đi dọc theo bờ cát. "Ở Mỹ, kim cương từ trên trời rơi xuống như mưa, còn ngọc thì mọc đầy trên cây."

"Thật à?" Vinh đáp lại, chân đá vào bọt nước.

"Ừ. Ở Mỹ, con nít tụi mình đứa nào cũng có phòng riêng, như ở bên Pháp."

Miệng thằng bé tròn lại hình chữ O, mắt sáng rực lên.

"Chị Hồng, em nghe nói ở Mỹ sướng lắm, muốn làm gì cũng được. Chị coi chừng mấy con sứa kìa. Chị, qua Mỹ mình muốn ăn kẹo là được ăn thả cửa, phải không?

"Chắc thế. Chắc bên đó không ai bị ở tù cả."

"Ồ." Hắn đứng lại, đưa tay nhặt một cánh rong biển mắc vào một cành khô rồi quấn quanh mấy ngón tay. Một vài giây sau, hắn nói:

"Chị Hồng, chị biết gì không?" Hồng không trả lời nên hắn nói tiếp. "Qua đến Mỹ, ngoài kẹo em còn ước có một thứ nữa."

"Thứ gì?"

"Em mong đến Mỹ, người mẹ nào cũng ngủ ngon."

Lúc nào chán với những mộng mơ hão huyền hay không còn muốn nhập bọn với đám trẻ trên bãi, hai đứa lại ngồi đối diện nhau đếm mấy chiếc xương sườn nhô hẳn ra ở khoảng giữa thân người chúng, trông như những chiếc ngà voi sắp thành chồng cao .

"Tám, chị đếm được tám cái xương của em," Hồng nói.

"Chị có mười cái," Vinh đáp, mặc dù hắn chỉ đếm được sáu. Hắn muốn tỏ ra mình không gầy như chị. Hắn không hiểu tại sao cứ mỗi tuần trôi qua, mấy chiếc xương sườn của chị hắn càng lúc càng chìm hẳn xuống, trong khi số xương của hắn thì vẫn không thay đổi. Khi thấy mình ngày càng bớt gầy đi, Hồng lại nghĩ ra một trò chơi khác. Con bé lấy tay ấn lên mấy chiếc xương sườn của em, giả vờ như đang ấn mấy phím đàn dương cầm. "Em còn nhớ hồi Me đàn cho tụi mình nghe bài *Frère Jacques* không?" Hồng hỏi em ngay hôm chúng bắt đầu chơi trò chơi mới này.

"Có chứ," hắn trả lời, nhưng thật sự hắn chẳng nhớ. Hắn không biết "đàn dương cầm" là cái gì, nhưng có là cái gì đi nữa, có thể là một bộ trống - thì vật đó chắc chắn là một thứ đồ chơi đáng yêu hơn chính thân thể của mình. "Hát bài đó cho em nghe đi, chị."

Giây phút thật sự làm cho Vinh thấy sung sướng nhất với đời sống mới này xảy ra khoảng ba tuần sau ngày hắn đến trại Palawan. Một buổi trưa, chán chê trò đếm xương sườn, vốn tính nghịch ngợm, hắn ngồi chò hỏ bên ngoài căn lều của một thằng bé hắn không ưa rồi tuột chiếc quần cộc xuống tận mắt cá. Hồi trưa, mẹ nó mang về mấy trái sầu riêng tươi, và hắn đã ham hố ăn quá nhiều.

"Em làm như thử đồ mất dạy!" Hồng la em, hai mắt con bé long lên. Đừng bao giờ ở lỗ trước mặt chị. Cũng gần bảy tuổi rồi còn gì. Ai dạy cho em ngồi chò hỏ kiểu đó?" Con bé đưa ngón tay trỏ lên hoa hoa ra vẻ chị cả. "Có nhớ là Me dặn muốn đi cầu thì ra ngoài biển mà đi không?"

"Ở đây vui hơn," hắn vừa nhăn răng cười vừa đáp. Vả lại, em đang đi ỉa mà. Thằng bé lại càng cho là cách đi cầu mới lạ này thú vị hơn vì hắn bỗng thấy thay vì đi cầu ra phân, hắn lại thấy có con sán lãi dài gần bằng cánh tay trước của hắn. "Hồng, nhìn này!" Hắn kéo con sán lãi đen đui ra khỏi hậu môn rồi đưa lên cho chị thấy.

"Tởm!" con bé la lớn, nhắm mắt rồi quay lưng về phía em. Hắn la với ra sau: "Mất dạy. Em phải ăn đòn mới được." Con bé lập lại lời nghe lóm mẹ nói với bà ngoại hồi năm 1977. "Chỉ sợ lớn lên không có cha nó sẽ hư." Con bé dậm chân đi xa chỗ em ngồi, nhảy cẫng lên như một con nộm múa rối.

Vinh chỉ nhún vai, làm cho xong việc. Hắn không biết rằng chính con sán lãi đã làm cho hắn phải giơ xương sườn. Hắn cảm thấy mình giỏi giang, bạo dạn hơn cả người lính bạo dạn nhất. "Hồng, đồ con gái!" Vinh nói lớn cố cho chị hắn nghe, nhưng cũng ngay trong lúc đó, khi nhận ra

chị mình đã đi xa, và chị hắn cũng chỉ là một đứa con gái, Vinh bỗng nhiên cảm thấy hoảng hốt. Hắn biết là chẳng có gì ở đó để hắn phải sợ hãi: đang giữa ban ngày, ở trên đất liền, chung quanh hắn không có hải tặc, cán bộ. Thế mà hắn vẫn thấy ngột thở. Nắng đang dội gắt lên đầu lên tóc hắn, thế mà hắn vẫn cảm thấy lạnh. Người hắn run bắn lên, hắn tự bảo nếu có Hà ở đây, anh hắn cũng sẽ thích thú nhìn thấy con sán lãi mà hắn vừa mới quăng đi. Hắn ngồi yên, chiếc quần cộc vẫn còn nằm ngang mắt cá, mặt tựa vào bàn tay sạch đang co nắm lại, rồi nói lớn như để nghe được giọng của anh nó. "Đá, giấy, kéo," hắn vừa nói lớn vừa xoè bàn tay trống không. Hắn ngạc nhiên khi thấy giọng của mình nghe chẳng giống giọng của anh chút nào.

Xế chiều hôm đó vì chị không thèm chơi, hắn lang thang khắp các con đường trải sỏi trong trại. Mỗi lần chân dẫm lên đá, hắn lại co người. Ngoài chị ra, hắn không có bạn. Mấy đứa trẻ khác lại nhìn hắn một cách kỳ cục, rồi thì thầm nhỏ to với nhau rằng hắn chính là thằng bé thấy trong các quảng cáo tã lót ở khắp Sàigòn, rồi còn nói thêm—tụi bây nhìn đi, giờ nó có khác gì mình đâu. Hướng về đường Boston, hắn thấy một đám trẻ con người Phi vận khố đang tụ tập nơi trạm phát thư. Thằng bé người Phi đầu đội một chiếc thùng giấy rồi rao to bằng một thứ tiếng Việt lơ lớ. Vinh tiến gần xem thử chúng đang gạ bán thứ gì.

"Kẹo cao su của Mỹ! Nhai kẹo này suốt ngày thì bụng no. Nhai kẹo Mỹ thì được Mỹ lãnh. Đừng nuốt, nuốt vào bụng thì thành bánh cao su!"

"Bao nhiêu?" Vinh hỏi.

"Năm *pesos* thôi."

"Tao không có tiền." Hắn xoè hai bàn tay trắng cho thằng kia xem, nghe bụng mình cồn cào. Hay là mai tao trả mày một quả dừa? Tao trèo dừa tài lắm."

"Đồ điên?" thằng bé người Phi nói. "Hôi giờ tao sống ở đây. Lấy dừa mà làm cái gì?"

"Nhưng tao chỉ có dừa thôi."

"Đem mà đá banh!" Mấy đứa trẻ khác kéo vào khố của nhau rồi cười ồ.

Vinh bước đi, vừa lắc đầu vừa nghĩ: rõ ràng là người Việt Nam giỏi hơn người Phi, người có học vẫn hơn kẻ bán hàng rong. Hắn đi lần tới đường New York, rồi rẽ phải vào đường Atlanta Drive, chỗ nghe đồn có người cùi chột mắt, rồi đi thẳng ra bãi biển. Hắn thấy một đám trẻ đứng rải rác ở đó, và nhìn từ xa trông lấm chấm như những ngôi làng ở vùng châu thổ miền Nam. Hắn vẫn không thấy bóng dáng Hồng đâu cả. Hắn thấy một đám trẻ lấy cành cây vẽ cờ Việt Nam lên cát. "Cứ tưởng tượng đây là ba sọc đỏ," có tiếng một đứa nào đó nói lớn. Một bọn khác lại đang quây

quần chơi trò đám ma. "Thây ma" là một đứa con gái đang mở miệng cười thách thức, chiếc cằm của nó hết quây phải lại quây trái. Nhóm thứ ba gồm bốn anh em và một đứa con gái nghịch như con trai, tất cả đều ở trần, đang lấy que hất kiến vào một chiếc lọ chai. Mấy anh em bọn này thì Vinh biết, vì chúng vẫn khoe với Vinh số kiến chúng bắt được. "Ngày nào tụi tao cũng ra đây, hôm nay bắt được thêm 10 con," thằng anh cả trong bọn thấy ai đi ngang cũng khoe như thế. Mới tuần trước, hắn đưa cho Vinh xem đám kiến đen đìu nằm ở đáy lẽ rồi nói. "Đoán thử xem có bao nhiêu con? 1440!"

Vinh tiếp tục đi qua mấy đám trẻ, vẫn chưa tìm ra Hồng. Khi hắn gặp một đám khác đang chơi trò "Đập tan lâu đài bằng cát của Việt Cộng," hắn lên tiếng xin được chơi cùng.

"Giọng ma phải không?" một đứa con gái có chiếc cằm nhọn trong đám cất tiếng hỏi.

Một thằng con trai bụng lỗ chỗ nhiều vết chàm nhớ lại lời cha mẹ nó đồn đại, cất tiếng trả lời:

"Tao nghe nói là con ma này và gia đình nó được ưu tiên, sẽ được đi Mỹ sớm vì cha nó trước đây làm lớn lắm."

"Hừ," đứa con gái tròn xoe đôi mắt. Nó cũng lặp lại những gì nghe lóm được nơi người lớn, phụ họa: "Đời tôi sao khổ thế này. Khổ triền miên!"

Giả vờ như không nghe bọn kia, Vinh đi đến một nơi vắng vẻ, đôi chân mày nhíu lại. Hắn ngồi thịch xuống mặt cát, lấy tay vốc một nắm rồi thả cho cát rơi đầy lên bụng. Sau đó hắn nằm xuống, mắt nhắm lại, tưởng tượng hắn là một chiếc máy bay đang bay giữa các từng mây. Rồi hắn nghe có tiếng nói vang lên từ bên phía phải.

"Kê sát vào tai," một thằng bé nào nói.

"Để làm gì?"

"Cứ làm đi"

Vinh mở một mắt nhìn. Hai thằng đang nằm sấp, trước mặt chúng là một cái xô chứa vỏ sò, sao biển và vỏ ốc đầy lên tận vành. Một thằng khác nhỏ hơn đang cầm một cái vỏ sò màu hồng hình xoắn ốc đưa lên mũi. "Có sạch không?" hắn hỏi. "Có mùi gì kỳ quá?"

"Đồ ngu, biết hỏi sao còn ngửi!"

"Không biết. Ba dặn không được kêu em ngu!"

"Được, được. Thế thì đưa lên tai mà nghe."

Thằng em nghe lời, hai mắt mở lớn.

"Nghe gì không?"

Một lát sau có tiếng đáp: "Nghe có tiếng gió. Nghe như ma."

"Không, đó là biển. Biển thật nhỏ bị mắc kẹt ở trong đó."

"Có biển thật à?"

"Ừ, biển tí tẹo dành cho những đứa lùn như mày. Hay có ai đái vào trong đó không chừng."

Thằng bé ném chiếc vỏ ốc ra xa, và trong lúc anh hắn đang cười thì chiếc vỏ ốc rơi xuống đúng chỗ hai đứa con gái đang ngồi đối mặt nhau bện cao su vào hai đầu một sợi dây, rồi thằng anh lại cười nữa. Sau đó hắn nói, "Tao đùa đấy. Đừng giận. Bữa nay vui quá há."

Nghe những lời cười đùa đó Vinh cảm thấy miệng mình khô rốc. Hắn dúi mấy ngón chân sâu hơn xuống cát, rồi ngọ nguậy. Khi bắt đầu hát "Việt Nam, Việt Nam," hắn hình dung chuyện gì sẽ xảy ra nếu giọng hát đó biến thành người rồi ngồi xuống bên cạnh. Hắn vẫn ngọ nguậy mấy ngón nhân, lần này nhịp nhàng theo tiếng hát. Hắn không biết lời ca, chỉ phịa ra mà thôi. Chừng hai phút sau, cảm thấy mười ngón chân đang ngọ nguậy kia trở thành mười người bạn mới vẫy tay chào, hắn hớn hở đứng dậy, đi về hướng khu nhà ăn, đến một cụm dừa thân cao trĩu trái.

Hôi nãy hắn chỉ nói gạt bọn trẻ người Phi, vì có bao giờ hắn biết trèo cây đâu. "Khi nào em được bảy tuổi, anh sẽ chỉ cho em trèo cây," Hà thường nói với hắn như thế. Giờ đây, đứng dưới chân một cây dừa thấp nhất trong đám, hắn đưa tay sờ theo lằn vỏ. Tim hắn đập càng lúc càng nhanh. Hắn đưa một chân đặt lên thân cây, mấy ngón tay víu vào thân, móng tay bấm vào vỏ, rồi vung mạnh chân kia để nhấc người lên. Nhưng hắn lại sẩy chân, cằm cạ vào lớp vỏ cứng. Hít một hơi dài, hắn cố làm lại lần nữa. Lần này, hắn lại sẩy tay rồi rớt xuống đất nghe cái thịch. Từ dưới mặt đất nhìn lên, cây dừa như càng lúc càng cao chót vót, cao đến tận trời, chọc thủng các tầng mây. Hắn đứng dậy, lấy tay phủi cát sỏi dính vào người, hắn nhận ra là ngực và bắp đùi của hắn đỏ hồng lên. Hắn mút mấy ngón tay, rồi lấy nước miếng xoa lên mấy chỗ da bị sướt, lúc đầu còn ửng hồng rồi đổi nhanh sang màu đỏ. Nhưng không cách gì cầm được máu. Hắn bắt đầu khóc, quay đầu nhìn quanh cố lánh không cho ai thấy.

Khoảng hai phút sau, hắn đi trở lại phía bãi biển, đến một nơi thật vắng vẻ, chỗ mấy con sóng bạc đầu tấp vào. Hắn vốc nước rửa mặt thật sạch, rồi lau mắt đến ráo hoảnh. Một vài giọt nước biển chạm vào mấy chỗ sướt trên ngực. Hắn co người lại khi thấy nước biển làm cho da hắn rát. Lấy lại bình tĩnh, hắn đứng đó nhìn chăm chăm ra mặt biển. Hắn không biết có phải bên kia bờ đại dương là Việt Nam hay không, dù vậy hắn vẫn nheo mắt nhìn con đường thẳng mỏng manh ngăn chia trời biển, hướng có cụm mây nằm lẻ loi, cách xa các cụm mây khác, là đà trên mặt vịnh. Bầu trời lác đác mây gợi nhớ đến màu sắc bên trong ruột một viên bi

xanh. Ký ức đó đã làm cho hắn thấy ớn lạnh. Một lát sau, hắn nhận ra như có vật gì đang chích vào mắt cá chân. Hắn cúi xuống nhìn: một con sao biển bị vướng vào đám rong bập bềnh trên mặt nước. Hắn tưởng tượng con sao biển đang vẫy chào hắn. Cúi người xuống quan sát, hắn thấy con sao biển bị đứt mất một cánh sao. Hắn bước lùi vài bước, lật ngửa con sao biển rồi từ từ lấy tay ấn nó xuống cát. Những đường gân nổi dưới bụng con sao biển làm cho lòng bàn tay nó trũng đi ở nhiều chỗ. Sau đó, hắn vào chỗ nước cạn nhặt rong biển, cố gắng nhặt càng nhiều càng tốt. Trong nửa giờ hắn chọn đâu được khoảng mười lăm cọng rong biển tốt nhất: dài, sống cứng, lá không bị rách, rồi rửa cho sạch hết bùn cát. Khi nhận ra là hắn chỉ cần chín cọng, hắn lại phải mất thêm khoảng mươi phút nữa để chọn cho được những cọng tốt nhất trong số đã chọn. Hắn quàng mấy cọng rong biển lên vai, hãnh diện như một người lính khoác vòng hoa lên người.

Đầu cúi thấp, hắn đi về phía khu đất đánh dấu bằng mấy lá cờ vàng. Ba tuần qua, mỗi lần mẹ dẫn đến đây, hắn chỉ việc đi mà không chú tâm quan sát, chân cứ bước và tưởng tượng những lá cờ vàng kia là những múi mít vàng cắt mỏng. Hắn đảo mắt tìm cho ra mộ của Hà ở đâu đó trên bãi cát. Hai phút sau vẫn chưa tìm ra, hắn hốt hoảng. Hắn cúi người thấp xuống rồi cuống cuồng đưa chân dò dẫm. Hắn nhớ lại là buổi chiều hôm hắn lên bờ, một đám người Phi lớn tuổi đứng ngay trước cổng trại, tay hoa miệng hét, đầu lắc nguầy nguậy. Họ muốn mấy người vượt biển phải thả người chết xuống biển. Người thông dịch đã nói với Vinh, với Hồng, với những ai có thân nhân đã chết trên biển như thế. Họ không muốn có thêm một thây ma nào chôn trên đất họ nữa. Không nhận thêm người lạ. Họ đang bị hạn hán, và nếu đầu năm có thêm người chết thì qua hè họ sẽ mất mùa. Lúc đó người ta đưa Sương vào trạm xá, còn Vinh chỉ biết bậm môi, chỉ có Hồng lên tiếng phân trần xin được chôn cất Hà nhưng lại bị người thông dịch bịt miệng, cuối cùng cũng nhờ ông ấy và một vị linh mục cùng với mấy viên chức trại thương tình thuyết phục dân bản xứ họ mới chịu cho chôn cất

Nhưng tấm bia mộ của Hà bây giờ ở đâu? Vinh đứng dậy đi về phía trước, nhưng chỉ thấy những ngôi mộ chôn cất đã lâu trước khi hắn đến, theo ngày ghi lên mấy tấm bia- 24 tháng Bảy 1974, 22 tháng Mười 1978 - gọi là bia mộ nhưng thật sự là những tấm vải rách bươm. Vinh lấy tay che lên mắt, sờ lên mấy cọng rêu đang nằm trên ngực, xem lại cho chắc là chưa khô, rồi lấy tay đưa lên không hoa hoa bắt chước dáng điệu của vị linh mục hôm đó. Sau đó, hắn sụp người xuống, đảo mắt một lần nữa rồi nhận ra được tấm vải thêu có tuồng chữ viết của mẹ, tim hắn đập mạnh.

Hắn đứng dậy, bước lùi vài bước rồi đi nhanh về chỗ có hai hòn đá dằn cho tấm vải khỏi bị gió cuốn. Hắn quỳ xuống, lấy tay lật hai viên đá, tìm ra tên mà hai trong ba tên đó cũng là tên của hắn. Hắn thở phào nhẹ nhõm khi tìm ra được tên muốn tìm: Ngô Trường Hà, hàng chữ thêu bằng một màu chỉ đỏ rực như máu.

Vẫn quỳ gối, Ngô Trường Vinh nhắm nghiền đôi mắt, mường tượng ra khuôn mặt của Hà mỗi khi anh nó chọc chị Hồng. "Này bà chị, Me muốn có con trai chứ đâu muốn con gái, vì con trai giỏi hơn, con trai lớn lên sẽ làm vua, hà hà hà.. ối, đừng nhéo em, em mách Me cho mà xem, đó thấy không, con gái chỉ biết nhéo, trong khi con trai có thể bắn chết người, có chiến tranh hay không cũng vậy, con trai lại còn biết đánh rấm để trả thù nữa" Hà ơi, em nghe giọng của anh, anh có nghe em không? Có thể tối nay em ra gặp hồn ma của anh trên bãi rồi mình bơi với nhau, đừng cho chị Hồng biết. Thôi được, em sẽ kéo chị theo, chỉ cần nói cho em biết là anh mặc áo màu gì để tối em dễ nhận ra. Mặc màu gì cho sáng, tối nay anh chỉ việc la lớn lên rồi giọng em sẽ tìm ra giọng anh nghe Hà. À này, ma có biết đánh rấm không?

Chiều hôm đó, trên một góc bãi biển Palawan, nơi không một đứa trẻ nào héo lánh, nơi chẳng bao giờ có tiếng cười đùa, và dưới ánh nắng vừa gay gắt vừa lạnh lẽo, không một bóng người qua lại. Chỉ có một thằng bé bảy tuổi quỳ trước một khoảng đất cát sệt quánh thành cục đến lạ thường, thằng bé có dáng của một chiếc thuyền lênh đênh lạc hướng, hai tay chắp lại trước ngực cầu nguyện, môi mấp máy những lời cầu xin anh tha thứ. *Hôm nay em không có dừa đem cúng anh*, hắn thì thầm, *nhưng em hứa, có ngày em sẽ cúng cho anh mười ngàn trái*. Sau đó, hắn lấy từng cọng rong biển quàng trên vai rồi đặt lên một khoảng đất không cỏ, ở bên phải tấm bia làm bằng vải. Hắn đặt cọng thứ hai, rồi thứ ba, mỗi lần như thế hắn vuốt ve mấy lá rong như vuốt tóc. Sau khi đặt xong cọng thứ chín và cũng là cọng cuối cùng–mỗi cọng là một tuổi của anh nó, hắn nằm ẹp người trên hai cùi tay, cắn môi dưới, mắt nheo lại. Hắn thấy những giọt nước từ cọng rong nhỏ xuống thấm dần vào cát, vào sỏi, vào lòng đất. ❐

Đón đọc tập biên khảo đồ sộ

NHỮNG BÀI DÃ SỬ VIỆT

của Tạ Chí Đại trường

nhà biên khảo sử học bạn đọc từng yêu mến trên Văn Học

Sách dày 430 trang. Thanh Văn xuất bản trong tháng 9.1996

Tạp ghi bên lề Thơ, bên lề Sài gòn.

Nguyễn Quốc Trụ

● ***Beckett: Thơ là một hình thức cầu nguyện.***

Mặc dù cố giữ kín đời sống riêng tư, cuối cùng hồi còn sống Samuel Beckett đã chọn Deirdre Bair làm người viết tiểu sử cho ông, bởi vì, theo ông, nữ tác giả này luôn "bám chặt vào thực tại". Có điều, người viết tiểu sử đã không thể tưởng tượng được, những tác phẩm của Beckett đã bám chặt vào thực tại tới cỡ nào. Vốn được coi như một trong những nhà văn hiện sinh mô tả một cõi người hoang vu, trần trụi, vô hy vọng, phi lý, tác phẩm của Beckett, qua Bair, đều là những tự thuật.

Ông sinh ngày 13 tháng Tư, năm 1906, tại Foxrock, gần Dublin. Chết năm 1989, 83 tuổi. Nobel văn chương năm 1969. Tuy được nuôi dưỡng trong một gia đình thượng lưu Anh-Ái nhĩ Lan, Beckett gần như sống suốt cuộc đời ở Paris. Ôngviết tiểu thuyết bằng tiếng Anh, tới những năm 40 chuyển qua tiếng Pháp.*"Trong khi chờ Godot"*, 1953, được viết bằng tiếng Pháp, rồi sau đó, bằng tiếng Anh. Tác phẩm lần đầu được Roger Blin trình diễn tại một sân khấu kịch nhỏ bé tại Paris. Cả Paris đổ xô tới coi. Cả Paris xôn xao. Một tác phẩm tiền phong vừa xuất hiện đã một sớm một chiều trở thành cổ điển. "Tái xác định nền tảng đạo đức và dục tính của Thiên Chúa giáo vốn đã mất đi cùng với Chúa" (Norman Mailer). Bản bi ca của niềm hy vọng bị khước từ, bị mai một nhưng không hề bị tiêu hủy. (The London Times). "Godot" mở ra cả một trường phái "Kịch Phi lý"nhưng đó là một tác phẩm đã được tác giả trải qua trong cuộc đời. Ông đã thực sự sống nó. Một tác phẩm hiện thực theo đúng nghĩa của từ này. Nó bám chặt vào thực tại, đặc biệt, thực tại của những năm Đệ nhị chiến. Và tuy được khen ngợi như vậy, ông viết nó như một xả hơi, để thoát khỏi sự chán chường và khó chịu của văn xuôi (prose), thoát khỏi tính hoang, vô luật lệ của tiểu thuyết. Beckett khi đó ở Paris và hoạt động trong lực lượng Kháng chiến. Nhưng có một kẻ phản bội làm chỉ điểm, ông cùng một bạn đồng hành, Suzanne, chạy khỏi Paris, đi bộ quãng

đường 150 dặm từ Lyon tới một làng ở Roussillon, chờ đợi cuộc chiến chấm dứt. Cuộc đi bộ dài, cuộc "cãi lộn" nhàm chán, giữa ông và người bạn đường đã đưa tới đoạn đối thoại, giống như "một vết chém sắc của cái đẹp và của nỗi đau" (The London Times), giữa Vladimir và Estragon trong"Godot". Cuộc sống đơn điệu, buồn chán, sống trong một nhà tù không có những bức tường vây quanh, chờ đợi, chờ đợi hoài một điều gì xẩy ra: Những ngày ở Roussillon đã tìm thấy lại, mãi mãi, trong "Godot". Ông viết về nó: "Tinh thần của vở kịch, ở cõi mênh mang mà vở kịch có được một tinh thần, đó là: Không có gì kịch cợm, phi lý, sỗ sàng, hơn là thảm kịch".

Đó là năm 1953, khi ông 47 tuổi, cho tới thời điểm này, chẳng có gì quá đáng khi nói, đối với ông, Sống nghĩa là Chờ. Chờ bà mẹ bạo chúa chấp nhận đứa con, như là nó đã là. Chờ đám nhà xuất bản chấp thuận những tác phẩm. Có những cuốn tiểu thuyết đã bị tới 23 nhà xuất bản từ chối. Đợi tiền nhà hoặc đám xuất bản trả. Đợi Đệ nhị chiến chấm dứt. Trên tất cả những đợi chờ đó, Beckett chờ đợi mình sinh ra. Bởi vì ông không hề tin rằng ông đã được sinh ra một cách suông sẻ. Và tất cả những "troubles" cũng từ đó.

Ông đi tới kết luận như vậy khi nghe Jung, trong một buổi thuyết trình về "giải mộng". Cuối bài thuyết trình, Jung kể về trường hợp một cô gái 10 tuổi, có những giấc mộng hoang đường, kỳ cục. Jung đã không thể nói cho người cha của cô bé hay đó là dấu báo của một cái chết yểu. Cô gái chết một năm sau đó. Jung cảm thấy cô bé đã không được sinh ra một cách hoàn toàn. Câu chuyện đã gây ấn tượng mạnh nơi Beckett. Bair viết, ý nghĩ "chưa được sinh ra"đã ở với tác giả suốt cuộc đời còn lại. Ông tin rằng ông đã nắm được chiếc chìakhoá về nhân cách, con người của ông.

Trước hết, Beckett làm thơ, ông coi đó là một hình thức cầu nguyện. Sau tới truyện, tiểu thuyết bằng tiếng Anh, một trình tự được ông miêu tả: "Đào bới lên, bùn cát, nhầy nhụa của đời mình", và "thổ, ói nó ra, lập đi, lập lại, hoài hoài". Bộ tiểu thuyết ba cuốn, "Molloy, Malone meurt, L'Innomable" (Molly,Malone chết, Điều không thể gọi) được viết bằng tiếng Pháp. Độc thoại cho tới khô, kiệt, ráo. Tác phẩm này đưa tác giả tới tình trạng giống như mặc khải về cõi sống, cõi viết, về chính ông. Ông viết cho một người bạn: "Tôi bị sa sút trầm trọng. Nhưng điều an ủi tôi, đó là, tôi nhận ra rằng, bây giờ tôi có thể chấp nhận phía tối này như là phía điều khiển nhân cách, con người tôi. Trong khi chấp nhận nó, tôi làm cho nó làm việc cho tôi".

Năm 1965, bốn năm trước khi Beckett được Nobel văn chương, người viết có dịp giới thiệu Beckett trên tuần báo *Nghệ Thuật*. Cái không khí

chờ đợi một điều gì xảy ra, chờ đợi cuộc chiến chấm dứt, chờ đợi những chuyến đi xa tới những vùng đất lạc loài, tới những người xa lạ, rồi chết dấm, chết dúi ở nước người...tâm sự lưu vong khi đó bàng bạc trong một số tác phẩm của các nhà văn nhà thơ miền Nam. Trong "Godot" có những câu tưởng như tiên đoán số phận của cả một miền đất:

Pozzo: Old dogs have more dignity.
Comfort him, since you pity him.
(*Waiting for Godot*, p.22, Grove Press, 1983)

(1) Tạm dịch:
Tôi muốn tình tôi chết
và mưa rơi trên nghĩa địa
và trên những lối tôi đi
khóc người tưởng yêu tôi

● ***"Người đưa thư" và Publo Neruda***

The Postman (Il Postino), một phim êm ả, xa cách hẳn giòng phim thời thượng, và thuộc loại khiến người xem phải trở lại, như trở lại một bãi biển nho nhỏ mà họ không tin rằng sẽ có nhiều du khách đổ xô tới. Phim được 5 Oscar nominations, toàn thứ dữ: Hình ảnh nhất. Tài tử nhất. (Tài tử Troisi đóng vai Mario, Người đưa thư, chết vào lúc 41 tuổi, ngay sau khi phim vừa hoàn tất). Đạo diễn nhất. Truyện phim- phỏng theo truyện, nhất. Điểm cao nhất... chưa kể tới hai cái nhất khác, chẳng dính dáng chi tới Oscar, đó là thi sĩ Pablo Neruda, về những vần thơ hay nhất của ông được đưa vào trong phim. Và cái nhất kia, đó là Thi ca, chính Thi ca. Thi ca được vinh danh ở đây, vì đã mang những tia nắng và niềm mê hoặc, quyến rũ tới cuộc sống của những con người đơn giản. Vì đã nhắc nhở chúng ta, mặc dù vẻ bề ngoài, mặc dù cái thường nhật thảm hại (le quotidien malheureux, M.Blanchot) chất thơ mộng (the romance) vẫn đâu đó ở quanh đây.

Phim dựa theo cuốn truyện, "The Burning Patience" (được tái bản với tên mới,*The Postman*), tác giả Antonio Skarmeta, xuất bản lần đầu năm 1985. Tên truyện là từ một câu thơ trích dẫn Neruda, và Neruda trích dẫn Rimbaud: *A l'aurore, armés d'une ardente patience, nous entrerons aux splendides villes.* (Tạm dịch:Hừng đông, trang bị bằng một sự kiên nhẫn nóng bỏng, chúng ta sẽ đi vào những đô thị huy hoàng).

Câu chuyện về một tình bạn giữa một nhà thơ lớn với một người đưa thư địa phương, một bãi biển ở Chile, và bóng dáng về một giấc mơ có

thực ở trái tim mọi người và cũng là trái tim câu chuyện. Allende được bầu làm tổng thống, Neruda được giải thưởng Nobel văn chương. Allende chết theo chế độ dân chủ của ông, Neruda chết sau đó ít lâu tại một nhà thương ở Santiago, còn Mario, người đưa thư thì bị bắt, bị tra hỏi về những liên hệ với nhà thơ Cộng sản, và qua những hình ảnh trong phim, khán giả không tin rằng anh sẽ được sống sót trở về. Những hình ảnh đẹp nhất của cuốn truyện cũng như của phim *The Postman* là cuộc tình- qua thi ca hoặc nhờ thi ca- giữa Mario và một người đẹp địa phương.

"Nó nói gì với mày?". Người mẹ (trong phim là người cô) hỏi cô con gái. Cô mơ màng trả lời: "Những ẩn dụ". Người mẹ ngớ người. Đó là một từ "khó khăn" nhất bà nghe cô sử dụng. ẩn dụ được lấy ra từ thơ Neruda, cô gái không biết điều này, và khán giả chỉ mãi sau mới được biết. Cô gái hỏi: "Từ ngữ tác hại ra sao?". "Đó là cái tệ hại nhất trên đời". Trong truyện, bà mẹ gọi đó là ma túy. Khi Neruda đọc một bài thơ cho Mario nghe, anh bảo kỳ cục, ông bảo anh là một người phê bình nghiêm khắc, nhưng anh nói, không phải bài thơ kỳ cục mà anh cảm thấy kỳ cục khi nghe nó. Kỳ cục, đối với anh, lại là thơ mộng với cô gái, và là chết người với bà mẹ. Thi ca là tất cả những thứ đó.

Phim làm tại Italy, (một thứ Italy của những năm 50), nói tiếng Ý, phụ đề tiếng Anh, như thể những vần thơ Mario yêu thích và vay mượn được viết bằng tiếng Ý. Như thể thi ca, tình yêu là một ngôn ngữ thế giới. Từ đó, Neruda cũng không phải một thi sĩ Chile hay thi sĩ của bất cứ một quốc gia nào khác. Ông là Thi sĩ Nổi tiếng, là Thi ca, chính là Thi ca. Tất cả chỉ đòi một điều: Ông xuất hiện, một lúc nào đó, rồi bỏ đi...

(Theo The Postman Always Rings Twice. Michael Wood, The NewYork Review of Books, March,21,96)

● ***Sài gòn, Lần đầu (1)***

Lần rời bỏ Sài gòn, nhìn ngoái lại, tôi có cảm tưởng, mọi nhà, mọi người đang tiễn tôi bằng một câu hát mà em tôi vẫn thường nghêu ngao một mình trước khi bỏ đi: *Đồn anh đóng bên rừng mai... Nếu mai không nở thì anh đâu biết Xuân về haychưa...*Tôi không thể ngờ câu hát là một dấu báo của một tai ương không phải chỉ cho một mà biết bao con người. Tôi không biết trên trái đất này có nơi nào hoa mai nở mỗi khi Xuân về. Và tuy hoa mai vẫn nở trên quê hương nhưng mùa Xuân vẫn tàn trên những nấm mồ mà chúng ta đành phải bỏ lại. Đó là lần cuối nhìn Sài gòn.

Lần đầu, chú bé di cư vừa mới mất Hà nội, ngu ngơ, rụt rè làm quen phố xá, con người, hàng quán Sài gòn theo tấm bản đồ cầm trên tay. Khi

đó lực lượng Bình Xuyên còn đang làm chủ thành phố. Tin theo bản đồ, chú bé tìm cách băng qua một con phố, không ngờ nơi đó là một đồn binh. Người lính gác bắt thằng nhỏ đứng suốt buổi, lâu lâu, buồn buồn, anh lại lên cò súng lách cách, kèm theo lời hăm: tao bắn bỏ mày...

Lần khác, đang lang thang trên con phố Bonard, chú nhìn thấy một người đàn ông đánh đập dã man một người đàn bà. Không quên bài học, bởi vì hôm sau là ngày thi Trung học Đệ nhất cấp, chú chạy vào bót Hàng Ken, níu áo một ông Cảnh sát. Bị ăn bạt tai, bị sỉ vả, cậu ngây thơ thò ra bài học Công dân giáo dục. Ông Cảnh sát xách tai thằng nhỏ đi cư ngỗ nghịch, kéo tới nhà giam Quận Nhất, phía sau rạp Đại Nam. Khóc lóc, năn nỉ tới gần nửa đêm, người cai ngục mới thương tình thả ra, cho kịp ngày mai thằng nhỏ đi thi. Rồi Tình yêu, Sách vở, Mơ mộng, Chiến tranh và Nỗi Chết không rời: Những ngày Mậu Thân, chú bé ngày xưa lúc này đã có gia đình, và là nhân viên trực ca đêm tại một đài Vô tuyến điện. Vào những lúc máy móc ngủ yên, anh giao Đài cho người phụ ca, lang thang theo chiếc xe tới mãi miệt Chợ Lớn. Khu phố lúc đó hình như mất điện, lại quá giờ giới nghiêm. Anh bị một người lính bất thần chặn lại. Và anh nhận ra một điều: Làm gì có cái chết mà chỉ có tôi đang chết...(1)

Lần đầu, đứa bé mồ côi được thành phố miễn cưỡng chấp nhận. Lần cuối, một đứa con mà người mẹ đứt ruột đuổi đi vì không muốn nó chết theo cùng với mình.

(1) Il n'y a pas de mort. Il y a seulement moi qui vais mourir.
A. Malraux, LaVoie Royale.

● ***Sài gòn, Lần đầu (2).***

Tôi quen Dương Văn Ba, Huỳnh Phan Anh và đám bạn người Nam qua một người bạn. Anh bạn này cùng học Văn khoa, Sài gòn với Huỳnh Phan Anh . Còn tôi, tuy có ghi danh nhưng ít khi tới giảng đường vì khi đó làm công chức sáng vác ô đi tối vác về. Và để kỷ niệm buổi sơ ngộ, chúng tôi rủ nhau lên xóm. Trong lúc cả đám bạn người Nam lần lượt đi vào những căn phòng phía bên trong bỏ mặc thằng bạn Bắc kỳ di cư mới quen ngồi xớ rớ phía ngoài, bà chủ hỏi tôi :"Cậu đi không?". Tôi ngớ người, lắc đầu, chỉ vì không hiểu "đi" nghĩa là gì. Sau thì quá quen. Nhiều khi ngủ luôn tại xóm, sáng hôm sau tạt qua nhà, đánh răng, rửa mặt rồi vội vã đi làm. Buổi chiều, thường tới xóm, trước khi về nhà. Mấy đứa trẻ vừa nhác thấy bóng, đã vội vã tranh nhau ra dắt xe. "Ba về! Ba về!". Những bữa rảnh rỗi, hoặc đùa rỡn với tụi nhỏ, hoặc ngồi nhâm nhi

ly trà tới khi cảm thấy đói bụng là biết đến giờ ra về. Thú nhất vẫn là đêm giao thừa. Mấy chị em lúc này mới thấy nhớ nhà, mới thấy lo cho "một phương" tương lai. Những lời chúc của họ thật cảm động, rất thật, so với cuộc sống giả suốt năm. Henri Miller tin tưởng, chốn âm u ẩm ướt đó là nơi Thượng đế ẩn núp (để trốn tránh loài người?) hoặc lai vãng (những khi cảm thấy quá cô đơn?). Đó cũng là cái cửa mở ra mọi siêu hình học, tôn giáo và thi ca.

Thạch Lam có một truyện ngắn về Đêm 30 Tết của mấy cô, nhưng cái nhìn xót thương của nhóm Tự Lực Văn đoàn tới số phận không phải của riêng mấy cô mà luôn cả dân tộc đã làm hỏng tất cả cái không khí huyền hoặc của nơi chốn thiêng liêng, của những giờ phút thiêng liêng đó. Sự thất bại của dòng văn chương Tự Lực Văn đoàn phải chăng đã mở ra một vùng đất không người (no man's land) đưa đến sự độc tôn của dòng văn chương hiện thực-lãng mạn-cách mạng ở một số nhà văn tiền chiến? Hầu như hầu hết các nhà lãnh đạo miền Bắc khi được báo chí, phóng viên hỏi lý do tạisao đi "làm cách mạng" đều trích dẫn Victor Hugo. J. Genet có một cái kịch bất hủ *Le Balcon*, nói về chốn hành hương mà bao nhiêu nhân vật tai to mặt lớn, những nhà giảng đạo, những lương tâm của thời đại, phải tới, để được nghe chửi bới, đánh đập. Đây lại là lý do tại sao dòngvăn chương-lãng mạn-cách mạng thất bại đưa đến sự xuất hiện của một số nhà văn như Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài...Dòng văn chương có tên là hiện thực xã hội chủ nghĩa, bởi nó "sạch" quá, nên không thực.

• ***Sài gòn, Lần đầu (3).***

Cũng qua đám bạn bè Miền Nam, chúng tôi mơ tưởng chuyện làm báo, nhà xuất bản. Nhưng tốt nhất, vẫn là làm công cho một ông chủ văn nghệ. Huỳnh Phan Anh kiếm được TrịnhVân Thanh, lúc đó là chủ nhân một tờ nhật báo. Ông giao cho chúng tôi phụ trách trang văn nghệ. Thời gian này, Huỳnh Phan Anh đang học Dự bị Văn khoa, Dương văn Ba đang học thi Tú tài hai, còn tôi học Toán Đại cương rồi sau đó thi vào trường Quốc gia Bưu điện. Nghĩa là chẳng ai làm ra tiền. Bởi vậy lần đầu tiên lãnh nhuận bút, thật trọng đại. Cần phải có một cái lễ lạc ra trò. Lễ lạc, hành hương ở đâu, ở trên đã nói. Trên trang văn nghệ, Dương văn Ba dịch Sagan. Huỳnh Phan Anh viết tiểu luận, tôi, truyện ngắn. Quá xa xưa rồi cái cảnh lang thang trên đường phố Sài gòn sau khi vừa từ biệt em, ngẩn ngơ hỏi thiên nhiên, hỏi mặt đường, hỏi người qua lại, tại sao trời mưa, tại sao hôm nay trời mưa...Đó là truyện ngắn có mùi mực in. Số phận truyện ngắn đầu tiên thực sự long đong hơn nhiều...❐

Ghi Chép

Nguyễn Huy Thạch

● Carlos Fuentes nghĩ về Tương lai văn học Nam Mỹ

Trên tuần báo Newsweek số tháng 5.1996, văn hào Mexico có viết một bài nhận định sâu sắc về văn học Mỹ châu La tinh, thế hệ sau thời hưng thịnh. Người ghi chép xin ghi lại các suy nghĩ của Fuentes, theo bản dịch của Vũ Đình Thành:

Còn nhớ cách đây đúng 31 năm (1965), nhà văn Márquez đột nhiên tuyên bố tạm biệt bạn bè một thời gian. Kế đó, ông dặn vợ rằng từ nay có ai đến hỏi thì bảo đi vắng, và không trả lời bất kỳ cú điện thoại nào gọi đến. Suốt một thời gian khá dài, cửa phòng ông đóng im ỉm cả ngày. Chả là khi ấy nhà văn của chúng ta đang bắt tay vào viết kiệt tác *Trăm năm cô đơn*! Márquez viết một cách đầy say sưa, viết như thể chưa bao giờ được viết vậy. Thế rồi, một năm sau, tôi được ông gửi cho 100 trang bản thảo đầu tiên *của Trăm năm cô đơn*. Sau khi ngốn ngấu hết phần đầu của cuốn truyện tuyệt vời đó, tôi vội vàng viết thư cho một đồng nghiệp của mình là nhà văn Argentina Julio Cortázar. Trong bức thư ấy, tôi hãnh diện thông báo: "Anh biết không, tôi vừa mới được đọc một kiệt tác. Cuốn sách của ông bạn Gabo (tức Márquez) của chúng ta thật tuyệt vời." Quả nhiên, sau này *Trăm năm cô đơn* được dư luận đánh giá rất cao. Đến nỗi, ở Tây Ban Nha, người ta còn cho rằng nó chỉ chịu đứng sau Don Quixote bất hủ mà thôi.

Márquez cùng với Borges, Carpentier, Asturias... được liệt vào thế hệ những nhà văn đã có công làm nên văn học hiện thực huyền ảo của Mỹ La tinh. Có lẽ chưa bao giờ văn học ở châu lục này lại hưng thịnh như mấy chục năm vừa qua. Những nhà văn Mỹ La tinh đã nắm bắt được nhiều vấn đề lớn lao của lịch sử, của thời đại mình, để rồi bằng tài năng và tâm huyết, đã cho ra đời hàng loạt tác phẩm văn chương xuất sắc. Những tác phẩm ấy tựa như các "món đặc sản" đầy lạ lẫm, mà quyến rũ, đã mê hoặc độc giả khắp năm châu...

Vào quãng những năm 60, thế hệ chúng tôi còn rất sung sức. Chúng tôi bấy giờ phần lớn mới độ ngoài 30, hay 40 tuổi. Có lẽ tuổi trẻ

khiến chúng tôi dễ dàng trở nên thân thiện với nhau, và có một điều rất dễ nhận ra: chúng tôi đều là những con người can đảm và đầy tham vọng. Thế rồi những biến động về chính trị trong khu vực đã phần nào tách biệt chúng tôi. Bên cạnh đó, thời gian qua đi, lớp bạn bè đồng nghiệp thuở ấy ngày càng thưa vắng dần. Năm 1981 Corttázar qua đời. Năm 1982, Márquez được trao tặng giải Nobel. Nhưng ông đã gặp phải trở ngại ở trong nước, và buộc phải sống lưu vong ở Mexico. (Chính xác ra là vào năm 1981, ông bị chính phủ Colombia vu cáo là có liên hệ bí mật với phong trào du kích ở miền núi nước này. Sau đó, ông phải lưu vong sang Mexico. Tuy vậy, tính mạng của ông vẫn không ngừng bị đe dọa)...

Nay thế hệ cũ phần nhiều đã khuất núi, hoặc bước sang tuổi xế chiều. Người ta lại phải trông đợi vào một thế hệ các nhà văn trẻ. Họ có nhiều thuận lợi hơn lớp chúng tôi. Họ được kế thừa một truyền thống văn học tuy chỉ có mấy mươi năm ra đời và phát triển nhưng thành tựu thì không phải là nhỏ. Vả lại, họ dựa vào hệ thống phát hành do chúng tôi đã tạo nên: Trung tâm phát hành ở Buenos Aires - nơi các tác phẩm được gửi đi với số lượng nhỏ và giá rẻ tới các nước khác trong khu vực... Điều kiện thuận lợi như vậy, nhưng liệu thế hệ mới có làm được những gì như chúng tôi đã từng làm? Về câu hỏi này, chúng ta chỉ còn mỗi cách là chờ đợi. Cũng có thể họ chịu thua các ông già, nhưng biết đâu đó họ lại làm nên nhiều kỳ tích, còn hơn cả chúng tôi nữa. Duy có điều mà tôi dễ nhận thấy là các bạn trẻ của chúng ta bây giờ sẽ nhanh chóng xa rời các vấn đề lớn của thời đại, bởi họ ưa tập trung vào những vấn đề cá nhân. Tôi tự hỏi liệu cứ tần mẩn mãi trong những chuyện riêng tư, vụn vặt như vậy, thì các tác phẩm của họ có tạo ra được sự bề thế không?

Các nhà văn trẻ bây giờ không còn phải chống lại thứ ngôn ngữ kinh viện, không còn phải lệ thuộc một cách cứng nhắc vào thể loại cũng như không phải băn khoăn khi phải lựa chọn giữa chủ nghĩa dân tộc và chủ nghĩa thế giới nữa. Tất cả những việc đó, thế hệ chúng tôi đã dọn đường cho họ. Nhưng chúng ta hãy thử quan sát xem các bạn trẻ đang làm gì?

Ở Chile đã xuất hiện nhiều nhà tiểu thuyết trẻ, và các tác phẩm của họ cũng đã phần nào phản ánh được hiện thực cuộc sống của đất nước này. Đó là cuộc sống buồn chán, tiêu diêu ở chốn tỉnh lẻ ven những quốc lộ trong các tiểu thuyết của Gonzalo Contreras. Hoặc đấy là những cuốn tiểu thuyết mang tính châm biếm sâu cay của Fontaine đối với cuộc sống ngột ngạt, nghèo nàn dưới chế độ độc tài Pinochet.

Cũng giống như nhà văn Chile Fontaine, hai tác giả người Argentina là Martíneez Caparós và Tomás

Eloy Martínez đã đào xới lại lịch sử như một số nhà văn lớp chúng tôi từng làm, duy có điều họ bộc lộ quan điểm khác nhiều. Chẳng hạn, trong cuốn tiểu thuyết của Martínez viết về người phụ nữ huyền thoại của Argentina là Eva Perón, lịch sử được nhìn nhận như một cơn ác mộng, nó vừa có vẻ đau khổ, lại vừa mang vẻ khôi hài...

Còn ở Mexico, hai gương mặt đang sáng giá là Héctor Aguilar Camín và Angeles Mastrestta cũng đã bước đầu chinh phục được người đọc qua một số tiểu thuyết của mình. Họ quả là đôi bạn đời, bạn văn tâm đầu ý hợp. Trong các tiểu thuyết của mình, Héctor muốn đi sâu vào phản ánh hiện thực đương thời ở Mexico, và văn của ông gai góc, rất... đàn ông. Trong khi ấy, bà vợ Angeles lại thu hút độc giả bởi sự uyển chuyển, mềm mại, đầy nữ tính qua những trang văn, và dường như cả hai muốn bù đắp cho nhau, để tạo nên một "bản hòa tấu".

Mỗi sáng thức dậy, chúng ta ý thức được rằng mình đang sống ở châu Mỹ La tinh - nơi mà hàng ngày có biết bao người phải lang thang tìm công ăn việc làm, và biết bao nhiêu người khác lao động cật lực nhưng vẫn không đủ ăn... Đó là một "hiện thực" đáng buồn. Và bên cạnh đấy chúng ta còn có một băn khoăn nữa: Văn học Mỹ La tinh sẽ ra sao? Điều ấy hẳn không ai có thể đoán biết được. Song có điều đáng mừng và chúng ta có thể vững tin: Thế hệ mới sẽ tiếp tục đi theo dòng văn học "hiện thực huyền ảo". Các bạn có thể dễ dàng nhận thấy rằng hiện trong các tác phẩm của chúng tôi, giữa thực và tưởng tượng là một đường biên quá mỏng manh...

● Tạp chí Văn tục bản

Trong vòng nửa năm nay, do sức khoẻ sa sút trầm trọng, nhà văn Mai Thảo đành phải ngưng phát hành tạp chí Văn, để lại một khoảng trống lớn lao trong sinh hoạt văn chương tại hải ngoại. Số cuối cùng là Văn Giai phẩm Xuân Bính Tý số 158 & 159 ra tháng 1 & 2.1996. Bạn đọc và bạn văn khắp nơi lo lắng cho sức khoẻ của Mai Thảo lẫn sinh mệnh của tờ Văn, và đã có lúc Mai Thảo muốn Văn đình bản vĩnh viễn.

Nhưng tin mừng là Văn đã tục bản, với chủ bút mới là nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng, người từng cùng với Mai Thảo điều hành tờ Văn ở Sài gòn trước 1975, và như bạn đọc Văn Học đã biết, cũng là biên tập viên chính của tờ Văn Học.

Trên số Văn tục bản ra tháng 9.1996, nhà văn Mai Thảo có viết một lá thư ngắn gửi bạn đọc. Lá thư như sau:

Thân gửi bạn đọc,

Vì tình hình sức khỏe không được tốt đẹp, tôi đã phải ngưng phát hành tờ Văn từ năm, sáu tháng nay. Từ tháng Chín này, tạp chí sẽ phát hành trở lại, với nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng trong vai trò chủ bút.

Tạp chí Văn vẫn giữ vững thể tài từ đầu của nó là một tạp chí thuần túy văn chương. Và với chủ bút Nguyễn Xuân Hoàng, đã cùng tôi trông coi tờ Văn từ ở bên nhà, chắc chắn Văn sẽ lại đến với bạn đọc tốt đẹp và đều đặn vào mỗi đầu tháng.

Tôi mong quí vị đại lý, thân chủ, thân hữu hợp tác và bạn đọc thân mến vẫn dành cho tờ Văn một tiếp tay thân thiết và quý báu như tạp chí đã nhận được như vậy từ 14 năm nay. *Mai Thảo*

Văn Học thân chúc tạp chí Văn vượt qua mọi khó khăn biên tập, tài chánh và quản trị tất nhiên sẽ có sau thời gian dài ngưng phát hành, ước mong nhà văn Mai Thảo chóng hồi phục sức khỏe và chia vui với nhà văn Nguyễn Xuân Hoàng.

● Mùa ra mắt sách.

Mùa Hè là mùa của sách. Năm nay sách mới xuất bản trong mùa Hè còn nhiều hơn năm ngoái, nên cuối tuần nào cũng có vài buổi ra mắt sách hoặc sinh hoạt văn học nghệ thuật.

Theo bán nguyệt san Ngày Nay, trong suốt tháng Bảy sinh hoạt văn hóa ở Houston đột nhiên sôi động hẳn lên. Trước hết là Đêm thơ nhạc với chủ đề "Quê hương và Tôi" của Hội Văn hóa Khoa học Việt Nam tổ chức đêm 19.7 với sự có mặt của nhà văn Trần Diệu Hằng từ California sang.

Sau đó, trưa hôm 21.7, nhóm thân hữu của Nguyễn Bá Trạc tổ chức cho ông ra mắt ba tác phẩm: *Ngọn Cỏ Bồng Toàn Tập, Chuyện Của Một Người Di Cư Nhức Đầu Vừa Phải*, và *Nước Mắt Trước Cơn Mưa* (dịch). Cũng trong dịp này, Houston còn tiếp đón hai nhà văn từ phương xa tới, là nhà thơ Trương Anh Thụy từ Washington D.C., và nhà văn Xuân Vũ từ San Antonio.

Điều đáng chú ý là đêm thơ nhạc và buổi ra mắt sách của Nguyễn Bá Trạc ở Houston đều thành công lớn, lôi cuốn được nhiều bạn trẻ, do ban tổ chức đã chú ý tới tầng lớp này, và chuẩn bị cho các buổi sinh hoạt theo cung cách trẻ, chu đáo và có hiệu năng. Sau khi thành công ở Houston, Nguyễn Bá Trạc đã cùng với Phan Nhật Nam, Cao Đông Khánh, Ngu Yên sang ra mắt sách ở New Orleans tiểu bang Louisiana và Atlanta tiểu bang Georgia.

Tại Little Saigon, Quận Orange tiểu bang California, nơi vẫn được xem là thủ đô của người Việt tị nạn hải ngoại, các buổi ra mắt sách còn nhiều hơn nữa.

Người ghi chép không thể liệt kê hay tường thuật hết những buổi ra mắt sách này, chỉ xin đơn cử một số buổi có liên quan đến sách văn chương, như: Chiều Thơ Nhạc Thân Hữu do tuần báo Saigon Times của vợ chồng Thái Tú Hạp-Ái Cầm tổ chức tại Chùa Diệu Pháp giới thiệu tập thơ *Mây Bay* của Tạ Tỵ, hai tập

truyện ngắn *Dưa Cà Mắm Muối* và *Về* của Hà Thúc Sinh, tập thơ *Trăng Ngủ Trong Mây* của Thanh Trí Cao, *Khơi Mạch Nguồn Thơ Của Thi Sĩ Seamus Heaney* của Phạm Công Thiện, tập truyện *Em Phải Sống* của Duy Lam, tập truyện *Hoa Vạn Hạt, Cuối Mùa* của Hồ Minh Dũng; buổi ra mắt tập truyện ngắn đầu tay *Sóng Trôi* của Ngự Thuyết hôm 20.7.1996; buổi ra mắt tập thơ *Câu Thơ Về Người* của Phan Ni Tấn và *Thức, Buồn Chi* của Nguyễn Nam An hôm 10.81966; buổi ra mắt truyện dài *Hồn Say Phấn Lạ* của Duyên Anh hôm 11.8.1996, buổi ra mắt tiểu luận *Nguyễn Du, Đại Thi Hào Dân Tộc* của Phạm Công Thiện hôm 31.8.1996.

Xin bạn đọc lưu ý: nhà thơ Phan Ni Tấn hiện ở Canada, nhà văn Duyên Anh ở Pháp, nhà thơ Phạm Công Thiện ở Úc. Những khách văn phương xa trên đây có tác phẩm mới vẫn thích về thủ đô tị nạn tổ chức trình làng, rồi từ đây phát hành tác phẩm đi khắp thế giới. Hiện tượng đó cũng xảy ra cho ngành nhạc. Little Saigon rõ ràng đã trở thành thủ đô văn hóa của cộng đồng Việt hải ngoại.

● Mùa của những anh sui chị sui.

Mùa ra mắt sách song song với mùa làm sui trong văn giới hải ngoại. Những "chàng" những "nàng" của thời hoa niên xa xưa bây giờ đã trở thành những anh sui chị sui ngồi nghiêm nghị hai tay đặt trên đầu gối ban *Gia huấn ca* cho cô dâu chú rể. Hình như một vài chị sui chưa quen vai trò long trọng bất ngờ này, thay vì nhai trầu bỏm bẻm lại đi nhai chewing-gum.

Mùa Hè vừa qua giới nhà văn bận rộn đưa con cái lên xe hoa hơi nhiều. Mở màn là nhà biên khảo Đoàn Khoách ở San Diego, đưa con trai vào vòng trách nhiệm. Tiếp theo là nhà văn Ngự Thuyết, ngày làm lễ thành hôn cho trưởng nam Tôn Thất Đài cũng là ngày Ngự Thuyết thấy đứa con tinh thần đầu đời,:tập truyện *Sóng Trôi*. Sau đó, vợ chồng anh Nguyễn Mộng Giác đưa con gái Nguyễn Thụy Dao Tiên về nhà chồng. Tới lượt anh chị Trương Vũ đưa con gái út Trương Lê Bảo Trâm lên xe hoa ở Miền Đông, anh chị Trần Dạ Từ-Nhã Ca đưa con gái về nhà chồng ở Miền Tây, anh chị Thế Uyên đưa con trai Nguyễn Cát Du về Huế lấy vợ, anh chị Lê Tất Luyện-Thụy Khuê đưa con gái Thục Diễm về làm dâu giòng họ Xavier ở Pháp.

Còn nhớ cách đây khá lâu, nhà văn Nhật Tiến bảo thật là ngỡ ngàng khi lần đầu tiên nghe giọng trẻ bi bô gọi mình là ông ngoại. "Nhà văn ông ngoại", ờ, nghe cũng hay hay đấy chứ! Văn Học xin chào mừng thế hệ những nhà văn "anh chị sui", và cầu chúc các cụ ông cụ bà ngoài thì giờ ru cháu còn có thì giờ tiếp tục viết văn làm thơ, cho những "chàng" những "nàng" của ngày cũ.

● Đàn áp trí thức ở VN

Hôm 22 tháng 8 năm 1996, chính quyền cộng sản Việt Nam đã tuyên án tù ba trí thức bất đồng chính kiến của Nhà nước: Lê Hồng Hà lãnh án 2 năm tù, Nguyễn Xuân Tụ tức Hà Sĩ Phu một năm tù và Nguyễn Kiến Giang 15 tháng tù treo.

Lê Hồng Hà bị qui tội cố ý làm lộ bí mật quốc gia, chủ yếu là bài tham luận của Võ văn Kiệt trong thời gian chuẩn bị đại hội Đảng kỳ 8. Ông Hà nguyên là đảng viên cao cấp có chân trong cơ quan đầy quyền lực là Ban Bảo vệ Đảng. Ông đã bị khai trừ ra khỏi Đảng vào tháng 6 năm ngoái. Chính ông là người đã viết thư cho nhiều lãnh tụ Đảng đòi xét lại vụ án "xét lại chống Đảng" của những năm 1960 do Lê Đức Thọ và Lê Duẩn khởi xướng.

Hà Sĩ Phu là một nhà sinh vật học bị cho về hưu non vì những bài viết phân tích sâu sắc về những sai lầm của chủ nghĩa cộng sản. Những bài phát biểu của ông tuy không hề được phổ biến trên sách báo trong nước nhưng đã làm chấn động lương tâm của giới trí thức và đảng viên, khiến Nhà nước phải vận dụng các phương tiện truyền thông chính thức để đối phó với những bản xerox chuyền tay mang tư tưởng của ông. Mới đây, một nhà xuất bản ở hải ngoại có cho in một tuyển tập những bài viết của Hà Sĩ Phu, cuốn sách quí này chứng tỏ bản lãnh và sự can đảm của một trí thức chân chính xứng danh với bút hiệu Hà Sĩ Phu. Ông bị bắt tại Hà nội sau khi trả lời phỏng vấn của đài phát thanh VNCR của người Việt hải ngoại tại California.

Nguyễn Kiến Giang là một trong những nhân vật đầu não trong nhóm bị qui tội "xét lại chống Đảng" thập niên 1960, từng ngồi tù và bị quản thúc tại gia suốt từ thời đó đến 1976. Gần đây, ông có viết và phổ biến ra nước ngoài nhiều bài nhận định sâu sắc đòi hỏi tự do dân chủ.

● Sách của Tạ Tỵ được tái bản rồi bị thu hồi.

Cuốn "Mười khuôn mặt văn nghệ hôm nay" của nhà văn Tạ Tỵ do nhà xuất bản Lá Bối ấn hành lần đầu ở Sài gòn năm 1972 vừa được Nhà Xuất bản Hội Nhà văn tái bản tháng 7.1996 vừa qua, với một số chương đoạn bất lợi cho chế độ cộng sản bị cắt bỏ (như chương Tạ Tỵ viết về nhạc sĩ Phạm Duy bị bỏ hẳn ra khỏi sách tái bản). Sách chỉ in 500 bản, và nhà xuất bản cẩn thận rào đón từ đầu đây là loại sách tư liệu, chỉ phổ biến hạn chế. Cẩn thận hơn, bìa sách không ghi tên tác giả Tạ Tỵ, bên trong khi buộc phải ghi tên thì chọn co chữ nhỏ tí cho người đọc khỏi thấy.

Bao nhiêu công lao cẩn thận ấy không qua mắt được những anh

thổi tu huýt cần mẫn của báo Tuổi Trẻ. Sách vừa ra, ký giả Đèn Pha của báo Tuổi Trẻ viết ngay một bài tố cáo Tạ Tỵ là "một họa sĩ và là sĩ quan chiến tranh chính trị khá nổi tiếng của chế độ cũ, hiện đang sống ở Mỹ".

Nói có sách, mách bu có chứng, Đèn Pha dẫn chứng lời Tạ Tỵ viết về Trịnh Công Sơn mà nhà xuất bản cắt bị sót: *"Trịnh Công Sơn đã chứng kiến cuộc tổng công kích của Việt cộng hồi Tết Mậu thân vào kinh đô Huế. Sơn đã nhìn thấy tận mắt cảnh chém giết hung tàn...Nhưng 25 năm đã trôi qua rồi đấy và cảnh xương trắng chất thành non đâu phải lỗi ở người Miền Nam, lỗi ở một chế độ khát máu, mà thực ra, do sự giằng co giữa hai thế lực vĩ đại quốc tế"*

Đèn Pha kết luận: *"Qua việc tái bản này, Nhà Xuất bản đã công khai phổ biến lại quan điểm văn nghệ của Tạ Tỵ, cũng là hệ thống tư tưởng của chế độ cũ (qua các bài viết về Nguyễn Tuân, Văn Cao, Vũ Hoàng Chương, Nguyên Sa...) hoàn toàn xa lạ và trái ngược với quan điểm chính thống hiện nay.*

Vì có bài báo này, nhà xuất bản vội vàng tự động thu hồi tất cả những cuốn đã lỡ phát hành, ai ở Sài gòn tìm mua cũng không có.

Chính thống! Trời hỡi trời! Thế nào là chính thống, và chính thống được tới bao giờ, hở ông bạn Đèn Pha!

Đọc và cổ động tạp chí Văn Học

Xin bạn đọc yểm trợ tạp chí Văn Học bằng cách:

- Ghi danh mua báo dài hạn (phiếu mua báo ở trang cuối)
- Mua báo năm tặng cho các bạn thân yêu văn chương
- Giới thiệu tạp chí Văn Học với thân nhân, bạn bè.
- Đóng góp bài vở, ý kiến để nội dung tạp chí càng ngày càng phong phú và trang nhã hơn

Riêng bạn đọc đã là độc giả dài hạn, xin tái hạn mua báo kịp thời để bộ sưu tập Văn Học được đầy đủ. Trên nhãn gửi báo ngoài phong bì, hàng số đầu tiên sau tên độc giả là thời hạn hết hạn báo. Ví dụ: **9/1/96** có nghĩa là phiếu mua báo của quí vị hết hạn vào **ngày 1 tháng 9 năm 1996**.

• Thư từ nhận được liên quan tới việc mua báo, gia hạn, đổi địa chỉ:

EBSCO Industries Inc Al, Nguyễn Huy Thứ Las Vegas NV, Nguyễn Đình Cường Cerritos CA, Dzinh Pham Ottawa Canada, Fung Ngo Oakland CA, Giao Nguyên Modesto CA, Vũ văn Tâm Munchen Germany, Đặng Hoàng Springfield VA, Thúy Nga Munson Sunnyvale CA, Tạ Thanh Minh France, Trương Vinh Philadelphia PA, Vũ Công Định Bellevue WA, Tiến Võ Charlottesville VA, Phương Chung SEattle WA, Mr & Mrs Nguyễn Như Khuê Springfield VA, Hoàng Trọng Lan Calgary Canada, Nguyễn Ngọc Chi Tustin CA, Hai V. Nguyen Louisville KY, Thế Hệ Bookstore VA, Milpitas Community Library CA, Phạm Xuân Thảo Lakewood CA, Trương Thúy Linh Garden Grove CA, Lê Duy Linh San Jose CA, Đức Phạm Lawndale CA.

• Thư từ liên quan đến bài vở nhận được trong tháng:

Cõi khác gửi từ Ontario Canada, Xóm cũ gửi từ Dorchester MA, Phòng sau gửi từ Brunswick MD, Lời tình thánh, Nỗi nhớ Liêu trai, Kinh cầu hòa bình gửi từ Bankstown Australia, Bụi, Tạp ghi bên lề thơ, bên lề Sài gòn gửi từ Ontario Canada, Cắm trại gửi từ Seattle WA, Cởi yếm cho chàng gửi từ Burbank CA, Mén ơi gửi từ Portland OR, Thằng bù nhìn gửi từ Montréal Canada, Cửa hồ sương, Trầm Hương, Đại dương đau nặng gửi từ Dortmund Germany, Tìm vết chân xưa gửi từ Houston TX, Bức tranh thần kỳ gửi từ Beaverton OR, Từ Hải có chết đứng không?, Thế nào là truyện cực ngắn, Về thân thế ni sư Diệu Nhân, nữ thi sĩ đầu tiên của Việt Nam gửi từ Dallas TX, Hai mươi năm văn học VN Hải ngoại, Cái sợ của Võ Phiến gửi từ Melbourne Australia, Tâm sự với không gian gửi từ Westminster CA, Hai đứa gửi từ Huntington Beach CA, Chờ đê vỡ gửi từ Dortmund Germany, Lao đao nhớ, Mười năm và Bài biệt xứ gửi từ Santa Ana CA, Gặp lại gửi từ Monterey Park CA, Lòng tin, Mùa Hè của tôi đâu gửi từ Vechta Germany, Ngãi Trầm gửi từ San Jose CA, Lục bát viết từ quê nhà gửi từ Phoenix AZ, Trao đổi cùng Nguyễn Quảng Tuân gửi từ Germany, Chiều ngồi xem báo ở Long Beach gửi từ Alhambra CA, Mượn hoa cúng Phật gửi từ Santa Ana CA, Ngải, Jessica gửi từ Kirchener Canada.

Văn Học cũng đã nhận được các câu trả lời phỏng vấn và thơ văn

của một số văn hữu.

Tùy theo thứ tự thời gian nhận được hoặc tùy theo chủ đề ,Văn Học sẽ lần lượt đăng tải ý kiến và văn thơ tiêu biểu của quí vị, từ nay đến cuối năm. Trong thời gian đó, Văn Học **tiếp tục phỏng vấn** và nhận những ý kiến của các văn hữu khác, và mục ***Tác giả và Tác phẩm*** **sẽ kéo dài đến tháng 12.1996.** Hy vọng sau cuộc phỏng vấn rộng rãi này, nhà xuất bản Văn Học sẽ tổng kết và xuất bản được một bộ sách đồ sộ về toàn cảnh của Văn học Việt Nam Hải ngoại.

Văn Học trân trọng cảm tạ sự đóng góp của quí văn hữu. Mong nhận được sự cộng tác thường xuyên của quí bạn. Trừ thơ vì nhận được quá nhiều Văn Học sẽ lựa đăng dần, các tiểu luận và truyện ngắn nếu đăng được Văn Học sẽ liên lạc với quí văn hữu bằng thư hoặc điện thoại. Xin cảm tạ quí văn hữu đã kèm theo diskette để tránh lỗi chính tả ngoài ý muốn của tác giả.

Hiện nay Văn Học đang dùng nhu liệu VNU (Window), và để tránh những sai sót khi lên trang, xin quý bạn gửi kèm bản in thử với diskette.

● Đính chính:

Trên Văn Học số 124, bài "Thực và Hư trong văn chương" của Trần Hữu Thục, do sơ suất của Tòa soạn, có một đoạn bị sót khiến câu văn tối nghĩa. Xin bạn đọc bổ túc:

- trang 4, dòng 4 kể từ dưới lên, sau chữ "niệm" xin thêm: *"...hóa". Nói một cách khác, Kim Dung "nhân hóa" những khái niệm, những khuôn mẫu lý tưởng. Cái khoái trá khi đọc Kim Dung, theo tôi, là thấy những "khái niệm"* -

Xin cáo lỗi cùng anh Trần Hữu Thục và quý bạn đọc.

GIỚI THIỆU SÁCH MỚI

📖 ***Về,*** tập truyện của Hà Thúc Sinh, Văn Mới xuất bản, dày 130 trang, giá 7 Mỹ kim. Tuyển tập gồm chín truyện ngắn nhà văn Hà Thúc Sinh viết trong hai năm 1994, 1995. Qua hai tập truyện ngắn Hà Thúc Sinh cho xuất bản trong năm 1996, người đọc thấy rõ ràng một chuyển hướng về bút pháp và lối nhà văn nhìn về đời sống. Văn như trầm xuống, lắng đọng hơn. Nhiều truyện ngắn rất gần với tùy bút.

Địa chỉ liên lạc:
Nhà xuất bản Văn Mới
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles CA 90035
Phone: (310) 559-0413

📖 ***Thức, Buồn chi***, thi tập của Nguyễn Nam An, Nhân Văn xuất bản, tranh bìa và phụ bản của Khánh Trường, phụ bản nhạc của Phan Ni Tấn và Nguyễn Quyết Thắng, sách dày 250 trang, giá 14 Mỹ kim. Nguyễn Nam An là nhà

thơ đã từng góp mặt trong Tuyển tập Thi ca 75-77 do Nhà xuất bản Bố Cái xuất bản từ những ngày sơ khai của văn chương hải ngoại, và bặt dấu thật lâu, năm 1996 lại xuất hiện và cho in một lần hai thi tập: *Chim ngủ đậu cành xanh* và *Thức, Buồn chi*.

Tập thơ gồm ba phần: *Thức, Buồn chi, Quê nhà* và *Lưu lạc*. Theo nhận xét của nhiều bạn văn, phần Quê Nhà là phần hay nhất trong tập thơ.

🕮 ***Câu thơ về người***, thi tập của Phan Ni Tấn, Nhân Văn xuất bản, Tựa của Luân Hoán, Bạt của Trang Châu, Đ. Toán trình bày bìa, sách dày 130 trang in trên giấy quí, giá 10 Mỹ kim.

Nhà văn Trang Châu ghi nhận nội dung thơ Phan Ni Tấn là "thơ của những gì đã mất: quê hương, bằng hữu, kỷ niệm xưa, đời sống cũ. Do đó ý thơ ngậm ngùi, hơi thơ dằng dặc, nhạc điệu trong thơ u trầm". Điều đó đúng. Nhưng thơ Phan Ni Tấn có khác thơ những thi sĩ lưu vong khác ở chỗ cái ngậm ngùi u trầm đó lại được diễn tả bằng một thứ ngôn ngữ nói rất Nam bộ, một thí nghiệm đã thành công trong văn nhưng khó có nhà thơ nào dám dùng. Ngôn ngữ chơn chất mà nói lên được cái u trầm tinh tế, đó là thành công của Phan Ni Tấn.

Địa chỉ liên lạc:
Nhà xuất bản Nhân Văn
PO Box 53658 San Jose, CA
95153, USA

🕮 ***Hoa vạn hạt, cuối mùa***, tập truyện ngắn của Hồ Minh Dũng, Đại Nam xuất bản, bìa của Khánh Trường, phụ bản của Đinh Cường, Trình bày của Cao Xuân Huy, sách dày 360 trang, giá 14 Mỹ kim. Hồ Minh Dũng là một trong thế hệ những nhà văn trẻ Miền Trung xuất hiện rất sớm trên văn đàn, từ thời đầu thập niên 60. Truyện của anh đã đăng thường xuyên trên các tạp chí như Văn, Bách Khoa, nhưng mãi tới nay, Hồ Minh Dũng mới cho in được cuốn sách đầu tay. Bạn đọc Văn Học đã đọc nhiều truyện ngắn của anh trên tạp chí này, như "Nước Non Ngàn Dặm" rút từ trong tuyển tập. Tất cả truyện ngắn trong sách đều được viết ở hải ngoại, nhiều truyện viết theo những đề tài lịch sử.

Sách do nhà Đại Nam in và phát hành, nên có bán tại hầu hết các hiệu sách.

🕮 ***Tư tưởng Phật giáo trong Văn học thời Lý,*** tiểu luận của Nguyễn Vĩnh Thượng, Hiện Đại (Canada) xuất bản, nhà xuất bản Văn Nghệ tổng phát hành, sách dày 150 trang, giá 9 Mỹ kim, 12 Gia kim. Tác giả nguyên là giáo sư Triết học tại Sài gòn nên tập tiểu luận có giá trị đúng như lời nhận xét của Giáo sư Nguyễn Thanh Liêm:

"Tư tưởng Phật giáo trong Văn học thời Lý có thể thỏa mãn được nhiều độc giả, nhất là những độc giả trí thức, những người thích đọc để tìm hiểu, để suy tư, để biết thêm

về tư tưởng Phật giáo, về văn học Việt Nam, ở một thời đại xa xưa trong lịch sử nước nhà, và do đó quyển sách rất xứng đáng được một chỗ đứng quan trọng trong bảng liệt kê các sách tham khảo cần yếu trong các công trình biên khảo sau này".

Liên lạc nhà xuất bản Văn Nghệ,
P.O. Box 2301 Westminster
CA 92683
Phone: (714) 527-5761.

VĂN NGHỆ xuất bản
Bìa Khánh Trường. Giá 16MK. Ngoài Mỹ 18MK

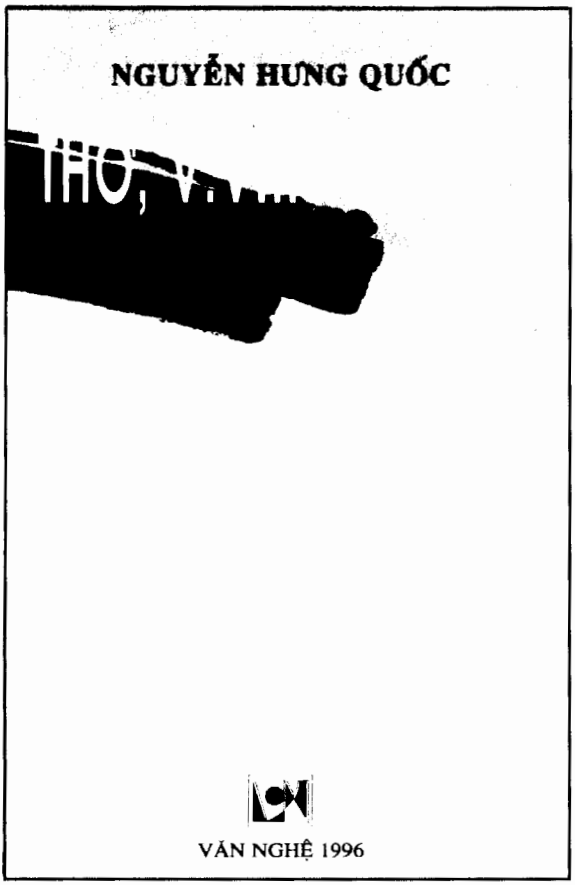

LỊCH SỬ THẾ GIỚI

Nguyễn Hiến Lê

- Bộ ***Lịch Sử Thế Giới*** được xuất bản lần đầu năm 1955 là tổng hợp chọn lọc 20 tác phẩm Sử học của các tác giả chuyên về ngành Sử như A. Bossuet, Pierre Meille, Henri Arvon, Louis Renou, Will Durany, H. G. Wells, A. Nobet, Lam Mạnh Bác, Đào Duy Anh ...
- Công trình tổng hợp này kéo dài từ thời Tiền Sử của con người cho đến Thế Chiến Thứ Hai, mô tả những biến cố lớn của nhân loại, quá trình hình thành các cuộc cách mạng chính trị, tư tưởng, tôn giáo, kỹ nghệ, kinh tế ... cũng như sự hình thành và tàn lụi của các đế quốc.
- Vì tác phẩm này mà tác giả "bị mạt sát là đầu óc đầy rác rưởi" (vì nhắc đến thuyết Darwinism) và tác phẩm bị Bộ Giáo Dục dưới thời Đệ Nhất Cộng Hòa cấm dùng để giảng dạy (vì nhắc đến sự "bê bối của vài vị Giáo Hoàng thời Trung Cổ").
- Thể theo lời yêu cầu của một số độc giả muốn có bộ Sử quý giá này, cũng như muốn sưu tập toàn bộ tác phẩm của học giả Nguyễn Hiến Lê, nhà xuất bản Văn Nghệ đã cho tái bản bộ ***Lịch Sử Thế Giới*** này. Sách dày 775 trang, giá 25 Mỹ kim, có bán tại các hiệu sách hoặc có thể liên lạc thẳng với nhà xuất bản Văn Nghệ để mua trực tiếp.

VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

Sau **VIẾT CHO MẸ VÀ QUỐC HỘI**
của **NGUYỄN VĂN TRẤN**
Nhà Xuất Bản **VĂN NGHỆ** mời bạn đọc

TỬ TÙ TỰ XỬ LÝ

Hồi ký của TRẦN THƯ

Năm 1967, là một Thiếu Tá QĐND, TRẦN THƯ ở trong số hàng trăm người bị phe Lê Duẩn - Lê Đức Thọ bắt giam, tù đày trong vụ **Xét lại - Chống đảng** cùng với **Hoàng Minh Chính, Đặng Kim Giang.**
Phần Phụ Lục gồm nhiều văn thư, tài liệu do chính các nhân vật liên hệ trong vụ án và gia đình họ cung cấp. Đọc **Tử Tù Tự Xử Lý** để biết rõ chính sách tàn bạo kinh khiếp của các lãnh tụ Cộng Sản đối xử với chính các đồng chí của họ.
Sách dày 340 trang.
Giá 15 MK, ngoài Hoa Kỳ thêm 2 MK.

Nhà Xuất Bản VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster CA 92683
Tel. (714) 527-5761

"...Nói đúng ra thì bây giờ tôi cũng chẳng chống đảng. Tôi chỉ chán đảng thôi, chán phè."
"...Con X bảo em, nó định giới thiệu em vào đảng. Em bảo nó: - Xin lỗi chị, khi vào đảng béo bở, các chị chẳng nhớ đến em. Bây giờ người ta sắp lôi đảng viên ra hỏi tội, các chị mới bảo em vào, em chả dám."

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____
Địa chỉ _____Apt.____
Thành phố_____Tiểu Bang_____Zip_____ _____
Quốc gia_____
Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong
thời hạn_____năm,
từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

Người giới thiệu_____
Địa chỉ_____Apt.____
Thành phố_____Tiểu bang_____Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ
Hạng tư (Fourth Class)
Một năm .....US$42.00
Hạng nhất (First Class)
Một năm.....US$50.00

CANADA
Đường bộ (Surface)
Một Năm.....US$46.00
Máy Bay (Air Mail)
Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU
Đường thủy (Surface)
Một năm .....US$56.00
Máy bay (Air Mail)
Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY
US/ First Class/1 yr.....US$50.00
Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ, xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

Nhà xuất bản
VĂN NGHỆ
P.O. Box 2301
Westminster, CA 92683 - USA
Phone: (714) 527-5761

Sách Mới 1996

- ***Viết Cho Mẹ và Quốc Hội*** — *20MK*
  Hồi ký chính trị của Nguyễn Văn Trấn
  Đã tái bản
- ***Thư Gửi Bạn Ta, tập I*** — *16MK*
  Bùi Bảo Trúc, *đã tái bản*
- ***Thư Gửi Bạn Ta, tập II*** — *16MK*
  Bùi Bảo Trúc
- ***Lý Luận và Phê Bình*** — *27MK*
  Hai mươi năm văn học Việt ngoài nước (75-95)
  Bùi Vĩnh Phúc
- ***Cấu Trúc Thơ*** — *13MK*
  Thụy Khuê
- ***Lịch Sử Thế Giới*** — *25MK*
  Nguyễn Hiến Lê — Thiên Giang
- ***Về Vùng Chiến Tuyến*** — *15MK*
  Hồi ký Lê Xuân Nhuận
- ***Thơ V.V... và V.V...*** — *16MK*
  Nguyễn Hưng Quốc

Sách Phát Hành

- ***Lòng Tin Âu Mỹ Đấy!*** — *16MK*
  Trần Quý
- ***Việt Nam Văn Học Sử*** — *28MK*
  Đỗ Văn Gia
- ***Bước Mở Đầu Của Sự Thiết Lập Hệ Thống Thuộc Địa Pháp ở Việt Nam*** — *20MK*
  Nguyễn Xuân Thọ
- ***Marie Sến*** — *10MK*
  Phạm Thị Hoài

Liên lạc Văn Nghệ để nhận thư mục đầy đủ,
với 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản.

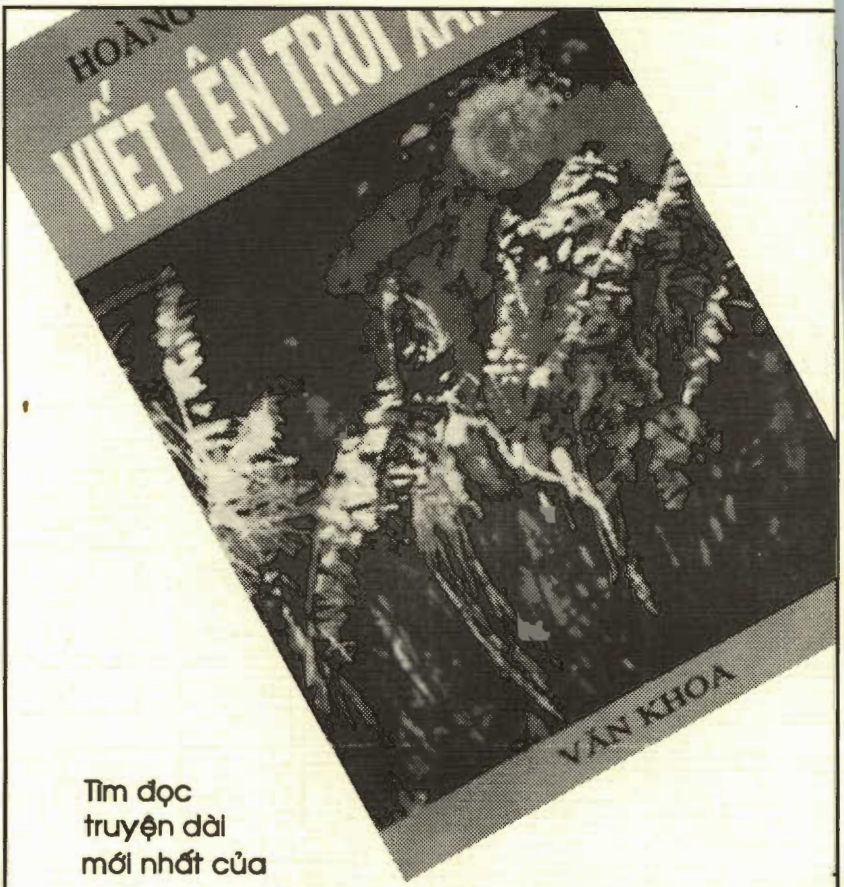

Tìm đọc
truyện dài
mới nhất của

HOÀNG KHỞI PHONG

VIẾT LÊN TRỜI XANH

Ngọn lửa chiến tranh mặc dù đã tàn trên 20 năm nhưng ngọn lửa âm ỉ trong lòng mỗi người thì chưa dịu xuống. Tác giả ao ước được thấy ngay từ lúc khởi đầu của thế kỷ mới, chiến tranh sẽ không còn ngự trị trên giải đất thân yêu

Nhà Xuất Bản Văn Khoa
9200 Bolsa Avenue, Suite 123, Westminster, CA 92683
hoặc P.O. Box 2283 * Phone & Fax: (714) 892-0801

Giá:$4.00